HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 743/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 10 tháng 9 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch vốn cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh Hưng Yên sau sắp xếp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI MỐT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại Hội nghị lần thứ 43 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Xét Báo cáo số 34/BC-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch vốn cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh Hưng Yên sau hợp nhất; Báo cáo thẩm tra số 149/BC-KTNS ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch vốn cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh Hưng Yên sau sắp xếp với các nội dung như sau:

1. Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của cấp huyện điều chỉnh vào cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh Hưng Yên sau sắp xếp quản lý là 53.892.051 triệu đồng; gồm:

- Điều chỉnh vào cấp tỉnh: 38.035.071 triệu đồng;

- Điều chỉnh vào cấp xã: 15.856.980 triệu đồng.

Cụ thể:

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên trước sắp xếp: 37.393.906 triệu đồng, điều chỉnh vào cấp tỉnh quản lý;

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của cấp huyện thuộc tỉnh Thái Bình trước sắp xếp: 16.498.145 triệu đồng, trong đó:

+ Điều chỉnh vào cấp tỉnh: 641.165 triệu đồng;

+ Điều chỉnh vào cấp xã: 15.856.980 triệu đồng.

2. Tổng kế hoạch vốn năm 2025 của cấp huyện điều chỉnh vào cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh Hưng Yên sau sắp xếp quản lý là 15.606.726 triệu đồng, gồm:

- Điều chỉnh vào cấp tỉnh: 11.274.542 triệu đồng.

- Điều chỉnh vào cấp xã: 4.332.184 triệu đồng.

Cụ thể:

- Kế hoạch vốn năm 2025 của cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên trước sắp xếp: 10.791.020 triệu đồng, điều chỉnh vào cấp tỉnh quản lý;

- Kế hoạch vốn năm 2025 của cấp huyện thuộc tỉnh Thái Bình trước sắp xếp: 4.815.706 triệu đồng, trong đó:

+ Điều chỉnh vào cấp tỉnh: 483.522 triệu đồng.

+ Điều chỉnh vào cấp xã: 4.332.184 triệu đồng.

(Chi tiết theo các Phụ lục gửi kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn trên nguyên tắc kế hoạch vốn thuộc cấp nào quản lý thì cấp đó phải cân đối nguồn vốn để giải ngân; rà soát, thực hiện dự án đảm bảo theo tiến độ kế hoạch vốn phân bổ, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

c) Trong quá trình thực tiễn triển khai, trường hợp phát sinh các nội dung cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị tại Điều 1; giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung nhưng không được làm tăng tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất trong năm 2025 (nếu có).

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII, Kỳ họp thứ Ba mươi mốt nhất trí thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV[M].

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 12/09/2025 16:09:32

Trần Quốc Văn

PHỤ LỤC SỐ 01

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA THÀNH PHỐ HƯNG YÊN (TRƯỚC SẮP XẾP) ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
					Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
	TỔNG SỐ			**7.387.908**	**2.135.095**	**41.798**	**513.683**	**100.173**	**1.273.947**	**-**	**205.495**	**90.000**	**276.608**	**40.297**	**1.080.000**	**-**	**131.115**	**4.370.805**	**148.302**	**270.281**	**4.695**	**3.495.138**	**30.000**	**422.389**		
A	**DỰ ÁN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO CẤP HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**																									
I	**NGÀNH, LĨNH VỰC...**																									
a	**Dự án hoàn thành**																									
1	Xây dựng trạm bơm tưới, tiêu không ống cột nước thấp trạm bơm Bảo Khê, xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên	Công ty KTCTTL tỉnh	3065/QĐ-UBND, ngày 19/7/2017	184	184				184																	
2	Cải tạo trạm bơm An Vũ, thành phố Hưng Yên	Công ty KTCTTL tỉnh	2667/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.000	1.000				1.000																	
3	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Tân Hưng, thành phố Hưng Yên (Kênh hút, kênh xả)	Ban QLDA Sở NN&PTNT	1171/QĐ-UBND ngày 17/5/2018	4.350	4.350				4.350																	
4	Làm bờ kênh xả tiêu trạm bơm Bảo Khê, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA Sở NN&PTNT	1882/QĐ-UBND ngày 26/8/2019	6.540	1.740				1.740,00						4.800											
5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường Chùa Chuông, Bãi Sậy , thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	1063/QĐ-UBND ngày 23/4/2020	12.776	12.336		9.000	1.000	2.336									440				440				
6	Cải tạo, nâng cấp đường Nhân Dục, phường Hiến Nam, TPHY	UBND TP	1078/QĐ-UBND, ngày 9/6/2016	2.200	-										1.100			1.100				1.100				
7	Xây dựng bến cảng đón khách trên sông Hồng	UBND TP	2038/QĐ-UBND ngày 14/7/2014	4.000	-										2.900			1.100				1.100				
8	Đường đến trạ An Vũ (Chu Mạnh Trinh 24m)	UBND TP	3271/QĐ-UBND ngày 21/12/2011	41	-													41				41				
9	Đường Chu Mạnh Trinh 34m	UBND TP	866/QĐ-UBND, ngày 09/5/2007	356	-													356				356				
10	Đường Hải Thượng Lãn Ông (giai đoạn 2)	UBND TP	263/QĐ-UBND ngày 24/01/2003	529	-													529				529				
11	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Đình Nghị	UBND TP	2674/QĐ-UB ngày 02/11/2004	20	-													20				20				
12	Đào đắp, thoát nước hồ điều hòa An Vũ 2	UBND TP	545/QĐ-UB ngày 03/4/2000	126	-													126				126				
13	Xây dựng bể bơi thành phố	UBND TP	474/QĐ-UB ngày 05/3/2004	1.003	-													1.003				1.003				
14	Hạ tầng kỹ thuật công viên An Vũ 1. Hạng mục: Trồng cây xanh công viên An Vũ 1	UBND TP	2195/QĐ-UB ngày 10/9/2004	55	-													55				55				
15	Khu tái định cư bắc bến xe: Thoát nước	UBND TP	2839/QĐ-UB ngày 25/10/2005	109	7				7									101,5				102				

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao									
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*									
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
16	Đường trục xã Hùng Cường (đoạn từ nhà ông Hoàng, thôn Phượng Hoàng đến nhà bà Thắm, thôn Cao Xá)	UBND TP	2473/QĐ-UBND ngày 08/9/2017	3.000	2.832				2.832									168				168				
17	Đường trục liên xã Hùng cường - Phú Cường (đoạn từ ông Cự xã Hùng Cường đến nhà ông Mạnh xã Phú Cường)	Ban QLDA	2505/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14.610	14.610		9.500	1.372	3.737									0								
18	GPMB QL39 (từ cổng chào đến dốc Suối) và nhánh phụ phân tải QL39 (từ dốc Suối đến ngã 3 Đình Điền). Hạng mục: GPMB; di chuyển điện sinh hoạt, chiếu sáng, cao thế; San lấp và làm đường vào trạm bơm Bảo Khê, xây dựng khu TĐC cho các hộ dân xã Bảo Khê	UBND TP	627/QĐ-UBND ngày 24/3/2010	2.965	-													2.964,5				2.964,5				
19	Đường Sơn Nam (PBH - ĐSH). Hạng mục: GPMB và di chuyển điện	UBND TP	1540/QĐ-UBND ngày 12/9/2011	150	-													150				150				
20	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Quảng Châu (đoạn từ đường Dương Hữu Miên đến đền Trần Mã Châu)	UBND TP	2247/QĐ-UBND ngày 09/8/2017	919	919				919									0								
21	Cải tạo, nâng cấp ĐH.72, địa phận thành phố Hưng Yên (đoạn từ giáp đình Lê Như Hổ đến ngã ba Cu Tuế)	UBND TP	1275/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	13.231	13.000		9.000	1.000	3.000							231		0				0				
22	GPMB xây dựng cầu Hưng Hà và đường dẫn hai đầu cầu	UBND TP	3748/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	19.000	-													19.000				19.000				
23	GPMB đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	UBND TP	1075/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	3.000	-													3.000				3.000				
24	Dự án Phát triển toàn diện kinh tế xã hội các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - Hợp phần dự án tại thành phố Hưng Yên	UBND TP	2381/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	205.100	56.798	41.798	15.000											148.302	148.302							
25	Đường trục liên xã Hoàng Hanh- Hồng Nam - Tân Hưng	UBND TP	2303/QĐ-UBND, ngày 25/10/2016	4.000	3.476				3.476							307		217				217				
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																									
1	Cải tạo, nâng cấp đường Triệu Quang Phục	UBND TP	2349/QĐ-UBND, ngày 27/10/2016	30.743	21.014			6.346	14.669									9.729			142	9.588				
2	Đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến Khu nhà ở thương mại Phúc Hưng)	Ban QLDA	2756/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	27.000	21.236		18.900		2.336							2.943		2.821				2.821				
3	Nhà lớp học 3 tầng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Hoàng Lê, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	1025/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	14.500	8.979		7.979		1.000							2.800		2.721		2.021		700				
4	Đường giao thông An Tảo - Trung Nghĩa (đoạn từ sông Điện Biên đến sông Tân An)	Ban QLDA	985/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	89.379	10.700		10.700						51.865			2.000		24.814		0		24.814				
5	Đường giao thông xã Trung Nghĩa (Đoạn từ sông Đồng lỗ đến khu dân cư mới xã Trung Nghĩa)	Ban QLDA	2378/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	77.835	23.755		23.755						30.729			2.000		21.351		0		21.351				
6	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	2210/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	30.000	1.369		1.369						19.631			3.000		6.000		0		6.000				

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
7	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục trung tâm phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	UBND TP	2608/QĐ-UBND ngày 29/7/2017	35.000	13.484		2.975	3.719	6.790						3.997			17.519				17.519				
8	Đường trục trung tâm xã Bảo Khê giai đoạn II (đoạn từ ngã tư trường THCS Bảo Khê đến điểm giao với đường vào nhà máy xử lý nước thải HY1)	UBND TP	2406/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	21.098	14.806		10.806		4.000									6.291		694		5.598				
9	GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng	UBND TP	891/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	62.247	34.364		34.364						4.383		23.500			0								
10	Đường giao thông liên xã Phú Cường - Hùng Cường (đoạn từ thôn Tân Mỹ 2, xã Phú Cường đến đê bối xã Hùng Cường)	Ban QLDA	2591/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	110.340	82.600		65.100		17.500						17.400			10.340				10.340				
	TRÊN HAI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH																									
1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch quần thể di tích Phố Hiến; Hạng mục: Đường giao thông và kè hồ	UBND TP	2155/QĐ-UBND ngày 16/9/2020	6.691	0										700			5.991				5.991				
2	Đường giao thông liên xã Hồng Nam - Liên Phương - Phương Chiểu (đoạn từ đường Lê Đình Kiên đến đường nối hai đường cao tốc)	Ban QLDA	2589/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	116.000	82.200		81.200		1.000						2.349			31.451				31.451				
3	Cải tạo, nâng cấp đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ đường Chùa Diều đến hết địa phận thành phố Hưng Yên)	Ban QLDA	900/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	142.403	95.100		93.100		2.000						19.900			27.403				27.403				
4	Xây dựng đường Chùa Chuông kéo dài	Ban QLDA	1888/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	284.000	46.000		46.000						100.000					138.000		138.000						
5	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường phố nội thị thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	2699/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	357.000	54.000		54.000						70.000		1.000			232.000		126.000		106.000				
6	Tu bổ, tôn tạo quần thể di tích lịch sử và kiến trúc quốc gia đặc biệt Phố Hiến	Ban QLDA	2718/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	120.000	-							90.000						30.000					30.000			
B	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**																									
a	**Dự án hoàn thành**																									
1	Xây dựng trường THCS Nguyễn Quốc Ân	Phòng QLĐT	1192/QĐ-UBND ngày 24/5/2019	14.871	14.871			8.218	6.653									0				0			UBND Phường Phố Hiến	
2	Cải tạo, nâng cấp trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố	Trung tâm BDCT TP	2551/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	4.135	4.135			1.000	3.135									0			0	0			UBND Phường Phố Hiến	
4	Cải tạo tu sửa cống ông Cối trên sông Đồng Lỗ - Tính Linh, xã Trung Nghĩa	Xí nghiệp KTCT TL	35/NQ-HĐND ngày 28/10/2020	195	195				195									0				0			UBND Phường Phố Hiến	Đã hoàn thành hết vốn thành phố
5	Tu sửa, cải tạo nâng cấp và xây dựng tuyến kênh dẫn kết nối trạm bơm Cửa gàn - trạm bơm An Vũ	Xí nghiệp KTCT TL	36/NQ-HĐND ngày 28/10/2020	1.350	1.350				1.350									0				0			UBND Phường Phố Hiến	Đã hoàn thành hết vốn thành phố
6	Sân vườn trụ sở HĐND-UBND thành phố (giai đoạn 2);	Văn phòng HĐND-UBND	2635/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	2.918	2.918				2.918									0				0			UBND Phường Phố Hiến	Đã hoàn thành hết vốn thành phố

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
7	Trụ sở làm việc thành ủy, UBMTTQ và các đoàn thể thành phố	Văn phòng Thành ủy	979/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh	3.025	3.025				3.025									0				0			UBND Phường Phố Hiến	Đã hoàn thành hết vốn thành phố
8	Nhà làm việc trụ sở HĐND-UBND thành phố (giai đoạn 2)	Văn phòng HĐND - UBND	3339/QĐ-UBND ngày 23/8/2017	623	623				623									0				0			UBND Phường Phố Hiến	Đã hoàn thành hết vốn thành phố
9	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Chùa Diều	Công ty Môi trường	7851/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	497	497				497									0				0			UBND Phường Phố Hiến	Đã hoàn thành hết vốn thành phố
10	Nhà làm việc trụ sở HĐND-UBND thành phố (giai đoạn 2); Hạng mục: Trang thiết bị nội thất	Văn phòng HĐND-UBND	3551/QĐ-UBND ngày21/9/2017	377	377				377									0				0			UBND Phường Phố Hiến	Đã hoàn thành hết vốn thành phố
11	Lắp đặt đèn trang trí cảnh quan công viên Hồ Bán Nguyệt phục vụ các hoạt động kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/2/1930-03/02/2020) và chào mừng Đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng	Công ty TNHH một thành viên Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên	2307/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	4.391	4.375				4.375						15			0				0			UBND Phường Phố Hiến	
12	Cải tạo, sửa chữa, thay thế các cột đèn chiếu pha 11-30m và chiếu sáng kiến trúc trên địa bàn thành phố Hưng Yên	Công ty TNHH một thành viên Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên	2308/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	3.176	2.792				2.792						384			0				0			UBND Phường Phố Hiến	
13	Cải tạo hệ thống thoát nước khu phố Tân Thị, phường Minh Khai.	Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên	1926/QĐ-UBND ngày 23/8/2018	461	461				461									0				0			UBND Phường Phố Hiến	
14	Cải tạo, sửa chữa nghĩa trang Minh Khai	Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên	1817/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	1.202	1.195				1.195						7			0				0			UBND Phường Phố Hiến	
15	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp bãi tập lái xe (phía sau trường THPT Quang Trung và trường Văn hóa nghệ thuật)	Hạt giao thông		5.888	5.888				5.888									0				0			UBND Phường Phố Hiến	
16	Cải tạo, nâng cấp Đường giao thông xã Hùng Cường (Đoạn 1: Từ nhà ông Hoàng thôn Phượng Hoàng đến đê bối; Đoạn 2: Từ nhà ông Hiển đến nhà ông Quyền thôn Phượng Hoàng)	Hạt Giao thông thành phố	3518/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	14.680	14.680				14.680									0				0			Phường Sơn Nam	
17	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ đường Chùa Chuông - Chu Mạnh Trinh	Hạt Giao thông thành phố	2898/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	2.502	1.889				1.889						612			0				0			UBND Phường Phố Hiến	
18	Kiên cố hóa kênh dẫn trạm bơm An Vũ đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Tô Hiệu	Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố Hưng Yên	1787/QĐ-UBND, ngày 23/6/2021	2.716	2.716				2.716									0				0			UBND Phường Phố Hiến	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
19	Nạo vét sông Điện Biên đoạn từ trạm bơm An Vũ đến cầu Xóm Đông	Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố Hưng Yên	2682/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	567	567				567									0				0			UBND Phường Phố Hiến	
20	Kiên cố hóa tuyến kênh ông Điền - Trạm bơm Hồng Nam	Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố Hưng Yên	2087/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	3.954	3.954				3.954									0				0			UBND xã Tân Hưng	
21	Cải tạo, nâng cấp sông Tân An	Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố Hưng Yên	3389/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	10.845	10.845				10.845									0				0			UBND Phường Phố Hiến	
22	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Trần Hưng Đạo và triền đê Bảo Khê	Phòng Kinh tế thành phố	3526/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	4.749	4.749				4.749									3.374				3.374			Phường Sơn Nam	Dự án hoàn thành hết nợ
23	Xây dựng, lắp đặt máy tập tại các công viên khu vực trung tâm	Phòng Quản lý đô thị thành phố	3779/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	7.000	7.000				7.000									0				0			UBND Phường Phố Hiến	Dự án hoàn thành hết nợ
24	Cải tạo sửa chữa một số hạng mục trụ sở HĐND-UBND thành phố Hưng Yên	Văn phòng HĐND-UBND thành phố	3672/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	2.172	2.172				2.172									0				0			UBND phường Phố Hiến	Dự án hoàn thành hết nợ
25	Xây dựng nhà khách, nhà ăn trụ sở Thành ủy, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố Hưng Yên	Cơ quan thành ủy Hưng Yên	1737/QĐ-UBND ngày 9/9/2022	13.398	13.398				13.398									102				102			UBND Phường Phố Hiến	Dự án hoàn thành hết nợ
26	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Thành ủy, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thành phố Hưng Yên (hạng mục: Cải tạo một số phòng làm việc; Cải tạo phòng khách; Sơn lại trụ sở)	Cơ quan thành ủy Hưng Yên	3002/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	6.825	6.500				6.500						325			602				602			UBND Phường Phố Hiến	Dự án hoàn thành hết nợ
27	Cải tạo hội trường, khu vệ sinh và chống thấm mái nhà 4 tầng trụ sở HĐND-UBND thành phố Hưng Yên	Văn phòng HĐND-UBND thành phố	2911/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	4.420	4.000				4.000						420			0				0			UBND Phường Phố Hiến	Dự án hoàn thành hết nợ
28	Nhà đa năng Ban chỉ huy quân sự thành phố	Ban chỉ huy Quân sự thành phố	3304/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	1.966	1.966				1.966									34				34			UBND Phường Phố Hiến	Dự án hoàn thành hết nợ
29	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Trung Nghĩa thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Phòng Quản lý đô thị thành phố	1523//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	1.997	1.688				1.688						309			0				0			UBND Phường Phố Hiến	
30	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Liên Phương thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Phòng Quản lý đô thị thành phố	1521//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.271	1.915				1.915						356			0				0			UBND Phường Phố Hiến	
31	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Phòng Quản lý đô thị thành phố	1520//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.144	1.775				1.775						369			0				0			Phường Sơn Nam	
32	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Phương Chiểu (đoạn từ dốc Vị đến chợ Vị cũ)	Hạt Giao thông thành phố	3530/QĐ-UBND ngày 03/12/2020		11.638				11.638									0				0			UBND xã Tân Hưng	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao									
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*									
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
33	Xây dựng đường phía Tây đài phát thanh truyền hình tỉnh giai đoạn II (Hạng mục: Bê tông nhựa mặt đường và rãnh thoát nước)	UBND TP	2271/QĐ-UBND ngày 28/10/2010	843	843				843									0				0			UBND Phường Phố Hiến	
34	Đường phía tây Đài truyền hình GĐ1	UBND TP	1222/QĐ-UB ngày 03/7/2003	191	134				134									57				57			UBND Phường Phố Hiến	
35	Cải tạo, nâng cấp đường cạnh nhà máy mút xốp và đường khu dân cư phường An Tảo (Hạng mục: Nền mặt đường và GPMB)	UBND TP	1074/QĐ-UBND ngày 08/5/2012	4.500	4.220			1.000	3.220									280				280			UBND Phường Phố Hiến	
36	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường dạo trong công viên Nam Hòa	Ban QLDA	2768/QĐ-UBND ngày 21/6/2017	172	172				172									0							UBND Phường Phố Hiến	
37	Cải tạo hệ thống chiếu sáng tuyến đường Lê Văn Lương (QL.38B), xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	2876/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	3.910	3.759				3.759									151				151			UBND Phường Phố Hiến	
38	Xây dựng hệ thống thoát nước đường cạnh nhà máy mút xốp và khu dân cư phường An Tảo	UBND TP	1158/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	1.550	1.534				1.534									16				16			UBND Phường Phố Hiến	
39	Cải tạo, sửa chữa công viên Hồ Bán Nguyệt (hạng mục còn lại)	Ban QLDA	2119/QĐ-UBND ngày 13/9/2018	2.300	1.316				1.316									984				984			UBND Phường Phố Hiến	
40	Xây dựng Chợ Phố Hiến	UBND TP	681/QĐ-UBND, ngày 05/4/2007	252	220				220									32				32			UBND Phường Phố Hiến	
41	Đường Chùa Diều giai đoạn II (đoạn từ Nguyễn Văn Linh đến sông Điện Biên)	Ban QLDA	2652/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	6.000	5.733				5.733									267				267			UBND Phường Phố Hiến	
42	Nhà lớp học trường M ầm non, tiểu học, THCS xã Trung Nghĩa	UBND TP	3604/QĐ-UBND ngày 30/9/2008	800	720				720									80				80			UBND Phường Phố Hiến	
43	Cải tạo vỉa hè xung quanh trụ sở tỉnh ủy và UBND tỉnh Hưng Yên	Ban QLDA	2398/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	11.694	8.671				8.671						158			2.865				2.865			UBND Phường Phố Hiến	
44	Đường đê bao thị xã và đường Phạm Ngũ Lão nối dài	UBND TP	2371/QĐ-UBND ngày 05/12/2007	45	44				44									0				0			UBND Phường Phố Hiến	
45	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Du	Ban QLDA	2397/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.300	3.000				3.000						404			896				896			UBND Phường Phố Hiến	
46	Cải tạo hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tuyến đường Chùa Chuông, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	2736/QĐ-UBND ngày 14/8/2024	4.900	3.500				3.500						820			580				580			UBND Phường Phố Hiến	
47	San nền gói 1A khu dân cư bắc Tô Hiệu	UBND TP	3989/QĐ-UBND ngày 24/10/2005	250	0													250				250			UBND Phường Phố Hiến	
48	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB đường trục phía bắc khu đại học Phố Hiến	Ban QLDA	2402/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.735	3.576				3.576									159				159			UBND Phường Phố Hiến	
49	Cải tạo, nâng cấp đường phía tây sông Điện Biên (đoạn từ cầu An Tảo đến đường Chùa Diều)	Ban QLDA	3540/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	6.726	5.981				5.981									745				745			UBND Phường Phố Hiến	
50	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Trưng Trắc, Trưng Nhị, Nguyễn Thiện Thuật, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	3542/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	7.743	7.578				7.578									165				165			UBND Phường Phố Hiến	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
51	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Bạch Đằng, Phan Đình Phùng, Tân Nhân, 266, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	3549/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	6.860	6.581				6.581									279				279			UBND Phường Phố Hiến	
52	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, vỉa hè, điện sinh hoạt các tuyến đường xung quanh đài tưởng niệm liệt sỹ tỉnh Hưng Yên	Ban QLDA	3660/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	16.139	13.800				13.800						650			1.689				1.689			UBND Phường Phố Hiến	
53	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ Vòng xuyến Ngân hàng Công Thương đến ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật	Ban QLDA	3661/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	18.230	14.863				14.863						176			3.191				3.191			UBND Phường Phố Hiến	
54	Cải tạo khuôn viên nhà lưu niệm Bác Hồ	Ban QLDA	3553/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	4.279	3.979			0	3.979									301				301			UBND Phường Phố Hiến	
55	Khu vui chơi giải trí công viên Nam Hòa	Ban QLDA	1728/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	17.833	15.590			2.000	13.590									2.243				2.243			UBND Phường Phố Hiến	
56	Cải tạo vòng xuyến ngân hàng Công Thương	Ban QLDA	1705/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	5.097	6.049			0	6.049									-951				-951			UBND Phường Phố Hiến	
57	Cải tạo vòng xuyến chợ Gạo	Ban QLDA	1704/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	6.216	5.265			0	5.265									951				951			UBND Phường Phố Hiến	
58	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường: Nguyễn Thiện Thuật, Trưng Trắc, Phan Đình Phùng, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	3771/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	11.275	10.543				10.543						296			435				435			UBND Phường Phố Hiến	
59	Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập và sân vận động)	Ban QLDA	3778/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	46.645	17.057			9.000	8.057						730			28.858				28.858			UBND Phường Phố Hiến	
60	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Đoàn Thị Điểm, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Lê Lai, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	3773/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	21.940	18.500			5.000	13.500						1.890			1.550			1.000	550			UBND Phường Phố Hiến	
61	Cải tạo một số hạng mục công viên Nam Hòa	Ban QLDA	3772/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	24.523	19.500			0	19.500						3.500			1.523				1.523			UBND Phường Phố Hiến	
62	Xây dựng trường THCS Minh Khai, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	2920/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	35.000	19.500				19.500					6.000	8.469			1.031				1.031			UBND Phường Phố	
63	Trường mầm non Lê Hồng Phong, phường Minh Khai	Ban QLDA	2921/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	10.000	7.000				7.000						1.890			1.110				1.110			UBND Phường Phố Hiến	
64	Cải tạo đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ tỉnh Hưng Yên	Ban QLDA	2928/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	13.000	10.200				10.200						1.763			1.037				1.037			UBND Phường Phố Hiến	
65	Tu bổ, chỉnh trang một số hạng mục tại khuôn viên Tượng đài Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh	Ban QLDA	2062/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	3.000	2.000				2.000						987			13,00				13,0			UBND Phường Phố Hiến	
66	Cải tạo, sửa chữa trụ sở công an thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	01/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	7.000	-				0						244			6.755,54				6.755,5			UBND Phường Phố Hiến	
67	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu TĐC phục vụ công tác GPMB QL 38B địa phận xã Trung Nghĩa	Ban QLDA	2386/QĐ-UBND ngày 30/12/2011		-										266										UBND Phường Phố Hiến	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao										
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*										
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
68	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật KDC mới phường Hiến Nam để đ ấu giá QSDĐ (Vị trí số 1: Giáp trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân tỉnh ; Vị trí số 2: Giáp trụ sở hạt giao thông và đội trật tự đô thị TP)	Ban QLDA	2552/QĐ-UBND ngày 10/9/2020		277				277																UBND Phường Phố Hiến	
69	Xây dựng HTKT khu dân cư lùi tây Chợ Gạo giai đoạn 2	UBND TP	3907/QĐ-UBND ngày 09/11/2017		-										445										UBND Phường Phố Hiến	
70	Điện sinh hoạt khu TĐC nam Hải Thượng Lãn Ông	UBND TP	199/QĐ-UBND, ngày 15/02/2015		-										270										UBND Phường Phố Hiến	
71	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu phố Bùi Thị Xuân, Mạc Thị Bưởi, phường Hiến Nam	Ban QLDA	1302/QĐ-UBND ngày 18/5/2016		41				41																UBND Phường Phố Hiến	
72	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phía tây chợ gạo, phường An Tảo	UBND TP	47/QĐ-UBND ngày 22/01/2016												362										UBND Phường Phố Hiến	
73	Xây dựng HTKT khu TĐC số 1 phía bắc đường Tô Hiệu	UBND TP																							UBND Phường Phố Hiến	
74	Xây dựng khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Tinh Linh, xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	644/QĐ-UBND ngày 13/5/2020	41.936	34.924				34.924						1.076			5.936				5.936			UBND Phường Phố Hiến	
75	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Bắc Tô Hiệu - Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp mặt các tuyến đường trong khu dân cư	Ban QLDA	3551/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	5.550	5.518				5.518									32				32			UBND Phường Phố Hiến	
76	Xây dựng KDC mới phường Minh khai (Khu đất hạt 2 quốc lộ 38 (bến phà Yên Lệnh cũ))	Ban QLDA	3685/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.238	993				993						92			154				154			UBND Phường Phố Hiến	
77	Cải tạo, nâng cấp đường thôn Cao, xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên	UBND TP	3860/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	319	318				318									0				0			UBND phường Sơn Nam	
78	Trường mầm non xã Phú Cường	UBND TP	3800/QĐ-UBND, 27/10/2017	1.823	1.823			1.000	823									0							UBND phường Sơn Nam	
79	Trường mầm non xã Bảo Khê	UBND TP	3799/QĐ-UBND, 27/10/2017	2.370	2.370			1.000	1.370									0							UBND phường Sơn Nam	
80	Xây dựng đường quy hoạch thuộc khu đô thị phía bắc đường Đinh Điền, phường Lam Sơn	UBND TP	1300/QĐ-UBND ngày 14/6/2013	2.325	2.325				2.325									0							UBND phường Sơn Nam	
81	Đường trục xã Hùng Cường - Lam Sơn (từ ông Thinh phường Lam Sơn đến ĐH.378)	Ban QLDA	3087/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	1.918	1.918			0	1.918									0							UBND phường Sơn Nam	
82	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành; hạng mục: Nhà lớp học	Ban QLDA	1265/QĐ-UBND, 03/6/2019	9.855	9.855			2.500	7.355									0							UBND phường Sơn Nam	
83	Di chuyển tuyến đường dây hạ thế phục vụ GPMB, thi công đường GTNT thôn Xích Đằng, phường Lam Sơn (từ Đình Cả đến đường Phạm Bạch Hổ)	UBND TP	3439/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	370	370				370									0							UBND phường Sơn Nam	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													*Trong đó*								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao														
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
84	Di chuyển tuyến đường dây hạ thế phục vụ GPMB, thi công xây dựng đường GTNT thôn Cao Xá, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên (từ đường Tô Ngọc Vân đến nhánh phân phụ tải)	UBND TP	1406/QĐ-UBND ngày 25/6/2013	232	232				232									0							UBND phường Sơn Nam	
85	Cải tạo, nạo vét tuyến kênh dẫn trên địa bàn xã Phú Cường	Ban QLDA	3344/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	786	786				786									0							Xí nghiệp KTCTTL TP Hưng Yên	
86	Cải tạo, nâng cấp đường trục trung tâm xã Bảo Khê	UBND TP	3270/QĐ-UBND ngày 21/12/2011	300	-										300			0							UBND phường Sơn Nam	
87	Khu tái định cư phục vụ GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	2616/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	9.347	7.500				7.500						1.838			9				9			UBND phường Sơn Nam	
88	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ đường Mai Hắc Đế đến đường Trần Nguyên Hãn)	Ban QLDA	3550/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	14.994	12.000				12.000						1.325			1.669				1.669			UBND phường Sơn Nam	
89	Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Hùng Cường đến đường trục xã Hùng	Ban QLDA	3770/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	5.620	4.503				4.503						11			1.106				1.106			UBND phường Sơn	
90	Nhà đa năng trường THCS Nguyễn Tất Thành thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	2464/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	6.853	6.688				6.688									165				165			UBND phường Sơn Nam	
91	Trường mầm non xã Quảng Châu	UBND TP	565/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	788	788				788									0							UBND phường Hồng Châu	
92	Khu TĐC phục vụ GPMB xây dựng cầu Hưng Hà xã Hoàng Hanh	UBND TP	727/QĐ-UBND ngày 26/5/2020	300	182				182						21			97				97			UBND phường Hồng Châu	
93	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông xã Quảng Châu (đoạn Từ ngã 5 đường Dương Hữu Miên giáp nhà ông Tâm thôn 3 đến nhà ông Mai thôn 5 giáp xã Hoàng Hanh)	Ban QLDA	3664/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	24.566	18.261				18.261						74			6.231				6.231			UBND phường Hồng Châu	
94	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học, nhà hiệu bộ, sân chơi, các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học và THCS Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	3552/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	13.651	13.035				13.035									616				616			UBND phường Hồng Châu	
95	Xây dựng 04 phòng học và các phòng chức năng trường tiểu học và THCS Hoàng Hanh	Ban QLDA	2922/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	10.009	6.000				6.000						2.456			1.553				1.553			UBND phường Hồng Châu	
96	Xây dựng đường GTNT từ xã Hồng Nam đến xã Phương Chiểu (đoạn từ nhà ông Văn đến nhà ông Việt)	Ban QLDA	1693/QĐ-UBND ngày 19/7/2013	1.100	1.031				1.031									69				69			UBND xã Tân Hưng	
97	Trường MN xã Tân Hưng: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng khu trung tâm, nhà lớp học 1 phòng thôn Lê Lợi, nhà lớp học 1 phòng thôn Viên Tiêu và nhà lớp học 1 phòng thôn Quyết Thắng	UBND TP	2983/QĐ-UBND ngày 20/7/2016	750	596				596									154				154			UBND xã Tân Hưng	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													*Trong đó*								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ					
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác									
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
98	Di chuyển các công trình hạ tầng kỹ thuật (công trình điện và cáp viễn thông, hệ thống cấp nước) nằm trong phạm vi xây dựng cầu vượt nút giao với đường QL.39 của dự án tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Ban QLDA	1097/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	4.500	3.434		3.434											1.066		1.066					UBND xã Tân Hưng	
99	Cải tạo, nâng cấp đường Đầm Sen B (đoạn từ đường Tô Hiệu đến địa phận xã Hồng Nam)	Ban QLDA	2648/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2.312	2.312			0	2.312									0							UBND xã Tân Hưng	
100	Cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH72 (đoạn từ ngã ba Phương Cái đến giáp đình Lê Như Hổ)	Ban QLDA	2592/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	4.692	4.692			4.347	346									0							UBND xã Tân Hưng	
101	Trường mầm non xã Hồng Nam	UBND TP	3025/QĐ-UBND ngày 13/12/2016	3.400	3.242			1.000	2.242									158				158			UBND xã Tân Hưng	
102	Di chuyển tuyến đường dây hạ thế phục vụ GPMB thi công xây dựng đường GTNT thôn xã Hồng Nam, đường thôn Lê Như Hổ (đoạn từ đường 61 ngõ nhà ông Quang đến đường Đồng Hà)	UBND TP	1368/QĐ-UBND ngày 20/6/2013	204	204			0	204									0							UBND xã Tân Hưng	
103	Di chuyển tuyến đường dây hạ thế phục vụ GPMB để thi công xây dựng đường GTNT xã Hồng Nam, đường thôn Lê Như Hổ (đoạn từ nhà ông Quế đến nhà ông Tường)	UBND TP	1121/QĐ-UBND ngày 27/5/2013	154	154			0	154									0							UBND xã Tân Hưng	
104	Di chuyển tuyến đường dây hạ thế phục vụ GPMB để thi công xây dựng đường GTNT xã Hồng Nam, đường thôn Lê Như Hổ (đoạn từ nhà ông Tư đến đường Lê Đình Kiên)	UBND TP	1122/QĐ-UBND ngày 27/5/2013	183	183			0	183									0							UBND xã Tân Hưng	
105	Khu TĐC phục vụ GPMB xây dựng cầu Hưng Hà xã Hồng Nam	UBND TP	797/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	1.200	1.168				1.168									32				32			UBND xã Tân Hưng	
106	Di chuyển đường ống cấp nước phục vụ GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu Hưng Hà và đường dẫn hai đầu cầu thuộc tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng và đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	UBND TP	2901/QĐ-UBND ngày 06/7/2017	12	12				12									0							UBND xã Tân Hưng	
107	Khu TĐC phục vụ GPMB xây dựng cầu Hưng Hà xã Tân Hưng	UBND TP	1453/QĐ-UBND ngày 28/6/2019	614	600				600									14				14			UBND xã Tân Hưng	
108	Khu TĐC phục vụ GPMB đường nối hai cao tốc xã Phương Chiểu	UBND TP	2957/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	650	330				330									320				320			UBND xã Tân Hưng	
109	Khu TĐC phục vụ GPMB xây dựng cầu Hưng Hà xã Phương Chiểu	UBND TP	2958/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	820	646				646									174				174			UBND xã Tân Hưng	
110	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu TĐC phục vụ GPMB cầu Hưng Hà thuộc các xã Hồng Nam, Tân Hưng, Phương Chiểu	Ban QLDA	3538/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	9.354	8.895				8.895									459				459			UBND xã Tân Hưng	
111	Cải tạo, nâng cấp đường đoạn trước cửa UBND xã Tân Hưng	Ban QLDA	3541/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	5.515	5.470				5.470						0			45				45			UBND xã Tân Hưng	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
112	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Chợ Gạo	Xí nghiệp KTCT TL	3880/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	16.431	16.431			8.590	7.840									0			0	0				
113	Chỉnh trang vườn hoa đô thị: Vườn hoa đô thị và trồng bổ sung thay thế cây xanh trên một số tuyến đường: hạng mục: Vườn hoa giáp bệnh viên đa khoa tỉnh; Vườn hoa phố Hồ Đắc Di; vườn hoa phố Lương Ngọc Quyến; vườn hoa Nam Cao; vườn hoa góc cua đường Đoàn Thị Điểm; vườn hoa Đinh Công Tráng.	Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên	72/QĐ-UBND ngày 07/01/2020	630	96				96						534			0			0	0				
114	Chỉnh trang vườn hoa đô thị: Vườn hoa đô thị và trồng bổ sung thay thế cây xanh trên một số tuyến đường; Hạng mục: Trồng cây xanh vườn hoa khu dân cư D32-35, vườn hoa ngã tư cầu Yên Lệnh	Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên	2290/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	202	202				202									0				0				
115	Xây dựng bến, bãi phục vụ cho xe chữa cháy tiếp cận lấy nước và sửa chữa một số trụ nước chữa cháy	Phòng QLĐT thành phố	2903/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	2.000	1.509				1.509						491											
116	Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Phòng Tài nguyên môi trường thành phố	343/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của UBND thành phố	2.253	2.253				2.253									42				42				
117	Nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (truyền thanh thông minh) trên địa bàn thành phố Hưng Yên	Trung tâm Văn hóa và truyền thanh thành phố Hưng Yên	1979/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	14.762	8.000				8.000						6.762			0				0				
118	Điện chiếu sáng đường QL38B đoạn qua thành phố Hưng Yên (đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao thông Chợ Gạo)	UBND TP	2494A/QĐ-UBND ngày 14/10/2011	593	583				583									9				9				
119	Di chuyển tuyến đường dây trung, hạ thế phục vụ GPMB dự án xây dựng Cầu Hưng Hà	UBND TP	451/QĐ-UBND ngày 20/03/2020	26	-													26				26				
120	Di chuyển tuyến đường dây trung hạ thế để phục vụ GPMB dự án xây dựng tuyến đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	UBND TP	626/QĐ-UBND ngày 21/3/2018	288	-													288				288				
121	Đóng cửa ô chôn lấp rác số 1 - khu xử lý chất thải rắn thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	3554/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	6.980	5.977				5.977						556			447				447				
122	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xuyến Dốc Suối đến vòng xuyến Chợ Gạo)	Ban QLDA	2925/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	47.850	22.500				22.500						7.508			17.842				17.842				
123	Cải tạo, nâng cấp HTKT phần còn lại khu dân cư phía nam đường Đinh Điền (hạng mục: Xây dựng đường dây trung thế, trạm biến áp, điện sinh hoạt và điện chiếu sáng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất)	UBND TP	900/QĐ-UBND, ngày 17/6/2020		-													0				0				
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																									

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao									
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*									
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
1	HTKT khu tái định cư giáp bãi tập lái xe	Hạt giao thông	2400/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019	8.290	8.000				8.000						290			0				0			UBND phường Sơn Nam	
2	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Triệu Quang Phục	Phòng Kinh tế thành phố	3527/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	8.469	5.500				5.500						2.969			0				0			UBND Phường Phố Hiến	
3	Sở chỉ huy cơ bản trong căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ thành phố Hưng Yên	Ban chỉ huy Quân sự thành phố	3328/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	27.212	9.000				9.000						18.212			0				0			UBND phường Sơn Nam	
4	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục công trình thủy lợi thuộc trạm bơm Tân Hưng, thành phố Hưng Yên	Phòng Kinh tế thành phố	3461/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	13.077	3.000				3.000						10.077			423				423			UBND xã Tân Hưng	
5	Bổ sung vốn nhận ủy thác cho ngân hàng Chính sách xã hội			15.000	8.000				8.000						7.000			0				0				
6	Quỹ hỗ trợ nông dân			900	600				600						300			0				0				
7	Khu dân cư mới Phường Lam sơn(Sau khu đô thị Tân Phố Hiến) Giai đoạn 1 : Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vị trí 2	Hạt giao thông	2738/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	33.492	25.027				25.027						8.465			0				0			UBND phường Sơn Nam	
8	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (sau khách sạn Thái Bình)	Hạt giao thông	675/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND thành phố	10.500	-										10.500			4.000				4.000			UBND phường Sơn Nam	
9	Xây dựng HTKT khu dân cư mới xã Bảo Khê, TP HY	Hạt giao thông	4229/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	30.102	10.198				10.198						19.904			0				0			UBND phường Sơn Nam	
10	Khu dân cư mới xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên tại vị trí số 01 và vị trí số 02	Hạt giao thông	3585/QĐ-UBND, ngày 15/11/2021	33.346	19.215				19.215						14.130			10.000				10.000			UBND xã Tân Hưng	
11	Khu dân cư đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại phường An Tảo (phía Bắc Trường Tiểu học An Tảo)	Hạt giao thông	2965/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	14.500	5.000				5.000						9.500			0				0			UBND Phường Phố Hiến	
12	Xây dựng khu dân cư đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Phương Chiểu (KDC phía Nam trường Mầm non xã Phương Chiểu)	Hạt giao thông	2092/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố	33.000	5.000				5.000						28.000			0				0			UBND xã Tân Hưng	
13	Xây dựng đường GTNT xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên (Từ nhà ông Đài thôn Đặng Cầu đến nhà ông Sỹ thôn Đào Đặng)	UBND TP	1699/QĐ-UBND ngày 19/7/2013	4.700	1.500				1.500						632			2.568				2.568			UBND phường Phố Hiến	
14	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Phố Ngô Gia Tự đến đường Triệu Quang Phục	Ban QLDA	2595/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	3.500	0										1.000			2.500				2.500			UBND phường Phố Hiến	
15	Xây dựng đường Trần Quang Khải (đoạn từ CĐSP HY đến đường Triệu Quang Phục)	Ban QLDA	2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	6.000	4.400				4.400						642			958				958			UBND phường Phố Hiến	
16	Cải tạo vỉa hè QL38 đoạn từ cầu Chợ Đầu đến hết địa phận thành phố	Ban QLDA	3659/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	29.815	9.064				9.064									20.751				20.751			UBND phường Phố Hiến	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
17	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật đến Dốc Đá	Ban QLDA	3774/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	29.198	21.946			6.446	15.500						2.054			5.198			3.554	1.644			UBND phường Phố Hiến	
18	Cải tạo, chỉnh trang công viên hồ Bán Nguyệt	Ban QLDA	3775/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	52.848	21.442			15.000	6.442						7.000			24.406				24.406			UBND phường Phố Hiến	
19	Xây dựng đường giao thông xã Liên Phương (đoạn từ đường trục ra QL.39)	Ban QLDA	222/NQ-HĐND ngày 03/12/2024	95.688	16.112				16.112					10.000	43.309			26.266				26.266			UBND phường Phố Hiến	
20	Xây dựng kè mái và đường dạo phía Tây sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Tô Hiệu đến cầu An Tảo)	Ban QLDA	2926/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	63.422	20.000				20.000						18.053			25.369				25.369			UBND phường Phố Hiến	
21	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè Chu Mạnh Trinh (đoạn từ đường Phạm Bạch Hổ đến đường Triệu Quang Phục)	Ban QLDA	2924/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	30.259	15.500				15.500						6.500			8.259				8.259			UBND phường Phố Hiến	
22	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trong khu di tích đền Trần, đền Mẫu (Bãi Sậy, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão) thành phố Hưng Yên .	Ban QLDA	3484/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	17.546	5.000				5.000						5.528			7.018				7.018			UBND phường Phố Hiến	
23	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đặng Cầu xã Trung Nghĩa (giai đoạn 2)	Ban QLDA	2784/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	2.000	-				-						472			1.528				1.528			UBND phường Phố Hiến	
24	Khu dân cư mới xã Liên Phương (phía Nam đường trục Bắc Nam Khu Đại học Phố Hiến)	Ban QLDA	1352/QĐ-UBND ngày 08/5/2024	23.489	5.000				5.000						9.000			9.489				9.489			UBND phường Phố Hiến	
25	Xây dựng khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Tình Linh, xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên (Giai đoạn 2)	Ban QLDA	3477/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	101.923	25.877				25.877						30.000			46.046				46.046			UBND phường Phố Hiến	
26	Kiên cố hóa trường lớp học phường Lam Sơn; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 2 phòng điểm trường MN Kim Đằng và nhà lớp học 1 tầng 1 phòng điểm trường MN Cao xá	UBND TP	1684A/QĐ-UBND, ngày 27/7/2011	400	0										400			0							UBND phường Sơn Nam	
27	Đường cạnh Ngân hàng Đầu tư (đoạn từ đường Phạm Bạch Hổ đến Đền sông Hồng)	UBND TP	2527A/QĐ-UBND, ngày 18/10/2011	300	0										300			0							UBND phường Sơn Nam	
28	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường (đoạn 1: Từ đường trục xã đến nghĩa trang; đoạn 2: Từ nhà ông Hưng, thôn Kệ Châu 2 đến đường trục xã)	Ban QLDA	3772/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	14.860	11.000				11.000						3.700			160				160			UBND phường Sơn Nam	
29	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành. Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà cầu và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA	986/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	14.990	5.033				5.033					2.000	3.994			3.963				3.963			UBND phường Sơn Nam	
30	Xây dựng khu dân cư ngã tư đường Phạm Bạch Hổ - Trần Hưng Đạo, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	1812/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	53.390	39.267				39.267						3.879			10.244				10.244			UBND phường Sơn Nam	
31	Xây dựng khu dân cư Xích Đằng, Phường Lam Sơn -Vị trí 01	Ban QLDA	4144/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	69.689	0										26.500			43.189				43.189			UBND phường Sơn Nam	
32	Xây dựng khu dân cư Xích Đằng, Phường Lam Sơn -Vị trí 02	Ban QLDA	4145/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	98.500	10.810				10.810						47.000			40.690				40.690			UBND phường Sơn Nam	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													Trong đó								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ					
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác									
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
33	Xây dựng KDC mới xã Bảo Khê (vị trí số 01 và 02)	Ban QLDA	4174/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	110.000	0										66.000			44.000				44.000			UBND phường Sơn Nam	
34	Xây dựng KDC mới đường trục xã Bảo Khê (vị trí số 01)	Ban QLDA	3069/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	14.981	8.529				8.529						4.970			1.481				1.481			UBND phường Sơn Nam	
35	Xây dựng KDC mới đường trục xã Bảo Khê (vị trí số 02)	Ban QLDA	610/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	56.264	25.892				25.892						23.500			6.872				6.872			UBND phường Sơn Nam	
36	Xây dựng khu dân cư mới phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên (vị trí giáp trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh và công ty may Hưng Long)	Ban QLDA	4029/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	118.727	0										71.000			47.727				47.727			UBND phường Sơn Nam	
37	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (vị trí phía Đông Bắc đô thị Tân Phố Hiến - đường Trần Hưng Đạo)	Ban QLDA	540/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	82.179	15.000				15.000						34.000			33.179				33.179			UBND phường Sơn Nam	
38	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (phía Tây Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải - Vị trí 1)	Ban QLDA	1163/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	135.000	0										10.000			125.000				125.000			UBND phường Sơn Nam	
39	Đường Lê Đình Kiên - Giai đoạn II (Từ đường Tô Hiệu đến đường 61 xã Hồng Nam)	UBND TP	3136/QĐ-UB ngày 24/10/2012	1.900	0										925			975				975			UBND xã Tân Hưng	
40	Xây dựng đường Lê Đình Kiên kéo dài (đoạn từ ĐH 72 đến ĐT 378)	Ban QLDA	2593/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	15.300	3.814				3.814						6.265			5.221				5.221			UBND xã Tân Hưng	
41	Xây dựng đường GTNT từ thôn Lê Như Hổ đến thôn Nễ Châu (đoạn từ đường 61 đến giáp nghĩa trang liệt sỹ đến nhà ông Thịnh)	UBND TP	1692/QĐ-UBND, 19/7/2013	4.376	0													4.376				4.376			UBND xã Tân Hưng	
42	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Nam (đoạn từ quỹ tín dụng nhân dân xã Hồng Nam đến đường trục xã Phương Chiểu)	Ban QLDA	3539/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	7.104	3.546				3.546									3.558				3.558			UBND xã Tân Hưng	
43	Trường Mầm non xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Nhà lớp học, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ)	Ban QLDA	3777/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	32.277	10.621			2.121	8.500						6.000			15.656				15.656			UBND xã Tân Hưng	
44	Xây dựng KDC mới xã Phương Chiểu	Ban QLDA	497/QĐ-UBND ngày 06/4/2020	22.806	2.464				2.464						11.000			9.341				9.341			UBND xã Tân Hưng	
45	Xây dựng tuyến đường giao thông Bảo Khê - An Tảo - Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	224/NQ-HĐND ngày 03/12/2024	105.943	30.703			7.437	23.266					15.297	8.395			51.548				51.548				
46	Đèn chiếu sáng công cộng thành phố Hưng Yên (giai đoạn II); hạng mục Cải tạo, sửa chữa hệ thống chiếu sáng các tuyến đường còn lại khu vực trung tâm và một số tuyến đường khác, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	2634/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	13.661	549				549					2.000	2.500			8.612				8.612				
47	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xuyến Chợ Gạo đến vòng xuyến ngân hàng Công Thương)	Ban QLDA	2923/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	57.187	22.060				22.060						3.376			31.751				31.751				
48	Cải tạo vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng đường Phạm Bạch Hổ (đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường Đinh Điền) và đường Sơn Nam	Ban QLDA	3485/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	21.414	5.000				5.000					5.000	9.613			1.801				1.801				

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
					Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
49	Xây dựng kè mái và đường dạo phía Tây sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (đoạn từ cầu An Tảo đến hết địa phận thành phố)	Ban QLDA	3673/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	84.626	0				0						10.000			74.626				74.626			Xí nghiệp KTCTTL TP Hưng Yên	
50	Thoát nước KDC đình điền	UBND TP	866/QĐ-UBND ngày 26/4/2013												1.021											
51	Xây dựng HTKT phần còn lại khu dân cư phía nam đường Đình Điền (hạng mục: Nền mặt đường, vỉa hè)	UBND TP	796/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	3.661	0										938			2.723				2.723				
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**																									
1	Cải tạo, nâng cấp kênh dẫn trạm bơm tiêu Phú Cường	Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố Hưng Yên	4034/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	3.000	0										3.000			8.000				8.000				
2	Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Bể bơi, sân Tenis và các hạng mục phụ trợ)	Ban QLDA	3402/QĐ-UBND ngày 05/12/2023		0													0				0			UBND phường Phố Hiến	
3	Xây dựng khu dịch vụ, bãi đỗ xe khu di tích Đền Trần, Đền Mẫu	Ban QLDA	40/NQ-HĐND ngày 21/4/2022	42.096	0													42.096				42.096			Phố Hiến	
4	Xây dựng công trình biểu tượng trên đảo hồ Bán Nguyệt, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	42/NQ-HĐND ngày 21/4/2022	15.000	0													15.000				15.000			UBND phường Phố Hiến	
5	Xây dựng khu dịch vụ công cộng khu vực Quảng trường thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	223/NQ-HĐND ngày 03/12/2024	7.500	0													7.500				7.500			UBND phường Phố Hiến	
6	Cầu Chùa Diều	Ban QLDA	353/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	65.734	0										12.000			53.734				53.734			UBND phường Phố Hiến	
7	Cải tạo, nâng cấp mặt đường, thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Bỉnh Khiêm và đường Hiến Doanh, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	1100/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	14.500	0										5.000			9.500				9.500			UBND phường Phố Hiến	
8	Xây dựng khu xử lý chất thải hữu cơ sau phân loại trên địa bàn thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	216/NQ-HĐND ngày 03/12/2024	9.800	0													9.800				9.800			UBND phường Phố Hiến	
9	Khu dân cư mới xã Trung Nghĩa (9,8ha)	Ban QLDA	105/NQ-HĐND ngày 08/6/2023	195.348	0													195.348				195.348			UBND phường Phố Hiến	
10	Khu dân cư mới phường An Tảo	Ban QLDA	227/NQ-HĐND ngày 03/12/2024	232.245	0													232.245				232.245			UBND phường Phố Hiến	
11	Khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Liên Phương (thôn An Chiểu 2)	Ban QLDA	174/NQ-HĐND ngày 03/5/2024	65.294	0													65.294				65.294			UBND phường Phố Hiến	
12	Khu dân cư mới xã Trung Nghĩa (phía Đông sông Hòa Bình)	Ban QLDA	187/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	106.242	0													106.242				106.242			UBND phường Phố Hiến	
13	Khu dân cư mới xã Trung Nghĩa (phía Đông Nam ngã tư cuối đường trục thôn Tính Linh)	Ban QLDA	1749/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	73.200	0													73.200				73.200			UBND phường Phố Hiến	
14	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới phường An Tảo, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	471/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	58.228	0										20.000			38.228				38.228			UBND phường Phố Hiến	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													*Trong đó*								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ					
					Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác									
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
15	Khu đấu giá quyền sử dụng đất cho Nhân dân làm nhà ở tại xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên.	Ban QLDA	208/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	50.000	0													50.000				50.000			UBND phường Phố Hiến	
16	Khu dân cư mới xã Liên Phương - Khu vực số 01	Ban QLDA	209/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	142.718	0													142.718				142.718			UBND phường Phố Hiến	
17	Khu dân cư mới xã Liên Phương - Khu vực số 02	Ban QLDA	210/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	186.250	0													186.250				186.250			UBND phường Phố Hiến	
18	Khu dân cư mới xã Liên Phương - Khu vực số 03	Ban QLDA	212/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	163.025	0													163.025				163.025			UBND phường Phố Hiến	
19	Khu dân cư mới Nam Đình Điền, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên - vị trí số 10.	Ban QLDA	213/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	18.287	0													18.287				18.287			UBND phường Phố Hiến	
20	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Bắc Tô Hiệu (vị trí tiếp giáp đường Chùa Đông và đường Trần Nhật Duật)	Ban QLDA	211/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	32.123	0													32.123				32.123			UBND phường Phố Hiến	
21	Xây dựng khu dân cư mới phố An Bình, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	215/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	42.964	0													42.964				42.964			UBND phường Phố Hiến	
22	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên thôn Tân Mỹ 2 - Tân Trung, xã Phú Cường (đoạn từ đình Bồng Châu đến dốc ông Đùm)	Ban QLDA	149/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	28.729	0										7.000			21.729				21.729			UBND phường Sơn Nam	
23	Cải tạo, nâng cấp đường ven đê tả sông Hồng, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến cầu Yên Lệnh)	Ban QLDA	2120/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	121.582	0										41.000			80.582				80.582			UBND phường Sơn Nam	
24	Xây dựng vườn hoa KDC nam đường Đình Điền (Cạnh bảo hiểm xã hội tỉnh)	Ban QLDA	64/NQ-HĐND ngày 03/12/2020	5.200	0													5.200				5.200			UBND phường Sơn Nam	
25	Cải tạo vòng xuyến Dốc Suối	Ban QLDA	103/NQ-HĐND ngày 08/6/2023	6.000	0													6.000				6.000			UBND phường Sơn Nam	
26	Xây dựng khu dân cư mới xã Phú Cường	Ban QLDA	342/QĐ-UBND ngày 01/02/2021																						UBND phường Sơn	
27	Xây dựng khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	188/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	78.128	0													78.128				78.128			UBND phường Sơn Nam	
28	Đường giao thông xã Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên (Đoạn 1: Từ ĐT.378 đến làng Phù Xa xã Hoàng Hanh; Đoạn 2: Từ nhà văn hóa thôn An Châu 1 đến cổng chùa Bảo Khánh)	Ban QLDA	124/NQ-HĐND ngày 08/6/2023	69.000	0													69.000				69.000			UBND phường Hồng Châu	
29	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vị trí đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	472/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	5.150	0										2.000			3.150				3.150			UBND phường Hồng Châu	
30	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên xã Hồng Nam - Phương Chiểu - Liên Phương, thành phố Hưng Yên (đoạn từ ĐT378 đến QL39 xã Liên Phương)	Ban QLDA	2124/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	50.000	0										17.000			33.000				33.000			UBND xã Tân Hưng	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																						Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao									
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*									
					Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
31	Cải tạo, nâng cấp sông Sào Sáu	Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố Hưng Yên	1365/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	555	0										555			17.445				17.445				
32	Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh thành phố Hưng Yên	Văn phòng HĐND-UBND thành phố Hưng Yên	3990/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND TP	14.406	0										14.406			544				544				
33	Cải tạo, nạo vét sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (Đoạn từ cầu An Tảo đến hết địa phận thành phố)	Xí nghiệp KTCT Thủy lợi thành phố Hưng Yên	1077/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	12.291	0										12.291			1.709				1.709				
34	Mở rộng đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ đường Chùa Diều đến hết địa phận thành phố)	Ban QLDA	32/NQ-HĐND ngày 21/4/2022	87.383	0										0			87.383				87.383				
35	Hệ thống chiếu sáng thông minh thành phố Hưng Yên	Ban QLDA	102/NQ-HĐND ngày 08/6/2023	30.700	0										0			30.700				30.700				
36	Cải tạo, nâng cấp đường ven đê tả sông Hồng (đoạn từ cầu Yên Lệnh đến hồ Bán Nguyệt)	Ban QLDA	1591/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	138.184	0										0			138.184				138.184				
37	Lắp đặt biển báo chỉ dẫn địa giới hành chính "Địa phận Thành phố Hưng Yên" trên các tuyến đường qua địa phận thành phố	Ban QLDA	202/NQ-HĐND ngày 20/9/2024	4.990	0										0			4.990				4.990				
38	Xây dựng kè mái và đường dạo phía Đông sông Điện Biên (đoạn từ cầu Mạc Đĩnh Chi đến cầu An Tảo)	Ban QLDA	1081/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	27.143	0										8.000			19.143				19.143				
D	**Dự án chưa thi công**																										
1	KDC mới phường Lam Sơn (phía Đông đường Tô Ngọc Vân)	Hạt giao thông	108/NQ-HĐND ngày 08/6/2023 của HĐND TP	0	0													18.500				18.500			UBND Phường Sơn Nam	
2	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu từ bến đò thôn 1 đến trạm bơm Quảng Châu	Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố Hưng Yên	2451/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	371	0										371			9.629				9.629			UBND Phường Hồng Châu	
3	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Phú Cường thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Phòng Quản lý đô thị		0	0													2.500				2.500			UBND Phường Sơn Nam	
4	Cải tạo kênh dẫn trên địa phận xã Hùng Cường (đoạn từ đường trục Phú Cường - Hùng Cường đến đê bối sông Hồng)	Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố Hưng Yên	68/NQ-HĐND ngày 03/12/2020	0														6.000				6.000			UBND Phường Sơn Nam	
5	Cải tạo Nghĩa trang Chùa Diều, thành phố Hưng Yên	Phòng QLĐT thành phố	50/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của HĐND thành phố	0														5.437				5.437			UBND phường Phố Hiến	
6	Cải tạo kênh tưới xã Hồng Nam	Phòng Kinh tế thành phố	58/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của HĐND thành phố	0														9.000				9.000			Xã Tân Hưng	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													*Trong đó*								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ					
					Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác									
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc HĐND và UBND thành phố Hưng Yên	văn phòng HĐND-UBND thành phố	338/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	408											408			9.703				9.703			UBND phường Phố Hiến	
8	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Thành uỷ, MTTQ và các đoàn thể thành phố; Hạng mục: Sửa chữa hệ thống cửa sổ, cửa kính và vách kính	Cơ quan Thành ủy Hưng Yên	221NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	0														3.339				3.339			UBND phường Phố Hiến	
9	Số hóa các phường, xã	Phòng Văn hóa - Thông tin	120/NQ-HĐND ngày 08 tháng 6 năm 2023 của HĐND thành phố															1.617				1.617				
10	Xây dựng công trình quân sự trong căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ thành phố Hưng Yên (mật danh:	Ban chỉ huy QS thành phố	218/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP															35.000				35.000				
II	NGÀNH, LĨNH VỰC...																									
B	DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO CẤP XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ (nằm trên địa bàn 01 xã mới)																									
a	Dự án hoàn thành																									
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ đình Đào Đặng đến nhà ông Đài thôn Đặng Cầu, xã Trung Nghĩa	UBND xã Trung Nghĩa	2299/QĐ-UBND ngày 25/10/2015	4.610	4.610				3.000		1.610							0				0			UBND phường Phố Hiến	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ đường công vụ cầu Hưng Hà đến đường ra bến đò Vũ Điện)	UBND xã Hoàng Hanh	69/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	3.250	3.250				1.500		1.750							0				0			Phường Hồng Châu	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn 1 từ ngã 3 nhà ông Luyến đến giáp xã Tân Hưng; đoạn 2 từ ngã 4 chợ đến cổng ông Phố)	UBND xã Hoàng Hanh	70/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	4.950	4.950				2.500		2.450							0				0			Phường Hồng Châu	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
4	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn An Chiểu 1, xã Liên Phương, đoạn 1: Từ nhà ông Trí đến Chùa Hạ (giai đoạn 2), đoạn 2: Từ Chùa Hạ đến cổng Đình Cầu	UBND xã Liên Phương	3224/QĐ-UBND ngày 09/11/2020	14.075	14.075				8.500		5.575							0				0			UBND phường Phố Hiến	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
5	Xây dựng 04 phòng học và công trình phụ trợ trường THCS Hoàng Hanh	UBND xã Hoàng Hanhg	906/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	2.353	2.353				2.353									0				0			Phường Hồng Châu	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
6	Xây dựng công trình 02 tầng 04 phòng trường mầm non khu trung tâm xã Hùng Cường	UBND xã Hùng Cường	99A/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	279	279			279										0			0				UBND Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
7	Xây dựng 02 phòng học bộ môn, khu vệ sinh chung và phá dỡ các hạng mục công trình trường tiểu học và THCS Hồng Nam	UBND xã Hồng Nam	904/QĐ-UBND ngày 17/6/2020	3.500	3.500				3.500									0				0			Xã Tân Hưng	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
8	Trạm y tế xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên	UBND xã Quảng Châu	281/QĐ-UBND ngày 13/6/2018	1.500	1.500				1.500									0				0			Phường Hồng Châu	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
9	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Nguyễn Huệ, phường Quang Trung	UBND phường Quang Trung	2912/QĐ-UBND ngày 12/12/2019	3.500	3.500				3.500									0				0			UBND phường Phố Hiến	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
10	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm phường Lê Lợi	UBND phường Lê Lợi	1792/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	10.000	10.000				10.000									0				0			UBND phường Phố Hiến	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
11	Xây dựng nhà lớp học trường THCS Phú Cường	UBND xã Phú Cường	3016/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	10.473	7.000				7.000						3.473			0				0			Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
12	Xây dựng nhà văn hóa khu phố Đông Thành - Phường Quang Trung	UBND phường Quang Trung	3009/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	2.100	2.000				2.000						100			0				0			UBND phường Phố Hiến	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
13	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Quảng Châu thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	UBND xã Quảng Châu	1524//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.470	2.019				2.019						451			0				0			Phường Hồng Châu	
14	Hỗ trợ UBND xãPhương Chiểu để thực hiện: Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Phương Chiểu thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	UBND xã Phương Chiểu	1522//QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.072	2.072				2.072									0				0			UBND xã Tân Hưng	
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																									
1	Xây dựng mới khu hiệu bộ (bao gồm cả nhà vệ sinh giáo viên) và 02 phòng chức năng và bếp ăn bán trú trường mầm non Hoàng Hanh	UBND xã Hoàng Hanh	3476/QĐ-UBND ngày 30/11/2019 của UBND TP	7.097	0										7.097			5.131				5.131			Phường Hồng Châu	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Hùng Cường (đoạn từ nhà Vấn đến ông Trưởng thôn Tân Hưng)	UBND xã Hùng Cường	2433/QĐ-UBND, ngày 25/10/2022 của UBND TP	5.250	3.500				3.500						1.750			0				0			UBND Phường Sơn Nam	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn An Châu 1, xã Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên (Đoạn từ nhà ông Trung đến vườn nhà ông Thung)	UBND xã Hoàng Hanh	2028/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND TP	6.889	500				500						6.389			0				0			Phường Hồng Châu	
4	Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Đông Hồng, xã Phú Cường	UBND xã Phú Cường	3000/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND thành phố	2.450	1.600				1.600						850			0				0			UBND Phường Sơn Nam	
5	Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Doanh Châu, xã Phú Cường	UBND xã Phú Cường	2597/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND thành phố	3.370	2.300				1.800		500				1.070			0				0			UBND Phường Sơn Nam	
6	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hà Châu	UBND xã Hoàng Hanh	3006/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	3.150	2.000				2.000						1.150			0				0			Phường Hồng Châu	
7	Cải tạo, nâng cấp chợ Cời, xã Phú Cường	UBND xã Phú Cường	107/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND thành phố Hưng Yên	2.000	500				500						1.500			0				0			UBND Phường Sơn Nam	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ					
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã						NS xã								
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	NS xã		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu (đoạn 1 từ nhà ông Cộng đến cống xóm 10, thôn 5; đoạn 2 từ đê tả sông Hồng đến đền Hoàng Bà, đoạn 3 từ nhà ông Oanh thôn 5 đến nhà ông Định thôn 4)	UBND xã Quảng Châu	1037/QĐ-UBND ngày 13/06/2022 của UBND thành phố Hưng Yên	14.802	8.000				3.500		4.500				4.500		2.302	0				0		0,32	Phường Hồng Châu	
9	Đường giao thông xã Tân Hưng (đoạn từ nhà máy gạch đến đường nối hai đường cao tốc)	UBND xã Tân Hưng	3683/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND TP	8.213	0										8.213			26.987				16.427		10.560,00	Xã Tân Hưng	
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Hùng Cường (đoạn từ nhà Bà Quang đến nhà ông Dương và đoạn từ nhà ông Oánh đến đê bối)	UBND xã Hùng Cường	3707/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND TP	1.050	0										1.050			2.856				2.100		756,07	Phường Sơn Nam	
C	Dự án mới																									
1	Xây dựng nhà văn hóa Chùa Chuông	UBND phường Hiến Nam	2399/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND TP	4.410	0										4.410			1.697				0		1.697,07	Phường Phố Hiến	
2	Trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy Trường Tiểu học Nguyễn Huệ và Trường Mầm non Phố Hiến	UBND phường Quang Trung	1708/QĐ-UBND ngày 314/5/2024 của UBND thành phố	622	0										622			1.378				1.378			Phường Phố Hiến	
3	Trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy Trường Tiểu học Minh Khai	UBND phường Minh Khai	1709/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND TP	294	0										294			706				706			UBND phường Phố Hiến	
4	Trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy Trường THCS Lê Lợi	UBND phường Lê Lợi	1707/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND TP	310	0										310			690				690			UBND phường Phố Hiến	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Quảng Châu (Tuyến 1: Từ đường Dương Hữu Miên cạnh nhà ông Cường Hạ đến giáp thôn Nam Tiến, phường Hồng Châu; Tuyến 2: Từ dốc đê đến hết đường trong	UBND xã Quảng Châu	4033/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND TP	3.333	0										3.333			6.667				6.667			Phường Hồng Châu	
6	Nhà Văn hóa khu phố Áp Dâu	UBND phường Hiến Nam	4703/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND thành phố	4.900	0										4.900			0				0			Phường Phố Hiến	
D	Dự án chưa thi công																									
1	Xây dựng mới các phòng học chức năng khu tiểu học và nhà hiệu bộ chung 2 khối tiểu học và THCS Tân Hưng.	UBND xã Tân Hưng	78/NQ-HĐND ngày 03/12/2020															9.000				9.000			UBND xã Tân Hưng	
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Quyết Thắng, xã Tân Hưng	UBND xã Tân Hưng	113/NQ-HĐND ngày 08 tháng 6 năm 2023 của HĐND thành phố															2.500				2.500			UBND xã Tân Hưng	
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Quang Trung, xã Tân Hưng	UBND xã Tân Hưng	114/NQ-HĐND ngày 08 tháng 6 năm 2023 của HĐND thành phố															2.500				2.500			UBND xã Tân Hưng	

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:																					
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao														
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Trong đó								
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ					
																			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	NS xã		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
4	Xây dựng 06 phòng học trường mầm non trung tâm xã Hoàng Hanh	UBND xã Hoàng Hanh	107/NQ-HĐND ngày 08 tháng 6 năm 2023 của HĐND thành phố															5.000				5.000			Phường Hồng Châu	
5	Trung tâm Văn hóa - thể thao xã Bảo Khê	UBND xã Bảo Khê	112/NQ-HĐND ngày 08 tháng 6 năm 2023 của HĐND thành phố															10.000				10.000			UBND Phường Sơn Nam	
6	Xây dựng nhà văn hóa Thôn Kệ Châu 1, xã Phú Cường	UBND xã Phú Cường	219/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP															3.044				3.044			Phường Sơn Nam	
7	Xây dựng nhà văn hóa Thôn phương Trung, xã Phương Chiểu	UBND xã Phương Chiểu	220NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP															5.684				5.684			Xã Tân Hưng	
C	**DỰ ÁN CẤP XÃ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (nằm trên địa bàn 01 xã mới)**																									
a	**Dự án hoàn thành**																									
1	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên (giai đoạn I)	UBND xã Bảo Khê	344/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017	4.100	4.100						4.100							1.189				1.189			UBND Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ điểm giao đường Dốc Lã, thôn Phượng Hoàng đến điểm giao ngõ ông Uy)	UBND xã Hùng Cường	53/QĐ-UBND ngày 03/3/2020	4.234	4.234				1.000		3.234							0				0			UBND Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
3	Nâng cấp tuyến Đường trục xã Liên Phương (đoạn từ đường Ma đến QL39)	UBND xã Liên Phương	2695/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	5.066	5.066				784		4.282							0				0			UBND phường Phố Hiến	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
4	Đường trục trung tâm xã Bảo Khê giai đoạn II (đoạn từ quốc lộ 39 đến sông điện biên); hạng mục: Mặt đường, vỉa hè, thoát nước mưa	UBND xã Bảo Khê	2684/QĐ-UBND, 30/10/2018	9.632	9.632			2.202			7.431							0				0			UBND Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
4	Cải tạo đường giao thông xã Phú Cường (đoạn từ cống bà Mỹ đến nhà ông Duẩn thôn Kệ Châu 1)	UBND xã Phú Cường	87/QĐ-UBND ngày 22/8/2019	10.461	10.461				4.000		6.461							0				0			UBND Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
5	Xây dựng đường giao thông xã Quảng Châu (đoạn từ đường Dương Hữu Miên đến cuối vườn nhà ông Dân)	UBND xã Quảng Châu	578/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	11.403	11.403				5.000		6.403							0				0			Phường Hồng Châu	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
6	Đường giao thông từ nhà Ông Huấn đến đường nối 2 đường cao tốc	UBND xã Trung Nghĩa	700/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.972	14.972				6.000		8.972							0				0			UBND phường Phố Hiến	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
7	Đường giao thông nông thôn xã Liên Phương (đoạn từ Cổng Trung Nghĩa đường Đồng Đông đến đường Ô Gà)	UBND xã Liên Phương	233A/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	12.662	12.662				5.000		7.662							0				0			Phường Phố Hiến	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
8	Trường mầm non trung tâm xã Phương Chiểu	UBND xã Phương Chiểu	67/QĐ-UBND ngày 29/8/2019	500	500			500										0			0				UBND xã Tân Hưng	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													*Trong đó*								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao														
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
9	Nhà lớp học và các phòng chức năng 3 tầng 6 phòng, các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Phú Cường	UBND xã Phú Cường	121/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	3.368	3.368			1.095			2.273							0			0				Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
10	Xây dựng trường THCS xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên	UBND xã Phương Chiểu	65/NQ-HĐND ngày 29/10/2020	7.000	7.000			4.000	3.000									0			0	0			Xã Tân Hưng	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
11	Xây dựng các phòng học bộ môn trường THCS Quảng Châu	UBND xã Quảng Châu	292/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	5.000	5.000			3.000	2.000									0			0	0			Phường Hồng Châu	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
12	Trường Mầm non trung tâm xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên (Hạng mục: San nền, cổng tường rào)	UBND xã Phương Chiểu	67A/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	0	0													5.000				5.000			Xã Tân Hưng	Xã đã thanh toán hết cho dự án bằng nguồn xã, nên không dùng nguồn thành phố
13	Trường THCS xã Phương Chiểu (Hạng mục: San nền; cổng và tường rào)	UBND xã Phương Chiểu	38/QĐ-UBND ngày 31/103/2020	5.000	5.000				5.000									0				0			Xã Tân Hưng	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
14	Cải tạo, nâng cấp sông Đồng Lỗ kết hợp làm tuyến đường giao thông đô thị (đoạn từ đền Tân La đến đường trục trung tâm xã bảo Khê)	UBND xã Bảo Khê	205/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	0	0				0									4.000				4.000			Phường Sơn Nam	Xã đã thanh toán hết cho dự án bằng nguồn xã, nên không dùng nguồn thành phố
15	Trạm y tế xã Hoàng Hanh	UBND xã Hoàng Hanh	56A/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	432	432				432									0				0			Phường Hồng Châu	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
16	Nhà văn hóa thôn Tân Hưng xã Hùng Cường	UBND xã Hùng Cường	101/QĐ-UBND ngày 14/8/2019	500	500				500									0				0			Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
17	Nhà văn hóa thôn An Châu 1 xã Hoàng Hanh	UBND xã Hoàng Hanh	85B/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	500	500				500									0				0			Phường Hồng Châu	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
18	Nhà văn hóa xã Bảo Khê	UBND xã Bảo Khê	133/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.920	1.920				1.920									0				0			UBND Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
19	Nhà văn hóa xã Hùng Cường	UBND xã Hùng Cường	102A/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	500	500				500									0				0			UBND Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
20	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND và hội trường - phường Minh Khai	UBND phường Minh Khai	99/QĐ-UBND, ngày 21/9/2018	2.000	2.000				2.000									0				0			UBND phường Phố Hiến	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
21	Nhà văn hóa thôn Kệ Châu 2, xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên	UBND xã Phú Cường	47/QĐ-UBND ngày 16/3/2020	500	500				500									0				0			UBND Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
22	Xây dựng mới 03 phòng chức năng; 04 phòng học trường tiểu học Bảo Khê	UBND xã Bảo Khê	01/QĐ-HĐND ngày 05/10/2020 của Hội Đồng nhân dân xã	2.000	2.000				2.000									0				0			UBND Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:																					
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao														
					Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Trong đó								
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ					
																			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	NS xã		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	28	18	19	20	21	22	23	35	24	25
23	Xây dựng khối phòng hành chính quản trị và các phòng học bộ môn trường THCS Lam Sơn	UBND phường Lam Sơn	192a/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND phường	5.000	5.000				5.000									0				0			UBND Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
24	Xây dựng trường mầm non xã Phú Cường	UBND xã Phú Cường	24/NQ-HĐND ngày 02/10/2020 của Hội Đồng nhân xã	5.000	5.000				5.000									0				0			UBND Phường Sơn Nam	Dự án đã hoàn thành hết nguồn thành phố
25	Trường Tiểu học xã Phương Chiểu: hạng mục: Nhà lớp học chức năng và hội trường	Xã Phương Nam	175/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND xã	6.000	3.800				3.800						2.200			0				0			Xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn
26	Xây dựng nhà lớp học trường THCS Hùng Cường	UBND xã Hùng Cường	03/NQ-HĐND ngày 31/10/2020 của Hội Đồng nhân xã	3.500	3.500				3.500									0				0			Phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
25	Xây dựng phòng tổ bộ môn, phòng học chức năng 3 tầng và các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị trường tiểu học Hùng Cường	UBND xã Hùng Cường	02/NQ-HĐND ngày 31/10/2020 của Hội Đồng nhân xã	4.000	4.000				4.000									0				0			UBND Phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
26	Xây dựng mới 4 phòng chức năng và nhà bếp ăn bán trú trường tiểu học Quảng Châu	UBND xã Quảng Châu	64/NQ-HĐND ngày 06/10/2020 của Hội Đồng nhân xã	2.000	2.000				2.000									0				0			Phường Hồng Châu	Thành phố đã cấp đủ vốn
27	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, 6 phòng trường mầm non xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	UBND xã Trung Nghĩa	722/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	5.000				5.000									0				0			Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
28	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng (18 phòng) trường THCS Hiến Nam	UBND phường Hiến Nam	196/QĐ-UBND ngày 26/10/2019	4.000	4.000				4.000									0				0			Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
29	Trường mầm non Hiến Nam (điểm trường An Đông)	UBND phường Hiến Nam	450/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	8.903	8.903				3.000		5.903							0				0			Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
30	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non 19/5	Trường Mầm non 19/5	3016/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND TP	9.000	7.500				7.500						1.500			0				0			Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
31	Xây dựng mới nhà lớp học 3 tầng 12 phòng học và cải tạo nhà lớp học 3 tầng 24 phòng trường Tiểu học Hiến Nam	UBND phường Hiến Nam	61/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND phường	2.934	2.934				2.934									0				0			Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
32	Xây dựng rãnh thoát nước, san lấp chống sạt tường rào phía trước, sau khu trường THCS và nhà văn hóa xã Hoàng Hanh	UBND xã Hoàng Hanh	17/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND xã	1.030	1.030				500		530							0				0			Phường Hồng Châu	Thành phố đã cấp đủ vốn
33	Tu bổ tôn tạo đình Ba Nóc	UBND xã Bảo Khê	12/2021/NQ-HĐND ngày 17/9/2021 của HĐND xã	3.708	3.708				1.000		2.708							0				0			UBND phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
34	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Phương Chiểu	UBND xã Phương Chiểu	37/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của HĐND xã	7.140	7.140				2.142		4.998							0				0			UBND xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													*Trong đó*								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao														
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
35	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn từ Đình Cả đến nhà bà Thận thôn Tiền Phong)	UBND xã Tân Hưng	4213/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.440	7.400				2.900		4.500				40			0				0			Xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn
35	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên (đoạn qua thôn Kệ Châu 1 và thôn Đông Hồng)	UBND xã Phú Cường	4214/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	5.500	4.850				1.000		3.850				650			0				0			Phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
36	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn đoạn từ nhà ông Qua đến đê Bối Xã thôn Phượng Hoàng xã Hùng Cường, thành phố Hưng Yên	UBND xã Hùng Cường	39/QĐ-UBND ngày 05/1/2022 của UBND xã Hùng Cường	2.085	1.300				1.300						785			0				0			UBND phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
37	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Hùng Cường	UBND xã Hùng Cường	63/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2021 của HĐND xã	5.500	5.500				2.000		3.500							0				0			UBND phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
38	Nhà văn hóa thôn Lê Như Hổ và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Hồng Nam	189/QĐ- UBND ngày 15/11/2022 của UBND xã Hồng Nam	8.110	6.610				1.500		5.110				1.500			0				0			Xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn
39	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học 02 tầng 14 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Trung Nghĩa	UBND xã Trung Nghĩa	433/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của UBND xã	13.500	13.500				5.000		8.500							0				0			Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
40	Xây dựng đường GTNT (đoạn từ nhà ông Hưng Lục đội 2 đến ruộng ông Kim Anh đội 6 thôn Nễ Châu, xã Hồng Nam)	UBND xã Hồng Nam	126A/QĐ- UBND ngày 14/6/2023 của UBND xã Hồng Nam	2.900	900						900				2.000			3.100				0		3.100,00	UBND xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																									
1	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Quốc Toản	UBND phường Quang Trung	48/QĐ-UBND, ngày 08/5/2019	200	0										200			200				200			Phường Phố Hiến	Dừng thi công
2	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên	UBND phường Hồng Châu	105 ngày 05/7/2023 của UBND phường	8.000	4.000				4.000						4.000			0				0			Phường Hồng Châu	Thành phố đã cấp đủ vốn
3	Xây dựng trụ sở công an xã Bảo Khê	UBND xã Bảo Khê	165a/QĐ-UBND, 23/6/2023	11.982	7.032		2.500		1.500		3.032						4.950	0				0			UBND phường Sơn Nam	
4	Xây dựng trụ sở công an xã Liên Phương	UBND xã Liên Phương	179/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND xã Liên Phương	4.000	4.000		2.500		1.500									0				0			Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
5	Xây dựng trụ sở công an xã Phú Cường	UBND xã Phú Cường	257/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND xã Phú Cường	4.000	4.000		2.500		1.500									0				0			UBND phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
6	Xây dựng trụ sở công an xã Phương Chiểu	UBND xã Phương Chiểu	191/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	4.000	3.500		2.500		1.000						500			0				0			Xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:																					
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						Trong đó								
					Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	28	18	19	20	21	22	23	35	24	25
7	Xây dựng trụ sở công an xã Tân Hưng	UBND xã Tân Hưng	261/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND xã Tân Hưng	1.500	1.500				1.500									0				0			UBND xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn
8	Xây dựng trụ sở công an xã Hùng Cường	UBND xã Hùng Cường	738/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND xã Hùng Cường	4.000	3.500		2.500		1.000						500			0				0			Phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
9	Xây dựng đường giao thông xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Dương Hữu Miên đến đường Cống bình)	UBND xã Quảng Châu	1054/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND xã Quảng Châu	8.460	0										8.460			5.640				5.640			Phường Hồng Châu	
10	Xây dựng đường GTNT xã Hồng Nam (đoạn từ cầu Dì đến nhà bà Thuần thôn Điện Biên)		211/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND xã Hồng Nam	4.440	600				600						3.840			0				0			Xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn 1: Từ nhà ông Sinh đến Sông Nguyễn; Đoạn 2: Từ nhà ông Chiến đến trạm bơm Tình Linh)	UBND xã Trung Nghĩa	4372/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	4.080	2.724				2.724						1.356			0				0			Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
12	Nâng cấp đường giao thông xã Hồng Nam (Đoạn từ chùa Tiểu đến nhà ông Trận)	UBND xã Hồng Nam	4216/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã	4.300	3.600				1.100		2.500				700			0				0			Xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn
13	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ nhà ông Vẻ đội 10 thôn Hà Châu đến giáp thôn Lê Lợi xã Tân Hưng)	UBND xã Hoàng Hanh	4215/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	5.220	4.400				1.400		3.000				820			0				0			Phường Hồng Châu	Thành phố đã cấp đủ vốn
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ cổng xóm 8 giáp nhà ông Quỳnh đến cổng bến đò cạnh nhà anh Bá)	UBND xã Quảng Châu	2126/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	9.476	7.800		5.000		2.800						1.676			0				0			Phường Hồng Châu	Thành phố đã cấp đủ vốn
15	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông nông thôn xã Phương Chiểu, TP Hưng Yên	UBND xã Phương Chiểu	4370/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.470	6.485				1.700		4.785				985			0				0			UBND xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn
16	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học xã Bảo Khê	UBND xã Bảo Khê	4371/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	13.595	7.900				2.800		5.100				1.694		4.001	1.385				0		1.385,00	Phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
17	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Phương Chiểu (Đoạn từ QL.39A đến Phù Vị); Hạng mục: Cống hộp thoát nước	UBND xã Phương Chiểu	147/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	12.700	6.700				1.000		5.700				6.000			2.115				0		2.114,73	Xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn
18	Kè đá vỉa hè sông Tân An, xây dựng đường giao thông đoạn từ Đền ngoài xóm đến nhà ông Nung	UBND xã Trung Nghĩa	678/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 (UBND xã)	21.278	18.278				5.500		12.778				500		2.500	1.017				0		1.016,70	Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
19	Cải tạo nâng cấp đường giao thông thôn Đào Đăng, xã Trung Nghĩa	UBND xã Trung Nghĩa	233/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 (UBND xã)	39.850	39.850				11.000		28.850							0				0		0,00	Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													*Trong đó*								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao														
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
20	Tuyến kè phía đông sông Điện Biên, xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên (đoạn qua địa phận xã Bảo Khê)	UBND xã Bảo Khê	134/QĐ- UBND ngày 27/4/2023 của UBND xã Bảo Khê	60.738	25.053				18.000		7.053				900		34.785	2.262				0		2.262,00	UBND phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
21	Cải tạo, nâng cấp đường GT phường Lam Sơn (đoạn từ nhà ông Biểu khu phố Xích Đằng đến cổng ba cửa thôn Xích Đằng và đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Chùa Cao Xá)	UBND phường Lam Sơn	132A/QĐUBND ngày 26/5/2023 (UBND phường)	68.627	11.517				5.000		6.517				17.500		39.610	5.724				0		5.723,61	UBND phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
22	Cải tạo, nâng cấp 06 tuyến đường giao thông xã Trung Nghĩa	UBND xã Trung Nghĩa	60/QĐ-UBND ngày 03/2/2023 của UBND xã Trung Nghĩa	7.500	6.000				6.000								1.500	15.500				0		15.500,00	Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
23	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Tình Linh, xã Trung Nghĩa (Đoạn từ cửa ông Đài đến cầu ông Cối)	UBND xã Trung Nghĩa	344/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND xã Trung Nghĩa	4.000	3.000				3.000								1.000	6.081				0		6.080,83	Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
24	Xây dựng cầu cửa ông Đài bắc qua sông Đồng Lỗ, thôn Tình Linh, xã Trung Nghĩa	UBND xã Trung Nghĩa	343/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND xã Trung Nghĩa	5.000	4.000				4.000								1.000	8.596				0		8.596,00	Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
25	Tuyến đường từ trạm bơm Cầu Tây đến đường nối 2 Cao tốc và tuyến đường từ đường nối 2 cao tốc đến Cầu Dí	UBND xã Phương Chiểu	343/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND xã Trung Nghĩa	18.000	15.000				15.000						3.000			41.595				0		41.594,97	UBND xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn
26	Tuyến đường giao thông từ sông Cửa Gàn đến trạm bơm Cầu Tây xã Liên Phương	UBND xã Liên Phương	134/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	45.300	5.200				5.000		200				19.000		21.100	34.624				0		34.624,10	Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
27	Cải tạo, nâng cấp sông Đồng Lỗ, xã Bảo Khê (đoạn từ đường QL39A đến đền Tân La)	UBND xã Bảo Khê	214/QĐ- UBND ngày 21/8/2023	9.000	5.000						5.000				4.000			18.537				0		18.537,45	Phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
28	Xây dựng đường giao thông từ đường Đình Chay đến đường Dông, xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên	UBND xã Hồng Nam	143/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.466	0										1.466			12.741				2.932		9.809,47	Xã Tân Hưng	
29	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường (từ nhà ông Sơn đến nhà ông Quê thôn Tân Mỹ 1)	UBND xã Phú Cường	323//QĐ-UBND ngày 18/12/2023	4.000	1.000						1.000				3.000			2.305				0		2.304,96	UBND phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
30	Xây dựng trường mầm non xã Liên Phương	UBND xã Liên Phương	190/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	17.279	12.279						12.279				5.000			43.953				0		43.953,10	Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ
c	**Dự án mới**																									
1	Đường giao thông xã Phương Chiểu (đoạn từ QL39 đến Phú Vị)	UBND xã Phương Chiểu	233 ngày 10/11/2022 của UBND xã Phương Chiểu	4.000	0										4.000			36.000				8.000		28.000,00	UBND xã Tân Hưng	
2	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè đường trục xã Hùng Cường (đoạn 1: Từ nhà ông Đông đến nhà ông Quý; đoạn 2: từ nhà ông Hoa đến nhà ông Cử)	UBND xã Hùng Cường	239/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND xã	3.000											3.000			4.112				0		4.112,30	UBND Phường Sơn Nam	Thành phố đã cấp đủ vốn
3	Trạm y tế xã Liên Phương, thành phố Hưng Yên, thành phố Hưng Yên	UBND xã Liên Phương	371/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND xã Liên Phương	6.667											5.000		1.667	5.180				0		5.179,93	UBND phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn

TT	Đơn vị/Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													*Trong đó*								
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao														
					Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
						NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*28*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*35*	*24*	*25*
4	Đường quy hoạch mới xã Trung Nghĩa (đoạn từ KDC mới thôn Tính Linh hướng đi xã Bảo Khê)	UBND xã Trung Nghĩa	104/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 của UBND xã	6.667											6.667			62.833				13.333		49.500,00	UBND phường Phố Hiến	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT và hệ thống thoát nước xã Tân Hưng (đoạn 1 từ miếu Lê Lợi đến giáp xã Hoàng Hanh; đoạn 2 từ nhà văn hóa thôn Lê Lợi đến cống ông Tình; đoạn 3 từ cống ông Tình đến cống ông Đắc)	UBND xã Tân Hưng	315/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	7.500											7.500			20.500				0		20.500,00	UBND xã Tân Hưng	Thành phố đã cấp đủ vốn
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Phương (đoạn từ cống bà Ngự đi đường nối 2 cao tốc)	UBND xã Liên Phương	372/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	30.200											13.500		16.700	5.486				0		5.486,45	Phường Phố Hiến	Thành phố đã cấp đủ vốn
7	Xây dựng trụ sở công an xã Quảng Châu	UBND xã Quảng Châu	1008 ngày 02/12/2024	1.500											1.500			9.432				0		9.432,35	Phường Hồng Châu	Thành phố đã cấp đủ vốn
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Đặng Cầu, xã Trung Nghĩa	Xã Trung Nghĩa	827/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.667											1.667			15.345				3.333		12.011,82	UBND phường Phố Hiến	
d	Dự án chưa thi công																									
1	Xây dựng trụ sở công an xã Hoàng Hanh	UBND xã Hoàng Hanh	72/NQ-HĐND ngày 29/9/2020 của Hội Đồng nhân dân xã															8.900		2.500		1.500		4.900,00	Phường Hồng Châu	Dừng do sắp xếp đơn vị hành chính
2	Mở rộng đền Quan lớn Đệ Tam	UBND phường Lam Sơn	53/2020/NQ-HĐND ngày 07/10/2020 của Hội Đồng nhân phường															10.000				4.000		6.000,00	Phường Sơn Nam	Vướng quy hoạch
3	Xây dựng tuyến đường giao thông phía đông sông Điện Biên xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên (đoạn qua địa phận xã Bảo Khê)	UBND xã Bảo Khê	26/2021/NQ-HĐND ngày 31/12/2021															79.500				23.850		55.650,00	Phường Sơn Nam	Vướng quy hoạch
4	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đô thị thôn Phương Thượng, phương Trung	UBND xã Phương Chiểu	60/NQ-HĐND ngày 30/12/2022															9.000				3.000		6.000,00	UBND xã Tân Hưng	
5	Nhà văn hóa thôn Phương Thông, xã Phương Chiểu	UBND xã Phương Chiểu	22/NQ-HĐND ngày 13/10/2021															9.000				3.000		6.000,00	UBND xã Tân Hưng	

PHỤ LỤC SỐ 02

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN PHÙ CỪ (TRƯỚC SẮP XẾP) ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							Trong đó								
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	7	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
	TỔNG SỐ		**4.854.552**	**2.063.186**	**-**	**273.300**	**50.224**	**1.732.307**	**-**	**7.355**	**1.197.293**	**-**	**50.000**	**19.305**	**1.127.988**	**-**	**-**	**1.594.073**	**-**	**85.661**	**-**	**1.340.974**	**-**	**167.439**		
A	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BQLDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 01 XÃ MỚI**		**3.996.858**	**1.874.549**	**-**	**199.400**	**50.224**	**1.617.570**	**-**	**7.355**	**856.832**	**-**	**-**	**19.305**	**837.527**	**-**	**-**	**1.265.476**	**-**	**46.111**	**-**	**1.094.216**	**-**	**125.149**		
I	**NGÀNH, LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG**		**69.646**	**21.190**	**-**	**-**	**-**	**21.190**	**-**	**-**	**6.806**	**-**	**-**	**2.306**	**4.500**	**-**	**-**	**41.649**	**-**	**-**	**-**	**41.649**	**-**	**-**		
a	**Dự án hoàn thành**		**34.646**	**21.190**	**-**	**-**	**-**	**21.190**	**-**	**-**	**5.306**	**-**	**-**	**2.306**	**3.000**	**-**	**-**	**8.149**	**-**	**-**	**-**	**8.149**	**-**	**-**		
1	Các hạng mục ngụy trang và công trình phụ trợ trong Sở chỉ huy căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ huyện	26/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	3.160	-							3.000				3.000			160		-		160	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
2	Xây dựng các công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ 7,5ha; 8 cụm công trường và khu huấn luyện tập trung		6.940	-							-							6.940		-		6.940	-	-		
3	Cải tạo, nâng cấp sân đường nội bộ và các hạng mục phụ trợ Ban chỉ huy Quân sự huyện (giai đoạn 1)	2601/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	4.599	4.599				4.599			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
4	Xây dựng Sở chỉ huy cơ bản khu vực phòng thủ huyện Phù Cừ (Giai đoạn 1)	2495/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	14.900	11.544				11.544			2.306			2.306				1.049		-		1.049	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
5	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu huấn luyện tập trung lực lượng vũ trang huyện Phù Cừ	5083/UBND ngày 30/10/2018	5.047	5.047				5.047			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
b	**Dự án chưa quyết định đầu tư**		**35.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.500**	**-**	**-**	**-**	**1.500**	**-**	**-**	**33.500**	**-**	**-**		**33.500**	**-**	**-**	UBND xã Tiên Tiến	
1	Xây dựng Sở Chỉ huy cơ bản khu vực phòng thủ huyện Phù Cừ (giai đoạn 2)	208/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	35.000	-							1.500				1.500			33.500		-		33.500	-	-	Bộ CHQS tỉnh	
II	**NGÀNH, LĨNH VỰC GIÁO DỤC**		**507.198**	**179.781**	**-**	**-**	**10.977**	**161.449**	**-**	**7.355**	**146.333**	**-**	**-**	**7.999**	**138.334**	**-**	**-**	**181.085**	**-**	**-**		**60.443**	**-**	**120.641**		
a	**Dự án hoàn thành**		**162.796**	**147.293**	**-**	**-**	**10.977**	**129.949**	**-**	**6.367**	**10.756**	**-**	**-**	**-**	**10.756**	**-**	**-**	**4.747**	**-**	**-**		**4.368**	**-**	**379**		
1	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường THCS Minh Hoàng	5061/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	25	25				25			-							-		-		-	-	-		
2	Nhà hiệu bộ trường mầm non Phan Sào Nam	5134/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	53	53				53			-							-		-		-	-	-		
3	Xây dựng nhà giảng đường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	140/QĐ-UBND ngày 21/11/2018	477	477			477				-							-		-		-		-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
4	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Phù Cừ	160/QĐ-BQLDA ngày 22/5/2019	230	230				230			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
5	Nhà hiệu bộ Trường tiểu học xã Phan Sào Nam	3602/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	777	777				777			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
6	Xây mới 8 phòng học và 2 phòng bộ môn trường Tiểu học Nhật Quang	3641/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.050	1.050				1.050			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
7	Xây dựng mới 8 phòng học và phòng bộ môn trường tiểu học Quang Hưng	3637/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.814	2.814				2.814			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
8	Trường THCS Tiên Tiến; Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn, cải tạo nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	1027/QĐ-UBND ngày 14/3/2019	8.564	8.561				8.561			-							3		-		3	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
9	Xây mới nhà lớp học, phòng chức năng 2 tầng 4 phòng và các hạng mục phụ trợ khu trung tâm trường mầm non Đình Cao	3630/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.854	2.854				2.854			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh															KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao							Trong đó								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024																						
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	7	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
10	Trường Mầm non xã Tiên Tiến; Hạng mục: Nhà hiệu bộ, sân vườn và các hạng mục phụ trợ	5120/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.200	8.176				8.176			-							24		-		24	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
11	Xây dựng mới 6 phòng học trường Tiểu học Minh Hoàng	3611/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	2.250	2.250				2.250			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
12	Xây dựng mới 4 phòng học và 2 phòng bộ môn trường Tiểu học Tống Trân	3641/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	738	738				738			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
13	Sửa chữa 8 phòng học trường Tiểu học Nhật quang	3624/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	50	50				50			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
14	Xây dựng nhà lớp học và các phòng chức năng 2 tầng 6 phòng và các hạng phụ trợ trường tiểu học Minh Tiến	3629/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.498	2.498				2.498			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
15	Xây dựng mới nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường THCS Đoàn Đào và các hạng mục phụ trợ	3978/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	14.700	14.700			3.500	11.200			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
16	Xây dựng nhà đa năng, 6 phòng học bộ môn trường THCS Nhật Quang	4047/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	14.949	13.706				13.706			736				736			508		-		508	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
17	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng, phòng học và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Minh Tiến	4006/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	13.235	13.235				13.235			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
18	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, nâng cấp nhà hiệu bộ và tường rào - Trường THCS Tống Trân	3995/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	7.344	6.638				6.638			585				585			121		-		121	-	-	UBND xã Tống Trân	
19	Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, sửa chữa nâng cấp 3 phòng học nghề, xây mới khu vệ sinh và các hạng mục phụ trợ Trung tâm GDNN-GDTX	3989/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	9.761	9.761				9.761			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
20	Xây mới nhà đa năng, phòng bộ môn trường THCS Đinh Cao	4054/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	11.000	10.300				10.300			700				700			-		-		-	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
21	Xây dựng mới 6 phòng học bộ môn và 2 phòng học Trường tiểu học và THCS Tam Đa	4055/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	8.000	7.000				7.000			1.000				1.000			-		-		-	-	-	UBND xã Tống Trân	
22	Cải tạo, sửa chữa, xây mới phòng học, phòng chức năng cho trường tiểu học Quang Hưng	3822/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	11.945	5.000				5.000			4.400				4.400			2.545		-		2.545	-	-	UBND xã Quang Hưng	
23	Xây dựng mới hệ thống phòng học, phòng chức năng - trường tiểu học Đoàn	3896/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	14.901	10.400			7.000	3.400			3.335				3.335			1.166		-		1.166	-	-	UBND xã Đoàn Đào	
24	Sửa chữa 12 phòng học trường tiểu học Tống Trân	3634/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	383	383				383			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
25	Xây dựng nhà lớp học 8 phòng- Trường tiểu học Nhật Quang	4056/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	7.420	7.420				7.420			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
26	Khối nhà lớp học và lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng trường THCS Trần Cao	4096/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	13.747	13.367				7.000		6.367	-							379		-		-	-	379		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
27	Xây dựng nhà đa năng và phòng chức năng trường THCS Quang Hưng	3972/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	4.829	4.829				4.829			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**261.959**	**32.488**	-	-	-	**31.500**	-	**988**	**124.077**	-	-	**7.999**	**116.078**	-	-	**105.394**	-	-		**2.002**	-	**103.392**		
1	Xây dựng trường Mầm non tập trung xã Tam Đa	4107/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	55.566	7.000				7.000			23.000			3.000	20.000			25.566		-		-	-	25.566	UBND xã Tống Trân	
2	Xây dựng nhà đa năng, phòng học, phòng chức năng, nâng cấp nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ - trường THCS Phan Sào Nam	3990/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	24.957	3.500				3.500			11.500			1.999	9.501			9.957		-		-	-	9.957	UBND xã Đoàn Đào	
3	Xây mới hệ thống phòng học và phòng chức năng trường tiểu học Minh Tân	4075/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	14.990	5.000				5.000			9.298			3.000	6.298			692		-		692	-	-	UBND xã Quang Hưng	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																						Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							Trong đó								
				Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	7	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
4	Cải tạo hệ thống phòng học xuống cấp; xây mới hệ thống phòng bộ môn, phòng chức năng trường tiểu học Minh Hoàng	3821/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	7.200	5.500				5.500			1.180				1.180			520		-		520	-	-	UBND xã Đoàn Đào	
5	Nhà lớp học, các phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Minh Tiến	3819/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	6.848	2.500				2.500			4.348				4.348			0		-		0	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
6	Xây dựng nhà 8 phòng học, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Minh Tiến	Số 3897/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	13.996	5.000				5.000			8.990				8.990			6		-		6	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
7	Mở rộng trường Mầm non xã Nhật Quang	1970/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	6.045	3.000				3.000			2.761				2.761			284		-		284	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
8	Xây dựng nhà lớp học 10 phòng và các hạng mục phụ trợ - trường mầm non Tống Trân	1617/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	23.004	988						988	20.000				20.000			2.017		-		-	-	2.017	UBND xã Tống Trân	
9	Xây mới trường mầm non tập trung và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Tống Phan		95.852	-							30.000				30.000			65.852		-		-	-	65.852	UBND xã Quang Hưng	
10	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Nam Phù Cừ	3401/QĐ-UBND ngày 12/9/2024	13.500	-							13.000				13.000			500		-		500	-	-	UBND xã Tống Trân	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**22.000**	-	-	-	-	-	-	-	**10.000**	-	-	-	**10.000**	-	-	**12.000**	-	-		**12.000**	-	-		
1	Xây dựng mở rộng trường mầm non xã Đình Cao, huyện Phù Cừ	3997/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	22.000	-							10.000				10.000			12.000		-		12.000	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
d	**Dự án chưa quyết định đầu tư**		**60.443**	-	-	-	-	-	-	-	**1.500**	-	-	-	**1.500**	-	-	**58.943**	-	-		**42.073**	-	**16.870**		
1	Xây dựng Trường mầm non Đoàn Đào - Giai đoạn I: San lấp mặt bằng, xây tường chắn và giải phóng mặt bằng	168/NQ-HĐND ngày 12/7/2023	25.443	-							-							25.443		-		17.046	-	8.397	UBND xã Đoàn Đào	
2	Xây dựng 17 phòng học và 05 phòng chức năng trường Tiểu học Đình Cao	139/NQ-HĐND ngày 27/10/2022	35.000	-							1.500				1.500			33.500		-		25.027	-	8.473	UBND xã Tiên Tiến	
III	**NGÀNH, LĨNH VỰC Y TẾ**		**122.935**	**62.211**	-	**19.999**	-	**42.212**	-	-	**44.173**	-	-	-	**44.173**	-	-	**16.550**	-	**1**		**16.550**	-	-		
a	**Dự án hoàn thành**		**27.935**	**22.187**	-	-	-	**22.187**	-	-	**4.417**	-	-	-	**4.417**	-	-	**1.331**	-	-		**1.331**	-	-		
1	Xây mới nhà 02 tầng 10 phòng, khuôn viên bờ, tường rào Trạm y tế xã Nhật Quang	573/QĐ-UBND ngày 13/3/2023	10.000	7.500				7.500			1.964				1.964			536		-		536	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
2	Mở rộng trạm Y tế xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ		4.498	3.954				3.954			111				111			433		-		433	-	-	UBND xã Tống Trân	
3	Mở rộng trạm y tế xã Minh Tiến huyện Phù Cừ	3999/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	4.029	3.733				3.733			142				142			154		-		154	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
4	Xây dựng Trạm y tế xã Tiên Tiến	866/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	9.408	7.000				7.000			2.200				2.200			208		-		208	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**95.000**	**40.024**	-	**19.999**	-	**20.025**	-	-	**39.756**	-	-	-	**39.756**	-	-	**15.219**	-	**1**		**15.219**	-	-		
1	Xây dựng cải tạo nâng cấp - Trung tâm y tế huyện Phù Cừ	4098/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	95.000	40.024		19.999		20.025			39.756				39.756			15.219		1		15.219	-	-	UBND xã Đoàn Đào	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		-	-							-							-		-		-	-	-		
IV	**NGÀNH, LĨNH VỰC VĂN HÓA**		**134.741**	**63.126**	-	**19.100**	-	**44.026**	-	-	**20.600**	-	-	-	**20.600**	-	-	**51.015**	-	**44.190**		**2.317**	-	**4.508**		
a	**Dự án hoàn thành**		**50.134**	**43.526**	-	-	-	**43.526**	-	-	**600**	-	-	-	**600**	-	-	**6.008**	-	**1.500**			-	**4.508**		
1	Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục nhà văn hóa trung tâm huyện Phù Cừ	3999/QĐ-UBND ngày 13/12/2019	21.873	21.273				21.273			600				600			-		-			-	-	UBND xã Quang Hưng	
2	Xây dựng mới Nhà văn hóa và các công trình phụ trợ xã UBND xã Nguyên Hòa		14.508	10.000				10.000			-							4.508		-		-	-	4.508	UBND xã Tống Trân	
3	Nhà bia chi bộ đảng đầu tiên huyện Phù Cừ	3638/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	371	371				371			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
4	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đền Tống Trân xã Tống Trân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	3106/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	12.185	10.685				10.685			-							1.500		1.500			-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
5	Cải tạo, sửa chữa đền thờ các Anh hùng liệt sỹ huyện Phù Cừ và các hạng mục phụ trợ khác	697/QĐ-UBND ngày 03/4/2020	1.197	1.197				1.197			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh															KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao							Trong đó								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024																						
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	7	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**85.969**	**19.600**	**-**	**19.100**	**-**	**500**	**-**	**-**	**20.000**	**-**	**-**	**-**	**20.000**	**-**	**-**	**46.370**	**-**	**42.690**		**3.679**	**-**	**-**		
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm Cây đa và đền La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	181/NQ-HĐND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh	85.969	19.600		19.100		500			20.000				20.000			46.370		42.690		3.679	-	-	UBND xã Tống Trân	
			-	-							-							-		-		-	-	-		
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**-**	**-**							-							-		-		-	-	-		
d	**Dự án chưa quyết định đầu tư**		**-**	**-**							-							-		-		-	-	-		
V	**NGÀNH, LĨNH VỰC GIAO THÔNG**		**1.383.211**	**1.006.919**	**-**	**160.301**	**39.225**	**807.393**	**-**	**-**	**227.301**	**-**	**-**	**6.340**	**220.961**	**-**	**-**	**148.991**	**-**	**1.920**		**147.072**	**-**	**-**		
a	**Dự án hoàn thành**		**1.060.704**	**933.498**	**-**	**122.677**	**32.475**	**778.346**	**-**	**-**	**72.193**	**-**	**-**	**6.340**	**65.853**	**-**	**-**	**55.013**	**-**	**1.544**		**53.469**	**-**	**-**		
1	Cải tạo, Nâng cấp đường ĐH.87 huyện Phù Cừ (đoạn từ QL.38B Km0+000 thị trấn Trần Cao đến ĐT.386 Km4+100)	2826/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh	1.396	1.396		1.396					-							-		-		-	-	-	UBND xã Quang Hưng	
2	Cầu cáp trên ĐH.82, huyện Phù Cừ	1987/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh	25	25		25					-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
3	Xây dựng đường từ trường Tiểu học Phan Sào Nam ra ĐT.386	5079/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	1.028	1.028			1.028				-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (đoạn từ dốc đê thôn Thị Giang đến sân bóng thôn hạ Đồng)	5098/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	600	600		600					-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
5	Sửa chữa ĐH.83 đoạn từ Lưới A đến giao cắt với ĐH.81 thôn Duyên Linh, xã Đình Cao	5050/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	7.051	7.051			1.497	5.555			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
6	Xây dựng cầu Cự Phú xã Tam Đa, trên đường nhánh ĐH.64 huyện Phù Cừ	3556/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	6.441	6.441				6.441			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
7	Sửa chữa, nâng cấp cầu vào Trại giống lúa huyện Phù Cừ	3597/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	1.499	1.499			1.495	4			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
8	Xây dựng cầu Ba Đông trên ĐH.81, huyện Phù Cừ	936/QĐ-UBND ngày 12/4/2018	2.914	1.500				1.500			1.414				1.414			-		-		-	-	-	UBND xã Đoàn Đào	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.64 đoạn từ Km0+000 đến Km4+697,49 (từ địa phận huyện Phù Cừ đến chùa Viên Quang) và đoạn từ Km6+232,5 đến Km11+62,5 (từ điểm giao với QL38B đến điểm giao ĐH.80) huyện Phù Cừ	3159/QĐ-UBND ngày 04/9/2019	37.245	37.245				37.245			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
10	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.86 đoạn từ Km7+200 đến hết địa phận huyện Phù Cừ	5074/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	1.074	1.074				1.074			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
11	Cầu bắc qua sông Hòa Bình sang trường Mầm non xã Quang hưng	5078/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.126	3.126				3.126			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
12	Cải tạo nâng cấp và kè đường bờ kênh tiêu Trạm bơm Quang Xá (từ bờ sông Hòa Bình đến cầu Bà Chem)	2891/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	202	202			202				-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
13	Cải tạo, nâng cấp ĐH.85 đoạn từ cầu Phạm Xá đến ngã tư xóm Rèn thôn Phù Oanh, xã Minh Tiến, huyện Phù Cừ	788/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	3.399	3.399				3.399			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đình Cao đoạn từ ĐH.83 đến thôn An Nhuế, xã Đình Cao	3634/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.323	2.323				2.323			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
15	Xây dựng cầu Vóc trên ĐH.83, huyện Phù Cừ	3557/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	7.910	7.910			3.796	4.114			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
16	Cải tạo, nâng cấp ĐH.82 đoạn từ thôn Quế Lâm, xã Minh Hoàng đến quốc lộ 38B	3541QĐ-UBND ngày 21/10/2019	20.221	18.808			808	18.000			-							1.413		-		1.413	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
17	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ ĐH.82 đến ĐT.376 (Đoạn từ ngã tư thôn Quế Lâm đến giáp địa phận xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ)	3595/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	352	352				352			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao							KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024														Trong đó								
				Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	7	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
18	Xây dựng cầu Văn Xa, xã Đinh Cao, huyện Phù Cừ	3626/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.762	3.762				3.762			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
19	Cải tạo, nâng cấp ĐH.85 đoạn từ ĐH.64 đến ĐT.386	20/QĐ-BQLDA ngày 09/01/2019	1.783	1.783			1.783				-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
20	Đường nội huyện từ ĐT.386 qua cửa đền thờ các AHLS huyện	3601/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	1.049	177				177			-							872		-		872	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
21	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.81 (Km3+400 đến Km4+600)	1113/QĐ-UBND ngày 10/6/2020	1.568	1.568				1.568			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
22	Cải tạo, nâng cấp ĐH.81 đoạn từ điểm giao QL.38B đến giao ĐH.83 thôn Duyên Linh, xã Đinh Cao	3632/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	34.635	30.118			4.204	25.914			-							4.516		-		4.516	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
23	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông bờ sông Hòa Bình đoạn từ cầu Trần Cao đến cầu Đoàn Đào	3616/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	4.200	4.200				4.200			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
24	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào đoạn từ QL 38B (Km26+150) đến cổng làng Long Cầu	3635/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	9.527	9.527				9.527			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
25	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Duyên Linh xã Đinh Cao đoạn từ ĐH.81 đến bờ sông Nghĩa Trụ	3636/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.070	632				632			-							438		-		438	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
26	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông bờ sông Hòa Bình đoạn từ nhà ông Huân đến nhà ông Doanh, thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ	3628/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.260	3.261				3.261			-							(2)		-		(2)	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
27	Cải tạo, nâng cấp ĐH.85 (đoạn từ ĐT.386 thôn Hoàng Xá, xã Tiên Tiến đến cầu Phạm Xá thôn Nại Khê xã Tiên Tiến)	3220/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	21.992	16.234				16.234			1.600				1.600			4.157		-		4.157	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
28	Cải tạo, nâng cấp ĐH.86 qua xã Minh Hoàng (Km4+750 - Km5+700)	297a/QĐ-BQLDA ngày 11/6/2020	1.289	1.289				1.289			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
29	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đoàn Đào đoạn từ QL 38B đến cầu GTNT Đoàn Đào	297a/QĐ-BQLDA ngày 11/6/2020	5.544	5.544			994	4.550			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
30	Xây dựng cầu vào trường Chính trị huyện Phù Cừ và mở rộng đường từ cổng trường Chính trị huyện đến cầu ông Hỳ	3631/QĐ-BQLDA ngày 30/10/2019	8.091	8.091			1.131	6.960			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
31	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông bờ sông Hòa Bình đoạn từ cầu Đoàn Đào đến cống ông Nghi, xã Đoàn Đào	3618/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	133	133				133			-							0		-		0	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
32	Cải tạo, nâng cấp ĐH.64 kéo dài đoạn từ UBND xã Tam Đa lên ĐT.378	5083/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	78	78				78			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
33	Cải tạo, nâng cấp ĐH.86 (Đoạn từ Km2+220-Km4+750)	3206/QĐ-UBND ngày 11/9/2019	12.288	12.288				12.288			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
34	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ ĐT.386 đến ĐH.80 và đoạn ngã tư xóm Rén đến ngã tư xóm Đọ thôn Phù Oanh xã Minh [illegible]	3166/QĐ-UBND ngày 05/9/2019	32.037	32.037				32.037			-							(0)		-		(0)	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
35	Đầu tư xây dựng tuyến đường bờ sông Sậy - La Tiến đoạn từ cầu Quán Bầu đến cầu Tống Phan (cầu ông Hỳ)	5064/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	6.323	3.928				3.928			287				287			2.109		-		2.109	-	-	UBND xã Tống Trân	
36	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Đinh Cao huyện Phù Cừ và Cương Chính, huyện Tiên Lữ (Điểm đầu ngã 5 Đinh Cao, điểm cuối giáp ĐH.99)	3632/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	8.181	8.181				8.181			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
37	Xây dựng đường mới từ trạm bơm Duyên Linh trên ĐH.83 đến giao với ĐH.80, xã Đinh Cao, huyện Phù Cừ	số 3621/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.456	25.900				25.900			1.400				1.400			2.156		-		2.156	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
38	Xây mới đường từ đường nối lên cầu La Tiến qua đền Tống Trân đến giao với ĐH.85	số 238/QĐ-UBND ngày 03/02/2020	22.163	22.163			3.163	19.000			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh															KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao							Trong đó								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024																						
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	7	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
39	Cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Sậy, La Tiến đoạn từ ĐH.64 (cầu Chéo) đến ĐT.387 (Trạm bơm La Tiến), huyện Phù Cừ	Số 986/QĐ-UBND ngày 19/5/2020	37.587	21.363				21.363			15.723				15.723			501		-		501	-	-	UBND xã Tống Trân	
40	Xây dựng cầu GTNT xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ	Số 3593/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.711	14.711				14.711			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
41	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.80 đoạn từ ngã tư cầu Nhật Quang (Km2+610) đến giáp địa phận xã Tống Trân (Km7+920), huyện Phù Cừ	Số 808/QĐ-UBND ngày 24/4/2020	53.472	53.440		14.600		38.840			-							32		-		32	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
42	Xây dựng đường mới từ thôn Nại Khê, xã Tiên Tiến (Đoạn giao với ĐH.85) đến giao với đường ĐH.80	3631/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	21.991	18.895				18.895			950				950			2.146		-		2.146	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
43	Xây mới đường giao thông đoạn từ ĐH.80 đến giao cắt với đường ĐH.85 (qua địa phận đến Tống Trân)	3615/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14.989	14.406				14.406			579				579			5		-		5	-	-	UBND xã Tống Trân	
44	Đường nội huyện kéo dài đến KDC mới xã Tống Phan	3642/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.589	5.750				5.750			839				839			-		-		-	-	-	UBND xã Quang Hưng	
45	Đầu tư xây dựng tuyến tránh QL.38B qua địa phận huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng yên (đoạn từ vị trí giáp ranh giữa 2 xã Cương Chính huyện Tiên Lữ và xã Đình Cao, huyện Phù Cừ đến ĐH.80)	3591/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	69.000	63.814		26.056		37.758			-							5.186		1.544		3.642	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
46	Xây dựng đường GTNT xã Đình Cao (Tuyến 1: Đường bờ sông Nghĩa Trụ đoạn từ nhà bà Đáng xóm 4 thôn Hà Linh đến Đình Trại; Tuyến 2: Từ nhà ông Lưu xóm Nam đến ngã 3 cổng chùa thôn An Nhuế), huyện Phù Cừ	915/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	8.442	7.207				7.207			968				968			267		-		267	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
47	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.89 đoạn từ Cầu Kênh Tiêu đến Cầu Chéo	3740/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	14.960	7.230				7.230			7.730				7.730			-		-		-	-	-	UBND xã Tống Trân	
48	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào; Đoạn từ QL.38B (Km26+520) đến giao với ĐH.82 (Cổng làng văn hóa thôn Đại Duy)	4799/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	34.760	29.382				29.382			5.377				5.377			0		-		0	-	-	UBND xã Đoàn Đào	
49	Xây dựng tuyến đường ra khu xử lý rác thải xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ	2235/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	3.754	2.781				2.781			710				710			263		-		263	-	-	UBND xã Đoàn Đào	
50	Xây dựng cầu và đường vào chùa Bà xã Nhật Quang, huyện Phù Cừ	4798/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	11.835	11.835				11.835			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
51	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ nghĩa trang Liệt sỹ đến dốc cống làng Thị Giang, xã Nguyên Hòa	4801/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	13.573	13.573				13.573			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
52	Đường trục trung tâm huyện Phù Cừ (đoạn từ cầu Quán Bầu - ĐT.386 đến đường ĐH.80 - tuyến tránh QL.38B)	3958/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	200.000	169.700		80.000	4.700	85.000			8.440			4.340	4.100			21.860		-		21.860	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
53	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.82 đoạn từ cầu Cáp đến hết địa phận huyện Phù Cừ	3975/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	5.371	5.371				5.371			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
54	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Minh Tiến (Đoạn từ ĐH.85 qua thôn Phạm Xá đến ĐH.80)	3998/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	28.007	28.001			7.674	20.327			-							6		-		6	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
55	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đình Cao đoạn từ Ngã 5 thôn Đình Cao đến ngã tư thôn An Nhuế	3996/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	9.110	9.110				9.110			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
56	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tân (đoạn từ ĐT.386 cầu Sậy đến cổng ông Văn thôn Nghĩa Vũ và đoạn từ ĐT.386 đến cổng chùa thôn Nghĩa Vũ)	4009/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	11.487	10.800				10.800			150				150			537		-		537	-	-	UBND xã Quang Hưng	
57	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, kè bảo vệ đường xã Đoàn Đào đoạn từ ĐH.81 (voi đá - ngựa đá) qua cầu Rồng thôn Long Cầu nối đến ĐH.86	3976/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	43.585	37.806				37.806			2.000			2.000				3.779		-		3.779	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							Trong đó								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	7	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
58	Nâng cấp cầu sang nhà Văn hóa trung tâm huyện	4008/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	10.529	10.529				10.529			-							0		-		0	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
59	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào	3977/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	22.500	12.318				12.318			9.794				9.794			388		-		388	-	-	UBND xã Đoàn Đào	
60	Nâng cấp 3 tuyến đường GTNT Tổng Phan	3993/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	14.900	13.738				13.738			-							1.162		-		1.162	-	-	UBND xã Quang Hưng	Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
61	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.86 đoạn từ Km 1+100 đến Km 2+67 (Từ cầu Mãn đến hết thôn Phú Mãn)	3902/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	14.995	13.300				13.300			400				400			1.295		-		1.295	-	-	UBND xã Đoàn Đào	
62	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Hoàng (đoạn từ Cổng làng Hoàng Tranh đi hàng bà Thừa và đoạn từ đầu làng Quế Lâm đi chùa Ải)	3992/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	10.101	9.914				9.914			-							188		-		188	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
63	Đường GTNT xã Quang Hưng từ QL38 (cạnh trường tiểu học) đến gốc Đề đường ĐH.64	3974/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	24.979	16.521				16.521			8.458				8.458			0		-		0	-	-	UBND xã Quang Hưng	
64	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Hưng	3973/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	10.000	9.603				9.603			-							397		-		397	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
65	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tổng Trân	3994/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	21.693	20.238				20.238			1.072				1.072			383		-		383	-	-	UBND xã Tổng Trân	
66	Nâng cấp Cầu cống Đông thôn Cao Xá (Từ QL.38B sang ĐH.84)	4057/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	12.288	12.288				12.288			-							0		-		0	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
67	Cải tạo, nâng cấp Đường GTNT Đoàn Đào (tuyến thôn Đại Duy)	3883/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	10.260	5.000				5.000			4.302				4.302			958		-		958	-	-	UBND xã Đoàn Đào	
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**196.849**	**73.421**	**-**	**37.624**	**6.750**	**29.047**	**-**	**-**	**110.608**	**-**	**-**	**-**	**110.608**	**-**	**-**	**12.820**	**-**	**376**		**12.444**	**-**	**-**		
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐT.378 đi qua Vụng Qua đến đỉnh làng Hạ Đồng xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ	3961/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	95.000	60.724		37.624		23.100			33.000				33.000			1.276		376		900	-	-	UBND xã Tổng Trân	
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.80 đoạn từ giao ĐH.64 (Km0+210) đến nút giao với đường tránh QL.38 (Km3+910)	3865/QĐ-UBND ngày 23/11/2022; Số 2920/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	62.500	-							55.000				55.000			7.500		-		7.500	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
3	Đường GTNT Nguyên Hoà (Tuyến 1 từ Cổng ông Linh (thôn La Tiến) đến trạm bơm Thị Giang, tuyến 2 Đoạn từ cầu bà Chén đến giao với đường dẫn lên cầu La Tiến)	3884/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	25.936	7.497			6.750	747			18.378				18.378			61		-		61	-	-	UBND xã Tổng Trân	
4	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH.81 đoạn Duyên Linh (qua chùa Ngà) đến ĐH.83 (đoạn từ Đình Trại đến nhà ông Thân)	3894/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	13.413	5.200				5.200			4.230				4.230			3.983		-		3.983	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**125.658**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**44.500**	**-**	**-**	**-**	**44.500**	**-**	**-**	**81.158**	**-**	**-**		**81.158**	**-**	**-**		
1	Cải tạo, nâng cấp ĐH.88 huyện Phù Cừ; Đoạn từ cổng trường chính trị huyện đến giao với ĐH.64 (cống Chầy)	4427/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	79.660	-							1.500				1.500			78.160		-		78.160	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
2	Xây dựng đường từ ĐT.386 (khu dân cư mới xã Tam Đa) đến giao với ĐH.64 (trường THCS xã Tam Đa)	3830/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	45.998	-							43.000				43.000			2.998		-		2.998	-	-	UBND xã Tổng Trân	
c	**Dự án chưa quyết định đầu tư**		-	-							-															
VI	**NGÀNH, LĨNH VỰC KHÁC**		**1.622.454**	**477.786**	**-**	**-**	**-**	**477.786**	**-**	**-**	**408.889**	**-**	**-**	**2.660**	**406.229**	**-**	**-**	**735.779**	**-**	**-**		**735.779**	**-**	**-**		
a	**Dự án hoàn thành**		**505.072**	**411.952**	**-**	**-**	**-**	**411.952**	**-**	**-**	**82.079**	**-**	**-**	**2.660**	**79.419**	**-**	**-**	**11.042**	**-**	**-**		**11.042**	**-**	**-**		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Quang Hưng	3309/QĐ-UBND ngày 05/10/2021	37.000	35.112				35.112			1.887				1.887			1		-		1	-	-	UBND xã Quang Hưng	
2	Hạ tầng khu dân cư số 06 xã Tổng Phan	3761/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	140.195	113.592				113.592			26.602				26.602			0		-		0	-	-	UBND xã Quang Hưng	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao							KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024														Trong đó								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	7	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
3	Xây dựng hệ thống đường điện chiếu sáng đoạn từ Quán Bầu đến khu di tích lịch sử Cây đa và đền La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ	3070/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	789	789				789			-							-		-		-	-	-		
4	Chi phí trích đo phục vụ đấu giá đất Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Minh Tân		72	72				72			-							-		-		-	-	-		
5	Chi phí tư vấn xác định giá đất hạ tầng khu dân cư minh Tân		51	51				51			-							-		-		-	-	-		
6	Chi phí trích đo phục vụ đấu giá đất Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 05		98	98				98			-							-		-		-	-	-		
7	Chi phí tư vấn giá đất Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng cầu Ba Đông trên ĐH.81 và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ		70	70				70			-							-		-		-	-	-		
8	Chi phí tư vấn giá đất Cụm công nghiệp thị trấn Trần Cao - Quang Hưng, huyện Phù Cừ (Giai đoạn 1: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu hành chính dịch vụ Cụm công nghiệp)		43	43				43			-							-		-		-	-	-		
9	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Nguyên Hòa	1239/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	54.960	48.905				48.905			1.000				1.000			5.055		-		5.055	-	-		
10	Xây dựng khu tái định cư và Chợ La Tiến để mở rộng Khu di tích lịch sử Cây Đa và đền La Tiến, xã Nguyên Hòa và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân	982/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	108.500	89.070				89.070			19.430				19.430			0		-		0	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
11	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 10 xã Đình Cao, huyện Phù Cừ	6324/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	90.000	55.406				55.406			32.060			2.660	29.400			2.535		-		2.535	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
12	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 4, huyện Phù Cừ	1434/QĐ-UBND ngày 09/5/2019	2.712	2.712				2.712			-							0		-		0	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
13	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Lưới A xã Đình Cao, huyện Phù Cừ	3435/QĐ UBND ngày 02/10/2019	34.905	30.403				30.403			1.100				1.100			3.401		-		3.401	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
14	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 5	3625/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.118	23.118				23.118			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
15	Hạ tầng kỹ thuật khu Trung tâm y tế cũ huyện Phù Cừ (GDD2) - 3.600m2	773/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	2.339	2.291				2.291			-							49		-		49	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
16	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Minh Tân, huyện Phù Cừ	số 3116/QĐ-UBND ngày 26/8/2019	10.221	10.221				10.221			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**517.246**	**65.335**	-	-	-	**65.335**	-	-	**194.355**	-	-	-	**194.355**	-	-	**257.556**	-	-		**257.556**	-	-		
1	Hạ tầng khu dân cư số 09 xã Tống Phan	741/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	150.000	7.500				7.500			94.355				94.355			48.145		-		48.145	-	-	UBND xã Quang Hưng	
2	Xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Đình Cao, huyện Phù Cừ để phục vụ dự án đường Tân Phúc - Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên	890/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	188.025	32.057				32.057			50.000				50.000			105.968		-		105.968	-	-	UBND xã Tiên Tiến	
3	Xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ để phục vụ dự án đường Tân Phúc - Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên	1357/QĐ-UBND ngày 02/4/2024	179.221	25.778				25.778			50.000				50.000			103.444		-		103.444	-	-	UBND xã Đoàn Đào	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**305.136**	**500**	-	-	-	**500**	-	-	**132.455**	-	-	-	**132.455**	-	-	**172.181**	-	-		**172.181**	-	-		
1	Di chuyển trạm bơm Quán Bầu phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường trục trung tâm huyện Phù Cừ (đoạn từ cầu Quán Bầu - ĐT386 đến đường ĐH.80 - tuyến tránh QL.38).	631/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	13.000	-							8.834				8.834			4.166		-		4.166	-	-	UBND xã Quang Hưng	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																						Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							Trong đó								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	7	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 07 xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ	1048/QĐ-UBND ngày 05/3/2023	166.219	500				500			60.000				60.000			105.719		-		105.719	-	-	UBND xã Đoàn Đào	
3	Hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, dự phòng ngân sách và chi phí trích đo bản đồ địa chính, hỗ trợ chương trình PTKTXH và vốn chưa phân bổ cho các dự án, cấp vốn ủy thác cho ngân hàng		125.917	-							63.620				63.620			62.297		-		62.297	-	-		
d	**Dự án chưa quyết định đầu tư**		**295.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**295.000**	-	-		**295.000**	-	-		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm Cây đa và đền La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên - Giai	194/NQ-HĐND ngày 12/12/2023	7.365	-							-							7.365		-		7.365	-	-	UBND xã Tống trân	
2	Xây dựng tượng đài và các công trình phát huy giá trị khu di tích lịch sử Cây Đa và Đền La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ	193/NQ-HĐND ngày 12/12/2023	62.635	-							-							62.635		-		62.635	-	-	UBND xã Tống trân	
3	Xây dựng khu tái định cư để thực hiện dự án để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm Cây đa và đền La Tiến (giai đoạn 2) và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	130/NQ-HĐND ngày 22/9/2022	180.000	-							-							180.000		-		180.000	-	-	UBND xã Tống trân	
4	Xây dựng khu dân cư nông thôn, đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ	233/NQ-HĐND ngày 15/11/2024	45.000	-							-							45.000		-		45.000	-	-	UBND xã Đoàn Đào	
VII	**NGÀNH, LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**		**112.679**	**22.734**	-	-	-	**22.734**	-	-	**1.500**	-	-	-	**1.500**	-	-	**88.445**	-	-		**88.445**	-	-		
a	**Dự án hoàn thành**		**24.995**	**22.734**	-	-	-	**22.734**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**2.261**	-	-		**2.261**	-	-		
1	GPMB thực hiện dự án Xây dựng điểm thu gom, xử lý rác thải tập trung của huyện Phù Cừ		12.000	11.123				11.123			-							877		-		877	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
2	Bể chứa vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Phù Cừ	4092/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	1.864	1.864				1.864			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
3	Điểm thu gom rác tập trung thôn Trà Dương, xã Tống Trân, huyện Phù Cừ	3641/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	470	470				470			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
4	Hệ thống xử lý nước thải các khu dân cư thôn Khả Duy, xã Đoàn Đào; thôn Trà Bồ, xã Phan Sào Nam; thôn Tam Đa, xã Tam Đa; thôn Nhật Lệ, xã Nhật Quang; thôn An Nhuế, xã Đình Cao	3003/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	10.200	8.816				8.816			-							1.384		-		1.384	-	-		
5	Điểm thu gom rác tập trung thôn Hà Linh, xã Đình Cao, huyện Phù Cừ	số 3640/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	461	461				461			-							-		-		-	-	-		Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		-	-							-							-				-	-	-		
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		-	-							-							-		-		-	-	-		
d	**Dự án chưa quyết định đầu tư**		**87.685**	-	-	-	-	-	-	-	**1.500**	-	-	-	**1.500**	-	-	**86.185**	-	-		**86.185**	-	-		
1	Điểm tập kết rác thải thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ	88/NQ-HĐND ngày 26/11/2021	30.685	-							1.500				1.500			29.185		-		29.185	-	-	UBND xã Quang	
2	Trạm xử lý nước thải tập trung khu dân cư thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ	89/NQ-HĐND ngày 26/11/2021	57.000	-							-							57.000		-		57.000	-	-	UBND xã Quang	
VIII	**NGÀNH, LĨNH VỰC QUY HOẠCH**		**9.369**	**7.056**	-	-	-	**7.056**	-	-	**1.213**	-	-	-	**1.213**	-	-	**1.100**	-	-		**1.100**	-	-		
a	**Dự án hoàn thành**		**8.952**	**7.056**	-	-	-	**7.056**	-	-	797	-	-	-	797	-	-	**1.100**	-	-		**1.100**	-	-		
1	Lập đề án công nhận khu vực xã Đình Cao đạt chuẩn đô thị loại V	2889/QĐ-UBND ngày 10/8/2020	446	446				446			-							-		-		-	-	-	UBND xã Tiên Tiến	Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
2	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ đến năm 2035	1274/QĐ-UBND ngày 07/6/2019	1.497	700				700			797				797			-		-		-	-	-	UBND xã Quang Hưng	Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh															KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														Trong đó								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao															
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	7	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
3	Lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	2771/QĐ-UBND ngày 12/12/2019	2.389	2.144				2.144			-							245		-		245	-	-	xã Tống Trân, Tiên Tiến, Quang Hưng, Đoàn Đào	Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
4	Lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022	3580/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	2.386	1.944				1.944			-							442		-		442	-	-	xã Tống Trân, Tiên Tiến, Quang Hưng, Đoàn Đào	Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
5	Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Đa, huyện Phù Cừ đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000	2867/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	306	251				251			-							55		-		55	-	-	UBND xã Tống Trân	Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
6	Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Tống Phan, huyện Phù Cừ đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000	2875/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	365	298				298			-							67		-		67	-	-	UBND xã Tiên Tiến	Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
7	Quy hoạch chung xây dựng xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000	2868/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	318	260				260			-							58		-		58	-	-	UBND xã Tiên Tiến	Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
8	Quy hoạch chung xây dựng xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000	2871/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	280	230				230			-							50		-		50	-	-	UBND xã Tống Trân	Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
9	8068011 - Quy hoạch chung xây dựng xã Nhật Quang, huyện Phù Cừ đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000	3834/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	289	230				230			-							59		-		59	-	-	UBND xã Tiên Tiến	Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
10	Quy hoạch chung xây dựng xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000	3834/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	361	295				295			-							66		-		66	-	-	UBND xã Đoàn Đào	Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
11	Quy hoạch chung xây dựng xã Minh Hoàng, huyện Phù Cừ đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000	2870/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	316	258				258			-							57		-		57	-	-	UBND xã Đoàn Đào	Đã hoàn thành, thanh toán hết nợ
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		-	-							-							-		-		-	-	-		
c	**Dự án khởi công mới năm 2024**		-	-							-							-	-	-		-	-	-	0	
d	**Dự án khởi công mới năm 2025**		417	-	-	-	-	-	-	-	417	-	-	-	417	-	-	-	-	-		-	-	-		
1	Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tiên Tiến (sau khi sát nhập 02 xã Tiên Tiến, Minh Tiến), huyện Phù Cừ đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000	207/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	417	-							417				417			-		-		-	-	-		
IX	**HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP...**		**34.624**	**33.746**	-	-	**22**	**33.724**	-	-	**17**	-	-	-	**17**	-	-	**861**	-	-	-	**861**	-	-		
a	**Dự án hoàn thành**		**34.624**	**33.746**	-	-	**22**	**33.724**	-	-	**17**	-	-	-	**17**	-	-	**861**	-	-		**861**	-	-		
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Phù Cừ	3937a/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	644	644				644			-							0		-		0	-	-		
2	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà làm việc 3 tầng trụ sở HĐND - UBND huyện Phù Cừ	3954/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	660	660				660			-							-		-		-	-	-		
3	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục khối cơ quan Huyện ủy Phù Cừ	3517/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	2.699	2.398				2.398			-							302		-		302	-	-		
4	Trang trí nội thất và lắp đặt trang thiết bị phòng họp, phòng khánh tiết và một số phòng làm việc - nhà làm việc 3 tầng UBND huyện Phù Cừ	5070/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	22	22			22				-							-		-		-	-	-		
5	Sơn nhà làm việc 4 tầng và tường rào Huyện ủy.	3617/QĐ-BQLDA ngày 29/10/2019	141	141				141			-							-		-		-	-	-		
6	Sơn nhà làm việc 4 tầng HĐND - UBND huyện	3600/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	149	149				149			-							-		-		-	-	-		
7	Cải tạo, sửa chữa khu nhà làm việc hai tầng phòng Tài chính-KH; phòng NN&PTNT huyện	3596/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	30	30				30			-							0		-		0	-	-		

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							Trong đó								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	7	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
8	Nhà thể thao và lán xe cho cán bộ, công nhân viên Huyện ủy Phù cừ	3635/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	316	178				178			-							138		-		138	-	-		
9	Xây dựng công viên cây xanh huyện Phù Cừ (Công viên 14-8) và cầu từ đường ĐT.386 vào công viên	929/QĐ-BQLDA ngày 11/5/2020	22.520	22.520				22.520			-							0		-		0	-	-		
10	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Phù Cừ	893/QĐ-UBND ngày 09/4/2021	5.640	5.382				5.382			-							258		-		258	-	-		
11	Cải tạo, sửa chữa tầng 3 nhà làm việc cơ quan Huyện ủy Phù Cừ	3822/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	1.802	1.622				1.622			17				17			164		-		164	-	-	UBND xã Quang Hưng	
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		-	-							-							-		-		-	-	-		
B	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO CẤP XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ (nằm trên địa bàn 01 xã mới)**		72.289	-	-	-	-	-	-	-	30.000	-	-	-	30.000	-	-	42.289	-	-		-	-	42.289		
a	**Dự án hoàn thành**		-	-																						
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		-	-							-							-		-		-	-	-		
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		72.289	-	-	-	-	-	-	-	30.000	-	-	-	30.000	-	-	42.289	-	-		-	-	42.289		
1	Xây dựng trường Mầm non tập trung xã Nguyên Hòa	4106/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	72.289	-							30.000				30.000			42.289		-		-	-	42.289	UBND xã Tống Trân	
C	**DỰ ÁN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO CẤP HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**		12.449	1.500	-	-	-	1.500	-	-	10.949				10.949											
1	**NGÀNH, LĨNH VỰC...**		12.449	1.500	-	-	-	1.500	-	-	10.949				10.949											
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		12.449	1.500	-	-	-	1.500	-	-	10.949				10.949											
1	Quy hoạch chung đô thị mới Đình Cao, huyện Phù Cừ đến năm 2040, tỷ lệ 1/5.000	2188/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	3.646	500				500			3.146				3.146											
2	Quy hoạch chung đô thị mới Quang Hưng, huyện Phù Cừ đến năm 2040, tỷ lệ 1/5.000	2190/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	2.879	500				500			2.379				2.379											
3	Quy hoạch chung đô thị mới Minh Tân, huyện Phù Cừ đến năm 2040, tỷ lệ 1/5.000	2190/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	2.698	500				500			2.198				2.198											
4	Quy hoạch chung đô thị mới Tống Trân, huyện Phù Cừ đến năm 2040, tỷ lệ 1/5.000		3.226	-							3.226				3.226											
D	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 02 XÃ MỚI TRỞ LÊN**		772.957	187.137	-	73.900	-	113.237	-	-	299.512		50.000	-	249.512	-	-	286.308	-	39.550	-	246.758	-	-		
a	**Dự án hoàn thành**		-	-							-							-								
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		772.957	187.137	-	73.900	-	113.237	-	-	299.512		50.000	-	249.512	-	-	286.308	-	39.550	-	246.758	-	-		
1	Đường nối từ QL38B với đường đến khu di tích Voi đá Ngựa đá và khu dân cư số 5 huyện Phù Cừ	1177/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	44.557	6.231				6.231			20.000				20.000			18.325				18.325			UBND xã Đoàn Đào	
2	Lập Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên đến năm 2040, định hướng đến năm 2050	207/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	1.400	-							1.400				1.400			-				-				
3	Lắp đặt hệ thống camera an ninh và giám sát vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện Phù Cừ	3815/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	20.000	-							20.000				20.000			-				-			UBND xã Quang Hưng	
4	Xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B đến đường nối từ ĐT.386 (cầu Quán Bầu) với ĐH.81 huyện Phù Cừ	3962/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	63.000	39.237		18.900		20.337			5.763				5.763			18.000				18.000			UBND xã Tiên Tiến	
5	Xây dựng khu tái định cư số 8 phục vụ GPMB dự án đường nối từ QL38B với đường nối khu di tích Voi đá Ngựa đá và khu dân cư số 5 huyện Phù Cừ và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thị trấn Trần Cao, xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ	740/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	180.000	35.856				35.856			70.000				70.000			74.144				74.144			UBND xã Quang Hưng	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh															KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao							Trong đó								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024																						
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	7	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
6	Xây dựng tuyến nối từ QL.38 B (cụm công nghiệp Trần Cao - Quang Hưng) đến ĐH.85 huyện Phù Cừ	3933/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	265.000	105.813		55.000		50.813			132.349				132.349			26.838				26.838			UBND xã Quang Hưng	
7	Xây dựng đường Trần Cao – Minh Tân và kè mái taluy đường ĐT.386 thuộc địa phận thị trấn Trần Cao (NS tỉnh 45%; NS huyện 55%)	1479/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	199.000	-							50.000		50.000					149.000		39.550		109.450			UBND xã Quang Hưng	

PHỤ LỤC SỐ 03

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2025 CỦA HUYỆN TIÊN LỮ (TRƯỚC SẮP XẾP) ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
	TỔNG SỐ		**1.764.185**	**1.035.742**	**0**	**325.841**	**50.710**	**659.191**	**0**	**0**	**736.166**	**0**	**139.500**	**19.492**	**571.496**	**7.360**	**3.869.443**	**0**	**73.300**	**0**	**3.568.366**				
A	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NĂM TRÊN ĐỊA BÀN 01 XÃ MỚI**		**1.436.314**	**753.942**	**0**	**108.441**	**48.828**	**596.673**	**0**	**0**	**690.095**	**0**	**139.500**	**19.492**	**525.425**	**7.360**	**3.516.476**	**0**	**73.300**	**0**	**3.215.399**				
a	**Dự án hoàn thành**		**707.485**	**593.593**	**0**	**66.851**	**39.763**	**486.979**	**0**	**0**	**113.892**	**0**	**0**	**7.360**	**101.532**	**5.000**	**67.261**	**0**	**0**	**0**	**67.261**				
1	Đầu tư xây dựng mở rộng cầu Phượng Tường	1948/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	950	950			400	550									0							Hoàng Hoa Thám	
2	Trường mầm non 19/8	1742/QĐ-UBND ngày 11/10/2017	10.050	10.050			3.928	6.122									0							Hoàng Hoa Thám	
3	Cải tạo sửa chữa các hạng mục phụ trợ trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Tiên Lữ	1069/QĐ-UBND ngày 2/7/2019	2.300	2.300			190	2.110									0							Hoàng Hoa Thám	
4	Xây dựng nhà lớp học 10 phòng học trường THCS Ngô Quyền	1899/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	6.656	6.656		500		6.156									0							Hoàng Hoa Thám	
5	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy	46/NQ-HĐND ngày 02/10/2020	2.000	2.000			189	1.811									0							Hoàng Hoa Thám	
6	Xây dựng nhà văn hóa và các công trình phụ trợ thôn Hậu Xá xã Hưng Đạo	1939/QĐ-UBND ngày 18/10/2018	1.006	1.006			1.000	6									0							Hoàng Hoa Thám	
7	Xây dựng nhà ăn UBND huyện	2974/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	10.000	10.000			3.000	7.000									0							Hoàng Hoa Thám	
8	Cầu Bắc qua sông Bản Lễ	2343/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	5.000	5.000		5.000											0							Hoàng Hoa Thám	
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dị chế, huyện Tiên Lữ (đoạn từ đường bê tông liên xã (Trường TH Dị Chế đến Bờ sông Tân An).	2970/QĐ-BQLDA ngày 22/12/2021	14.200	14.200			2.000	12.200									0							Hoàng Hoa Thám	
10	Nhà làm việc số 4 các phòng chức năng UBND huyện Tiên Lữ	48/NQ-HĐND ngày 2/10/2020	3.044	3.044			1.973	1.071									0							Hoàng Hoa Thám	
11	Cải tạo sửa chữa nhà ăn, bếp ăn và công trình phụ trợ Huyện ủy huyện Tiên Lữ.	1071/QĐ-UBND ngày 2/7/2019	4.140	4.140			2.000	2.140									0							Hoàng Hoa Thám	
12	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc, các hạng mục phụ trợ và đầu tư trang thiết bị trụ sở Huyện ủy Tiên Lữ	101/NQ-HĐND ngày 7/7/2021	14.965	14.965			3.120	11.845									0							Hoàng Hoa Thám	
13	Nhà công cộng, kho lưu trữ và đường vào trụ sở làm việc Huyện ủy- HĐND-UBND huyện	2378/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	6.234	6.234			1.000	5.234									0							Hoàng Hoa Thám	
14	Xây dựng mở rộng cầu Phố Giác huyện Tiên Lữ	1432/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	26.000	21.000		21.000					5.000				5.000		4.000				4.000			Hoàng Hoa Thám	
15	Cải tạo nâng cấp đường ĐH.72 đoạn từ quốc lộ 38 đến cầu Này (km7+532-km10+132)	Số 1808 ngày 23/6/2017	12.397	7.844				7.844			4.553			553	4.000		0				0			Hoàng Hoa Thám	
16	Cải tạo, nâng cấp đường nội thị II và nội thị III Thị trấn Vương	số 3131/QĐ-UBND ngày 16/12/2023	13.137	3.000				3.000			10.137				10.137		5.500				5.500			Hoàng Hoa Thám	
17	Cải tạo, nâng cấp ĐH.95 đoạn từ cầu Quán Đò đến ngã tư thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ.	số 1922/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	43.784	38.883		18.000		20.883			4.901				4.901		3.117				3.117			Hoàng Hoa Thám	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024													*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
18	Cải tạo, mở rộng đường Nội thị 1 thị trấn Vương	2047/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.947	5.047				5.047			900				900		53				53			Hoàng Hoa Thám	
19	Di chuyển và trồng bổ sung cây xanh khuôn viên trụ sở Huyện ủy-HĐND-UBND huyện	3669/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	1.932								1.932			*1.500*	432		0				0			Hoàng Hoa Thám	
20	Đầu tư trang thiết bị nhà văn hóa huyện Tiên Lữ (giai đoạn 1)	1882/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	5.174	4.867				4.867			307			307			0				0			Hoàng Hoa Thám	
21	Xây dựng khu vườn cây xanh Khu dân cư số 1 huyện Tiên Lữ	2653/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	15.000	10.000			5.000	5.000			5.000			2.000	3.000		0				0			Hoàng Hoa thám	
22	Hoàn thiện hệ thống vỉa hè khu trung tâm văn hóa thể thao huyện Tiên Lữ	Số 2221/QĐ-BQLDA ngày 12/9/2020	6.998	4.998				4.998			2.000				2.000		2				2			Hoàng Hoa Thám	
23	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường liên xã Nhật Tân - Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ (từ giao ĐH.72 (chợ Chùa xã Nhật Tân) đến giếng Văn Công xã Hưng Đạo)	2880/QĐ-UBND ngày 18/12/2021	24.000	12.000				12.000			12.000				10.000	2.000	7.000				7.000			Hoàng Hoa thám	
24	Xây dựng đường vào khu dân cư mới huyện Tiên Lữ	1741/QĐ-UBND ngày 09/10/2019	4.580	3.000				3.000			1.580				1.580		10.989				10.989			Hoàng Hoa thám	
25	Xây dựng ngọn đuốc vĩnh cửu và cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ đền Liệt sỹ huyện Tiên Lữ	số 2652/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	3.550	2.550			1.750	800			1.000				1.000		0				0			Hoàng Hoa thám	
26	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 2 xã An Viên. Hạng mục cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng	Số 1887/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	500								500				500		7.200				7.200			Hoàng Hoa Thám	
27	Chi phí xây dựng Hạ tầng kỹ thuật thuật khu dân cư mới số 2 xã An Viên	Số 2182 ngày 21/9/2021	48.333	46.333				46.333			2.000				2.000		167				167			Hoàng Hoa Thám	
28	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.83 (đoạn từ Km3+300-Km7+040)	Số 2048 ngày 30/10/2018	30.194	27.494				27.494			2.700				2.700		6				6			Tiên Lữ	
29	Cải tạo nâng cấp đường ĐH.90 huyện Tiên Lữ	Số 905 ngày 12/6/2018	28.000	28.000			2.072	25.928									0				0			Tiên Lữ	
30	Tu sửa khẩn cấp cống Chi Lễ trên kênh T1 trạm bơm Triều Dương huyện Tiên Lữ	60 ngày 07/7/2021	14.500	14.500			864	13.636									0				0			Tiên Lữ	
31	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.93 huyện Tiên Lữ (Đoạn từ Km4+00-ĐT.378).	Số 1844 ngày 30/10/2017	30.258	20.258				20.258			10.000				10.000		6.660				6.660			Tiên Lữ	
32	Cải tạo, nâng cấp ĐH.92 (Nhánh 2) đoạn từ Km2+200 đến Km3+800 - Giai đoạn 2	Số 1973/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	12.746	10.000				10.000			2.746				2.746		3.845				3.845			Tiên Lữ	
33	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thiện Phiến (Đoạn từ QL.39A đến Đình Chung, thôn Diệt Pháp, xã Thiện Phiến)	số 4131/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	9.936								9.936			3.000	3.936	3.000	4.200				4.200			Tiên Lữ	
34	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hải Triều, đoạn từ cầu bà Tái đến đường ĐH.90	Số 2545/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	16.313	11.313			503	10.810			5.000				5.000		0				0			Tiên Lữ	
35	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.92 (Nhánh 2) đoạn từ km0+00 đến km2+200 - giai đoạn 2	số 1972/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	13.675	12.675				12.675			1.000				1.000		1.312				1.312			Tiên Lữ	
36	Xây dựng khu thu gom và xử lý rác thải thôn Đa Quang xã Dị Chế huyện Tiên Lữ	1727/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	11.090	11.090				11.090			0						910				910			Tiên Lữ	
37	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 2 xã Hải Triều	2248/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	49.979	44.079				44.079			5.900				5.900		0				0			Tiên Lữ	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
38	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 2 xã Hải Triều. Hạng mục cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng	2282/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	8.300	4.000				4.000			4.300				4.300		0				0			Tiên Lữ	
39	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 2 xã Thiện Phiến huyện Tiên Lữ	10/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	48.666	42.466				42.466			6.200				6.200		0				0			Tiên Lữ	
40	Xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp ĐH.92 đoạn từ Km0+385 đến Km5+100, huyện Tiên Lữ	Số 2877 ngày 30/10/2017	14.031	10.031		1.980		8.051			4.000				4.000		12.299				12.299			Tiên Hoa :4,7km	
41	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Lệ Xá	1064 ngày 2/7/2019	5.146	5.146			27	5.119									0							Tiên Hoa	
42	Xây dựng nhà hiệu bộ cải tạo 6 phòng học bộ môn và công trình phụ trợ trường THCS Lệ Xá	1050 ngày 1/7/2019	6.400	6.400			2.000	4.400									0							Tiên Hoa	
43	Xây dựng cầu Điếm xã Minh Phượng, trên đường ĐH.92 huyện Tiên Lữ	936/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	14.071	12.071		10.371		1.700			2.000				2.000		0							Tiên Hoa	
44	Cải tạo, nâng cấp đường nối ĐH.92 (Minh Phượng) với ĐH.80 (Phù Cừ)	Số 2016 ngày 29/10/2018	42.423	37.423			4.747	32.676			5.000				5.000		0							Tiên Hoa	
45	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Cương Chính	1950 ngày	1.851	1.851			1.000	851									0							Tiên Hoa	
46	Nhà lớp học 12 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học xã Minh Phượng Tiên Lữ	số 95/NQ-HĐND ngày 16/9/2021	14.700	14.700		10.000		4.700									0								
47	Xây dựng nhà văn hóa và các công trình phụ trợ xã Cương Chính	Số 2009/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	3.973	3.973			2.000	1.973									0							Tiên Hoa	
48	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.92 huyện Tiên Lữ (Đoạn từ Km5+100 - Km6+430)	Số 1843 ngày 30/10/2017	23.647	21.647				21.647			2.000				2.000		0							Tiên Hoa	
49	Xây dựng cầu Đồng Thiện xã Thủ Sỹ huyện Tiên Lữ	UBND huyện Tiên Lữ	7.401	6.101				6.101			1.300				1.300		*0*							Tân Hưng	
50	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng trường THCS Thủ Sỹ	UBND huyện Tiên Lữ	4.038	4.038				4.038									*0*							Tân Hưng	
51	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Thủ Sỹ (Điểm trường Trung tâm)	UBND huyện Tiên Lữ	4.270	4.270			1.000	3.270									*0*							Tân Hưng	
52	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ (Tuyến từ ĐH.95 (cống điều tiết) đến ĐH.94 (Muội Sảng)		4					4																	
53	Xây dựng cầu giao thông nông thôn Trịnh Mỹ xã Ngô Quyền		2.228					2.228																	
54	Xây dựng đường GTNT xã Dị Chế (Đoạn 1: Thôn Dị Chế đi thôn Chế Chi; Đoạn 2: Đường ĐT.376 đến nghĩa trang nhân dân xã Dị Chế)		1.121					1.121																	
55	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Viên đoạn từ cổng Tiền Phong(giao đường ĐH.72) đến đường trục phía Bắc.		1.010					1.010																	
56	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi		922					922																	
57	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Trung Dũng		144					144																	
58	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.72 huyện Tiên lữ, đoạn từ giáp địa phận Kim Động đến cầu Phượng Tường (Km4+800-Km7+532)		1.039					1.039																	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
59	Xây dựng cầu ông Hóa xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ		3.548					3.548																	
60	Xây dựng cầu Cong xã An Viên, huyện Tiên Lữ;		3.536					3.536																	
61	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.99 (Đoạn từ cầu ông Bảy đến UBND xã Cương Chính)		1.327					1.327																	
62	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.92 (đoạn từ cầu Điếm đến ĐT.378). Giai đoạn 1: Hạng mục nền, mặt đường, thoát nước		6.027					6.027																	
63	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.92 (đoạn từ cầu Điếm đến ĐT.378). Giai đoạn 2: Hạng mục xây dựng cầu Chùa Đức Thiện Quang		12.985					12.985																	
64	Nạo vét và kè 2 mái bờ sông Bác Hồ (Đoạn từ Cầu Sơn đến Cầu Dung);		820					820																	
65	Cải tạo, nâng cấp ĐH.82 đoạn từ Cầu Bến (km6+440)- Cầu Quán Thu (km8+750)		1.612					1.612																	
66	Cải tạo nâng cấp ĐH 86 đoạn km8+334 - km8+950		10.000					10.000																	
67	Cải tạo nâng cấp tuyến nối ĐH.93-ĐH.92 huyện Tiên Lữ		2.123					2.123																	
68	Cải tạo nâng cấp đường tránh ĐH.94 huyện Tiên Lữ		3.750					3.750																	
69	Cải tạo nâng cấp đường ĐH.93 (đoạn từ km0-km4+00)		2.050					2.050																	
70	Xây dựng Cầu ông Bảy xã Cương Chính huyện Tiên Lữ		14.972					14.972																	
71	Xây dựng đường vào khu dân cư thôn Phù Oanh xã Nhật Tân huyện Tiên Lữ		2.594					2.594																	
72	Xây dựng cầu vào chùa Phù Oanh xã Nhật Tân huyện Tiên Lữ		14.990					14.990																	
73	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Lệ Xá		6.300					6.300																	
74	Xây dựng cầu Hòa Bình thị trấn Vương huyện Tiên Lữ																								
75	Xây dựng trường Mầm non xã Thụy Lôi - Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà lớp học điểm trường thôn Thụy Dương và thôn Thụy Lôi		72					72																	
76	Nhà Hiệu bộ trường THCS Đức Thắng		464					464																	
77	Nhà hiệu bộ trường tiểu học thị trấn Vương;		950					950																	
78	Xây dựng 6 phòng học và nhà hiệu bộ trường Mầm non xã Đức Thắng		175					175																	
79	Mở rộng trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên huyện Tiên Lữ		5.000					5.000																	
80	Xây dựng nhà hiệu bộ và nhà lớp học bộ môn trường THCS Thiện Phiến		7.400					7.400																	
81	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Nhật Tân		1.000					1.000																	
82	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Trung Dũng Lệ Xá Thụy Lôi huyện Tiên Lữ		3.920					3.920																	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
83	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Đức Thắng Hải Triều		4.242					4.242																
84	Đầu tư trang thiết bị nhà văn hóa huyện Tiên Lữ		3.598					3.598																
85	Tu bổ, tôn tạo đền vương (Đền thờ Ngô Quyền), thị trấn Vương huyện Tiên Lữ		7.490					7.490																
86	Tu sửa khẩn cấp cống Chi Lễ trên kênh T1 trạm bơm Triều Dương huyện Tiên Lữ		14.997					14.997																
87	Trồng bổ sung cây xanh khu tưởng niệm liệt sỹ huyện Tiên Lữ (giai đoạn 3)		96					96																
88	Xây dựng khu thu gom và xử lý rác thải thôn Đa quang xã Dị Chế huyện Tiên Lữ		11.723					11.723																
89	Hạ ngầm đường dây điện trung hạ thế qua khu dân cư nội thi, thị trấn Vương huyện Tiên Lữ phục vụ chỉnh trang đô thị		5.687					5.687																
90	Di chuyển cột anten phát sáng và đầu tư phòng sản xuất chương trình của Đài truyền thanh huyện Tiên Lữ		1.163					1.163																
91	Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên		2.200					2.200																
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**616.237**	**135.350**	**0**	**16.590**	**9.065**	**109.695**	**0**	**0**	**480.887**	**0**	**139.500**	**10.669**	**332.400**	**0**	**1.932.727**	**0**	**4.800**	**0**	**1.701.927**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Đường nối ĐT.376 với tuyến đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ Ninh Bình	số 1443/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	101.000								101.000		100.000		1.000		49.000				49.000			Hoàng Hoa thám	
2	Xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B (đoạn qua địa phận xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ) đến đường ĐH.82 huyện Phù Cừ	Số 1512 ngày 19/7/2024	36.000	0							36.000		35.000		1.000		14.000				14.000			Hoàng Hoa thám	
3	Đường trục Bắc Nam nối QL.38B với đường nối 2 cao tốc Hà Nội- Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình	2571/QĐ-UBND ngày 18/9/2020	35.553	20.553			2.400	18.153			15.000				15.000		47.959				47.959			Hoàng Hoa thám	
4	Tu bổ tôn tạo Đền Vương (Đền thờ Ngô Quyền)- giai đoạn 2	số 2975/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	35.000	5.000				5.000			30.000				30.000		13.235				13.235			Hoàng Hoa thám	
5	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.94 huyện Tiên Lữ (Đoạn từ Cầu Tam Nông xã Hưng Đạo đến đường bên của tuyến đường bộ nối đường Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình)	Số 4132/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	5.000					0			5.000				5.000		15.000				15.000			Hoàng Hoa thám	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông, vỉa hè khu dân cư xã Dị Chế - Thị trấn Vương huyện Tiên Lữ	số 4058/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	10.800								10.800			1.500	9.300		9.900				9.900			Hoàng Hoa thám	
7	Đầu tư xây dựng đường nối khu dân cư số 4 thị trấn Vương đến ĐT.376	2340/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 DA: Số 2498 ngày	9.716	7.716				7.716			2.000				2.000		29.511				29.511			Hoàng Hoa Thám	
8	Xây dựng đường tránh ĐH.93 (Đoạn qua xã Dị Chế, xã Nhật Tân, xã An Viên);	số 1985/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	28.255	18.255				18.255			10.000				10.000		21.285				21.285			Hoàng Hoa Thám	
9	Xây dựng đường Vành đai đô thị thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ (Đoạn từ ĐT.376 đến đường tránh ĐH.93)	số 2971/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	5.000								5.000				5.000		73.500				73.500			Hoàng Hoa Thám	
10	Xây dựng đường vành đai đô thị, thị trấn Vương huyện Tiên Lữ (Đoạn từ ĐH.90 đến ĐH.91)	số 1896/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	5.000								5.000				5.000		71.000				71.000			Hoàng Hoa Thám	
11	Xây dựng đường nối ĐT.376 với ĐH.72 huyện Tiên Lữ.	số 1897/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	21.191	1.191				1.191			20.000				20.000		10.662				10.662			Hoàng Hoa Thám	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024													*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
12	Tu sửa khẩn cấp cống An Xá trên sông 61, huyện Tiên Lữ;	2263/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	14.490	7.290		990		6.300			7.200				7.200		10				10			Hoàng Hoa Thám	
13	Xây dựng cầu Đen khu Tiên Xá thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ	2154/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 và 1505/QĐ-UBND	10.400								10.400				10.400		9.179				9.179			Hoàng Hoa Thám	
14	Trường mầm non trung tâm xã Hưng Đạo	2970/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	25.000	10.000		10.000					15.000				15.000		20.000				20.000			Hoàng Hoa Thám	
15	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ (Vị trí 01)	số 3066/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	20.289	10.289				10.289			10.000				10.000						0			Hoàng Hoa Thám	
16	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ (Vị trí 02)	số 1548/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	12.650								12.650				12.650		22.350				22.350			Hoàng Hoa Thám	
17	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 1 xã Nhật Tân huyện Tiên Lữ	757/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	57.390	17.390				17.390			40.000				40.000		2.167				2.167			Hoàng Hoa Thám	
18	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Ngô Quyền Hạng mục cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng	1908/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	5.500								5.500				5.500		3.240				3.240			Hoàng Hoa Thám	
19	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 1 xã Nhật Tân huyện Tiên Lữ - Hạng mục cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng	2595/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	5.000								5.000				5.000		3.500				3.500			Hoàng Hoa Thám	
20	Cải tạo, nâng cấp ĐH.95 huyện Tiên Lữ (Đoạn từ cổng Huyện Ủy Tiên Lữ đến đường nối 2 đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình)	Số 2899/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	10.000								10.000				10.000		67.749				67.749			Hoàng Hoa Thám	
21	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa huyện Tiên Lữ	4133/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	5.000								5.000				5.000		1.704				1.704			Hoàng Hoa Thám	
22	Cải tạo, sửa chữa hội trường UBND huyện	số 4067/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	5.000								5.000				5.000		2.200				2.200			Hoàng Hoa Thám	
23	Chỉnh trang vỉa hè QL.38B (Từ cầu Quán đò đến đền liệt sỹ) và ĐT.376 (Từ ngã tư Phố Giác đến cầu Địa)	1438/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	1.000								1.000				1.000		42.000				42.000			Hoàng Hoa Thám	
24	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Dị Chế	560/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	5.000								5.000				5.000		52.640				52.640			Hoàng Hoa Thám	
25	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Dị Chế. Hạng mục cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng	số 2596 ngày 31/12/2020	1.000								1.000				1.000		5.600				5.600				
26	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Dị Chế - Hạng mục cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng	Số 646/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	900	0				0			900				900		5.100				5.100			Hoàng Hoa Thám	
27	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Dị Chế (Bến xe cũ)	1208/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	1.000								1.000				1.000		10.746				10.746			Hoàng Hoa Thám	
28	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 3 xã An Viên	1437/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	1.000								1.000				1.000		65.793				65.793			Hoàng Hoa Thám	
29	Xây dựng hạ tầng khu dân cư mới thị Trấn Vương, huyện Tiên Lữ	NQ: 97/NQ-HĐND ngày 07/7/2021	1.000								1.000				1.000		29.000				29.000			Hoàng Hoa Thám	
30	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ	NQ: 24/NQ-HĐND ngày 20/12/2022	1.000								1.000				1.000		88.055				88.055			Hoàng Hoa Thám	
31	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư mới xã Dị Chế , huyện Tiên Lữ	số 59/NQ-HĐND ngày 15/11/2024	0								0						110.000				110.000			Hoàng Hoa Thám	
32	Hạ tầng khu dân cư số 3 xã Nhật tân (Tiếp giáp cầu vào chùa Phù Oanh)	số 52NQ-HĐND ngày 0	1.000								1.000				1.000		44.000				44.000			Hoàng Hoa Thám	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
33	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới (Cạnh trung tâm thương mại – chợ Tiên Lữ)	3135/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	10.000								10.000				10.000		79.029				79.029			Hoàng Hoa Thám	
34	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Dị Chế, xã Dị Chế	2632/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	10.000								10.000				10.000		99.783				99.783			Hoàng Hoa Thám	
35	Di chuyển, xây dựng mới đường dây trung thế và trạm biến áp phục vụ giải phóng mặt bằng và cấp điện khu dân cư mới thôn Dị Chế, xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ	4341/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	2.000								2.000				2.000		7.463				7.463			Hoàng Hoa Thám	
36	Chỉnh trang khu trung tâm huyện Tiên Lữ	4068/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	12.169								12.169			6.169	6.000		5.980				5.980			Hoàng Hoa Thám	
37	Hệ thống đèn LED tại các tòa nhà Huyện ủy-HĐND-UBND huyện (các công trình phụ trợ và hệ thống điện chiếu sáng)	331/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	1.500								1.500				1.500		0				0			Hoàng Hoa Thám	
38	Hệ thống chiếu sáng đèn LED-trang trí Đền Liệt Sỹ huyện Tiên Lữ	89/QĐ-UBND ngày 08/01/2025	750								750				750		0				0			Hoàng Hoa Thám	
39	Cải tạo, sửa chữa phòng họp Ban Chấp hành, phòng họp Ban Thường vụ và phòng khách cơ quan Huyện ủy	số 4056/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	318								318			318			1.500				1.500			Hoàng Hoa Thám	
40	Cải tạo, sửa chữa phòng làm việc của lãnh đạo Huyện ủy	số 4055/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	500								500				500		0				0			Hoàng Hoa Thám	
41	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Ngô Quyền (Đoạn từ ĐH.95 đi ĐH.94)	số 4130/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	10.000								10.000				10.000		35.000				35.000			Hoàng Hoa Thám	
42	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới xã Nhật Tân- Dị Chế, huyện Tiên Lữ	số 21/NQ-HĐND ngày 15/11/2023	5.000								5.000				5.000		110.000				110.000			hoàng Hoa Thám	
43	Xây dựng công trình khu vực phòng thủ huyện Tiên Lữ giai đoạn 1	3016/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	10.865	8.265			6.665	1.600			2.600				2.600		0				0			Tiên Lữ	
44	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng trường THCS Hải Triều	2972/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	6.500	1.500				1.500			5.000				5.000		5.480				5.480			Tiên Lữ	
45	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục chính xã Thiện Phiến (Đoạn từ cổng làng Điếm giao với QL.39A đến khu dân cư mới giáo QL.39A)	số 1371/NQ-HĐND ngày 19/3/2025	5.600								5.600				5.600		24.400				24.400			\Tiên Lữ	
46	Xây dựng đường nối cảng Triều Dương với ĐT.376, huyện Tiên Lữ	số 2269/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	5.000								5.000				5.000		18.799				18.799			Tiên Lữ	
47	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 4 xã Hải Triều	NQ: 11/NQ-HĐND ngày 19/7/2022;QĐ 743/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	1.000								1.000				1.000		30.070				30.070			Tiên Lữ	
48	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 1 xã Thiện Phiến huyện Tiên Lữ	1707/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	1.000								1.000				1.000		90.110				90.110			Tiên Lữ	
49	Khu tái định cư phục vụ Giải phóng mặt bằng dự án đầu tư đường Tân Phúc - Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên	1083/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	10.100	5.600		5.600					4.500		4.500				4.800		4.800					Tiên Hoa	
50	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư mới xã Cương Chính huyện Tiên Lữ	2758/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	1.000								1.000				1.000		94.000							Tiên Hoa	
51	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư mới xã Minh Phượng huyện Tiên Lữ - Giai đoạn 2		1.000								1.000				1.000		79.000							Tiên Hoa	
52	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới vị trí số 2 xã Minh Phượng huyện Tiên Lữ	số 21/NQ-HĐND ngày 20/12/2022	1.000								1.000				1.000		53.000							Tiên Hoa	
53	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Thủ Sỹ (giai đoạn 1)	UBND huyện Tiên Lữ	1.000								1.000				1.000		118.645				118.645			Tân Hưng	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao					*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
54	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Thù Sỹ (giai đoạn 2)	UBND huyện Tiên Lữ	1.000								1.000				1.000		114.481				114.481			Tân Hưng	
55	Cải tạo nâng cấp đường ĐH.72 Đoạn từ cầu Nầy đến ngã ba Tân Hưng. (Điều chỉnh mở rộng quy mô dự án)	UBND huyện Tiên Lữ	31.801	22.301				22.301			9.500			*2.682*	9.500		,				,			Tân Hưng	
56	Xây dựng nhà hiệu bộ và nhà thực hành trường THCS Thù Sỹ	UBND huyện Tiên Lữ	11.000								11.000				10.000		21.100				21.100			Tân Hưng	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025 và dự án chuẩn bị đầu tư**		**112.593**	**25.000**	**0**	**25.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**95.316**	**0**	**0**	**1.463**	**91.493**	**2.360**	**1.516.488**	**0**	**68.500**	**0**	**1.446.211**	**0**			
1	Xây dựng đường quy hoạch vùng huyện Tiên Lữ (tuyến đường nối từ ĐT.376 đi cụm công nghiệp huyện Phù Cừ)	số 706/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	0								0				0		105.000		68.500		36.500			Hoàng Hoa Thám	
2	Nhà khám và điều trị ngoại trú cùng một số hạng mục phụ trợ, Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ	2656/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	29.043	25.000		25.000					4.043				4.043		199				199			Hoàng Hoa Thám	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Ngô Quyền	1268/QĐ-UBND ngày 06/8/2019	40.000								40.000				40.000		19.177				19.177			Hoàng Hoa Thám	
4	Nghiên cứu lịch sử văn hóa di tích Chùa Đậu Dung và tổ chức hội thảo "Vùng đất Tiên Lữ trong tiến trình lịch sử và sự nghiệp đổi mới"	Số 4129/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	1.000								1.000				1.000		0							Hoàng Hoa Thám	
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 4 xã Ngô Quyền	số 30/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	1.000								1.000				1.000		224.860				224.860			Hoàng Hoa Thám	
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 6 xã Ngô Quyền huyện Tiên Lữ	46/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	1.000								1.000				1.000		82.563				82.563			Hoàng Hoa Thám	
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 4 xã An Viên, huyện Tiên Lữ	NQ: 26/NQ-HĐND ngày 20/12/2022	1.000								1.000				1.000		90.052				90.052			Hoàng Hoa Thám	
8	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 1 thị trấn Vương (Nhà hàng cây dừa)	NQ: 51/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	1.000								1.000				1.000		109.000				109.000			Hoàng Hoa Thám	
9	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 5 xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ	NQ: 86/NQ-HĐND ngày 18/12/2024	1.000								1.000				1.000		88.000				88.000			Hoàng Hoa Thám	
10	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 2 xã Nhật Tân (giai đoạn 1)	23/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	1.000								1.000				1.000		123.500				123.500				
11	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 2 xã Nhật Tân (giai đoạn 2)	23/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	1.000								1.000				1.000		116.500				116.500			Hoàng Hoa Thám	
12	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 03 xã An Viên. Hạng mục cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng	07/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	0								0						9.500				9.500			Hoàng Hoa Thám	
13	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới vị trí số 1 xã Dị Chế	số 25/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	1.000								1.000				1.000		42.067				42.067			Hoàng Hoa Thám	
14	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới vị trí số 2 xã Dị Chế	số 26/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	1.000								1.000				1.000		64.218				64.218			Hoàng Hoa Thám	
15	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Hưng Đạo	số 24/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	1.000								1.000				1.000		92.548				92.548			Hoàng Hoa Thám	
16	Xây dựng hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái nhà ăn UBND huyện Tiên Lữ	số 50/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	600								600				600		50				50			Hoàng Hoa Thám	
17	Xây dựng cổng chào huyện Tiên Lữ trên Quốc lộ 38B (đoạn giáp thành phố Hưng Yên)	NQ: 65/NQ-HĐND ngày 15/11/2024	1.000								1.000				1.000		13.950				13.950			Hoàng Hoa Thám	
18	Sổ tay điện tử Đảng viên huyện Tiên Lữ	NQ: 89/NQ-HĐND ngày 19/12/2024	300								300				300		900				900			Hoàng Hoa Thám	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
19	Quy hoạch chung thị trấn Vương và khu vực phát triển đô thị mở rộng đến năm 2035	QĐ tỉnh: 594 ngày 18/3/2024	1.000								1.000				1.000		3.007				3.007			Hoàng Hoa Thám	
20	Chương trình phát triển đô thị thị trấn Vương và khu vực phát triển đô thị mở rộng đến năm 2035	Thực hiện theo Báo cáo số 140/BC-UBND ngày	500								500				500		500				500			Hoàng Hoa Thám	
21	Đề án công nhận thị trấn Vương và khu vực phát triển đô thị mở rộng đến năm 2035 đạt tiêu chí đô thị loại V	Thực hiện theo Báo cáo số 140/BC-UBND ngày	650								650				650		0				0			Hoàng Hoa Thám	
22	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 03 xã Thiện Phiến	số 1528 /QĐ-UBND ngày 28/3/2025	0								0						59.004				59.004			Tiên Lữ	
23	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng trường THCS Thiện Phiến	4067/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	8.000								8.000				8.000		12.000				12.000			Tiên Lữ	
24	Xây dựng Khu vực phòng thủ huyện Tiên Lữ (giai đoạn 2)	NQ: 28/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	10.000								10.000				10.000		8.537				8.537			Tiên Lữ	
25	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 3 xã Hải Triều	31/NQ – HĐND ngày 18/07/2024	1.000								1.000				1.000		199.239				199.239			Tiên Lữ	
26	Xây dựng các công trình chiến đấu trong Khu vực phòng thủ huyện Tiên Lữ	NQ: 87/NQ-HĐND ngày 19/12/2024	1.000								1.000				1.000		39.000				39.000			Tiên Lữ	
27	Di chuyển đường điện trung thế qua khu dân cư mới số 1 xã Thiện Phiến	35/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	2.500								2.500				2.500		6.000				6.000			Tiên Lữ	
28	Quy hoạch chung đô thị Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ đến năm 2035	Thực hiện theo Báo cáo số 140/BC-UBND ngày	900								900				900		1.790				1.790			Tiên Lữ	
29	Chương trình phát triển đô thị Thụy Lôi đến năm 2035	Thực hiện theo Chương trình phát triển đô thị của tỉnh	500								500				500		500				500			Tiên Lữ	
30	Quy hoạch chung đô thị Hải Thắng huyện Tiên Lữ	Thực hiện theo Chương trình phát triển đô thị của tỉnh	1.000								1.000				1.000		2.000				2.000			Tiên Lữ	
31	Chương trình phát triển đô thị Hải Thắng	Thực hiện theo Chương trình phát triển đô thị của tỉnh	300								300				300		700				700			Tiên Lữ	
32	Đề án công nhận đô thị Hải Thắng đạt tiêu chí đô thị loại V	Thực hiện theo Chương trình phát triển đô thị của tỉnh	300								300				300		350				350			Tiên Lữ	
33	Cải tạo, nâng cấp đường trục GT nội đồng xã Lệ Xá	4030/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	3.000								10.723			1.463	6.900	2.360	1.777							Tiên Hoa	
B	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 02 XÃ MỚI TRỞ LÊN**		**327.871**	**281.800**	**0**	**217.400**	**1.882**	**62.518**	**0**	**0**	**46.071**	**0**	**0**	**0**	**46.071**	**0**	**352.967**	**0**	**0**	**0**	**352.967**	**0**	**0**		
I	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG**		**280.540**	**246.040**	**0**	**217.400**	**0**	**28.640**	**0**	**0**	**34.500**	**0**	**0**	**0**	**34.500**	**0**	**239.997**	**0**	**0**	**0**	**239.997**	**0**	**0**		
a	**Dự án hoàn thành**		**6.500**	**2.000**	**0**	**0**	**0**	**2.000**	**0**	**0**	**4.500**	**0**	**0**	**0**	**4.500**	**0**	**37**	**0**	**0**	**0**	**37**	**0**	**0**		
1	Di chuyển đường dây Trung hạ thế phục vụ GPMB cải tạo nâng cấp đường ĐH.92 đoạn từ Km0+385 đến Km5+100 huyện Tiên Lữ	1726/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	6.500	2.000				2.000			4.500				4.500		37				37				
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**274.040**	**244.040**	**0**	**217.400**	**0**	**26.640**	**0**	**0**	**30.000**	**0**	**0**	**0**	**30.000**		239.960	**0**	**0**	**0**	239.960	**0**			
1	Xây dựng tuyến tránh QL.38B qua địa phận huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên đoạn từ ĐT.376 đến xã Đình Cao huyện Phù Cừ	Số 903 ngày 07/7/2023	90.080	80.080		68.400		11.680			10.000				10.000		88.420				88.420			Ban số 1	
2	Xây dựng tuyến tránh QL.38B qua địa phận huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên đoạn từ ĐH.72 đến ĐT.376	số 4761/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	88.960	78.960		68.000		10.960			10.000				10.000		66.540				66.540			Ban số 1	
3	Xây dựng đường nối QL.38B (Cầu Quán Đỏ) với ĐT.378	Số 2747 ngày 30/11/2021	95.000	85.000		81.000		4.000			10.000				10.000		85.000				85.000			Ban số 1	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
II	**LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI**		**20.464**	**0**	**0**	**0**	**882**	**19.582**	**0**	**0**	**4.700**	**0**	**0**	**0**	**4.700**	**0**	**15.953**	**0**	**0**	**0**	**15.953**	**0**	**0**		
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		20.464	0	0	0	882	19.582	0	0	4.700	0	0	0	4.700	0	1.200	0	0	0	1.200	0	0		
1	Đầu tư xây dựng mua sắm lắp đặt thiết bị truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn huyện Tiên Lữ	số 4127/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	3.000					4.011			3.000				3.000		1.200				1.200				
2	Đầu tư xây dựng mua sắm lắp đặt thiết bị hệ thống camera trên địa bàn huyện Tiên Lữ	Số 2967/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	0				882	13.871									0				0				
3	Số hóa các Di tích lịch sử cấp Quốc gia trên địa bàn huyện Tiên Lữ	số 4128/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	1.700					1.700			1.700				1.700		0				0				
III	**LĨNH VỰC QUY HOẠCH**		**2.785**	**1.914**	**0**	**0**	**0**	**1.914**	**0**	**0**	**871**	**0**	**0**	**0**	**871**		**400**				**400**				
1	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiên Lữ	2322/QĐ- ngày 02/10/2020	2.385	1.914				1.914			471				471		0				0				
2	Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Theo Báo cáo số 434/BC-SXD ngày 25/10/2024 của Sở Xây dựng	400								400				400		400				400				
IV	**LĨNH VỰC AN NINH TRẬT TỰ**		**13.382**	**10.882**	**0**	**0**	**1.000**	**12.382**	**0**	**0**	**2.500**	**0**	**0**	**0**	**2.500**	**0**	49	**0**	**0**	**0**	**49**	**0**	**0**		
1	Đầu tư xây dựng mua sắm lắp đặt thiết bị hệ thống camera trên địa bàn huyện Tiên Lữ		13.382	10.882			1.000	12.382			2.500				2.500		0				0				
V	**DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**		**3.500**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.500**	**0**	**0**	**0**	**3.500**	**0**	**96.568**	**0**	**0**	**0**	**96.568**	**0**	**0**		
1	Xây dựng đường vào khu dân cư mới xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ (đoạn từ cầu Cong đến khu dân cư mới xã Thủ Sỹ)	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 07/7/2021	0								0						14.500				14.500				
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư mới xã Thủ Sỹ - Thiện Phiến huyện Tiên Lữ	3296/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.000								1.000				1.000		76.062				76.062			UBND xã Tiên Lữ	
3	Di chuyển đường điện trung hạ thế phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh QL.38	36/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	2.500								2.500				2.500		6.006				6.006				

PHỤ LỤC SỐ 04

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN KIM ĐỘNG (TRƯỚC SẮP XẾP) ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao							KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024														*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
	TỔNG SỐ		**1.377.751**	**915.338**	**-**	**494.246**	**58.737**	**380.042**	**4.813**	**12.809**	**768.363**	**2.838**	**100.928**	**22.116**	**702.242**	**10.467**	**-**	**139.255**	**-**	**133.000**	**-**	**464.195**	**-**	**-**		
A	**DỰ ÁN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO CẤP HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**		**426.193**	**331.534**	**0**	**304.856**	**5.500**	**18.178**	**0**	**3.000**	**94.659**	**2.838**	**21.821**	**0**	**70.000**	**-**	**-**	**137.755**	**-**	**63.000**	**-**	**164.755**	**-**	**-**		
I	**NGÀNH, LĨNH VỰC**		**426.193**	**331.534**	**-**	**304.856**	**5.500**	**18.178**	**-**	**3.000**	**94.659**	**2.838**	**21.821**	**-**	**70.000**	**-**	**-**	**137.755**	**-**	**63.000**	**-**	**164.755**	**-**	**-**		
a	**Dự án hoàn thành**		**81.908**	**79.070**	**-**	**62.715**	**5.500**	**7.855**	**-**	**3.000**	**2.838**	**2.838**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	Dự án di dân tái định cư vùng nguy cơ sạt lở bãi Phú - Hùng Cường huyện Kim Động	723/QĐ-UBND ngày 14/4/2009	2.838	-							2.838	2838														
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn nối từ ĐH 66 (xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân thi) đến điểm giao ĐH 60 (xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động)	2018/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	17.000	17.000		10.100	5.000	1.900			-															
3	Cải tạo, nâng cấp đường GT trên địa bàn huyện Kim Động- Đoạn từ ĐH 73 thuộc xã Đồng Thanh đến điểm nối với ĐH 59B xã Nhuế Dương huyện Khoái Châu	54/QĐ-BQLDA ngày 04/6/2021 của BQLDA huyện	6.850	6.850		2.395	500	3.955			-															
4	Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ phòng chống lụt bão huyện Kim Động	1681/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh	42.650	42.650		42.650					-															
5	Cải tạo nâng cấp đường ĐH 72-74 huyện Kim Động	598/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND huyện	2.570	2.570		2.570					-															
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hiệp Cường (đoạn từ xã Hiệp Cường đến giáp xã Trung Nghĩa, TPHY)	1246QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh	10.000	10.000		5.000		2.000		3.000	-															
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**344.285**	**252.464**	**-**	**242.141**	**-**	**10.323**	**-**	**-**	**91.821**	**-**	**21.821**	**-**	**70.000**	**-**	**-**	**137.755**	**-**	**-**	**-**	**137.755**	**-**	**-**		
1	Xây dựng ĐT.377 (Đường quy hoạch mới), đoạn từ điểm giao với ĐH.73 đến điểm giao với ĐT.376	143/QĐ-UBND ngày 17/01/2022	225.285	193.464		186.141		7.323			31.821		21.821		10.000			137.755				137.755			Ban QLDA đầu tư xây dựng số 01	
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.75 huyện Kim Động	1504/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	119.000	59.000		56.000		3.000			60.000				60.000			-				-			UBND xã nghĩa Dân	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**63.000**	**-**	**27.000**	**-**	**-**		
1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện ĐH.71 (đoạn từ ngã tư Cống Luận, xã Đồng Thanh đến ngã ba Cống Trung, xã Phú Thịnh)	530/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh	-																	63.000		27.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng số 01	
B	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 02 XÃ MỚI TRỞ LÊN**		**49.680**	**42.830**	**-**	**-**	**8.000**	**33.399**	**1.431**	**-**	**7.700**	**-**	**-**	**-**	**8.371**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	Lập quy hoạch sử dụng đất huyện KĐ giai đoạn 2021-2030	905/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND huyện	2.515	2.515			1.000	1.515			-															
23	Trang bị hệ thống thiết bị họp trực tuyến từ huyện đến các xã, thị trấn	1064/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện	1.312	1.312				1.312			-															
32	Lập kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2022-2025		3.400	3.400			1.500	1.900			-															
56	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025										850				850											

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																						Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao							KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao									
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024														*Trong đó*									
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
33	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024		2.150	300				300			1.850				1.850											
34	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030		1.431	1.431					1.431		-															
36	Lập quy hoạch chi tiết điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên đến năm 2035		-	-							-															
42	Lắp đặt Hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự và đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn huyện Kim Động	556/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện	13.506	13.506				13.506			-															
55	Hỗ trợ vay vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kim Động		10.000	5.000				5.000			5.000				5.000											
56	Hỗ trợ vốn tạo nguồn cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù trên địa bàn huyện		500	500				500			-															
	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường ĐH 71 đoạn ĐH 53 đến ĐT.378	1036/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	14.866	14.866			5.500	9.366							671											
C	**DỰ ÁN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 01 XÃ MỚI**		**343.138**	**203.890**	**-**	**186.390**	**-**	**15.000**	**-**	**2.500**	**139.248**	**-**	**79.107**	**-**	**60.141**	**-**	**-**	**-**	**-**	**67.000**	**-**	**36.500**	**-**	**-**	**-**	
a	**Dự án hoàn thành**		**188.138**	**157.982**	**-**	**140.982**	**-**	**14.500**	**-**	**2.500**	**30.156**	**-**	**1.715**	**-**	**28.441**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**9.500**	**-**	**-**		
1	XD cầu Động Xá thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động	2747/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	42.138	38.497	-	29.497	-	9.000	-		3.641				3.641							-				
2	Nạo vét, kè và xây cống trên sông Mỏ Quạ, huyện Kim Động	2733/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	56.000	39.102		38.102		1.000			16.898		1.098		15.800							-				
3	Xây dựng cầu Mụa trên đường huyện ĐH 70	1163/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	39.000	35.383		35.383					3.617		617		3.000							6.000				
4	Xây mới cầu Đồng Lương trên đường ĐH 72	1310/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	36.500	30.500		28.000		2.500			6.000				6.000							3.500				
5	Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng học bộ môn và 04 phòng học lý thuyết trường THCS Vĩnh Xá, huyện Kim Động	2809/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	14.500	14.500		10.000		2.000		2.500												-				
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**81.000**	**45.908**	**-**	**45.408**	**-**	**500**	**-**	**-**	**35.092**	**-**	**17.392**	**-**	**17.700**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	XD nhà khám bệnh ngoại trú kết hợp khối hành chính, Trung tâm Y tế huyện Kim Động	2563/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	27.000	16.619		16.619					10.381		8.381		2.000							-				
2	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường vào Trường bắn, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động	150/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	34.000	20.500		20.000		500			13.500		3.800		9.700							-				
3	Xây dựng cầu Phú Cốc, xã Phạm Ngũ Lão	2150/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	20.000	8.789		8.789					11.211		5.211		6.000							-				
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**74.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**74.000**	**-**	**60.000**	**-**	**14.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**67.000**	**-**	**27.000**	**-**	**-**		
1	Xây dựng đường Gom hai bên ven QL39 thuộc địa bàn xã Chính Nghĩa và Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động	1513/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	44.000	-							44.000		30.000		14.000					34.000		-				

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
2	Xây dựng mới tuyến đường từ điểm giao QL39 (thôn Trương Xá xã Toàn Thắng) đến điểm giao đường nối hai cao tốc HN-HP và Cầu Giẽ- Ninh Bình, kết nối mở rộng ĐH.73 Huyện Kim Động đoạn từ Km0+000 đến Km1+550	2132/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	30.000								30.000		30.000							33.000		27.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng số 01	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025																									
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**																									
D	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 01 XÃ MỚI**		**556.701**	**335.045**	**-**	**3.000**	**45.237**	**283.926**	**3.382**	**-**	**221.656**	**-**	**-**	**22.116**	**197.260**	**2.280**	**-**	**1.500**	**-**	**3.000**	**-**	**262.940**	**-**	**-**		
a	**Dự án hoàn thành**		**365.882**	**296.379**	**-**	**3.000**	**38.601**	**251.896**	**3.382**	**-**	**69.503**	**-**	**-**	**6.000**	**61.223**	**2.280**	**-**	**1.500**	**-**	**3.000**	**-**	**500**	**-**	**-**		
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH 72, huyện Kim Động (Đoạn từ QL39 đến Chùa Tiên Tường)	1699/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND huyện	13.852	13.379			5.000	8.379			473				473					-					UBND xã Hiệp Cường	
2	Công trình đường dây và Trạm biến áp 400KvA-35(22)/0,4KV	1592/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND huyện	924	924				924												-					UBND xã Lương Bằng	
3	Hạ tầng KT Khu tái định cư phục vụ GPMB thực hiện DA cải tạo, đường huyện 72 (Hiệp Cường) để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Hiệp Cường	97 ngày 09/3/2021, 217 ngày 01/04/2022 của UBND huyện	26.217	26.217			3.462	22.755			-									-					UBND xã Hiệp Cường	
4	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH 70 (đoạn từ ngã 3 đi vào xã Nhân La đến cầu Mụa)	1663/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện	1.527	1.527			500	1.027			-									-					UBND xã Lương Bằng	
5	Xây dựng khu cây xanh công cộng huyện Kim Động giai đoạn I	1518/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện	5.400	5.400			2.500	2.900			-									-					UBND xã Lương Bằng	
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thị trấn Lương Bằng (giai đoạn - II)	266/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND huyện	14.843	14.843				14.843			-									-		-			UBND xã Lương Bằng	
7	Chỉnh trang đô thị khu trung tâm huyện Kim Động (hệ thống đèn Lead)	988/QĐ-UBD ngày 09/12/2021 của UBND huyện	1.000	1.000			1.000				-									-					UBND xã Lương Bằng	
8	Đường GTNT đoạn từ ĐH.70 đến Đền Bà chúa Mụa thôn Cộng Vũ, xã Vũ Xá	459/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND huyện; 101 ngày 28/9/2021 của BQLDA	982	982				982			-									-		-			UBND xã Lương Bằng	
9	Tu sửa khẩn cấp tuyến đê bối từ trại ông Xuân Thảo đến nhà ông Huấn thôn Phú Cường, xã Phú Thịnh	397/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND huyện	5.882	5.882		3.000	500	2.382			-									-					UBND xã Đức Hợp	
10	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án đầu tư XD công trình cải tạo nâng cấp đường huyện ĐH 72 và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Hiệp Cường - Hạng mục di chuyển đường dây 22KV trạm biến áp 320KVA phục vụ GPMB và cấp	113/QĐ-UBND ngày 18/2/2022 của UBND huyện	2.931	2.931				2.931			-									-		-			UBND Xã Hiệp Cường	
11	Xây dựng các vườn hoa trong Khu dân cư mới thị trấn Lương Bằng	1040/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	9.141	9.141				9.141			-									-		-			UBND xã Lương Bằng	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
12	Xây dựng tuyến đường ra đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Đức Hợp, đoạn từ ĐH.71 đến khu vực phòng thủ quân sự huyện Kim Động	1258/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện	3.226	3.226				3.226			-									-					UBND xã nghĩa Dân	
13	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xã Phú Thịnh (đoạn từ ngõ nhà ông Nhinh đến ngã tư máng Văn Chi	1371/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	2.500	2.500				2.500			-									-					Xã Đức Hợp	
14	Xây dựng Trụ sở làm việc 2 tầng Hạt giao thông và môi trường huyện	627/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 và số 1026 ngày 13/12/2021 của UBND huyện	3.866	3.866			500	3.366			-									-					UBND xã Lương Bằng	
15	Sửa chữa hệ thống cửa nhà làm việc 3 tầng UBND huyện	336/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện	1.004	1.004			500	504			-									-					UBND xã Lương Bằng	
16	Cải tạo, sửa chữa nhà ăn UBND huyện	433/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND huyện	1.142	1.142			500	642			-									-					UBND xã Lương Bằng	
17	Thay thế hệ thống cửa và sửa chữa một số phòng làm việc của nhà làm việc 03 tầng Huyện ủy	434/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND huyện; QĐ 100 ngày 30/8/2021	2.798	2.798			500	2.298			-									-					UBND xã Lương Bằng	
18	Cải tạo, sửa chữa Hội trường lớn UBND huyện	589/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND huyện	2.463	2.463			1.463	1.000			-									-					UBND xã Lương Bằng	
19	Mua sắm thiết bị nội thất Hội trường lớn UBND huyện	238a/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND huyện	1.936	1.936			1.000	936			-									-					UBND xã Lương Bằng	
20	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 3 tầng Khối dân	335 ngày 16/6/2021 của UBND huyện	1.992	1.992			500	1.492			-									-					UBND xã Lương Bằng	
21	Cải tạo, nâng cấp nhà ăn Huyện ủy Kim Động	337 ngày 16/6/2021 của UBND huyện	1.166	1.166			500	666			-									-					UBND xã Lương Bằng	
22	Lắp đặt màn hình Led đa năng tại Nhà văn hóa huyện và Hội trường lớn huyện Kim Động	1043/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND huyện	1.300	1.300				1.300			-									-					UBND xã Lương Bằng	
23	Sửa chữa khu nhà thi đấu cầu lông -UBND huyện	1196/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.403	1.403			403	1.000			-									-					UBND xã Lương Bằng	
24	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục phụ trợ trong khuôn viên UBND huyện	215/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND huyện	1.441	1.441				1.441			-									-		-			UBND xã Lương Bằng	
25	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 03 tầng UBND huyện Kim Động	1065/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện	1.115	1.115				1.115			-									-		-			UBND xã Lương Bằng	
26	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ trong khuôn viên Huyện ủy	1066/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện	1.492	1.492			291	1.201			-									-					UBND xã Lương Bằng	
27	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 02 tầng khối Dân Huyện ủy Kim Động	1067/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện	2.113	2.113			113	2.000			-									-					UBND xã Lương Bằng	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh															KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao							*Trong đó*								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024																						
				Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
28	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 02 tầng; Nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ- Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Kim Động	1068/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện	5.000	5.000			1.500	3.500			-									-					UBND xã Lương Bằng	
29	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 03 tầng Huyện ủy Kim Động	2728 ngày 28/11/2024 của UBND huyện	8.578	4.500				4.500			4.078				4.078					-					UBND xã Lương Bằng	
30	Lập Quy hoạch 1/500 dự án Khu dân cư mới xã Nghĩa Dân và xã Toàn Thắng, huyện Kim Động		-	-							-									-					UBND xã nghĩa Dân	
31	Lập nhiệm vụ và lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới xã Hiệp Cường	1804 ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh	-	-							-									-					UBND xã Hiệp Cường	
32	Xây dựng công trình khu vực phòng thủ huyện (hạng mục: San lấp mặt bằng, xây dựng tường bao, dây thép gai)	NQ 32/NQ-HĐND ngày 08/7/2021	2.996	2.996			500	2.496			-									-					UBND xã nghĩa Dân	
33	Xây mới nhà làm việc, kho hồ sơ, hội trường 3 tầng và các hạng mục phụ trợ công an huyện Kim Động	NQ số 143/NQ-HĐND ngày 19/4/2021; số 33 ngày 08/7/2021	13.000	13.000				13.000			-							1.000		1.000					UBND xã Lương Bằng	
34	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc và hệ thống sân, đường nội bộ trụ sở Công an huyện Kim Động	724/QĐ-UBND ngày 5/9/2022	12.062	11.904			3.000	8.904			158				158					-					UBND xã Lương Bằng	
35	Cải tạo, sửa chữa nhà ở doanh trại 02 tầng; nhà bếp ăn, kho và các hạng mục phụ trợ Công an huyện Kim Động	2345/QĐ-UBND ngày 07/9/2024	4.500	-							4.500				4.500			500		-		500			UBND xã Lương Bằng	
36	Khu vực phòng thủ huyện; hạng mục: Sở Chỉ huy cơ bản trong căn cứ chiến đấu huyện tại Thái Hòa, Đồng Thanh, Kim Động	1247/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	20.585	10.625				10.625			9.960				9.960					-					UBND xã nghĩa Dân	
37	Cải tạo sân, đường, khuôn viên Ban Chỉ huy Quân sự huyện	749/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	5.418	5.418				5.418			-									-					UBND xã Lương Bằng	
38	Ban CHQS huyện Kim Động; hạng mục: Phòng Hồ Chí Minh	129/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của UBND huyện	506	506				506			-									-					UBND xã Lương Bằng	
39	XD Bia ghi dấu nơi tìm ra đĩa vàng tại Đền Bà Chúa Mụa	351/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND huyện	500	500			500				-									-					UBND xã Lương Bằng	
40	Tu sửa cấp thiết Di tích lịch sử Đình Thổ Cầu xã Nghĩa Dân	249/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND huyện	2.662	2.662				2.662			-									-					UBND xã nghĩa Dân	
41	Chuyển đổi số Đài truyền thanh có dây/không dây FM sang truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn huyện	2816/QĐ-UBND ngày 14/12/2024 của UBND huyện	2.204	1.102					1.102		1.102				1.102					-					UBND xã Lương Bằng	
42	Xây dựng nhà Hiệu bộ và một số hạng mục phụ trợ Trường THCS Lê Quý Đôn	68 ngày 12/82021 của BQLDA huyện	6.758	6.758			837	5.921			-									-					UBND xã Lương Bằng	
43	Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng; các hạng mục phụ trợ; sửa chữa nhà lớp học 2 tầng trường THCS Lê Quý Đôn	1312/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	11.188	10.649				10.649			539				539					-					UBND xã Lương Bằng	
44	Đắp bờ vùng, kè mái sông Kim Ngưu xã Toàn Thắng	1041/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	3.000	3.000				3.000			-									-					Xã Nghĩa Dân	
45	Cải tạo, nâng cấp cống tiêu trạm bơm Bằng Ngang 1	2865/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện	1.200	600					600		600					600				-					UBND xã Lương Bằng	
46	Cải tạo, nâng cấp cụm cống điều tiết kênh Diên Hồng thôn Cao Xá, xã Vũ Xá	2873/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện	1.400	700					700		700					700				-					UBND xã Lương Bằng	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh															KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao							*Trong đó*								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024																						
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
47	Cải tạo, nâng cấp kênh cứng trạm bơm Đồng Long, xã Hùng An	2869/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện	1.960	980					980		980					980				-					UBND xã Hiệp Cường	
48	Hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn XD NTM tại xã Chính Nghĩa	218/QĐ-UBND ngày 01/4/2022	58.890	51.776			6.000	45.776			7.114				7.114					-					UBND xã Lương Bằng	
49	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường ĐH.72 (Đoạn từ Chùa Tiên Tường đến điểm giao ĐT.378)	551/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	14.500	10.889				10.889			3.611			3.000	611					-					UBND xã Hiệp Cường	
50	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường ĐH 72 (Đoạn từ UBND xã Hiệp Cường đến điểm xã Nhật Tân huyện Tiên Lữ)	1038/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	22.000	18.000			6.532	11.468			4.000				4.000					-					UBND xã Hiệp Cường	
51	Mở rộng trụ sở làm việc (GPMB, san lấp, xây tường bao, sân đường nội bộ) và xây mới các hạng mục phụ trợ phục vụ công tác huấn luyện, thể dục thể thao Công an huyện Kim Động	823/QĐ-UBND ngày 25/7/2023; số 949/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	5.185	4.000				4.000			1.185				1.185					2.000		-			UBND xã Lương Bằng	
52	Mở rộng cải tạo, nâng cấp khuôn viên quần thể Đình Thổ Cầu, Nhà lưu niệm Bác Hồ tại thôn Thổ Cầu, xã Nghĩa Dân	30/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND huyện	6.300	5.131				5.131			1.169				1.169					-		-			UBND xã nghĩa Dân	
53	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường GTNT đoạn từ QL 39 đến điểm giao ĐH 60 Chợ Phận	QĐ số 331/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	14.250	5.000				5.000			9.250			3.000	6.250					-					UBND xã Lương Bằng	
54	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 2 TT Lương Bằng, huyện Kim Động	1164/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	21.384	7.000				7.000			14.384				14.384					-		-			UBND xã Lương Bằng	
55	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hoá huyện Kim Động	2871/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện	6.200	500				500			5.700				5.700					-		-				
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025		**190.819**	**38.666**	**-**	**-**	**6.636**	**32.030**	**-**	**-**	**152.153**	**-**	**-**	**16.116**	**136.037**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**262.440**	**-**	**-**		
1	Hạ tầng kỹ thuật đấu giá đất giãn dân làm nhà ở xã Toàn Thắng	1470/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện	100.000	30.636			5.136	25.500			69.364			9.000	60.364							-			UBND xã nghĩa Dân	
2	Xây dựng Sân vận động huyện Kim Động	407 ngày 19/6/2020 của UBND huyện	8.989	3.957			1.500	2.457			5.032				5.032							2.418			UBND xã Lương Bằng	
3	Hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn XD NTM tại xã Đồng Thanh	1166 ngày 27/11/2023 của UBND huyện	72.200	2.900				2.900			69.300			4.000	65.300							26.100			UBND xã nghĩa Dân	
4	Hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn XD NTM tại xã Hùng An (huyện làm chủ đầu tư)	Quyết định 1384 ngày 12/12/2023 của UBND huyện	3.289	173				173			3.116			3.116								106.711			UBND xã Hiệp Cường	
5	Di chuyển và hạ ngầm đường dây 35kv từ cut 101 đến cut 106 đường trục, nhánh đường dây 35kv đi TBA 320kVA-35/0,4kv XNTN Tân Hưng, nhánh đường dây 35kv và TBA 100kaVA-35 (22)/0,4kv Trung tâm y tế huyện Kim Động thuộc lộ 375E28.7 phục vụ GPMB	1056 ngày 03/5/2024 của UBND huyện	5.341	1.000				1.000			4.341				4.341							-			UBND xã Lương Bằng	
6	Hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại Thị trấn Lương Bằng (huyện làm chủ đầu tư)	63/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	1.000	-							1.000				1.000							127.211			UBND xã Lương Bằng	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**																									
E	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO CẤP XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ (nằm trên địa bàn 01 xã mới)**		**2.039**	**2.039**	**-**	**-**	**-**	**2.039**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao								Trong đó								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024															Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ						
				Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác											
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
	Dự án hoàn thành		2.039	2.039	-	-	-	2.039	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa Miếu Mái và các hạng mục phụ trợ xã Chính Nghĩa (xã làm chủ đầu tư tỉnh, huyện hỗ trợ)		2.039	2.039				2.039			-														UBND xã Lương Bằng	
	Dự án khởi công mới		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
F	DỰ ÁN HUYỆN HỖ TRỢ VỐN CHO CÁC							-																		
G	HỖ TRỢ XD CÁC NHÀ CÔNG AN XÃ		-	-	-	-	-	27.500	-	7.309	38.280	-	-	-	107.837											
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Mai Động	số 319/QĐ-UBND ngày 26/10/2023						2.500							6.000										UBND xã Đức Hợp	
2	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Hùng An	số 290/QĐ-UBND ngày 23/10/2023						2.500							1.500										UBND xã Hiệp Cường	
3	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Ngọc Thanh	số 236/QĐ-UBND ngày 6/11/2023						2.500							2.000										UBND xã Hiệp Cường	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Phạm Ngũ Lão	số 266/QĐ-UBND ngày 15/11/2023						2.500							1.000										UBND xã Lương Bằng	
5	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Đức Hợp	số 243/QĐ-UBND ngày 26/10/2023						2.500							2.000										UBND xã Đức Hợp	
6	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Song Mai	số 233/QĐ-UBND ngày 04/12/2023						2.500							7.008										UBND xã Hiệp Cường	
7	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Hiệp Cường	số 187/QĐ-UBND ngày 11/10/2023						2.500							1.500										UBND xã Hiệp Cường	
8	Xây dựng trụ sở làm việc Công an thị trấn Lương Bằng	số 213/QĐ-UBND ngày 06/10/2023						1.500																	UBND xã Lương Bằng	
9	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Chính Nghĩa	số 162/QĐ-UBND ngày 15/5/2024						2.500							1.500										UBND xã Lương Bằng	
10	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Nghĩa Dân	số 162/QĐ-UBND ngày 15/5/2024						2.500							2.500										xã Nghĩa Dân	
11	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Toàn Thắng	số 341/QĐ-UBND ngày 09/8/2024						500																	UBND xã nghĩa Dân	
12	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Đồng Thanh	số 341/QĐ-UBND ngày 09/8/2024						2.500																	UBND xã nghĩa Dân	
13	Nhà văn hóa thôn Tà Hà xã Hùng an	số 197/QĐ-UBND ngày 8/11/2024						500								500									Xã Hùng an	
14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hiệp Cường (đoạn 1: từ mương cứng cánh Mã Chanh đến đường bê tông cửa Đình Lương Xá, đoạn 2: từ ruộng nhà bà Sừng qua kênh cứng đến đa cánh	số 237/QĐ-UBND ngày 25/12/2023				3.000				392					2.300		1.000									
15	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng học Trường THCS Hiệp Cường	số 124/QĐ-UBND ngày 15/04/2024				10.373									1.000		966									
16	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Song Mai, huyện Kim Động (đoạn giao với ĐH.71 đến Ngã ba thôn Phán Thủy)	số 158a/QĐ-UBND ngày 10/10/2024				6.576									6.000											
17	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Dân (điểm từ QL39 đến cổng nghĩa trang thôn Thổ Cầu)	số 111/QĐ-UBND ngày 12/08/2024				5.000				1.000					8.000											
18	Xây dựng Cầu Đen thôn Trúc Cầu, xã Nghĩa Dân	số 133/QĐ-UBND ngày 12/04/2024				6.100									210											

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao							Trong đó								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024														Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ						
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác									
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
19	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ đập ba nhóm đến máng nổi thôn Ngô Xá)	số 52/QĐ-UBND ngày 30/01/2024				3.000									3.000		79									
20	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Mai động (đoạn từ đường bê tông chân đê 378 đến ĐH.71 (ĐT.377 QH)	số 700/QĐ-UBND ngày 11/10/2024				13.000									3.000		1.172									
21	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Dưỡng Phú, xã Chính Nghĩa (đoạn từ nhà ông Thịnh đến đường ĐH.70)	số 86/QĐ-UBND ngày 17/04/2024				2.500				396					1.500		1.325									
22	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã Đồng Thanh (đoạn tuyến từ cống chùa Bùi Xá đến ĐH.71)	số 225/QĐ-UBND ngày 16/08/2022				5.000				5.521					4.000		36									
23	Xây dựng phòng học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THCS Đồng Thanh	số 124/QĐ-UBND ngày 15/04/2024				4.000									3.000		198									
24	Xây dựng đường giáp khu dân cư mới xã Hiệp Cường	số 969/QĐ-UBND ngày 15/04/2024													3.000											
25	Cải tạo, nâng cấp đường ra đồng cánh nhà thần thôn Đồng Lương, xã Hiệp Cường (đoạn từ đường bê tông cũ dọc mương cứng đến đường bê	số 456/QĐ-UBND ngày 07/05/2024													1.079											
26	Xây dựng khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Hiệp Cường, huyện Kim Động`	số 700/QĐ-UBND ngày 15/04/2024													7.000											
27	Sửa chữa nhà lớp học trường mầm non Song Mai (Khu Trung Tâm)	số 113/QĐ-UBND ngày 21/03/2025													460										UBND xã Song Mai	
28	Xây mới nhà văn hóa thôn Miêu Nha và các hạng mục phụ trợ	số 99a ngày 28/7/2022									1.400				1.400										UBND xã Song Mai	
29	Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Mai Xá	số 98a ngày 01/9/2021									689				689										UBND xã Song Mai	
30	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Song Mai (đoạn từ nhà ông Ân đến nhà bà khối) thôn Thanh Xuân	số 73/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 UBND xã									1.000				1.000										UBND xã Nghĩa Dân	
31	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT và rãnh thoát nước đoạn từ QL 38 đến trường Mầm non thôn Thổ Cầu xã Nghĩa Dân năm 2023	Số 57/OĐ-UBND ngày 06/3/2022 UBND xã									679				679										UBND xã Nghĩa Dân	
32	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Nghĩa Dân (từ sông điện biên đến bờ măng) Đào xá năm 2023	số 84/QĐ-UBND ngày 3/3/2023 UBND xã									1.000				1.000										UBND xã Nghĩa Dân	
33	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng từ đường trục xã đến đường thau ma thôn Trúc Cầu	Số 109/QĐ-UBND ngày 28/4/2023									750				750										UBND xã Vĩnh xá	
34	Cải tạo, nâng cấp hệ thống an toàn giao thông và điện chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn xã Vĩnh Xá	Số 119/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 UBND xã									8.000				8.000										UBND xã Mai Động	
35	7841584 - Đường GTNT thôn Văn Nghệ xã Mai Động (đoạn từ bến phà Mai Động đến Km0+185,23)	số 45/QĐ-UBND ngày 30/10/2019									1.000				1.000										UBND xã Mai Động	
36	7841585 - Đường GTNT thôn Văn Nghệ xã Mai Động (đoạn từ Km0+0,00 đến công ty Việt Phúc Đức)	số 42/QĐ-UBND ngày 27/4/2020									900				900										UBND xã Mai Động	
37	8012581 - Cải tạo, nâng cấp trường cho trẻ mầm non, xây nhà vệ sinh của học sinh tiểu học, giáo viên, cổng trường, tường bao điểm trường thôn Văn Nghệ xã Mai Động	số 60/QĐ-UBND ngày 21/3/2023									700				700										UBND xã Mai Động	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:								KH năm 2025 đã giao							KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024															*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác				NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
38	8049153 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chính Nghĩa (đoạn đường từ ngã tư chợ Phân đến nút giao đường nối cao tốc giáp địa phận xã Vũ Xá)	số 126/QĐ-UBND ngày 28/6/2023									983				983										UBND xã Chính nghĩa	
39	8065300 - Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Dưỡng Phú, xã Chính Nghĩa	số 260/QĐ-UBND ngày 7/12/2023									1.500				1.500										UBND xã Chính nghĩa	
40	8091631 - Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các HMPT trường TH&THCS Chính Nghĩa (khu THCS)	số 91/QĐ-UBND ngày 26/4/2024									6.000				6.000										UBND xã Chính nghĩa	
41	8112160 - Kè ao chống sạt nở đường liên xã điểm ao sâu thôn Tạ Thượng và hệ thống thoát nước khu di tích lịch sử văn hóa Miếu Mái	số 193/QĐ-UBND ngày 3/7/2024									1.500				1.500										UBND xã Chính nghĩa	
42	8125599 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ cổng làng thôn Tạ Thượng đến cánh đồng Điện Biên	số 366/QĐ-UBND ngày 27/9/2024									1.200				1.200										UBND xã Chính nghĩa	
43	8128731 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Dưỡng Phú, xã Chính Nghĩa. Đoạn từ Miếu Mái đến nhà ông Toán	số 380/QĐ-UBND ngày 9/10/2024									1.500				1.500										UBND xã Chính nghĩa	
44	8132250 - Xây dựng trường tiểu học và THCS xã Chính Nghĩa hạng mục 2 tầng 6 phòng (khối tiểu học)	số 457/QĐ-UBND ngày 24/12/2024									2.500				2.500										UBND xã Chính nghĩa	
45	8132251 - Sửa chữa sân, rãnh thoát nước và một số hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND xã Chính Nghĩa	số 387/QĐ-UBND ngày 17/10/2024									2.500				2.500										UBND xã Chính nghĩa	
46	8086480 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bùi Xá, xã Đồng Thanh (đoạn từ ĐH.75 đến nhà Đông Lanh)	số 28/QĐ-UBND ngày 27/2/2024									4.000				5.000										UBND xã Đồng Thanh	
47	8139304 - Sửa chữa, bảo dưỡng khu nhà hiệu bộ trường tiểu học và THCS xã Đồng Thanh	số 53/QĐ-UBND ngày 24/1/2025									479				479										UBND xã Đồng Thanh	
H	**Hỗ trợ vốn; nợ khối lượng XDCB; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, TC CSVC**										**266.820**				**258.633**	**8.187**										

PHỤ LỤC SỐ 05

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN ÂN THI (TRƯỚC SẮP XẾP) ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
	TỔNG SỐ		**3.084.388**	**645.167**	**-**	**260.296**	**66.801**	**315.193**	**2.877**	**1.328.499**	**-**	**127.496**	**25.677**	**1.169.826**	**5.500**	**1.110.722**	**-**	**331.874**	**-**	**778.848**	**-**		
A	**DỰ ÁN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO CẤP HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**		**184.366**	**49.911**	**-**	**44.419**	**1.000**	**4.492**	**-**	**43.352**	**-**	**22.531**	**-**	**20.821**	**-**	**91.103**	**-**	**58.672**	**-**	**32.431**	**-**		
I	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG**		**184.366**	**49.911**	**-**	**44.419**	**1.000**	**4.492**	**-**	**43.352**	**-**	**22.531**	**-**	**20.821**	**-**	**91.103**	**-**	**58.672**	**-**	**32.431**	**-**		
a	**Dự án hoàn thành**		**4.972**	**3.800**	**-**	**-**	**1.000**	**2.800**	**-**	**1.172**	**-**	**-**	**-**	**1.172**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.66 (Đoạn Km0+000 giao với ĐH.63)	2346/QĐ-UBND; 27/10/2016	4.972	3.800			1.000	2.800		1.172				1.172							UBND xã Hồng Quang	
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**63.156**	**44.783**	**-**	**43.091**	**-**	**1.692**	**-**	**5.767**	**-**	**1.118**	**-**	**4.649**	**-**	**12.606**	**-**	**-**	**-**	**12.606**	**-**		
1	Đường quy hoạch mới số 04 (điểm đầu giao với ĐT.376 cũ, điểm cuối giao ĐH.65)	2713/QĐ-UBND; 26/11/2021	63.156	44.783		43.091		1.692		5.767		1.118		4.649		12.606				12.606		UBND xã Nguyễn Trãi	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**116.238**	**1.328**	**-**	**1.328**	**-**	**-**	**-**	**36.413**	**-**	**21.413**	**-**	**15.000**	**-**	**78.497**	**-**	**58.672**	**-**	**19.825**	**-**		
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.66 (đoạn từ ĐT.376 cũ đến ĐH.63)	2119/QĐ-UBND; 13/10/2023	47.934	1.328		1.328				8.600		3.600		5.000		38.006		28.672		9.334		UBND xã Hồng Quang	
2	Xây dựng đường QH.02 (đoạn từ QL.38 cũ đến đường QH.04, huyện Ân Thi)	471/QĐ-UBND; 28/02/2024	68.304	-						27.813		17.813		10.000		40.491		30.000		10.491		UBND xã Nguyễn Trãi	
B	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 01 XÃ MỚI**		**2.362.754**	**554.490**	**-**	**215.877**	**46.051**	**289.685**	**2.877**	**853.967**	**-**	**104.965**	**8.631**	**734.871**	**5.500**	**954.297**	**-**	**273.202**	**-**	**681.095**	**-**		
I	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH**		**389.422**	**283.963**	**-**	**96.857**	**38.586**	**145.643**	**2.877**	**61.087**	**-**	**-**	**8.631**	**52.456**	**-**	**44.372**	**-**	**23**	**-**	**44.349**	**-**		
1	**Lĩnh vực văn hoá**		**31.308**	**27.067**	**-**	**4.000**	**7.457**	**14.173**	**1.437**	**3.476**	**-**	**-**	**3.062**	**414**	**-**	**765**	**-**	**-**	**-**	**765**	**-**		
1.1	Nhà văn hoá thôn Đặng Xuyên	1384/QĐ-UBND; 26/02/2019	519	518				518								1				1		UBND xã Nguyễn Trãi	
1.2	Nhà văn hoá thôn Trại Giáo	1391/QĐ-UBND; 26/02/2019	552	551				551								1				1		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
1.3	Nhà văn hoá thôn Trúc Đình	1392/QĐ-UBND; 26/02/2019	309	309				309								-				-		UBND xã Xuân Trúc	
1.4	Nhà văn hoá thôn An Khái	1385; 26/02/2019	665	665				665								-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
1.5	Nhà văn hoá thôn Phần Lâm	1380; 26/02/2019	667	666				666								1				1		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
1.6	Nhà văn hoá thôn Trà Phương 1	1389; 26/02/2019	328	328				328								-				-		UBND xã Hồng Quang	
1.7	Nhà văn hoá thôn Lã Xá	1387/QĐ-UBND; 26/02/2019	479	479				479								-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
1.8	Nhà văn hoá thôn Nhân Đông	1379/QĐ-UBND; 26/02/2019	673	672				672								1				1		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
1.9	Nhà văn hoá thôn Ngọc Châu	1390/QĐ-UBND; 26/02/2019	522	522				522								-				-		UBND xã Ân Thi	
1.10	Nhà văn hoá thôn Mão Xuyên	1388/QĐ-UBND; 26/02/2019	385	384				384								1				1		UBND xã Nguyễn Trãi	
1.11	Nhà văn hoá thôn Minh Lý, xã Hoàng Hoa Thám	1378/QĐ-UBND; 26/02/2019	332	300				300		32			32			-				-		UBND xã Ân Thi	
1.12	Nhà văn hoá thôn Bình Lăng, xã Tiền Phong	1386/QĐ-UBND; 26/02/2019	329	300				300		29			29			-				-		UBND xã Hồng Quang	
1.13	Nhà văn hoá thôn Trúc Lễ, xã Xuân Trúc	1382/QĐ-UBND; 26/02/2019	408	353				353		55			55			-				-		UBND xã Xuân Trúc	
1.14	Nhà văn hoá thôn Trà Phương 3, xã Hồng Vân (Hồng Quang)	1381/QĐ-UBND; 26/02/2019	414	-						414				414		-				-		UBND xã Hồng Quang	
1.15	Nhà văn hoá thôn Văn Nhuệ, xã Văn Nhuệ (Đa Lộc)	1383/QĐ-UBND; 26/02/2019	566	529				529		37			37			-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
1.16	Cải tạo, sửa chữa NVH thôn Vũ Dương, xã Hồng Quang	39d/QĐ-UBND; 03/8/2020	600	600				600								-				-		UBND xã Hồng Quang	
1.17	Nhà Văn hoá thôn Gạo Nam, xã Hồ Tùng Mậu	4881b/QĐ-UBND; 09/10/2019	456	455				455								1				1		UBND xã Hồng Quang	
1.18	Cải tạo, sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ xã Xuân Trúc	382/QĐ-UBND; 13/3/2014	186	186				186								-				-		UBND xã Xuân Trúc	
1.19	Nhà văn hóa – Trung tâm học tập cộng đồng xã Cẩm Ninh	83/QĐ-UBND;12/11/2018	1.000	1.000				1.000								-				-		UBND xã Xuân Trúc	
1.20	Xây dựng Đền thờ danh nhân Nguyễn Trung Ngạn	1435/QĐ-UBND; 22/6/2018	11.875	11.000		4.000	3.957	2.356	687	837			837			38				38		UBND xã Ân Thi	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
1.21	Phát huy giá trị lịch sử, tưởng nhớ Trận địa tên lửa tại xã Đào Dương, huyện Ân Thi	2877b/QĐ-UBND; 16/7/2019 và NQ 55/NQ-HĐND ngày 25/10/2022	9.886	7.165			3.500	3.000	665	2.000			2.000			721				721		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
1.22	Cải tạo, sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Phúc (Quang Vinh)	2240/QĐ-UBND; 15/7/2014	157	85					85	72			72			-				-		UBND xã Ân Thi	
2	**Lĩnh vực giáo dục**		**15.887**	**8.408**	-	-	-	**8.408**	-	**7.204**	-	-	**5.569**	**1.635**	-	**275**	-	-	-	**275**	-		
2.1	Trường THCS Phạm Huy Thông huyện Ân Thi (giai đoạn 1)	866/QĐ-UBND; 03/4/2018	5.014	2.500				2.500		2.514			879	1.635		-				-		UBND xã Ân Thi	
2.2	Công trình 12 phòng học trường THCS Hồ Tùng Mậu	4387b/QĐ-UBND; 31/10/2018	490	-						486			486			4				4		UBND xã Hồng Quang	
2.3	Trường MN xã Bắc Sơn; Hạng mục: Nhà hiệu bộ	4935b/QĐ-UBND; 06/10/2020	2.465	2.208				2.208		246			246			11				11		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
2.4	Trường Tiểu học Hồng Quang; Hạng mục: Cải tạo nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	5038b/QĐ-UBND; 16/10/2019	30	-						30			30			-				-		UBND xã Hồng Quang	
2.5	Nâng cao năng lực trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	4900b/QĐ-UBND; 19/12/2018	4.595	1.000				1.000		3.593			3.593			2				2		UBND xã Ân Thi	
2.6	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ân Thi; Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học + làm việc, nhà xe, rãnh thoát nước	2714b/QĐ-UBND; 26/6/2019	515	500				500								15				15		UBND xã Ân Thi	
2.7	Xây dựng nhà lớp học, trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu	5087b/QĐ-UBND; 30/10/2019	2.778	2.200				2.200		335			335			243				243		UBND xã Hồng Quang	
3	**Lĩnh vực giao thông**		**227.221**	**175.925**	-	**92.857**	**23.950**	**59.118**	-	**28.139**	-	-	-	**28.139**	-	**23.157**	-	**23**	-	**23.134**	-		
3.1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.65 (Đoạn từ cầu Vân, xã Cẩm Ninh đến ĐH.60) giai đoạn 1: Đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ xã Cẩm Ninh đến ĐH.60	5925/QĐ-UBND; 09/11/2017	576	-						576				576		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
3.2	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Bãi Sậy - Phù Ủng (Đoạn từ thôn Bối Khê, xã Bãi Sậy đến thôn Phượng La, xã Phù Ủng) - Giai đoạn 1	4360b/QĐ-UBND; 26/10/2018	1.490	1.400			1.000	400		90				90		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3.3	Cải tạo, nâng cấp ĐH.60, huyện Ân Thi (Đoạn từ Km0+00 đến Km0+500)	1086/QĐ-UBND; 25/5/2020	4.996	3.884			1.300	2.584		432				432		680				680		UBND xã Nguyễn Trãi	
3.4	Cải tạo, nâng cấp ĐH.61 đoạn từ km11+500 (Địa phận thôn Hoàng Xuyên, xã Văn Nhuệ (Đa Lộc)) đến Km13+00 giao ĐT.386 xã Đa Lộc	4306b/QĐ-UBND; 23/10/2018	8.775	7.400			3.000	4.400		652				652		723				723		UBND xã Nguyễn Trãi	
3.5	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 cũ đoạn qua thị trấn Ân Thi từ lý trình Km17+400(Ngã tư Bưu điện) đến Km19+000 (Ngã ba Bình Trị)	2668/QĐ-UBND; 19/10/2018	40.982	28.300		22.600	2.000	3.700		1.842				1.842		10.840				10.840		UBND xã Ân Thi	
3.6	Cải tạo, nâng cấp ĐH.65 đoạn từ Cống Chợ Dồi xã Văn Nhuệ đến cầu Quán Bạc giao ĐT.386, huyện Ân Thi - Giai đoạn 1: Từ giao đường trục xã (Đường qua UBND xã Văn Nhuệ (Đa Lộc)) đến cầu Quán Bạc giao ĐT.386	5083/QĐ-UBND; 29/10/2019	18.200	11.439			3.500	7.939		1.373				1.373		5.388				5.388		UBND xã Nguyễn Trãi	
3.7	Nâng cấp đường ra đồng phục vụ sản xuất thôn Hoàng Cá, thị trấn Ân Thi (Đoạn từ Quốc lộ 38 đến Cánh Hồ qua làng danh nhân Nguyễn Trung Ngạn)	2970/QĐ-UBND; 10/7/2020	14.461	11.293			5.150	6.143		3.161				3.161		7				7		UBND xã Ân Thi	
3.8	Cải tạo, nâng cấp đường 205B (đoạn km0+00 đến km 4+231)	2032/QĐ-UBND; 24/10/2013	450	450				450								-				-		UBND xã Hồng Quang	
3.9	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính ra đồng thôn Nhân Lý, xã Nguyễn Trãi (Đoạn từ TL.376 mới đến TL.376 cũ)	2361/QĐ-UBND; 23/7/2018	531	531				531								-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
3.10	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Bãi Sậy – Phù Ủng (Đoạn từ thôn Bối Khê, xã Bãi Sậy đến thôn Phượng La, xã Phù Ủng) - Giai đoạn II	3247/QĐ-UBND; 10/8/2020	3.882	3.287			1.000	2.287		387				387		208				208		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3.11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT liên xã Hồ Tùng Mậu và Tiền Phong, huyện Ân Thi	1083b/QĐ-UBND; 20/5/2020	14.241	11.000			3.000	8.000		1.545				1.545		1.696				1.696		UBND xã Hồng Quang	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
3.12	Cải tạo, nâng cấp ĐH.65 đoạn từ Cống Chợ Dồi xã Văn Nhuệ đến cầu Quán Bạc giao ĐT.386, huyện Ân Thi - Giai đoạn II: Từ cống Chợ Dồi xã Văn Nhuệ đến giao đường trục xã (đường qua UBND xã Văn Nhuệ (Đa Lộc))	5173/QĐ-UBND; 28/10/2020	14.220	12.500			500	12.000		1.105				1.105		615				615		UBND xã Nguyễn Trãi	
3.13	Cải tạo, nâng cấp ĐH.61, huyện Ân Thi (đoạn từ điểm giao ĐT.384 đến trạm bơm Tam Đô xã Hoàng Hoa Thám)	2731/QĐ-UBND; 29/11/2021	35.000	28.461		24.477		3.984		6.019				6.019		520		23		497		UBND xã Ân Thi	
3.14	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi (tuyến 1: Đoạn nối từ QL.38 đến thôn An Bá; tuyến 2: Đoạn nối từ cầu Minh Lý đến thôn Đanh Xá)	2729/QĐ-UBND; 29/11/2021	28.000	22.600		19.600		3.000		4.253				4.253		1.147				1.147		UBND xã Ân Thi	
3.15	Cải tạo, nâng cấp ĐH.64, huyện Ân Thi	2712/QĐ-UBND; 26/11/2021	14.117	12.070		9.870	500	1.700		1.362				1.362		685				685		UBND xã Hồng Quang	
3.16	Đường trục xã Hồ Tùng Mậu (Đoạn từ giao ĐT.376 cũ đến ĐT.376 mới)	2717/QĐ-UBND; 26/11/2021	5.000	4.500		3.500	500	500		269				269		231				231		UBND xã Hồng Quang	
3.17	Cải tạo, nâng cấp đường trục trung tâm thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi	3025/QĐ-UBND; 29/12/2020	18.300	16.810		12.810	2.500	1.500		1.273				1.273		217				217		UBND xã Ân Thi	
3.18	Cải tạo, nâng cấp đường và kè bờ khu vực sông Kẻ Sặt	2575/QĐ-UBND; 26/9/2017	4.000	-						3.800				3.800		200				200		UBND xã Nguyễn Trãi	
4	**Lĩnh vực quy hoạch**		**15.749**	**7.443**	-	-	**1.000**	**5.003**	**1.440**	**5.752**	-	-	-	**5.752**	-	**2.554**	-	-	-	**2.554**	-		
4.1	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	4860/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	2.035	-						1.677				1.677		358				358		UBND xã Ân Thi	
4.2	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	6311/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	678	-						678				678		-				-		UBND xã Ân Thi	
4.3	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	6553/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.092	-						1.092				1.092		-				-		UBND xã Ân Thi	
4.4	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	6419/QĐ-UBND ngày 03/12/2022	2.087	-						1.950				1.950		137				137		UBND xã Ân Thi	
4.5	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	3955/QĐ-UBND; 09/9/2015	1.285	1.000			1.000									285				285		UBND xã Ân Thi	
4.6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 phát huy giá trị Khu di tích lịch sử Đền Phù Ủng, xã Phù Ủng, huyện Ân	478/QĐ-UBND; 19/02/2019	542													542				542		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
4.7	Lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, tầm nhìn 2050	496/QĐ-UBND; 23/7/2021	665	665					665							-				-		UBND xã Ân Thi	
4.8	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu liên hợp thể thao, văn hoá và dân cư huyện Ân Thi	2731/QĐ-UBND; 03/7/2019	864	864				864								-				-		UBND xã Ân Thi	
4.9	Quy hoạch sử dụng đất huyện Ân Thi, giai đoạn 2021-2030, huyện Ân Thi	6650/QĐ-UBND; 15/12/2020	3.113	2.639				2.639								474				474		UBND xã Ân Thi	
4.10	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	4377/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	1.599	1.500				1.500								99				99		UBND xã Ân Thi	
4.11	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư và chợ dân sinh Thổ Hoàng 2	630/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	492	492					492							-				-		UBND xã Ân Thi	
4.12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng khu nhà ở Đô thị mới thị trấn Ân Thi I	2693/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	710	283					283							427				427		UBND xã Ân Thi	
4.13	Quy hoạch xây dựng vùng huyện huyện Ân Thi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	3131/QĐ-UBND;; 04/12/2017	587	-						355				355		232				232		UBND xã Ân Thi	
5	**Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật**		**65.992**	**46.193**	-	-	**6.179**	**40.014**	-	**7.269**	-	-	-	**7.269**	-	**12.530**	-	-	-	**12.530**	-		
5.1	Xây dựng khu tái định cư xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi	468/QĐ-UBND; 15/3/2012	2.802	-						2.802				2.802		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
5.2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc thuộc Khu liên hợp thể thao, văn hoá và dân cư huyện Ân Thi; Hạng mục san nền và nền đường	3965/QĐ-UBND; 16/9/2021	63.190	46.193			6.179	40.014		4.467				4.467		12.530				12.530		UBND xã Ân Thi	
6	**Lĩnh vực khác**		**33.265**	**18.927**	-	-	-	**18.927**	-	**9.247**	-	-	-	**9.247**	-	**5.091**	-	-	-	**5.091**	-		
6.1	Doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện Ân Thi/Bộ CHQS tỉnh Hưng Yên	2205/QĐ-UBND; 20/4/2017	776	-						776				776		-				-		UBND xã Ân Thi	
6.2	Cơ sở làm việc Công an huyện Ân Thi	1482/QĐ-UBND; 07/3/2019	3.000	2.944				2.944								56				56		UBND xã Ân Thi	
6.3	Nhà khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú Trung tâm Y tế huyện Ân Thi	2466/QĐ-UBND; 30/10/2019	3.644	3.473				3.473								171				171		UBND xã Ân Thi	
6.4	Cải tạo, sửa chữa khu nhà làm việc 02 tầng Trung tâm y tế huyện Ân Thi	46/QĐ-UBND; 15/5/2019	345	345				345								-				-		UBND xã Ân Thi	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
6.5	Uỷ thác vốn sang ngân hàng chính sách xã hội huyện để cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội khác		12.200	7.200				7.200		5.000				5.000		-				-		UBND xã Ân Thi	
6.6	Công trình phòng thủ huyện Ân Thi; hạng mục: San nền và các công trình phụ trợ	1690/QĐ-UBND; 05/02/2024	22.000	13.665				13.665		3.471				3.471		4.864				4.864		UBND xã Nguyễn Trãi	
II	**DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2025**		**967.525**	**265.349**	-	**113.842**	**7.465**	**144.042**	-	**538.659**	-	-	-	**538.659**	-	**163.517**	-	**18.258**	-	**145.259**	-		
1	**Lĩnh vực văn hoá**		**32.347**	-	-	-	-	-	-	**27.873**	-	-	-	**27.873**	-	**4.474**	-	-	-	**4.474**	-		
1.1	Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ huyện	1269/QĐ-UBND; 06/6/2018 và 6058/QĐ-UBND; 22/10/2024	32.347	-						27.873				27.873		4.474				4.474		UBND xã Ân Thi	
2	**Lĩnh vực giao thông**		**219.838**	**118.218**	-	**101.878**	-	**16.340**	-	**50.680**	-	-	-	**50.680**	-	**50.940**	-	**5.222**	-	**45.718**	-		
2.1	Cải tạo, nâng cấp ĐH.65, huyện Ân Thi (Đoạn từ Nghĩa trang Liệt sỹ xã Cẩm Ninh đến thôn Mão Xuyên, xã Nguyễn Trãi)	334/QĐ-UBND; 17/02/2025	41.276	30.013		25.410		4.603		8.791				8.791		2.472		-		2.472		UBND xã Nguyễn Trãi	
2.2	Xây dựng Cầu Trà Phương bắc qua sông Cửu Yên (Cửu An) nối từ xã Hồng Vân (Hồng Quang) đi xã Hồng Quang, huyện Ân Thi	2718/QĐ-UBND; 26/11/2021	45.000	36.357		31.500		4.857		5.000				5.000		3.643		-		3.643		UBND xã Hồng Quang	
2.3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.60 huyện Ân Thi, đoạn từ Km0+500 đến Km3+500	333/QĐ-UBND; 17/02/2025	32.984	27.553		22.260		5.293		1.395				1.395		4.036		-		4.036		UBND xã Nguyễn Trãi	
2.4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.65 (đoạn từ giao ĐT.376 mới đến giao ĐT.386)	335/QĐ-UBND; 17/02/2025	25.678	19.087		17.500		1.587		2.494				2.494		4.097		-		4.097		UBND xã Nguyễn Trãi	
2.5	Cải tạo, nâng cấp ĐH.61, huyện Ân Thi (Đoạn từ Km7+277 đến Km11+500)	3686/QĐ-UBND; 16/8/2023	60.000	-						30.000				30.000		30.000		-		30.000		UBND xã Nguyễn Trãi	
2.6	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đào Dương (đoạn từ giao ĐH.61 tại thôn Phần Lâm đến giao ĐT.384 tại thôn Đào Xá)	1226/QĐ-UBND; 01/6/2023	14.900	5.208		5.208				3.000				3.000		6.692		5.222		1.470		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3	**Lĩnh vực y tế**		**34.700**	**11.964**	-	**11.964**	-	-	-	**7.800**	-	-	-	**7.800**	-	**14.936**	-	**13.036**	-	**1.900**	-		
3.1	Nhà hành chính, khám và điều trị Trung tâm Y tế huyện Ân Thi	1011/QĐ-UBND 05/5/2023	34.700	11.964		11.964				7.800				7.800		14.936		13.036		1.900		UBND xã Ân Thi	
4	**Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật**		**680.640**	**135.167**	-	-	**7.465**	**127.702**	-	**452.306**	-	-	-	**452.306**	-	**93.167**	-	-	-	**93.167**	-		
4.1	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Tân Phúc (Quang Vinh) , huyện Ân Thi	5528/QĐ-UBND 30/11/2023	90.000	24.863				24.863		55.000				55.000		10.137				10.137		UBND xã Ân Thi	
4.2	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi	3330/QĐ-UBND 30/5/2024	98.000	10.420				10.420		74.000				74.000		13.580				13.580		UBND xã Ân Thi	
4.3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định phục vụ GPMB dự án đường Tân Phúc – Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi	2943/QĐ-UBND 10/5/2024	120.000	19.433				19.433		84.000				84.000		16.567				16.567		UBND xã Ân Thi	
4.4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định phục vụ GPMB dự án đường Tân Phúc – Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Tân Phúc, huyện Ân Thi.	2945/QĐ-UBND 10/5/2024	90.000	9.308				9.308		65.000				65.000		15.692				15.692		UBND xã Ân Thi	
4.5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định phục vụ GPMB dự án đường Tân Phúc – Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi	4402/QĐ-UBND 06/11/2023	45.600	6.600				6.600		35.000				35.000		4.000				4.000		UBND xã Hồng Quang	
4.6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định phục vụ GPMB dự án đường Tân Phúc – Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Tiền Phong, huyện Ân Thi	4403/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	14.900	2.472				2.472		10.000				10.000		2.428				2.428		UBND xã Hồng Quang	
4.7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Văn Nhuệ (Đa Lộc), huyện Ân Thi	4404/QĐ-UBND 06/11/2023	42.200	5.929				5.929		30.000				30.000		6.271				6.271		UBND xã Nguyễn Trãi	
4.8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ GPMB dự án xây dựng đường trục ngang kết nối QL.39 (Km22+550) với ĐT.376 và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi	2944/QĐ-UBND 10/5/2024	115.000	16.142				16.142		80.000				80.000		18.858				18.858		UBND xã Nguyễn Trãi	
4.9	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc thuộc khu liên hợp thể thao, văn hóa và dân cư huyện Ân Thi (giai đoạn II); Hạng mục: Đường giao thông, vỉa hè, cây xanh, cấp nước và thoát nước	3870/QĐ-UBND ngày 08/9/2023	49.950	35.000			7.465	27.535		10.000				10.000		4.950				4.950		UBND xã Ân Thi	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
4.10	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới phía Bắc thuộc khu liên hợp thể thao, văn hóa và dân cư huyện Ân Thi (giai đoạn II); Hạng mục: Di chuyển đường điện 35kV, cấp điện và điện chiếu sáng	1790/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	14.990	5.000				5.000		9.306				9.306		684				684		UBND xã Ân Thi	
III	**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2025**		**1.005.807**	**5.178**	**-**	**5.178**	**-**	**-**	**-**	**254.221**	**-**	**104.965**	**-**	**143.756**	**5.500**	**746.408**	**-**	**254.921**	**-**	**491.487**	**-**		
1	**Lĩnh vực giao thông**		**541.519**	**5.178**	**-**	**5.178**	**-**	**-**	**-**	**152.965**	**-**	**104.965**	**-**	**48.000**	**-**	**383.376**	**-**	**254.921**	**-**	**128.455**	**-**		
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.62 (đoạn từ QL.38 cũ đến ĐT.384)	1602/QĐ-UBND; 01/8/2023	91.378	2.314		2.314				38.965		33.965		5.000		50.099		27.686		22.413		UBND xã Xuân Trúc	
1.2	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè và hệ thống thoát nước QL.38 và ĐT.376 đoạn qua thị trấn Ân Thi	3039/QĐ-UBND; 21/5/2024	20.000	-						18.000				18.000		2.000		-		2.000		UBND xã Ân Thi	
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Kẻ Sặt huyện Ân Thi (đoạn kết nối QL.38 tại xã Phù Ủng đến ĐT.382B tại xã Bãi Sậy)	2337/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	130.000	2.864		2.864				46.000		21.000		25.000		81.136		67.136		14.000		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
1.4	Xây dựng đường QH.02 (đoạn từ giao đường QH.04 đến đường ĐH.60 kéo dài) và đoạn kết nối ra ĐT.376 cũ, huyện Ân Thi	22/QĐ-UBND; 07/01/2025	96.000	-						50.000		50.000				46.000		17.200		28.800		UBND xã Nguyễn Trãi	
1.5	Xây dựng đường QH.05 (đoạn từ điểm giao với đường Tân Phúc - Võng Phan đến ĐT.376 cũ huyện Ân Thi)	422/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	204.141	-						-						204.141		142.899		61.242		UBND xã Ân Thi	
2	**Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật**		**411.604**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**75.000**	**-**	**-**	**-**	**75.000**	**-**	**336.604**	**-**	**-**	**-**	**336.604**	**-**		
2.1	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi	696/QĐ-UBND 21/01/2025	128.000	-						50.000				50.000		78.000		-		78.000		UBND xã Xuân Trúc	
2.2	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi	73/NQ-HĐND ngày 19/5/2023	128.000													128.000		-		128.000		UBND xã Nguyễn Trãi	
2.3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam thuộc Khu liên hợp thể thao, văn hoá và dân cư huyện Ân Thi; Hạng mục san nền và nền đường	187/NQ- HĐND; 15/12/2020	65.391													65.391		-		65.391		UBND xã Ân Thi	
2.4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Khu trung tâm liên hợp thể thao, văn hoá và dân cư huyện Ân Thi; Hạng mục san nền và nền đường	187/NQ- HĐND; 15/12/2020	65.213													65.213		-		65.213		UBND xã Ân Thi	
2.5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ GPMB các dự án: Đầu tư xây dựng ĐT382B đoạn Km14+420 – Km26+730 (nhánh trái và nhánh phải); đầu tư xây dựng đường Vân Du – Phù Ủng (đoạn từ nút giao ĐT.376 đến ĐT.382) huyện Ân Thi và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Vân Du huyện Ân Thi	3030/QĐ-UBND; 16/5/2025	25.000	-						25.000				25.000		-		-		-		UBND xã Xuân Trúc	
3	**Lĩnh vực trụ sở làm việc**		**32.406**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**21.400**	**-**	**-**	**-**	**15.900**	**5.500**	**11.006**	**-**	**-**	**-**	**11.006**	**-**		
3.1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Huyện uỷ Ân Thi	5730/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	6.500	-						6.400				6.400		100				100		UBND xã Ân Thi	
3.2	Sửa chữa tổng thể Trụ sở UBND huyện Ân Thi	6857/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	8.100	-						8.000				2.500	5.500	100				100		UBND xã Ân Thi	
3.3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở HĐND-UBND huyện Ân Thi; Hạng mục: Nhà làm việc 03 tầng	5086b/QĐ-UBND; 30/10/2019	5.806													5.806				5.806		UBND xã Ân Thi	
3.4	Xây dựng nhà làm việc đội điều tra, hội trường, để xe và hạng mục phụ trợ Công an huyện Ân Thi	777/QĐ-CAT-PH10 ngày 05/12/2024	12.000	-						7.000				7.000		5.000				5.000		UBND xã Ân Thi	
4	**Lĩnh vực quy hoạch**		**20.278**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**4.856**	**-**	**-**	**-**	**4.856**	**-**	**15.422**	**-**	**-**	**-**	**15.422**	**-**		
4.1	Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ân Thi	6462/QĐ-UBND; 05/12/2024	4.856	-						4.856				4.856		-				-		UBND xã Ân Thi	
4.2	Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên đến năm 2030		1.500													1.500				1.500			
4.3	Lập quy hoạch chung xây dựng đô thị Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên đến năm 2030		1.500													1.500				1.500			
4.4	Lập quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên		500													500				500			
4.5	Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên		500													500				500			
4.6	Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2030 (17 xã mỗi xã 400trđ)		6.800													6.800				6.800			

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
4.7	Quy hoạch chung thị trấn Ân Thi và khu vực phát triển đô thị mở rộng		3.212													3.212				3.212			
4.8	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi đến năm 2030, định hướng đến năm 2050		1.410													1.410				1.410			
B	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ CẤP XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ (nằm trên địa bàn 01 xã mới)**		**225.589**	**40.766**	-	-	**19.750**	**21.016**	-	**152.942**	-	-	**17.046**	**135.896**	-	**31.881**	-	-	-	**31.881**	-		
I	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH**		**82.517**	**40.766**	-	-	**19.750**	**21.016**	-	**29.119**	-	-	**17.046**	**12.073**	-	**12.632**	-	-	-	**12.632**	-		
1	**Lĩnh vực văn hoá**		**30.263**	**12.250**	-	-	**9.750**	**2.500**	-	**13.046**	-	-	**13.046**	-	-	**4.967**	-	-	-	**4.967**	-		
1.1	Nhà văn hoá thôn Gạo Bắc, xã Hồ Tùng Mậu	89/QĐ-UBND; 30/10/2020	750	500				500		250			250			-				-		UBND xã Hồng Quang	
1.2	Xây dựng Nhà văn hoá thôn Đỗ Xuyên, xã Hoàng Hoa Thám	34b/QĐ-UBND; 15/4/2022	2.043	1.000				1.000		1.043			1.043			-				-		UBND xã Ân Thi	
1.3	Nhà văn hoá Ấp Nhân Lý, xã Nguyễn Trãi	21/NQ-HĐND; 30/12/2021	1.470	-						604			604			866				866		UBND xã Nguyễn Trãi	
1.4	Nhà văn hoá thôn 1, xã Hạ Lễ	30a/QĐ-UBND; 10/5/2021	631	-						631			631			-				-		UBND xã Hồng Quang	
1.5	Nhà văn hoá thôn 3, xã Hạ Lễ	151/QĐ-UBND; 23/8/2021	670	-						600			600			70				70		UBND xã Hồng Quang	
1.6	Nhà văn hoá thôn 4, xã Hạ Lễ	98/QĐ-UBND; 07/6/2021	807	-						750			750			57				57		UBND xã Hồng Quang	
1.7	Nhà văn hoá thôn Bình Hồ, xã Quang Lãng	22/NQ-HĐND; 28/12/2021	1.950	-						1.950			1.950			-				-		UBND xã Xuân Trúc	
1.8	Xây dựng Nhà văn hoá thôn Bình Trì, thị trấn Ân Thi	168b/QĐ-UBND; 20/7/2022	1.455	-						1.455			1.455			-				-		UBND xã Ân Thi	
1.9	Nhà văn hoá thôn Trúc Nội, xã Xuân Trúc	31/NQ-HĐND; 27/4/2022	1.395	500			500			895			895			-				-		UBND xã Xuân Trúc	
1.10	Xây dựng Nhà văn hoá xã Tân Phúc (Quang Vinh) và các hạng mục phụ trợ	113/QĐ-UBND; 14/6/2022	4.099	1.000				1.000		2.084			2.084			1.015				1.015		UBND xã Ân Thi	
1.11	Nhà văn hoá xã Phù Ủng; hạng mục: San nền, tường chắn đất	98/QĐ-UBND; 25/5/2022	2.321	-						2.321			2.321			-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
1.12	Xây dựng Nhà văn hoá xã Tiền Phong	76/QĐ-UBND; 30/10/2018	1.697	500			500									1.197				1.197		UBND xã Hồng Quang	
1.13	Xây dựng Nhà văn hoá xã Văn Nhuệ	93b/QĐ-UBND; 27/10/2018	1.000	1.000			1.000									-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
1.14	Nhà văn hoá thôn Chu Xá, xã Bắc Sơn	06b/QĐ-UBND; 30/10/2020	500	500			500									-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
1.15	Nhà văn hoá thôn Cao Trai, xã Bắc Sơn	06a/QĐ-UBND; 30/10/2020	500	500			500									-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
1.16	Xây dựng Nhà văn hoá thôn Phần Hà, xã Bắc Sơn	50/QĐ-UBND; 02/6/2022	509	500			500									9				9		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
1.17	Nhà văn hoá thôn Lưu Xá, xã Hồ Tùng Mậu	88/QĐ-UBND; 30/10/2020	750	750			750									-				-		UBND xã Hồng Quang	
1.18	Xây dựng Nhà văn hoá thôn Thôn Tam Đô, xã Hoàng Hoa Thám	184/QĐ-UBND; 06/9/2021	750	750			750									-				-		UBND xã Ân Thi	
1.19	Xây dựng Nhà văn hoá thôn Đanh Xá, xã Hoàng Hoa Thám	185/QĐ-UBND; 06/9/2021	750	750			750									-				-		UBND xã Ân Thi	
1.20	Nhà văn hoá thôn Đỗ Hạ, xã Quang Vinh	28/NQ-HĐND; 29/6/2022	1.050	1.000			1.000									50				50		UBND xã Ân Thi	
1.21	Nhà văn hoá thôn Đồng Mối, xã Tân Phúc	25b/NQ-HĐND; 27/12/2021	1.328													1.328				1.328		UBND xã Ân Thi	
1.22	Nhà văn hoá xã Quang Lãng	41a/QĐ-UBND; 21/3/2022	3.838	3.000			3.000			463			463			375				375		UBND xã Xuân Trúc	
2	**Lĩnh vực giáo dục**		**30.358**	**16.913**	-	-	**9.000**	**7.913**	-	**10.558**	-	-	**4.000**	**6.558**	-	**2.887**	-	-	-	**2.887**	-		
2.1	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Quang Lãng	109/QĐ-UBND; 31/10/2018	1.917	1.000			1.000			662			662			255				255		UBND xã Xuân Trúc	
2.2	Nhà lớp học (2 tầng) 8 phòng trường Tiểu học Quang Vinh	98/QĐ-UBND; 30/10/2018	1.947	500			500									1.447				1.447		UBND xã Ân Thi	
2.3	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học Hồng Vân	82/QĐ-UBND; 31/10/2018	1.240	1.000			1.000									240				240		UBND xã Hồng Quang	
2.4	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng trường THCS Xuân Trúc	282a/QĐ-UBND; 26/10/2018	1.353	1.353			1.000	353								-				-		UBND xã Xuân Trúc	
2.5	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng trường TH Xuân Trúc	279c/QĐ-UBND; 15/10/2018	1.552	1.552			1.000	552								-				-		UBND xã Xuân Trúc	
2.6	Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng trường THCS Bãi Sậy	42b/QĐ-UBND; 02/10/2019	250	-												250				250		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
2.7	Trường MN xã Bắc Sơn; Hạng mục: Các công trình phụ trợ	4903b/QĐ-UBND; 20/9/2019	1.650	1.650			1.500	150								-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
2.8	Sửa chữa nhà lớp học và hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Nguyễn Trãi	110a/QĐ-UBND; 31/8/2021	358	358				358								-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
2.9	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi; Hạng mục: nhà lớp học 06 phòng học	45/NQ-HĐND; 29/6/2022	1.695													1.695				1.695		UBND xã Nguyễn Trãi	
2.10	Xây dựng 08 phòng học, nhà hiệu bộ và một số hạng mục phụ trợ trường Tiểu học và THCS Tiền Phong	21/QĐ-UBND; 01/12/2021	4.350	2.000			1.000	1.000		2.350			2.350			-				-		UBND xã Hồng Quang	
2.11	Trường THCS Hạ Lễ; Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng và các hạng mục phụ trợ	95d/QĐ-UBND; 16/8/2022	3.339	4.000			1.000	3.000		339			339			(1.000)				(1.000)		UBND xã Hồng Quang	
2.12	Nhà hiệu bộ kết hợp các phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học xã Hoàng Hoa Thám	221b/QĐ-UBND; 25/10/2021	2.649	2.000			1.000	1.000		649			649			-				-		UBND xã Ân Thi	
2.13	Xây dựng nhà 2 tầng 6 phòng, nhà hiệu bộ trường Mầm non Tân Phúc (Quang Vinh)	136a/QĐ-UBND; 03/8/2022	3.607	-						3.607				3.607		0				0		UBND xã Ân Thi	
2.14	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Hồ Tùng Mậu	64a/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	4.451	1.500				1.500		2.951				2.951		-				-		UBND xã Hồng Quang	
3	**Lĩnh vực giao thông**		**21.896**	**11.603**	-	-	**1.000**	**10.603**	-	**5.515**	-	-	-	**5.515**	-	**4.778**	-	-	-	**4.778**	-		
3.1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn xã Hồng Quang (Đoạn từ nhà ông Quang lên đồng Chuột, thôn Vũ Dương)	40/QĐ-UBND; 21/10/2019	790	-						790				790		-				-		UBND xã Hồng Quang	
3.2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (Quang Vinh), huyện Ân Thi (từ đường ĐT.384 đến đường ĐH.61 thôn Thị Tân)	52/QĐ-UBND; 21/3/2022	2.000	1.000			1.000			891				891		109				109		UBND xã Ân Thi	
3.3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi (đoạn nối từ đường 200 cũ với di tích thôn Nhân Vũ, xã Nguyễn Trãi đến thôn Ninh Thôn, xã Cẩm Ninh)	52a/QĐ-UBND; 03/11/2017	1.000	1.000				1.000								-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
3.4	Nâng cấp tuyến đường nối từ cầu Chàng ra đường huyện ĐH.65 thuộc xã Cẩm Ninh	80/QĐ-UBND; 08/11/2018	1.000	1.000				1.000								-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
3.5	Xây dựng cầu bắc qua sông Quảng Lãng nối từ thôn Lưu Xá sang thôn Bình Hồ xã Quảng Lãng	107a/QĐ-UBND; 26/10/2018	229	-												229				229		UBND xã Xuân Trúc	
3.6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Vân (Đoạn từ TL.376 cũ đến TL.376 mới; Hạng mục: Nền, mặt đường, thoát nước)	36b/QĐ-UBND; 19/4/2019	2.000	2.000				2.000								-				-		UBND xã Hồng Quang	
3.7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn nối từ cổng làng thôn Bình Xá, xã Tiền Phong đến đường 376 (xã Hồ Tùng Mậu)	72/QĐ-UBND; 12/8/2019	1.000	1.000				1.000								-				-		UBND xã Hồng Quang	
3.8	Đường GTNT xã Hồng Vân (Đoạn từ trạm bơm Trà Phương đến chùa xóm 5 và đoạn từ nhà ông Ô đến chùa	45/QĐ-UBND; 16/10/2020	1.903	1.903				1.903								-				-		UBND xã Hồng Quang	
3.9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nhân Đông, xã Bãi Sậy	101/QĐ-UBND; 16/10/2020	500	500				500								-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3.10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Trại Giáo, xã Bãi Sậy	102/QĐ-UBND; 16/10/2020	500	500				500								-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3.11	Đường GTNT xã Quang Vinh (đoạn từ QL.38 đến kênh T6-3)	133/QĐ-UBND; 16/10/2020	500	500				500								-				-		UBND xã Ân Thi	
3.12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn 6, xã Hạ Lễ	59/QĐ-UBND; 16/9/2020	700	700				700								-				-		UBND xã Hồng Quang	
3.13	Cải tạo, mở rộng đường liên thôn xã Quảng Lãng (từ Bình Cầu đi Liêu Xá, đến đường QL.38 mới)	86/QĐ-UBND; 20/5/2021	500	500				500								-				-		UBND xã Xuân Trúc	
3.14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ Nhân Lý ra 376 mới đến nhà bà Liêm)	39/NQ-HĐND; 29/6/2022	4.440													4.440				4.440		UBND xã Nguyễn Trãi	
3.15	Cải tạo, nâng cấp đường GT thôn Lã Xá, xã Cẩm Ninh (đoạn từ đầu thôn Lã Xá đến cánh đồng Bài và đoạn từ Máng cánh Mả Sấn đến cuối máng trại Lã)	134b/QĐ-UBND; 30/10/2020	1.138	1.000				1.000		138				138		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
3.16	Đường giao thông nội đồng xã Đa Lộc, huyện Ân Thi (đoạn từ đường ĐH.63 giáp kênh xây đến cây đa đường ma)	214b/QĐ-UBND; 30/10/2020	1.000	-						1.000				1.000		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
3.17	Cải tạo, nâng cấp đường GT thị trấn Ân Thi (đường thôn Hoàng Cả, đoạn từ nhà ông Lộc đến nhà ông Chanh)	20c/QĐ-UBND; 22/01/2021	300	-						300				300		-				-		UBND xã Ân Thi	
3.18	Cải tạo, nâng cấp đường GT thị trấn Ân Thi (đường thôn Hoàng Cả, đoạn từ nhà ông Đệ đến nhà bà Thắm)	20b/QĐ-UBND; 21/01/2021	300	-						300				300		-				-		UBND xã Ân Thi	
3.19	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Trung, thị trấn Ân Thi	202/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	1.551	-						1.551				1.551		-				-		UBND xã Ân Thi	
3.20	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ ĐH.65 (Đoạn qua cổng UBND xã Văn Nhuệ (Đa Lộc)) đến ĐH.61	93*/QĐ-UBND; 26/10/2018	545	-						545				545		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
II	**DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2025**		**143.072**	-	-	-	-	-	-	**123.823**	-	-	-	**123.823**	-	**19.249**	-	-	-	**19.249**	-		
1	Lĩnh vực giao thông		**28.427**	-	-	-	-	-	-	**28.427**	-	-	-	**28.427**	-	-	-	-	-	-	-		

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
1.1	Cải tạo, nâng cấp GTNT thôn Bối Khê, xã Bãi Sậy	133/QĐ-UBND ngày 08/05/2024	1.281	-						1.281				1.281		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT Văn Trạch, xã Văn Nhuệ (Đa Lộc) (đoạn 1: Từ nhà ông Thi đến ĐH.61; đoạn 2: Từ nhà ông Thiệu đến ĐH.61)	126/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	1.727	-						1.727				1.727		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám (đoạn 1: Từ nhà ông Thư đến cây đa Nghè thôn An Đạm; đoạn 2: từ nhà ông Tin đến nhà ông Hưng thôn Đỗ Xuyên; đoạn 3: Từ nhà bà Chất đến nhà ông Vinh thôn Đanh Xá) - Giai đoạn 1	133/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	1.050	-						1.050				1.050		-				-		UBND xã Ân Thi	
1.4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn xã Hoàng Hoa Thám (đoạn 1: Từ nhà ông Thư đến cây đa Nghè thôn An Đạm; đoạn 2: Từ nhà ông Tin đến nhà ông Hưng thôn Đỗ Xuyên; đoạn 3: Từ nhà bà Chất đến nhà ông Vinh thôn Đanh Xá) - Giai đoạn 2	95B/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	1.800	-						1.800				1.800		-				-		UBND xã Ân Thi	
1.5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đới Khê (đoạn 1: Từ đường nối 2 cao tốc vào khu dân cư; đoạn 2: Từ nhà ông Bang đến nhà ông Cộng; đoạn 3: Từ nhà ông Hiến đến nhà ông Phương)	405/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	2.492	-						2.492				2.492		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
1.6	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Xuân Trúc (Đoạn từ Trạm y tế xã đến nhà ông Tốt thôn Trúc Lê)	09/QĐ-UBND; 07/01/2025	3.270	-						3.270				3.270		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
1.7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Tiến Phong, huyện Ân Thi (Đoạn 1: Từ ĐH.63 (nhà ông Sơn Miền) đến nhà ông Cung (giáp đường WB); Đoạn 2: Từ ao đền (ĐH.63) đến ao đình (nhà ông Cảnh); Đoạn 3: Từ nhà ông Mạnh đến nhà ông Vàng)	298/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.259	-						2.259				2.259		-				-		UBND xã Hồng Quang	
1.8	Cải tạo, nâng cấp đường vào nghĩa trang liệt sỹ và xây dựng tường bao nghĩa trang liệt sỹ xã Hoàng Hoa Thám	113/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	1.198	-						1.198				1.198		-				-		UBND xã Ân Thi	
1.9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi (đoạn từ QL.38 cũ về đường QL.38 mới)	273/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	2.100	-						2.100				2.100		-				-		UBND xã Ân Thi	
1.10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi (đoạn từ ĐT.376 đến trung tâm GDNN-GSTX huyện Ân Thi)	91b/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	2.122	-						2.122				2.122		-				-		UBND xã Ân Thi	
1.11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ân Thi đoạn từ QL.38 (nhà ông Thái) đến ngã 3 cửa Phủ, thôn Hoàng Cả	328/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	3.193	-						3.193				3.193		-				-		UBND xã Ân Thi	
1.12	Đường giao thông thôn Trung thị trấn Ân Thi (đoạn từ đường ĐT.376 đến nhà thờ họ Cáp và đoạn từ ĐT.376 đến đường QL.38)	111b/QĐ-UBND ngày 11/5/2022	2.635	-						2.635				2.635		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
1.13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư thôn Phần Dương đến nhà ông Đố	241/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	3.300	-						3.300				3.300		-				-			
2	**Lĩnh vực giáo dục**		**44.036**	-	-	-	-	-	-	**41.486**	-	-	-	**41.486**	-	**2.550**	-	-	-	**2.550**	-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
2.1	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học xã Đào Dương	42/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	2.550	-						-						2.550				2.550		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
2.2	Xây dựng khu hành chính quản trị và 06 phòng học trường Mầm non trung tâm xã Đào Dương	22/QĐ-UBND ngày10/01/2025	4.494	-						4.494				4.494		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
2.3	Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Vân Du	282/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	4.455	-						4.455				4.455		-				-		UBND xã Ân Thi	
2.4	Nhà lớp học 2 tầng (8 phòng) và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Phạm Huy Thông, huyện Ân Thi	302b/QĐ-UBND	2.970	-						2.970				2.970		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
2.5	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Bãi Sậy	362/QĐ-UBND; ngày 17/12/2024	3.750	-						3.750				3.750		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
2.6	Xây dựng nhà lớp học 8 phòng, khu vui chơi cho trẻ và một số hạng mục khác trường Mầm non Phù Ủng	164/QĐ-UBND; ngày 19/11/2024	4.650	-						4.650				4.650		-				-		UBND xã Hồng Quang	
2.7	Trường MNTT xã Hồng Vân (Hồng Quang); Hạng mục: nhà hiệu bộ và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	36/QĐ-UBND; 17/8/2022	4.200	-						4.200				4.200		-				-		UBND xã Hồng Quang	
2.8	Trường TH&THCS Hồng Vân (Hồng Quang); Hạng mục: Nhà lớp học khối Tiểu học	61/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	4.346	-						4.346				4.346		-				-		UBND xã Hồng Quang	
2.9	Trường TH&THCS Hồng Vân (Hồng Quang); Hạng mục: Nhà lớp học khối THCS và PCCC	60/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	3.964	-						3.964				3.964		-				-		UBND xã Hồng Quang	
2.10	Trường TH&THCS Hồng Vân (Hồng Quang); Hạng mục: Nhà chức năng khối Tiểu học và khối THCS	62/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	4.457	-						4.457				4.457		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
2.11	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Phù Ủng	13/QĐ-UBND; 13/01/2025	4.200	-						4.200				4.200		-				-			
3	**Lĩnh vực văn hoá**		**34.621**	-	-	-	-	-	-	**20.922**	-	-	-	**20.922**	-	**13.699**	-	-	-	**13.699**	-	UBND xã Hồng Quang	
3.1	Nhà văn hoá thôn Trà Phương 2, xã Hồng Vân (Hồng Quang)	25/NQ-HĐND; 30/6/2022	750	-												750				750		UBND xã Hồng Quang	
3.2	Nhà văn hoá thôn 2, xã Hạ Lễ và các hạng mục phụ trợ	66/QĐ-UBND; 08/9/2023	1.050	-						1.050				1.050		-				-		UBND xã Hồng Quang	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
3.3	Nhà văn hoá thôn Mai Xuyên, thị trấn Ân Thi	360/QĐ-UBND; 12/12/2023	2.100	-						2.100				2.100		-				-		UBND xã Ân Thi	
3.4	Nhà văn hoá thôn Nhuệ Giang, xã Đào Dương	228/QĐ-UBND; 05/12/2024	750	-						750				750		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3.5	Nhà văn hoá thôn An Đạm, xã Hoàng Hoa Thám và các hạng mục phụ trợ	02/NQ-HĐND; 29/6/2022	1.009	-												1.009				1.009		UBND xã Ân Thi	
3.6	Nhà văn hoá thôn Đỗ Thượng, xã Quang Vinh	27/NQ-HĐND; 29/6/2022	1.050	-												1.050				1.050		UBND xã Ân Thi	
3.7	Nhà văn hoá xã Hồng Vân (Hồng Quang)	25/NQ-HĐND; 30/6/2022	3.600	-												3.600				3.600		UBND xã Hồng Quang	
3.8	Nhà văn hoá xã Hồ Tùng Mậu và các hạng mục phụ trợ	250/QĐ-UBND; 05/11/2024	4.485	-						4.485				4.485		-				-		UBND xã Hồng Quang	
3.9	Nhà văn hoá thôn Văn Trạch, xã Văn Nhuệ (Đa Lộc)	311/QĐ-UBND; 17/12/2024	1.230	-						1.230				1.230		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
3.10	Nhà văn hoá thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy	61/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	911	-						911				911		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3.11	Nhà văn hoá thôn Tiên Kiều, xã Bãi Sậy	147a/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	865	-						865				865		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3.12	Nhà văn hoá, sân thể thao thôn Mão Đông, xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi	51/NQ-HĐND ngày 01/02/2024	2.640	-												2.640				2.640		UBND xã Hồng Quang	
3.13	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Liệt Sỹ xã Hồng Quang, huyện Ân Thi	44/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	2.149	-						2.149				2.149		-				-		UBND xã Hồng Quang	
3.14	Nhà văn hóa thôn và các hạng mục phụ trợ thôn Bối Khê, xã Bãi Sậy	279a/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	1.064	-						1.064				1.064		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3.15	Sửa chữa nhà văn hoá thôn Châm Nhị, Xã Vân Du và các hạng mục phụ trợ	2287/QĐ-UBND; 17/4/2025	960	-						960				960		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
3.16	Cải tạo nhà văn hoá thôn Cao Trai, xã Vân Du và các hạng mục phụ trợ	124/QĐ-UBND; 09/4/2025	900	-						900				900		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
3.17	Cảo tạo, sửa chữa Nhà văn hoá thôn Tân Viên, xã Hồng Vân (Hồng Quang)	73/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	600	-												600				600		UBND xã Hồng Quang	
3.18	Nhà văn hoá xã Phù Ủng	114/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	3.592	-						3.592				3.592		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3.19	Nhà văn hoá thôn Bình Xá và các hạng mục phụ trợ	66/NQ-HĐND ngày 20/6/2024	1.500	-												1.500				1.500		UBND xã Hồng Quang	
3.20	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Liệt Sỹ xã Đào Dương, huyện Ân Thi	45/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	2.550	-												2.550				2.550		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3.21	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá thôn Bình Cầu, xã Quảng Lãng	467/QĐ-UBND ngày 24/7/2024	866	-						866				866		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
4	Lĩnh vực môi trường		2.182	-	-	-	-	-	-	2.182	-	-	-	2.182	-	-	-	-	-	-	-		
4.1	Cải tạo hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và hồ điều hoà thôn Đan Trảng, xã Hồng Vân (Hồng Quang)	77/QĐ-UBND 03/5//2024	2.182	-						2.182				2.182		-				-		UBND xã Hồng Quang	
5	LĨNH VỰC AN NINH		33.806	-	-	-	-	-	-	30.806	-	-	-	30.806	-	3.000	-	-	-	3.000	-		
5.1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Phù Ủng	166a/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	4.850	-						4.850				4.850		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
5.2	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Bãi Sậy	448/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	3.200	-						3.200				3.200		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
5.3	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Bắc Sơn	18/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	1.200	-						1.200				1.200		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
5.4	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Quang Vinh	215/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	2.300	-						2.300				2.300		-				-		UBND xã Ân Thi	
5.5	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Đào Dương	27/NQ-HĐND ngày 29/6/2023	1.000	-												1.000				1.000		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
5.6	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Vân Du	180/QĐ-UBND 07/6/2024	1.000	-						1.000				1.000		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
5.7	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Xuân Trúc	18/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	1.000	-						1.000				1.000		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
5.8	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Quảng Lãng	210/QĐ-UBND 02/5/2024	1.000	-						1.000				1.000		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
5.9	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Đặng Lễ	300/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	3.700	-						3.700				3.700		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
5.10	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Cẩm Ninh	69/NQ-HĐND ngày 28/12/2023	1.000	-												1.000				1.000		UBND xã Nguyễn Trãi	
5.11	Xây dựng trụ sở làm việc Công an thị trấn Ân Thi	53/NQ-HĐND ngày 27/6/2023	1.000	-												1.000				1.000		UBND xã Ân Thi	
5.12	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Hoàng Hoa Thám	86/QĐ-UBND 28/5/2024	1.356	-						1.356				1.356		-				-		UBND xã Ân Thi	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
5.13	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Đa Lộc	171/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	2.800	-						2.800				2.800		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
5.14	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Tiền Phong	290/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	1.000	-						1.000				1.000		-				-		UBND xã Hồng Quang	
5.15	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Nguyễn Trãi	157/QĐ-UBND 24/6/2024	1.000	-						1.000				1.000		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
5.16	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Hồ Tùng Mậu	144/QĐ-UBND 07/6/2024	1.000	-						1.000				1.000		-				-		UBND xã Hồng Quang	
5.17	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Hồng Vân	42/QĐ-UBND 14/3/2024	4.400	-						4.400				4.400		-				-		UBND xã Hồng Quang	
5.18	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Hạ Lễ	37/QĐ-UBND 01/4/2024	1.000	-						1.000				1.000		-				-		UBND xã Hồng Quang	
C	**Chủ trương hỗ trợ các xã, thị trấn đầu tư cơ sở hạ tầng trình, nâng cao thiết chế văn hoá, giáo dục, giao thông trên địa bàn huyện**		**38.606**	-	-	-	-	-	-	**5.165**	-	-	-	**5.165**	-	**33.441**	-	-	-	**33.441**	-		
1	Cải tạo, nâng cấp đường vào, kè ao khuôn viên nhà văn hóa và đình làng thôn Bình Xá, xã Tiền Phong	16/QĐ-UBND; 05/02/2025	2.094							2.094				2.094		-				-		UBND xã Hồng Quang	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bắc Sơn (Đoạn từ cổng làng văn hóa đến nhà ông Đặng Thôn An Đỗ)	88/QĐ-UBND; 20/3/2025	1.199							1.199				1.199		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bắc Sơn (Đoạn từ nhà ông Hải đến nghĩa trang thôn An Đỗ)	103/QĐ-UBND; 31/3/2025	689							689				689		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
4	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Bình Xá (đoạn từ Ngã ba nhà ông Tuy đi xóm trại)	169/QĐ-UBND; 04/4/2025	1.183							1.183				1.183		-				-		UBND xã Hồng Quang	
5	Đường nội đồng thôn Ninh thôn, xã Cẩm Ninh (từ trạm biến áp đầu làng đến nhà ông bà Thanh Phúc)	238/QĐ-UBND; 09/5/2025	300													300				300		UBND xã Xuân Trúc	
6	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc		900							-						900				900		UBND xã Nguyễn Trãi	
7	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá thôn Đào Quạt và các hạng mục phụ trợ, xã Bãi Sậy		300							-						300				300		UBND xã Nguyễn Trãi	
8	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Cẩm La, xã Cẩm Ninh		1.800							-						1.800				1.800		UBND xã Nguyễn Trãi	
9	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Yên Xá, xã Cẩm Ninh		1.800							-						1.800				1.800		UBND xã Nguyễn Trãi	
10	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ Ấp An Dương, xã Đào Dương		1.500							-						1.500				1.500		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
11	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Bích Tràng, xã Tiền Phong		2.130							-						2.130				2.130		UBND xã Hồng Quang	
12	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Bến Sông, xã Bắc Sơn		1.200							-						1.200				1.200		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
13	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Phố Phạm Ngũ Lão, thị trấn Ân Thi		2.250							-						2.250				2.250		UBND xã Ân Thi	
14	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Quanh Thôn, thị trấn Ân Thi		1.800							-						1.800				1.800		UBND xã Ân Thi	
15	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ Phố Phạm Huy Thông, thị trấn Ân Thi		2.100							-						2.100				2.100		UBND xã Ân Thi	
16	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Sa Lung, xã Phù Ủng		1.200							-						1.200				1.200		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
17	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Phù Ủng, xã Phù Ủng		1.500							-						1.500				1.500		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
18	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Bắc Sơn		3.236							-						3.236				3.236		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
19	Xây dựng nhà hiệu bộ 3 tầng trường THCS Đào Dương		3.150							-						3.150				3.150		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
20	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đa Lộc (đoạn từ nhà ông Điệm đến Cừ Chim thôn Văn Nhuệ)		300							-						300				300		UBND xã Nguyễn Trãi	
22	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ninh Đạo, xã Quang Vinh (Đoạn từ nhà thờ họ Nghiệm đến nhà bà Chinh)		750							-						750				750		UBND xã Ân Thi	
23	Xây dựng Khối phòng tổ chức ăn và phòng đa chức năng trường Mầm non Thị trấn Ân Thi		2.520							-						2.520				2.520		UBND xã Ân Thi	
24	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ấp Đông, xã Bãi Sậy		600							-						600				600		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
25	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Quang (đoạn từ đường ĐT.377 đến Đình cũ thôn Ân Thi 3)		2.250							-						2.250				2.250		UBND xã Hồng Quang	
26	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá thôn Đan Tràng và các hạng mục phụ trợ, xã Hồng Quang		600							-						600				600		UBND xã Hồng Quang	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
D	**Hỗ trợ các xã trên địa bàn huyện chi trả các công trình/dự án đã có khối lượng nghiệm thu nhưng dự kiến đến 30/6/2025 chưa đủ nguồn để thanh toán**		**273.073**	-	-	-	-	-	-	**273.073**	-	-	-	**273.073**	-	-	-	-	-	-	-		
1	Xây dựng nhà hiệu bộ trường THCS xã Phù Ủng	169/QĐ-UBND ngày 05/07/2021	800	-						800				800		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
2	Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp xã Phù Ủng, huyện Ân Thi	1857/QĐ-UBND; 07/4/2015	690	-						690				690		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
3	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Phù Ủng	203a/QĐ/UBND ngày 05/08/2021	2.500	-						2.500				2.500		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
4	Xây dựng nhà ăn lớp học, sân vườn, tường rào và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Phù Ủng	88/QĐ-UBND ngày 29/03/2021	2.600	-						2.600				2.600		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phù Ủng (đoạn 1 từ nhà ông Định đến nhà ông Toàn thôn Đồng Mái; đoạn 2 từ nhà ông Đạo đến nhà ông Ôn thôn Huệ Lai)	153/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	900	-						900				900		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
6	Đường GTNT thôn Sa Lung (Từ nhà ông Huệ đến nhà văn hoá)	131/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	350	-						350				350		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
7	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu di tích đền Ủng, xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, đoạn từ QL38 cũ đến nhà ông Thịn	37/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	1.500	-						1.500				1.500		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
8	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn La Mát, xã Phù Ủng đoạn từ khu dân cư mới đến Nhà văn hoá	35c/QĐ-UBND ngày 31/10/2021	150	-						150				150		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đồng Mái (từ nhà ông Lý đến nhà ông Trí, từ nhà ông Thu đến nhà ông Mấn)	124/QĐ ngày 31/08/2022	350	-						350				350		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phù Ủng, huyện Ân Thi (đoạn từ QL.38 (thôn La Mát) đến cổng làng thôn Đồng Mái)	Số 146/QĐ-UBND ngày 28/05/2021	400	-						400				400		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
11	Sửa chữa trạm y tế xã Phù Ủng	125/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	350	-						350				350		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
12	Cải tạo, nâng cấp sân, rãnh thoát nước trường THCS Phù Ủng	Số 136/QĐ-UBND ngày 09/09/2024	400	-						400				400		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
13	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Phù Ủng (đoạn từ trục xã đến nhà ông Phẩu và đoạn từ đường trục xã đến nhà bà Lá) thôn La Mát	100/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	500	-						500				500		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
14	Mua trang thiết bị cho văn hoá xã Phù Ủng	181/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	1.300	-						1.300				1.300		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
15	Đường giáp khu dân cư mới xã Phù Ủng (đoạn từ nhà ông Trận đến trạm biến thế khu dân cư mới)	25/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	295	-						295				295		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
16	Tu sửa cấp thiết đền Phù Ủng, hạng mục: Đường quanh hồ đền Phù Ủng	Số 2300/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	450	-						450				450		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
17	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bãi Sậy (Đoạn từ đường trục xã đến nhà ông Thế)	08/QĐ-UBND, ngày 14/01/2025	590	-						590				590		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
18	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bối Khê (đoạn từ QL.38 đến nhà ông Thành)	109/QĐ-UBND, ngày 03/03/2025	970	-						970				970		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
19	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi	331/QĐ-UBND, ngày 25/11/2024	2.450	-						2.450				2.450		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
20	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy (đoạn từ nhà ông Trung đến nhà ông Nam, đoạn từ nhà ông Duyên đến nhà ông Dũng và đoạn từ nhà ông Tuấn đến nhà ông Lộc)	324/QĐ-UBND, ngày 14/11/2024	500	-						500				500		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
21	Cải tạo, nâng cấp đường GTNĐ thôn Bối Khê, xã Bãi Sậy (đoạn từ Trạm biến áp Bối Khê đến Kênh Tiên Kiều II)	308/QĐ-UBND, ngày 04/11/2024	500	-						500				500		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
22	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ấp 12, xã Bãi Sậy (đoạn từ Cửa Chùa đến cuối ngõ nhà ông Phê)	323/QĐ-UBND, ngày 14/11/2024	450	-						450				450		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
23	Xây dựng các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Bãi Sậy	293/QĐ-UBND, ngày 14/10/2024	1.240	-						1.240				1.240		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
24	Trường MN trung tâm xã Bãi Sậy (Hạng mục 02 tầng 8 phòng)	148a/QĐ-UBND, ngày 28/10/2020	2.273	-						2.273				2.273		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
25	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Bãi Sậy (Đoạn từ đường trục xã đến chùa Đào Quạt)	160/QĐ-UBND, ngày 02/04/2025	1.900	-						1.900				1.900		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
26	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy (đoạn từ nhà ông Tuấn đến sân bóng thôn Đỗ Mỹ)	204/QĐ-UBND, ngày 15/7/2024	1.200	-						1.200				1.200		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
27	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Trại Giáo, xã Bãi Sậy (đoạn từ đường trục xã đi thôn Trại Giáo)	202/QĐ-UBND, ngày 15/7/2024	400	-						400				400		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
28	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Bãi Sậy từ tỉnh lộ 387 đến nhà ông Nghi thôn Nhân Đông	85/QĐ-UBND, ngày 04/04/2024	600	-						600				600		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	
29	Xây dựng đường giao thông nội đồng thôn Đào Quạt xã Bãi Sậy, đoạn từ cổng làng văn hóa đến nghĩa trang	84/QĐ-UBND, ngày 04/04/2024	300	-						300				300		-					-	UBND xã Phạm Ngũ Lão	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
30	Cải tạo, nâng cấp đường GTNĐ thôn Tiên Kiều, xã Bãi Sậy (đoạn ruộng nhà ông Kỳ đến ruộng nhà ông Tôn)	307/QĐ-UBND, ngày 04/11/2024	700	-						700				700		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
31	Đường giao thông thôn Đào Quạt (đoạn từ nhà ông Vượng đến đê sông Cửu Yên)	102/QĐ-UBND, ngày 30/8/2022	240	-						240				240		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
32	Cải tạo, nâng cấp đường GT ra đồng xã Bãi Sậy (đoạn từ ngã 3 chùa Ấp Đông đến nhà anh Vân)	5337/QĐ-UBND, ngày 18/9/2024	260	-						260				260		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
33	Hạ tầng khu dân cư mới xã Bãi Sậy; Hạng mục: Cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng	158/QĐ-UBND, ngày 23/5/2024	559	-						559				559		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
34	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Bắc Sơn	170/QĐ-UBND; 26/10/2023	300	-						300				300		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
35	Nhà bảo vệ và các hạng mục phụ trợ trường THCS Bắc Sơn	250a/QĐ-UBND; 11/11/2024	480	-						480				480		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
36	Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp xã Tân Phúc, huyện Ân Thi	1854/QĐ-UBND; 07/4/2015	490	-						490				490		-				-		UBND xã Ân Thi	
37	Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp xã Quang Vinh, huyện Ân Thi	1860/QĐ-UBND; 07/4/2015	410	-						410				410		-				-		UBND xã Ân Thi	
38	Xây dựng nhà hiệu bộ, cải tạo sửa chữa nhà lớp học 8 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Tân Phúc	115A/QĐ-UBND; 12/10/2021	1.150	-						1.150				1.150		-				-		UBND xã Ân Thi	
39	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (Đoạn đường 38 đến thôn Đồng Mội)	140a/QĐ-UBND; 17/8/2022	2.700	-						2.700				2.700		-				-		UBND xã Ân Thi	
40	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Phúc Tá xã Tân Phúc(đoạn từ sân kho đi đường gom cao tốc và từ nhà ông Mây đến trạm bơm ao đình)	150/QĐ-UBND; ngày 06/9/2022	300	-						300				300		-				-		UBND xã Ân Thi	
41	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Vệ Dương xã Tân Phúc	146/QĐ-UBND; ngày 26/8/2022	1.200	-						1.200				1.200		-				-		UBND xã Ân Thi	
42	Nhà Văn hoá thôn Phúc Tá, xã Tân Phúc	147/QĐ-UBND; ngày 06/9/2022	700	-						700				700		-				-		UBND xã Ân Thi	
43	Sửa chữa chống xuống cấp trường mầm non Tân Phúc	177/QĐ-UBND; ngày 06/9/ 2023	80	-						80				80		-				-		UBND xã Ân Thi	
44	Đầu tư trang thiết bị, nội thất nhà văn hóa xã Tân Phúc	79/QĐ-UBND; ngày 16/5/2023	1.700	-						1.700				1.700		-				-		UBND xã Ân Thi	
45	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Vinh (đoạn 1: Từ nhà ông Lánh đến nhà ông Tới; đoạn 2: Từ nhà anh Hoà đến cánh đồng Gia Cốc)	113/QĐ-UBND; 17/3/2025	800	-						800				800		-				-		UBND xã Ân Thi	
46	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (đoạn từ nhà ông Bộ đến 384 và đoạn từ nhà anh Hoà đến ông Tô thôn Thị Tân)	135/QĐ-UBND; ngày 04/07/2023	750	-						750				750		-				-		UBND xã Ân Thi	
47	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc(đoạn từ đường ĐT 384 đến kênh T4 và đoạn từ đường ĐH61 đến nhà bà Ngà) thôn Thị Tân	118/QĐ-UBND; ngày 16/06/2023	590	-						590				590		-				-		UBND xã Ân Thi	
48	Sửa chữa Trường THCS Tân Phúc	134/QĐ-UBND ngày; 30/6/2023	800	-						800				800		-				-		UBND xã Ân Thi	
49	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (đoạn từ ĐH.61 đến thôn Vệ Dương)	147/QĐ-UBND; ngày 02/8/2023	3.500	-						3.500				3.500		-				-		UBND xã Ân Thi	
50	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc (Đoạn 1: từ nhà anh Cương đến nhà bà Bê, Đoạn 2: từ nhà và Sách đến nhà bà Vượng)	124/QĐ-UBND; 30/08/2024	340	-						340				340		-				-		UBND xã Ân Thi	
51	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Vinh (Đoạn từ QL.38 đến cánh đồng phần trăm) thôn Phú Cốc	4761/QĐ-UBND; 30/7/2024	179	-						179				179		-				-		UBND xã Ân Thi	
52	Đường nội đồng thôn Thị Tân, xã Tân Phúc (đường cử bé , đoạn từ đường liên xã Bắc Sơn đến bốt máy kéo cũ)	182/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	1.100	-						1.100				1.100		-				-		UBND xã Ân Thi	
53	Các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Quang Vinh	65/QĐ-UBND; 02/25/2019	1.000	-						1.000				1.000		-				-		UBND xã Ân Thi	
54	Đường GTNT xã Quang Vinh (đoạn từ đường bê tông Phú Cốc đến cánh Lán Đọ)	2753/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	350	-						350				350		-				-		UBND xã Ân Thi	
55	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phú Cốc, xã Quang Vinh (đoạn từ nhà ông Ninh đến nhà ông Điển)	314/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	700	-						700				700		-				-		UBND xã Ân Thi	
56	Sửa chữa chống xuống cấp nhà văn hoá thôn Ninh Đạo, xã Tân Phúc	1786/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	433	-						433				433		-				-		UBND xã Ân Thi	
57	Trường Tiểu học Tân Phúc (Hạng mục: Nhà lớp học 6 phòng, Nhà chức năng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ)	169/QĐ-UBND ngày 25/12/2021	2.000	-						2.000				2.000		-				-		UBND xã Ân Thi	
58	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Phúc	85/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	870	-						870				870		-				-		UBND xã Ân Thi	
59	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ ĐT.384 đến ĐH.61 và rãnh tiêu thoát nước (thôn Đào Xá đến thôn Nhuệ Giang)	78e/QĐ-UBND; 30/10/2019	1.900	-						1.900				1.900		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
60	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nhuệ Giang, xã Đào Dương (đoạn từ nhà ông Hoá đến nhà bà Nghiêm và đoạn từ nhà ông Định đến nhà ông Mụa ĐH.61)	121/QĐ-UBND; 17/11/2022	2.000	-						2.000				2.000		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
61	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nhuệ Giang, xã Đào Dương (đoạn từ nhà bà Nghiêm đến nhà ông Mụa ĐH.61)	120/QĐ-UBND 26/10/2023	1.800	-						1.800				1.800		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
62	Cải tạo nâng cấp đường nội đồng xã Đào Dương đoạn từ đình Bé thôn Đào Xá đến bãi rác đồng Quỳ	28c; QĐ-UBND 05/04/2022	100	-						100				100		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
63	Sửa chữa đường GT nội đồng xã Đào Dương (ĐT.382 đến ruộng nhà ông Minh thôn Phần Dương)	4259/QĐ-UBND 08/7/2024	362	-						362				362		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
64	Sửa chữa đường GT nội đồng thôn Phần Lâm (ĐT.382 đoạn từ nhà ông Hạp lên đồng Thượng)	4260/QĐ-UBND 08/7/2024	387	-						387				387		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
65	Cải tạo, nâng cấp đường GT ra đồng xã Đào Dương (đoạn 1: Từ ruộng canh tác nhà ông Hoè đến ngã 3 cầu Nhuệ Giang; đoạn 2: Từ nhà ông Tách đến xứ đồng Làn Vệ)	5381/QĐ-UBND 01/10/2024	253	-						253				253		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
66	Xây dựng nhà thường trực bộ phận một cửa liên thông, phòng làm việc và các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đào Dương	19/QĐ-UBND; 12/03/2024	1.650	-						1.650				1.650		-				-		UBND xã Phạm Ngũ Lão	
67	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tòng Củ, xã Vân Du (Đoạn 1: Từ nhà ông Tuân đến đường ĐT.376, đoạn 2: Từ nhà ông Huyền đến ĐT.376, đoạn 3: từ ngã ba nhà ông Thân đến nhà ông Đạn)	53/QĐ-UBND ngày 10/2/2025	1.400	-						1.400				1.400		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
68	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Cao Trai, xã Vân Du đoạn từ ruộng nhà ông Đoàn (ngã tư Mả Trú) đến ruộng nhà ông Hoạ)	46/QĐ-UBND ngày 03/2/2025	1.150	-						1.150				1.150		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
69	Cải tạo các điểm Trường mầm non thôn Du Mỹ, Chăm Nhị, Đường Thôn xã Vân Du	89/QĐ-UBND ngày 03/3/2025	500	-						500				500		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
70	Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp xã xã Vân Du, huyện Ân Thi	1861/QĐ-UBND; ngày 07/4/2015	371	-						371				371		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
71	Cải tạo, sửa chữa chợ Kênh xã Vân Du và các hạng mục phụ trợ	90/QĐ-UBND, 04/3/2025	1.300	-						1.300				1.300		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
72	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường THCS Vân Du	299/QĐ-UBND, 15/7/2024	2.000	-						2.000				2.000		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
73	Nhà lớp học và các phòng bộ môn - trường THCS Vân Du	175/QĐ-UBND; ngày 06/6/2024	4.300	-						4.300				4.300		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
74	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn từ ĐH.62 đến ngã ba đường đội Xuân Nguyên)	1728/QĐ-UBND; 25/5/2022	5.552	-						5.552				5.552		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
75	Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp xã xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi	1856/QĐ-UBND; 07/4/2015	200	-						200				200		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
76	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Xuân Trúc (đoạn từ ĐT.384 đến ngã ba máng nổi nhà ông Hưng thôn Cù Tu)	1928/QĐ-UBND; 03/8/2022	4.100	-						4.100				4.100		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
77	Xây dựng đường GTNT xã Xuân Trúc đoạn từ UBND xã giao với đường ĐT.384 đi di tích Đình - Chùa, Nghè thôn Cù Tu)	1964/QĐ-UBND ; 19/8/2022	450	-						450				450		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
78	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn 1 từ nhà ông Trúc đến ngã ba nhà ông Chiu thôn Cù Tu, đoạn 2 từ nhà ông Thát thôn Trúc Đình đến ngã ba nhà ông Năng thôn Trúc Lẻ)	2100/QĐ-UBND; 31/10/2022	700	-						700				700		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
79	Xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác thải sinh hoạt cho các thôn Cù Tu, Trúc Đình, Xuân Nguyên, Trúc Lẻ xã Xuân Trúc	1741/QĐ-UBND, 28/02/2023	89	-						89				89		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
80	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn từ nhà ông Đang thôn Trúc Đình đến ngã ba đường trục xã)	20/QĐ-UBND; 11/01/2024	21	-						21				21		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
81	Sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị trụ sở làm việc đảng ủy, hội đồng nhân dân ủy ban nhân dân xã Xuân Trúc	268/QĐ-UBND; 06/9/2023	3	-						3				3		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
82	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Xuân Trúc (Đoạn từ nhà ông Vinh thôn Trúc Đình đến kênh tưới trạm bơm Trúc Đình)	42/QĐ-UBND; 08/02/2023	110	-						110				110		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
83	Tường rào, san nền nhà văn hóa xã Quảng Lãng	174A/QĐ-UBND; 27/10/2021	60	-						60				60		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
84	Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi	1856/QĐ-UBND; 07/4/2015	382	-						382				382		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
85	Nhà hiệu bộ 2 tầng, nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Quảng Lãng	205/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	184	-						184				184		-				-		UBND xã Xuân Trúc	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
86	Sửa chữa đường GTNT xã Quảng Lãng (đoạn 1: từ đường ĐH 62 đến nhà ông Công; đoạn 2: từ đường ĐH 62 đến nhà ông Tuynh; đoạn 3: từ nhà ông Đạo đến máng khu ra đồng thôn Lưu xá)	68A/QĐ-UBND 24/5/2022	90	-						90				90		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
87	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bình cầu, xã Quảng Lãng (đoạn từ nhà ông cấp đến nhà ông Chính)	106/QĐ-UBND; ngày 19/6/2023	107	-						107				107		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
88	Cải tạo , nâng cấp đường GTNT thôn Bình cầu, xã Quảng Lãng (đoạn 1 từ nhà ông Hòa đến nhà ông Cư ; đoạn 2 từ nhà ông Đưng đến nhà ông Tài)	107/QĐ-UBND; 19/6/2023	142	-						142				142		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
89	Lắp đặt hệ thống truyền thanh thông minh xã Quảng Lãng	324/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	230	-						230				230		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
90	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bình Cầu (Đoạn 1: từ nhà ông Lớn đến nhà ông Yên; Đoạn 2: từ nhà ông Thanh Giành đến nhà ông Hiệu; Đoạn 3: từ nhà ông Động đến nhà ông Giáp; Đoạn 4: từ nhà ông Toán đến nhà ông Thanh; Đoạn 5: từ nhà ông Đinh đến nhà ông Tăng; Đoạn 6: từ nhà ông Tân đến nhà bà Hoạch; Đoạn 7: từ nhà ông Bản đến nhà ông Bắc, Đoạn 8: từ nhà ông Diễn đến nhà ông Khá)	246/QĐ-UBND ngày 14/05/2024	1.800	-						1.800				1.800		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
91	Cải tạo một số tuyến đường GTNT thôn Bình Hồ xã Quảng Lãng	83a/QĐ-UBND; ngày 25/7/2022	530	-						530				530		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
92	Cải tạo một số tuyến đường GTNT thôn Bảo Tàng xã Quảng Lãng	86a/QĐ-UBND; ngày 09/8/2022	396	-						396				396		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
93	Xây dựng các hạng mục phụ trợ UBND xã Quảng Lãng	27/QĐ-UBND ngày 28/2/2023	65	-						65				65		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
94	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng thôn Lưu Xá, xã Quảng Lãng (Đoạn từ nhà ông Hải đến bờ giếng)	3790; ngày 23/8/2023	249	-						249				249		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
95	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bình Cầu xã Quảng Lãng (Đoạn từ xóm 1 ra đường ĐH.62)	262a/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	380	-						380				380		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
96	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Quảng Lãng	265b/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	38	-						38				38		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
97	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Bình Hồ, xã Quảng Lãng (đoạn từ ĐH.62 đến khu ruộng Hành Khiển)	Số 6061/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	273	-						273				273		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
98	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Bình Cầu xã Quảng Lãng (đoạn từ trục xã đến khu Triều Đô)	616/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	180	-						180				180		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
99	Công trình: Cải tạo nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Bảo Tàng và thôn Bình Cầu xã Quảng Lãng	226A/QĐ-UBND ngày 06/05/2024	970	-						970				970		-				-		UBND xã Xuân Trúc	
100	Cải tạo, nâng cấp đường trụcGTNT xã Đặng Lễ từ QL38 đến giao đường ĐH60 (đoạn từ cổng thôn Nam Trì đến giáp thôn Thọ Hội)	80a/QĐ-UBND ngày 14/8/2019	831	-						831				831		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
101	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường THCS xã Đặng Lễ	240/QĐ-UBND ngày 21/07/2021	1.251	-						1.251				1.251		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
102	Nâng cấp đường GTNT xã (đoạn từ chùa An Trạch đến đường nối 2 đường cao tốc)	284/QĐ-UBND ngày 30/09/2020	331	-						331				331		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
103	Xây dựng cầu bắc qua sông Quảng Lãng nối từ thôn Đới Khê ra đường ĐH60 xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi	317/QĐ-UBND, ngày 13/9/2021	840	-						840				840		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
104	Xây dựng sân thể thao thôn Cổ Lễ, xã Đặng Lễ	28/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	1.350	-						1.350				1.350		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
105	Cải tạo, NC đường GTNT xã Đặng Lễ(đoạn1: từ nhà anh Hoàn đến nhà bà Dụ, đoạn 2 từ nhà văn hoá thôn Đặng Đình đến nhà bà Bằng)	231a/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	339	-						339				339		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
106	Cải tạo, NC đường GTNT thôn Cổ Lễ, xã Đặng Lễ (đoạn từ ĐH60 đến thôn La Chàng , xã Cẩm Ninh)	119/QĐ-UBND ngày 12/04/2021	300	-						300				300		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
107	Cải tạo, NC đường GTNT thôn Cổ Lễ, xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi	381/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	238	-						238				238		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
108	Cải tạo, NC đường GTNT thôn Đới Khê, xã Đặng Lễ (đoạn từ trục đường liên xã đến nhà ông Lịch)	46/QĐ-UBND ngày 01/03/2022	278	-						278				278		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
109	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Cổ Lễ, xã Đặng Lễ (đoạn từ Bưu điện nhà văn hoá xã đến trạm biến áp giáp nhà ông Hiền)	332/QĐ-UBND 28/9/2021	385	-						385				385		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
110	Cải tạo, nâng cấp đường trục GTNT xã Đặng Lễ (đoạn từ ngã tư Phố Vân đến giáp thôn lã Xá, xã Cẩm Ninh	241/QĐ-UBND 21/7/2021	775	-						775				775		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
111	Mua sắm bổ sung trang thiết bị cho các phòng học khu Phố Vân, Nam Trì chuẩn bị cho năm học mới 2022 - 2023 của trường Mầm non xã Đặng Lễ	366/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	683	-						683				683		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
112	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Cổ Lễ, xã Đặng Lễ (đoạn từ cây đa cổng chỗ xuống giáp đồng Đặng Xuyên)	318/QĐ-UBND 13/9/2021	466	-						466				466		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
113	Trường Tiểu học Đặng Lễ; Hạng mục: Nhà hiệu bộ, cải tạo sửa chữa nhà lớp học 8 phòng số 2,nhà lớp học bộ môn 5 phòng	158/QĐ-UBND ngày 01/06/2022	1.037	-						1.037				1.037		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
114	Cải tạo, mở rộng khuôn viên nhà văn hoá thôn Đặng Xuyên, xã Đặng Lễ	326/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	1.100	-						1.100				1.100		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
115	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đặng Đình , xã Đặng Lễ (đoạn từ nhà bà Tịch đến nhà ông Doãn)	193/QĐ-UBND ngày 25/6/2022	1.450	-						1.450				1.450		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
116	Mua sắm lắp đặt thiết bị Camera để xây dựng mô hình Camera giám sát an ninh, trật tự xã Đặng Lễ	431/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	179	-						179				179		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
117	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đặng Lễ (đoạn từ cầu giải phóng đến nghĩa trang thôn Nam Trì)	403; 25/9/2024	403	-						403				403		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
118	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đặng Lễ (đoạn từ ĐH65 đến nhà ông Hậu và đoạn từ Đình Thượng đến nhà ông Ứng)	372/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	1.107	-						1.107				1.107		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
119	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc 3 tầng trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Đặng Lễ	582a/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	368	-						368				368		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
120	Trường Mầm non Đặng Lễ, hạng mục: 8 phòng nhóm trẻ điểm trường thôn Nam Trì	488/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	2.872	-						2.872				2.872		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
121	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đới Khê (đoạn từ nhà ông Hiến đến nhà ông Chuyền)	480/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	400	-						400				400		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
122	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đặng Lễ (đoạn 1: từ đình Hạ đến nhà ông Hoà, đoạn 2: từ nhà bà Tới đến nhà bà Đài)	53/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	750	-						750				750		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
123	Cải tạo đường GT nội đồng xã Đặng Lễ (đoạn từ ĐH.60 đến ruộng nhà ông Lập thôn An Trạch)	4791/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	48	-						48				48		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
124	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng thôn Đặng Đình, xã Đặng Lễ (Đoạn 1 từ nhà bà Hải đến ngã ba khu giãn dân thôn Đặng Đình, đoạn 2 từ chùa Thượng đến nhà Dư Kiên, đoạn 3 từ nhà ông Lang Phương đến khu Đồng Vỡ, đoạn 4 từ đường bê tông ngã tư Đường Vèn đến đường kết nối khu dân cư thông Đặng Đình, đoạn 5 từ Đường Vèn đến khu Đồng Vỡ)	510/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	1.450	-						1.450				1.450		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
125	Cải tạo, nâng cấp đường trục GTNT xã Đặng Lễ đoạn từ QL.38 đến giáp thôn Lã Xá, xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi	244/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	1.450	-						1.450				1.450		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
126	Đường GTNT thôn Đới Khê (đoạn 1 từ nhà ông Nam đến nhà bà Thâu , đoạn 2 từ nhà ông Bách đến cổng Chùa, đoạn 3 từ nhà bà Nhài đến nhà bà Thoái đoạn 4 từ bờ giếng đến nhà bà Thảo)	371/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	3.600	-						3.600				3.600		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
127	Cải tạo, nâng cấp đường quanh khu vực bờ hồ thôn cẩm La, xã Cẩm Ninh	224/QĐ-UBND; ngày 02/11/2023	5.000	-						5.000				5.000		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
128	Cải tạo, nâng cấp đường từ Trường Mầm non trung tâm đến nghĩa trang nhân dân thôn Lã Xá, xã Cẩm Ninh	130/QĐ-UBND; ngày 12/7/2023	5.000	-						5.000				5.000		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
129	Cải tạo, nâng cấp đường từ đường ĐH.65 về đình làng thôn La Chàng	225/QĐ-UBND; ngày 3/11/2023	3.200	-						3.200				3.200		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
130	Cải tạo, nâng cấp 03 tuyến đường GTNT thôn Cẩm La, xã Cẩm Ninh	28/QĐ-UBND; ngày 10/01/2024	6.000	-						6.000				6.000		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
131	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH.65 đến giáp thôn Cổ Lễ, xã Đặng Lễ	263/QĐ-UBND; ngày 07/12/2023	4.000	-						4.000				4.000		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
132	Cải tạo, nâng cấp 05 đoạn tuyến đường thôn Đông Bạn, xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi	160/QĐ-UBND; ngày 08/3/2024	3.000	-						3.000				3.000		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
133	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH.65 qua UBND xã đến cổng làng thôn Ninh Thôn, xã Cẩm Ninh	264/QĐ-UBND; ngày 08/12/2023	1.700	-						1.700				1.700		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
134	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ trụ sở UBND xã Cẩm Ninh	27/QĐ-UBND; ngày 10/01/2024	2.900	-						2.900				2.900		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
135	Cải tạo sửa chữa nhà hiệu bộ, nhà lớp học 2 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Cẩm Ninh	26/QĐ-UBND; ngày 10/01/2024	2.600	-						2.600				2.600		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
136	Trạm y tế Cẩm Ninh	240/QĐ-UBND; ngày 14/11/2023	2.000	-						2.000				2.000		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
137	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn lã xá, xã cẩm Ninh (đoạn từ nhà ông Viên đến nhà ông Ánh)	215/QĐ-UBND; ngày 10/5/2024	550	-						550				550		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
138	Sửa chữa đường GTNT thôn lã xá, xã cẩm Ninh(đoạn từ nhà ông Thắng đến ngã ba Mả Hui)	216/QĐ-UBND; ngày 10/5/2024	550	-						550				550		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
139	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ninh Thôn, xã Cẩm Ninh	73/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	1.300	-						1.300				1.300		-						UBND xã Nguyễn Trãi	
140	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Cẩm La, xã Cẩm Ninh, huyện Ân Thi	56/QĐ-UBND ngày 17/02/2025	4.600	-						4.600				4.600		-						UBND xã Nguyễn Trãi	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
141	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Cẩm La, xã Cẩm Ninh	74/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	1.900	-						1.900				1.900		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
142	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Cẩm Ninh	160/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	300	-						300				300		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
143	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn La Chàng, xã Cẩm Ninh	154/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	550	-						550				550		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
144	Cải tạo nâng cấp đường GNT từ cổng chùa minh lý đến nhà bà chất thôn đanh xá	154b/QĐ-UBND, 15/07/2021; 20/QĐ-UBND; 06/04/2022	1.000	-						1.000				1.000		-				-		UBND xã Ân Thi	
145	Nhà văn hóa xã Hoàng Hoa Thám	98/QĐ-UBND; 22/10/2015	1.400	-						1.400				1.400		-				-		UBND xã Ân Thi	
146	Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi	1855/QĐ-UBND; 07/4/2015	550	-						550				550		-				-		UBND xã Ân Thi	
147	Sân bê tông và các công trình phụ trợ trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Hoàng Hoa Thám	49/QĐ-UBND; 5/9/2019	800	-						800				800		-				-		UBND xã Ân Thi	
148	Sửa chữa, nâng cấp điểm trường MN thôn An Đạm - Đanh Xá, xã Hoàng Hoa Thám	117/QĐ-UBND, 02/07/2024 151/QĐ-UBND, 14/08/2024	1.900	-						1.900				1.900		-				-		UBND xã Ân Thi	
149	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám (Đoạn 1: Từ nhà ông Trị đến cổng chùa An Đạm; Đoạn 2: Từ cây đa Nghè đến ngã tư đồng Đồng và nhánh đoạn 2)	327/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	170	-						170				170		-				-		UBND xã Ân Thi	
150	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám (Tại các thôn Tam Đô, Đanh Xá, Minh Lý, Đỗ Xuyên)	108/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	730	-						730				730		-				-		UBND xã Ân Thi	
151	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Hoàng Hoa Thám (đoạn từ nhà ông Duệ đến giao với ĐH.61 và đoạn từ nhà ông Minh thôn Minh Lý đến Nhà văn hóa cũ thôn Đanh Xá)	48/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	1.200	-						1.200				1.200		-				-		UBND xã Ân Thi	
152	Trường tiểu học Văn Nhuệ. Hạng mục: 07 phòng học, 04 phòng chức năng, thư viện và phụ trợ	46/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	4.800	-						4.800				4.800		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
153	Đầu tư trang thiết bị, nội thất hội trường Nhà văn hóa xã Văn Nhuệ	117/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	530	-						530				530		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
154	Chợ dân sinh xã Văn Nhuệ	244/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	2.900	-						2.900				2.900		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
155	Sân vận động thôn Hoàng Xuyên, xã Văn Nhuệ	10A/QĐ-UBND ngày 25/03/2022	950	-						950				950		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
156	Nâng cấp mở rộng đường trục thôn Hoàng Xuyên, xã Văn Nhuệ	10B/QĐ-UBND ngày 25/03/2022	750	-						750				750		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
157	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Văn Nhuệ (Từ nhà ông Thi đến đường Cải Ngang thôn Văn Trạch)	63b/QĐ-UBND ngày 15/04/2024	100	-						100				100		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
158	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Văn Nhuệ (Đoạn 1: Từ nhà ông Bắc đến giếng đình thôn Anh Nhuệ, đoạn 2 từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Thành thôn Anh Nhuệ)	63a/QĐ-UBND ngày 15/04/2024	900	-						900				900		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
159	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Văn Nhuệ (Từ đường giữa làng đến nhà ông Lực, từ nhà bà Phòng đến nhà bà Hiệt, từ nhà ông Phúc đến nhà ông Sông, thôn Văn Trạch)	63c/QĐ-UBND ngày 15/04/2024	400	-						400				400		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
160	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hoàng Xuyên, xã Văn Nhuệ (Đoạn từ ĐT.386 đến nhà bà Kẹo, thôn Hoàng	104A/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	80	-						80				80		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
161	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Văn Nhuệ, xã Văn Nhuệ	22/QĐ-UBND ngày 17/03/2020	305	-						305				305		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
162	Nhà văn hóa thôn Anh Nhuệ, xã Văn Nhuệ	104E/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	900	-						900				900		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
163	Sân đường, cổng tường rào, nhà bảo vệ, nhà kho và các hạng mục phụ trợ UBND xã Văn Nhuệ	151a/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	240	-						240				240		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
164	Trạm y tế xã Văn Nhuệ	150a/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	1.400	-						1.400				1.400		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
165	Sân vận động trung tâm xã Văn Nhuệ	150a/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	1.900	-						1.900				1.900		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
166	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Văn Nhuệ	152a/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	500	-						500				500		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
167	Trường Tiểu học xã Văn Nhuệ; Hạng mục: Nhà hiệu bộ - phòng chức năng	73A/QĐ-UBND ngày 15/09/2016	300	-						300				300		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
168	Trường mầm non xã Văn Nhuệ; Hạng mục: Nhà hiệu bộ - Phòng chức năng	76A/QĐ-UBND ngày 30/09/2016	300	-						300				300		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
169	Trường Trung học cơ sở xã Văn Nhuệ; Hạng mục nhà hiệu bộ - Phòng chức năng	74A/QĐ-UBND ngày 26/9/2016	600	-						600				600		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
170	Sân, tường rào Trường Tiểu học Văn Nhuệ	39A/QĐ-UBND ngày 15/4/2019	490	-						490				490		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
171	Trường THCS Văn Nhuệ, hạng mục: Các công trình phụ trợ	71b/QĐ-UBND ngày 25/7/2019	550	-						550				550		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
172	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Bắc Cà xã Đa Lộc	125A/QĐ-UBND ngày 15/03/2021	1.050	-						1.050				1.050		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
173	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đa Lộc (Đoạn từ đường ĐH.63 giáp nhà ông Lộc đến giáp nhà ông Nguyễn Huy Nhiệm)	300b/QĐ-UBND ngày 02/11/2021	400	-						400				400		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
174	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đa Lộc, xã Đa Lộc (Đoạn từ nhà Bà Xíu đến nhà Ông Kiều)	111A/UBND ngày 11/3/2025	800	-						800				800		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
175	Cải tạo, nâng cấp đường GT NT thôn Bắc Cà, xã Đa Lộc (đoạn 1: từ ĐH.63 đến ĐH.66; đoạn 2 từ nhà Bà tiến đến nhà ông Thang; đoạn 3: Từ ĐH.63 đến nhà ông Quảng)	110A UBND ngày 11/3/2025	1.200	-						1.200				1.200		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
176	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đa Lộc (đoạn từ đường ĐT.63 đến chùa Bắc Cà, thôn Bắc Cà)	189/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	570	-						570				570		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
177	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đa Lộc, xã Đa Lộc (Tuyến chính: Từ ĐH.63 gần nhà anh Thái đến nhà bà Tràng, tuyến nhánh 1: Từ ông Nhuộm đến sau đình gần nhà ông Thao, tuyến nhánh 2: Từ ông tuyến đến ông Văn)	64/QĐ - UBND ngày 14/02/2025	1.860	-						1.860				1.860		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
178	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Đa Lộc (tuyến 1: từ ruộng nhà ông Tôn Cùng đến nhà ông Kiểm; Tuyến 2: từ đường trại gà đến nhà ông Thắng Tú, cánh làn Quan)	118/UBND ngày 28/02/2025	2.150	-						2.150				2.150		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
179	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Trạo thôn, xã Đa Lộc (đoạn 1: từ nhà ông Xinh đến nhà ông Mùa; đoạn 2: từ nhà ông Khá đến nhà ông Bi, đoạn 3: đường cánh phần trăm)	105/UBND ngày 15/5/2024	400	-						400				400		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
180	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Trạo thôn, xã Đa Lộc (đoạn đường nghĩa địa)	106/UBND ngày 15/5/2024	600	-						600				600		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
181	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Trạo thôn xã Đa Lộc (đoạn đường Lăng hoàng Mẫu)	193/UBND ngày 29/8/2024	800	-						800				800		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
182	Cải tạo nhà văn hóa thôn Đa Lộc	119/UBND ngày 29/02/2025	1.450	-						1.450				1.450		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
183	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đa Lộc xã Đa Lộc (Đoạn từ đường ĐH.63 giáp nhà ông Trinh đến giáp nhà ông Thắng xứ đồng Dạo Thôn)	300A/ UBND ngày 02/11/2021	300	-						300				300		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
184	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xã Văn Nhuệ (đoạn từ nhà ông Tú qua nghĩa trang đến ĐH.61)	36C/QĐ-UBND ngày 21/03/2022	900	-						900				900		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
185	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Văn Nhuệ (đoạn từ xứ đồng Lều Vịt đến đường Nghĩa trang thôn Anh Nhuệ)	4875/QĐ-UBND ngày 19/08/2024	260	-						260				260		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
186	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Văn Nhuệ (đoạn từ Quai Vạc nối đường qua nghĩa trang thôn Văn Trạch)	4876/QĐ-UBND ngày 19/08/2024	210	-						210				210		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
187	Cải tạo, nâng cấp 03 tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, xã Đa Lộc, huyện Ân Thi	223/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	2.400	-						2.400				2.400		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
188	Đường GTNĐ xã Đa Lộc, huyện Ân Thi (đoạn từ ĐH.63 giáp bà Mức đến đường bê tông sứ đồng 70 quan)	214a/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.550	-						1.550				1.550		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
189	Đường giao thông nội đồng thôn Văn Nhuệ, xã Văn Nhuệ (Đoạn từ nhà ông Định đến máng nổi)	5403/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	220	-						220				220		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
190	Nhà luyện tập thể thao thanh thiếu niên xã Đa Lộc	150/QĐ-UBND ngày 08/4/2021	1.650	-						1.650				1.650		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
191	Cải tạo, nâng cấp đường GT xã Đa Lộc(đoạn từ nghĩa trang Cựu Thụy đến đường TL.386 và từ TL.386 đến bãi rác thôn Bình Nguyên)	198/QĐ-UBND ngày 22/9/2020	1.650	-						1.650				1.650		-				-		UBND xã Nguyễn Trãi	
192	Đường nội đồng thôn Bình xá, xã Tiền Phong	04/QĐ-UBND ngày 24/04/2023	1.900	-						1.900				1.900		-				-		UBND xã Hồng Quang	
193	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 3 tầng, nhà bếp ăn trụ sở làm việc ĐU-HĐND-UBND xã Tiền Phong	112a/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	2.900	-						2.900				2.900		-				-		UBND xã Hồng Quang	
194	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng thôn Bình Lăng và thôn Bình Xá, xã Tiền Phong	111a QĐ-UBND ngày 28/11/2023	3.100	-						3.100				3.100		-				-		UBND xã Hồng Quang	
195	Xây dựng các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị nhà lớp học, nhà hiệu bộ trường Tiểu học và THCS Tiền Phong	118/QĐ-UBND ngày 15/06/2024	4.250	-						4.250				4.250		-				-		UBND xã Hồng Quang	
196	Cải tạo, nâng cấp đường vào, kè hồ, sân vườn và các hạng mục phụ trợ UBND xã	31/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	5.200	-						5.200				5.200		-				-		UBND xã Hồng Quang	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
197	Xây dựng nhà vệ sinh và sửa chữa, cải tạo nhà lớp học 2 tầng 12 phòng trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu	78a/QĐ-UBND ngày 06/10/2020	1.400	-						1.400				1.400		-					-	UBND xã Hồng Quang	
198	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hồ Tùng Mậu	237/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	3.000	-						3.000				3.000		-					-	UBND xã Hồng Quang	
199	Nhà hiệu bộ, nhà lớp học 8 phòng trường MN Hồ Tùng Mậu	80/QĐ-UBND ngày 08/10/2020	3.000	-						3.000				3.000		-					-	UBND xã Hồng Quang	
200	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Lưu Xá, xã Hồ Tùng Mậu (tuyến 1: từ nhà ông Đạo đến miếu Đại Thần; tuyến 2: từ nhà ông Thông đến nhà ông Tướng; nhánh tuyến 2: Từ ngã ba thôn đến nhà Cường Hỷ	5399/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	489	-						489				489		-					-	UBND xã Hồng Quang	
201	Các hạng mục phụ trợ nhà văn hoá thôn Gạo Nam, xã Hồ Tùng Mậu	40/QĐ-UBND ngày 20/4/2022	340	-						340				340		-					-	UBND xã Hồng Quang	
202	Đập đường trục, bờ vùng các tuyến nội đồng trong xã Hồ Tùng Mậu	56A/QĐ-UBND ngày 08/10/2013	450	-						450				450		-					-	UBND xã Hồng Quang	
203	Trạm Y tế xã Hồ Tùng Mậu	41/QĐ-UBND ngày 27/02/2025	3.950	-						3.950				3.950		-					-	UBND xã Hồng Quang	
204	Nâng cấp cải tạo đường GTNT xã Hồng Vân đoạn từ nhà ông Du đến trạm bơm xóm 1	209/QĐ-UBND; 15/10/2024	1.200	-						1.200				1.200		-					-	UBND xã Hồng Quang	
205	San nền cổng tường rào NVH thôn Tân Viên	236/QĐ-UBND 30/10/2024	987	-						987				987		-					-	UBND xã Hồng Quang	
206	Cải tạo hệ thống thoát nước, sân cổng tường rào sân vận động xã Hồng Vân	182/QĐ-UBND ngày 28/08/2024	740	-						740				740		-					-	UBND xã Hồng Quang	
207	CT,NC đường GTNT xã Hồng Vân đoạn từ nhà ô Du đến đầu Đồ Chín	82/QĐ-UBND ngày 08/05/2024	2.600	-						2.600				2.600		-					-	UBND xã Hồng Quang	
208	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Ân Thi 1 và nhà kho trụ sở UBND xã Hồng Quang.	46/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	240	-						240				240		-					-	UBND xã Hồng Quang	
209	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Ân Thi 3, xã Hồng Quang.	14e/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	39	-						39				39		-					-	UBND xã Hồng Quang	
210	Cải tạo, nâng cấp sân chơi thôn Vũ Dương, xã Hồng Quang	14f/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	19	-						19				19		-					-	UBND xã Hồng Quang	
211	Cải tạo tường rào và sân trường TH và THCS Hồng Quang (phần Tiểu học cũ	103/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	700	-						700				700		-					-	UBND xã Hồng Quang	
212	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Hồng Quang (đoạn 1: Từ ao Tra đến đến giáp cử T318, đoạn 2: Từ gốc gạo đến giáp cử T318)	44/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	4.380	-						4.380				4.380		-					-	UBND xã Hồng Quang	
213	Công trình Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Quang (Đoạn 1: từ nhà ông Du gần đường ĐT.376 đến ngã 3 giáp chùa Ân Thi 3, đoạn 2: từ Quỹ tín dụng nhân dân gần đường ĐT.377 đến Lăng Sư Cụ)	39/QĐ-UBND ngày 05/04/2024	1.600	-						1.600				1.600		-					-	UBND xã Hồng Quang	
214	Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp xã Hồng Vân, huyện Ân Thi	1853/QĐ-UBND; 07/4/2015	580	-						580				580		-					-	UBND xã Hồng Quang	
215	Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp xã Hồng Quang, huyện Ân Thi	1862/QĐ-UBND; 07/4/2015	450	-						450				450		-					-	UBND xã Hồng Quang	
216	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Quang (đoạn từ ĐT.376 vào khu dân cư mới thôn Vũ Dương)	126/QĐ-UBND; 31/3/2025	2.000	-						2.000				2.000		-					-	UBND xã Hồng Quang	
217	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông, mương nội đồng thôn Trai Thôn, xã Hồng Quang	112/QĐ-UBND ngày 17/07/2024	900	-						900				900		-					-	UBND xã Hồng Quang	
218	Đường giao thông nội đồng xã Hồng Vân(từ dỗi 1 đến dỗi 9 thôn Trà Phương)	43/QĐ-UBND ngày 14/03/2024	2.250	-						2.250				2.250		-					-	UBND xã Hồng Quang	
219	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Vân (đoạn từ ĐH.63 đến nhà thờ thôn Tân Viên)	35/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	2.200	-						2.200				2.200		-					-	UBND xã Hồng Quang	
220	Sửa chữa đường GTNT thôn Tân Viên (Đoạn từ nhà ông Hiền đến nhà ông Đạt) xã Hồng Quang	152/QĐ-UBND ngày 10/04/2025	200	-						200				200		-					-	UBND xã Hồng Quang	
221	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Hồng Vân(Đoạn 1 : Từ nhà ông Cử đường 376 cũ đến ĐT 376 mới , thôn Tân Viên; Đoạn 2 từ nhà ông Sơn đến nhà ông Hiền thôn Trà Phương)	63/QĐ-UBND ngày 12/04/2024	400	-						400				400		-					-	UBND xã Hồng Quang	
222	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Hồng Vân(Đoạn từ ruộng nhà ông Pháo đến bờ Lưu)	2626b/QĐ-UBND ngày 12/04/2024	210	-						210				210		-					-	UBND xã Hồng Quang	
223	Đường GTNĐ thôn Tân Viên , xã Hồng Quang , huyện Ân Thi(Đoạn từ ruộng nhà ông Hiệu đến ruộng nhà ông Duẩn)	102/QĐ-UBND ngày 20/03/2025	1.150	-						1.150				1.150		-					-	UBND xã Hồng Quang	
224	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng nông thôn mới tại xã Hồng Quang , huyện Ân Thi giai đoạn 2	05A/QĐ-UBND 01/01/2024	2.750	-						2.750				2.750		-					-	UBND xã Hồng Quang	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NS TW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	2	7	14	15	16	17	18	19	20	22	23	24	25	26	27	29	30	31	32	33	34	36	37
225	Kè, đường GTNT xã Hồng Quang (đoạn từ chùa đến nhà ông Áp thôn Vũ Dương)	153/QĐ-UBND 10/4/2025	2.900	-						2.900				2.900		-				-		UBND xã Hồng Quang	
226	Xây dựng cổng, tường rào, nhà bảo vệ, san lấp ao trường Tiểu học Hồng Quang (Hồng Vân cũ), huyện Ân Thi	20/QĐ-UBND 17/12/2024	990	-						990				990		-				-		UBND xã Hồng Quang	
227	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xã Hồng Vân (đoạn từ ruộng nhà ông Linh đến ruộng nhà ông Hà giáp nghĩa trang)	06/QĐ-UBND ngày 8/2/2022	450	-						450				450		-				-		UBND xã Hồng Quang	
228	Sửa chữa các hạng mục phụ trợ nhà hiệu bộ, nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường tiểu học Hạ Lễ	QĐ số 27/QĐ-UBND ngày 16/3/2022	1.100	-						1.100				1.100		-				-		UBND xã Hồng Quang	
229	Lắp hệ thống Camera an ninh xã Hạ Lễ	QĐ số 117/QĐ-UBND ngày 27/8/2024	450	-						450				450		-				-		UBND xã Hồng Quang	
230	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn 3, Xã Hạ Lễ	QĐ136/QĐ-UBND ngày 31/8/2021; số 123c/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	800	-						800				800		-				-		UBND xã Hồng Quang	
231	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn 4, Hạ Lễ (Từ đường ĐH 64 đến nhà ông Phích)	QĐ số 103/QĐ-UBND ngày 17/6/2021	1.000	-						1.000				1.000		-				-		UBND xã Hồng Quang	
232	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn 2, xã Hạ Lễ (đoạn từ nhà ông Thể đến nhà ông Cường)	17a/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	590	-						590				590		-				-		UBND xã Hồng Quang	
233	Cải tạo nâng cấp đường GTNT trên địa bàn thôn 1 (Đoạn 1: Từ nhà ông Vang đến nhà ông Luyện; đoạn 2 từ nhà ông Tiến đến nhà bà Vị)	QĐ số189/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	2.900	-						2.900				2.900		-				-		UBND xã Hồng Quang	
234	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Hạ Lễ (Đoạn từ chùa thôn 6 đi thôn 7)	82/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	260	-						260				260		-				-		UBND xã Hồng Quang	
235	Cải tạo nâng cấp mở rộng mặt đường, kè ao khu vực giếng làng thôn 6, xã Hạ Lễ	181b/QĐ-UBND ngày 20/10/2021	350	-						350				350		-				-		UBND xã Hồng Quang	
236	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ nhà Văn hoá thôn 2 đến trạm bơm và xây dựng tường kè nhà văn hoá thôn 2 thuộc địa bàn xã Hạ Lễ	32/QĐ-UBND-16/5/2023	850	-						850				850		-				-		UBND xã Hồng Quang	

PHỤ LỤC SỐ 06

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN KHOÁI CHÂU (TRƯỚC SẮP XẾP) ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							*Trong đó*								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	*2*	*7*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*	*39*	*40*	*41*	*42*	*43*	*44*
	TỔNG SỐ		**5.833.622**	**780.142**	**-**	**177.988**	**51.931**	**565.597**	**450**	**3.706**	**1.089.057**	**-**	**40.000**	**30.362**	**1.197.799**	**-**	**3.600**	**350.000**	**-**	**30.000**	**-**	**320.000**	**-**	**-**		
A	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 01 XÃ MỚI**		**5.483.622**	**780.142**	**-**	**177.988**	**51.931**	**565.597**	**450**	**3.706**	**1.089.057**	**-**	**40.000**	**30.362**	**1.197.799**	**-**	**3.600**		**-**	**-**	**-**		**-**	**-**		
I	**NGÀNH, LĨNH VỰC...**		**5.483.622**	**780.142**	**-**	**177.988**	**39.066**	**565.597**	**450**	**3.706**	**1.089.057**	**-**	**40.000**	**30.362**	**1.197.799**	**-**	**3.600**		**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	
a	**Dự án hoàn thành**		**5.483.622**	**780.142**	**-**	**177.988**	**39.066**	**565.597**	**450**	**3.706**	**1.089.057**	**-**	**40.000**	**30.362**	**1.197.799**	**-**	**3.600**		**-**	**-**	**-**		**-**	**-**		
1	CTNc đường GTNT xã Đại Hưng (đoạn từ ĐH.51 đi Vĩnh Xá - Kim Động)	7658 ngày 05/12/2014	254																						
2	CTNC đường ĐH.55 Dốc Kênh - Đại Tập	4833 ngày 26/10/2017	3.499	2.027				2.027																Đã khóa dự án	
3	CTNC đường GTNT xã Việt Hòa (đoạn từ đường WB đến bờ sông tây Tân Hưng)	5808 ngày 14/10/2019	100	8				8																Đã khóa dự án	
4	CTNc đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ trường THCS Đông Kết đến đường ĐT.383)	5807/QĐ ngày 14/10/2019	100	8				8																Đã khóa dự án	
5	XD đường điện chiếu sáng trên QL39 đoạn qua Thị tứ Bô Thời, huyện Khoái Châu Km 10+700-Km 15+200)	1033A ngày 29/6/2018	2.400	1.958				1.958																Đã khóa dự án	
6	San lấp MB bãi để xe, sân vườn nhà truyền thống khu di tích LS Cây Đa Sài Thị	4119 ngày 31/10/2019	1.648	694				694																Đã khóa dự án	
7	Chương trình phát triển đô thị huyện Khoái Châu giai đoạn 2017-2020	1927 ngày 07/7/2017	451	451				451																UBND xã Khoái Châu	
8	XD nhà làm việc các phòng ban UBND huyện	4863A ngày 31/10/2017	2.418	1.800				1.800																Đã khóa dự án	
9	Kè và bờ bao Đầm Dạ Trạch	4070 ngày 24/10/2018	557	557				557																Đã khóa dự án	
10	XD Chợ và HTKT khu nhà ở TM xã Dân Tiến	1017 ngày 24/6/2011; 1571 ngày 5/6/2017	4.715	-																				UBND xã Việt Tiến	
11	HTKT khu dân cư mới xã An Vĩ huyện Khoái Châu	343 ngày 28/2/2011; 497 ngày 17/2/2016	576	-																				Đã khóa dự án	
12	Tu bổ, tôn tạo Đền Đa Hòa xã Bình Minh	5222 ngày 30/10/2020	14.728	4.418				4.418		1.687	3.600						*3.600*							UBND xã Mễ Sở	
13	XD Nhà hiệu bộ trường THCS xã Hồng Tiến	3615 ngày 30/7/2019	1.400	-																				Đã khóa dự án	
14	Trường MN Thị trấn Khoái Châu	4729 ngày 27/9/2017	7.000	6.519				4.500		2.019	-													UBND xã Khoái Châu	
15	Khu dân cư Cao Quán xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu		88.000	72.424				72.424							15.093									UBND xã Việt Tiến	
16	XD hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Bình Kiều để đấu giá QSD đất cho nhân dân làm nhà ở		90.000	19.697				19.697			42.000				42.000									UBND xã Khoái Châu	
17	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.377 đi ĐT.383(qua đền Triệu Quang Phục)	3540/QĐ-UBND ngày 10/07/2019	12.950	12.803				12.803			-													UBND xã Triệu Việt Vương	
18	CTNC đường 204 (Dốc Kênh - Cầu Khé)	1150 ngày 9/6/2010	752	-							-													UBND xã Khoái Châu	
19	CTNC đường vào Đền Chử Đồng Tử - Tiên Dung	147 ngày 22/01/2014	846	846				846			-													Đã khóa dự án	
20	Trường Tiểu học Tứ Dân	2670 ngày 31/10/2018	182	-				-			-													UBND xã Châu Ninh	

21	CTNC đường ĐH.56 đoạn Km 0+000-Km 3+500 Dốc Bài - Bến đò Đông Ninh	1652 ngày 08/8/2016	3.100	-							-														Đã khóa dự án	
22	CTNC đường ĐH.59B huyện Khoái Châu	2827 ngày 25/10/2017	1.000	-							-														Đã khóa dự án	
23	CTNC đường ĐH.53 đoạn Km0+000-Km 2+400	2024 ngày 21/9/2016	3.787	399				399			-														UBND xã Chí Minh	
24	Trường MN Liên Khê		5.500																							
25	CTNC đường ĐH.58 huyện Khoái Châu	2880 ngày 30/10/2017	4.890	227				227			-														UBND xã Việt Tiến	
26	CTNC đường ĐT.383 đoạn Km0+00 QL39 - Km4+500 giao ĐH.57 huyện K. Châu	2887 ngày 30/10/2017	3.875	660				660																	UBND xã Triệu Việt Vương	
27	XD cầu bắc qua sông Bắc Hưng Hải thôn Lôi Cầu xã Việt Hòa	2652 ngày 30/10/2018	2.000																						UBND xã Việt Tiến	
28	Cải tạo, nâng cấp ĐH.51 (đoạn từ bến đò Phương Trù đến bến ĐT.378)	5885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	72.800	60.780		40.710		20.070			7.000				22.000										UBND xã Châu Ninh	
29	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu (thuộc khu đất dự kiến quy hoạch Chợ đầu mối nông sản và HTKT khu nhà ở Đông Tảo, huyện Khoái Châu) - Giai đoạn I	8782/QĐ - UBND ngày 19/08/2021	48.875	40.281			5.000	35.281			-														UBND xã Hoàn Long	
30	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn mới xã Tân Dân huyện Khoái Châu để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	2017/QĐ-UBND ngày 07/06/2024	14.938	3.558				3.558			-														UBND xã Triệu Việt Vương	
31	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm huyện Khoái Châu		130.000	905		*905*									*50.000*										Đang tạm dừng, bàn giao UBND xã Khoái Châu	
32	Xây dựng quảng trường trung tâm huyện Khoái Châu		50.000								50.000		20.000		30.000											
33	Chợ đầu mối nông sản xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu	3872/QĐ-UBND ngày	128.930	14.753			10.000	4.753			100.000			25.000	75.000										UBND xã Hoàn Long	
34	CTNC đường ĐH.57 huyện Khoái Châu		384.359	184.532		100.000		84.532			182.000				182.000											
35	Cải tạo, nâng cấp các HM phụ trợ trụ sở làm việc UBND huyện Khoái Châu		9.782	7.803				7.803			-														Đã khóa tài khoản	
36	GPMB nhà máy xử lý rác thải tại xã Phùng Hưng huyện Khoái Châu		17.970																						Giảm không thực hiện	
37	XD trường MN xã Đại Hưng		3.240	3.240				3.240																	UBND xã Chí Minh	
38	Xây dựng nhà làm việc một một số phòng ban và bộ phận một cửa UBND huyện	5312/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	29.800	-	-	-	-	-	-	-	26.000				26.000										UBND xã Khoái Châu	
39	XD đường kênh đông huyện Khoái Châu đoạn từ ĐH.57-ĐT.384		160.000	30.856		10.000		20.856			80.000				80.000										UBND xã Khoái Châu	
40	XD đường điện chiếu sáng trên ĐT.383 (đoạn từ xã Bình Kiều - Đông Kết)		12.000	8.076				8.076			-				-										Xã Khoái Châu Vì chưa tất toán TK	
41	Xây dựng và hoàn thiện trường MN Liên Khê		5.500	5.231	-	-	-	5.231			-	-	-	-	-	-									UBND xã Khoái Châu vì chưa tất toán TK	
42	Tu sửa khẩn cấp cống số 2 qua đê bối xã Đại tập và kênh tiêu chính TB Ninh Tập (đoạn từ cống 3 cửa đến cống Liên Khê) và cống đầu kênh tiêu T1 huyện Khoái Châu		6.050	5.868		3.000		2.868			-														UBND xã Châu Ninh	
43	Tu sửa cống đầu sông Ao Vua, thôn Hạ xã An vĩ huyện Khoái Châu		5.900	1.833		934		899			-														UBND xã Triệu Việt Vương	
44	Hỗ trợ các DTLS		5.500	-							-															
45	Hỗ trợ XD các trụ sở công an xã		20.000	-							4.000				4.000											
46	QH phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu đô thị Trung tâm huyện Khoái Châu		2.228	1.170				1.170			-														UBND xã Khoái Châu	
47	QH chung đô thị loại V xã Dân Tiến		1.926	417				417			-														UBND xã Việt Tiến	
48	QH chung đô thị loại V xã Đồng Tiến		1.851	418				418			-														UBND xã Việt Tiến	
49	QH chung đô thị loại V xã Hồng Tiến		2.079	418				418			-														UBND xã Việt Tiến	

50	SC trụ sở làm việc Phòng LĐTBXH cũ (trụ sở cũ để chuyển bộ phận một cửa sang) và Trụ sở tiếp công dân, thanh tra huyện		5.600					5.600															-			UBND xã Khoái Châu	
51	XD nhà kho để xuống cứu hộ và vật tư phục vụ công tác PCLB	7243/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	700	684				684			-															UBND xã Triệu Việt Vương	
52	Sửa chữa trụ sở làm việc công an huyện Khoái Châu	6755/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	3.500	3.300				3.300			100				100								-			UBND xã Triệu Việt Vương	
53	CTNC đường ĐH.58 huyện Khoái Châu - HM di chuyển đường điện 0,4kv phục vụ GPMB		899	692				692																		UBND xã Chí Minh	
54	Nhà tường niệm bà Hoàng Thị Loan		70.000																								
55	Tu bổ tôn tạo Nhà thờ Bà Hoàng Thị Loan		14.700	13.850		9.987		3.863																		UBND xã Việt Tiến	
56	Hỗ trợ XD trường MN thôn Thiết Trụ xã Bình Minh		10.000	3.240				3.240																			
57	Xây dựng đường điện chiếu sáng trên ĐT.384 huyện Khoái Châu (đoạn từ ngã tư Bô Thời đến ngã tư Cầu Khé)	4029/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	14.500	11.783				11.783			100				100												UBND xã Khoái Châu	
58	XD khu dân cư mới TTKC huyện Khoái Châu để đấu giá và TĐC cho một số dự án trọng điểm		145.000	-																						UBND xã Khoái Châu	
59	Cải tạo nâng cấp đường ĐH.51, huyện Khoái Châu (Đoạn từ Km14 - Km15+600)	52/QĐ-UBND ngày 05/01/2024	11.081	6.000				6.000			3.900				3.900												UBND xã Châu Ninh	
60	Cải tạo chỉnh trang một số hạng mục trong khuôn viên trụ sở làm việc Huyện ủy Khoái Châu	1847/QĐ- BND ngày 28/02/2022	12.608	11.185			4.000	7.185			-															UBND xã Khoái Châu	
61	Cảo tạo nâng cấp ĐT.384 đoạn từ ĐT.377 đến đường Kết nối di sản, huyện Khoái Châu		450.000	-							-															UBND xã Khoái Châu	
62	Xây dựng Nhà chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm, nhà hành chính - hội trường và nhà phẫu thuật Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu		34.696	5.000		*5.000*					29.362		20.000	5.362	4.000											UBND xã Khoái Châu	
63	HTKT khu dân cư xã An Vĩ huyện Khoái Châu (GPMB hộ ông Trần Đa Ba)		2.200	1.139				1.139			-												-			UBND xã Triệu Việt Vương	
64	Cải tạo nâng cấp ĐH.52 (đoạn từ ĐH.56 đến bến đò Tân Châu)		60.000	-							35.000				35.000											UBND xã Châu Ninh	
65	Xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB thực hiện các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn huyện Khoái Châu	6280/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	30.000	24.400				*24.400*			***13.500***				*13.500*											UBND xã Việt Tiến	
66	Xây dựng trụ sở công an xã Tứ Dân	5020/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	12.500	10.142		2.500		6.500			500				500								-			UBND xã Châu Ninh	
67	XD hạ tầng kỹ thuật KDC mới Hồng Tiến để đấu giá QSD đất cho nhân dân làm nhà ở		93.000	-							-															UBND xã Việt Tiến	
68	HTKT khu dân cư mới xã Đông Kết để đấu giá QSD đất cho nhân dân làm nhà ở		82.000	7.512				7.512			***70.000***				70.000											UBND xã Khoái Châu	
69	Hỗ trợ CTNC đường GT trục chính thôn Cao Quán xã Hồng Tiến, đoạn từ nhà ông Trung đến sông 3		3.000																								
70	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục nhà khách, nhà ăn Trụ sở UBND huyện	5429/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	14.000	11.566			2.566	9.000			150				150											UBND xã Khoái Châu	
71	XD khu vực phòng thủ huyện Khoái Châu tại xã Bình Kiều huyện Khoái Châu		40.000								16.000				16.000											Đã khóa tài khoản	
72	QH chung đô thị mới		9.500																								
73	ĐC quy hoạch sử dụng đất theo chỉ tiêu UBND tỉnh phân bổ		1.500																								
74	Cầu bắc qua sông Từ Hồ - Sài Thị nối ĐH.58 với ĐT.377 xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu	8215/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	19.000	13.000				13.000			3.000				3.000											UBND xã Khoái Châu	
75	Hỗ trợ XD tuyến đường bờ Đông Máng Kênh Đông xã Phùng Hưng		14.950																								
76	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Tân Châu, huyện Khoái Châu	5337/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	12.500	12.181		2.500	3.000	6.681			-															UBND xã Châu Ninh	
77	XD Trụ sở làm việc Công an xã Đông Ninh		12.500																								
78	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Đại Tập, huyện Khoái Châu	5019/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	10.000	9.452		2.452		7.000			230				230								-			UBND xã Châu Ninh	
79	cải tạo, SC một số HM phụ trợ DTLSQG đặc biệt Đặc biệt Đền hóa Dạ Trạch Khoái Châu		19.800								17.000				17.000											UBND xã Triệu Việt Vương	

80	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn mới xã Tân Dân huyện Khoái Châu để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	2017/QĐ-UBND ngày 07/06/2024	14.938	3.558				3.558			10.000				10.000											UBND xã Triệu Việt Vương	
81	Xây dựng nhà làm việc một một số phòng ban và bộ phận một cửa UBND huyện Khoái Châu	5312/QĐ ngày 29/10/2024	29.800					520			520				26.000											UBND xã Khoái Châu	
82	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Khoái Châu		22.000	-							-															UBND xã Triệu Việt Vương	
83	Chợ đầu mối nông sản xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu	3872/QĐ-UBND ngày12/08/2024	128.930	14.753			10.000	4.753			-															UBND xã Hoàn Long	
84	Cải tạo, nâng cấp đường vào nhà thờ bà Hoàng Thị Loan	4875/QĐ-UBND ngày 15/09/2023	21.543	19.334				19.334			500				500								-			UBND xã Việt Tiến	
85	Lắp đặt hệ thống mạng nội bộ (mạng lan) và hệ thống Wifi tập trung của 25 xã, thị trấn phục vụ công tác chuyển đổi số	5269/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	2.000	1.900				1.900			-															UBND xã Khoái Châu	
86	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐT.378 đến khu di tích Cây đa Sài Thị, huyện Khoái Châu	3928/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	32.000	23.893			4.500	19.393			4.000				4.000											UBND xã Chi Minh	
87	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Hạt giao thông và Môi trường huyện Khoái Châu	5130/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	2.900	2.810				2.810			-															UBND xã Khoái Châu	
88	Đầu tư hệ thống Đài truyền thanh cơ sở dựa trên ứng dụng CNTT trên địa bàn huyện Khoái Châu	5270/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	3.834	2.683				2.683			116				116											UBND xã Khoái Châu	
89	Cấp vốn ủy thác Ngân hàng CSXH		12.200								5.700				1.500											Đã cấp theo KH	
90	Đồ án ĐC quy hoạch XD vùng huyện Khoái Châu tỉnh HY đến năm 2020		2.022																								
91	Hỗ trợ dự án CTNC đường GTNT thôn Phú Hòa xã Bình Kiều (đoạn từ đường ĐT.383 đến đường		5.000																							Đã hỗ trợ xã theo KH	
92	Trụ sở làm việc Huyện ủy		949																							Đã khóa tài khoản	
93	XD trụ sở làm việc Công an xã Thuần Hưng		14.800								1.969				12.000											UBND xã Chi Minh	
94	Hỗ trợ các xã được công nhận NTMNC, NTMKM		95.000	-							11.400				25.000											Giảm không tiếp tục thực hiện	
95	Tu sửa Cống thoát nước và nạo vét , gia cố mái sông Tây Tân Hưng (đoạn từ chợ Tiểu Quan đến cống Ba Lô)		8.300	-							-															UBND xã Chi Minh	
96	XD Đường giao thông vào trụ sở làm việc các cơ quan huyện		5.000	-							-															UBND xã Triệu Việt Vương	
97	Xây dựng nhà văn hóa xã Tân Châu		25.000	-							-															UBND xã Châu Ninh	
98	Xây dựng nhà văn hóa xã Đông Ninh	5769/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	20.000	-							-															UBND xã Châu Ninh	
99	Xây dựng nhà văn hoá Đại Tập	5768/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	20.000	-							*19.000*				*19.000*											UBND xã Châu Ninh	
100	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu (đoạn từ ĐT.377 đến ĐT.378)	3926/QĐ-UBND ngày 02/08/2024	45.000	-							40.000				*40.000*											UBND xã Triệu Việt Vương	
101	Tu bổ, tôn tạo DTLS Đền Hóa Dạ Trạch huyện Khoái Châu	4822/QĐ-UBND ngày 24/9/2024	18.000																							UBND xã Triệu Việt Vương	
102	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Hồng Tiến	5472A/QĐ - UBND ngày 10/9/2019	450	450					450		-															UBND xã Việt Tiến	
103	Cải tạo, chỉnh trang đầm Dạ Trạch, huyện Khoái Châu	4271/QĐ-UBND ngày 06/9/2024	30.000	-							28.000				*28.000*								*2.000*			UBND xã Triệu Việt Vương	
104	Xây dựng Cổng chào huyện Khoái Châu	5972/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	18.000	-							17.100				*17.100*											UBND xã Triệu Việt Vương	
105	Cải tạo nâng cấp Đường liên xã Đông Kết Bình Kiều (điểm đầu từ ĐT.383 xã Đông Kết - điểm cuối giao ĐT.384 xã Bình Kiều		70.000	-							-															UBND xã Khoái Châu	

106	CTNC đường Kênh tây (điểm đầu từ ĐT.383- điểm cuối đến hết khu dân cư mới xã Đông Kết)		20.000																					UBND xã Khoái Châu	
107	Cải tạo nâng cấp Cầu qua sông Điện Biên (thôn Kim Tháp, xã Đồng Tiến) huyện Khoái Châu	4272/QĐ-UBND ngày 06/9/2024	14.800	-							*14.000*				*14.000*									UBND xã Việt Tiến	
108	Cấp quỹ hội nông dân huyện		2.000								*1.500*				*500*									Đã thực hiện xong.	
109	Hỗ trợ công trình CTNC đường giao thông xã Hồng Tiến (đoạn 1 từ ngã ba cầu Đình đến trường THCS xã Hồng Tiến; đoạn 2 từ nhà Tuấn thoa đến nhà bà Hùng Hà)		4.000																					UBND xã Việt Tiến	
110	Hỗ trợ công trình CTNC đường giao thông xã Hàm Tử (đoạn từ ĐT.377 đến ngã ba ông Tưởng thôn Đức Nhuận)		10.000																					UBND xã Triệu Việt Vương	
111	Hỗ trợ Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Ninh (đoạn từ ngõ Ông Thân đến cuối ngõ Ông Thăng Nội Doanh)		4.000												*4.000*									UBND xã Châu Ninh	
112	Hỗ trợ xây dựng trạm xử lý nước thải phấn đấu về đích NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu cho 23 xã		23.000												*23.000*									ĐC giảm không tiếp tục thực hiện	
113	Hỗ trợ nhà văn hóa 16 thôn (Gồm: Nhà văn hóa Thôn Hạ Thị trấn Khoái Châu; Nhà văn hóa thôn Đông Tảo Đông; Đông Kim, Dũng Tiến xã Đông Tảo; Nhà văn hóa thôn 2; thôn 4 xã Đại Hưng; Thôn Mạn Đường xã Tứ Dân; Thôn Đông Kết; Trung Châu xã Đông Kết; Minh Khai, Chi Lăng xã Đại Tập; Ngọc Nha Hạ xã Phùng Hưng; Hương Quất 2 xã Thành Công; Thôn Trưng Vương, Hồng Châu xã Tân Châu; Thôn Tứ Lý xã Đông Ninh).		16.000												*16.000*									ĐC giảm không tiếp tục thực hiện	
114	Hỗ trợ 02 Nhà văn hóa thôn tại xã Đông Ninh và Đại Tập (Nhà văn hóa thôn Nội Doanh xã Đông Ninh; Thôn Ninh Tập xã Đại Tập).		1.000								*500*				*1.000*									Châu Ninh	
115	Hỗ trợ xây dựng Trụ sở làm việc Tòa án huyện Khoái Châu		10.000												*10.000*									Khoái Châu	
116	Hỗ trợ Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Tân Châu (đoạn từ UBND xã Tân Châu đến ngã ba Bà Vừng và kiên cố hóa kênh mương dọc tuyến)		4.000												*4.000*									Châu Ninh	
117	Cải tạo hạ tầng kỹ thuật khu di tích lịch sử Cây đa Sải Thị	6689/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	10.800												10.200									UBND xã Chi Minh	
118	Trường mầm non Đại Tập		25.000	-							-													UBND xã Châu Ninh	
119	Xây dựng trường Mầm non xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu	5568/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	22.000	-							*20.000*				*20.000*									UBND xã Châu Ninh	
120	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên ĐT.377 (đạon từ ngã tư phố Phù đến ngã ba Ông Đình)	4344/QĐ-UBND ngày 12/9/2024	9.500								9.000				9.000									UBND xã Khoái Châu	
121	Lập đồ án chung xây dựng xã Tân Châu		500																					Dừng triển khai	
122	Lập đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đông Ninh		500																					Dừng triển khai	
123	Lập đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đại Tập		500																					Dừng triển khai	
124	Lập đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thuần Hưng		500																					Dừng triển khai	
125	Quy hoạch chung Thị trấn Khoái Châu mở rộng		3.776								-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Dừng triển khai	
126	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm TDTT huyện Khoái Châu	4345/QĐ-UBND ngày 12/9/2024	4.500								4.300				4.300									UBND xã Khoái Châu	
127	Cải tạo Sân vận động trung tâm huyện Khoái Châu	5623/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	8.600	-							*8.200*				*8.200*									UBND xã Khoái Châu	
128	Xây dựng Khu vực Phòng thủ huyện Khoái Châu (giai đoạn 2)		70.000									-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Dừng triển khai	
129	CTNC đường ĐT.383 đoạn từ ngã tư giao ĐT.379 đến ĐT.378	457/NQ-HĐND ngày 6/6/2024	285.000																				x	UBND xã Khoái Châu	

130	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.377 (đoạn từ ngã ba Hàng đến ngã tư Đông Tảo).	459/NQ-HĐND ngày 06/6/2024	221.342																					UBND xã Triệu Việt Vương	
131	XD đường Kênh đông nhánh đông, huyện Khoái Châu đoạn từ ĐH.57 đến ĐH.384		200.000																					UBND xã Việt Tiến	
132	Xây dựng ĐT.377 quy hoạch mới, đoạn từ điểm giao với ĐT.377B đến điểm giao với ĐT.383 (khoảng Km11+200 đến Km13+800)	495/NQ-HĐND ngày 28/10/2024	365.000																				x	UBND xã Khoái Châu	
133	Đường GTNT xã Tân Châu (đoạn từ ngã tư UBND xã đến nhà Bắc Dung)		30.000																					UBND xã Châu Ninh	Dừng do trùng dự án sân golf
134	Cải tạo mở rộng Đường Quy hoạch đô thị (đoạn từ trường THCS Nguyễn Thiện Thuật - Kênh Đông)	2171/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	30.000	-							*27.000*				*27.000*									UBND xã Khoái Châu	
135	Cải tạo mở rộng Đường Triệu Quang Phục (đoạn từ ĐT.377 đi qua trường THCS Thị trấn đến Bình Kiều)		11.000	-							*9.000*				*9.000*									UBND xã Khoái Châu	
136	Cải tạo mở rộng Đường Bãi Sậy (Đoạn từ ĐT.377 đến đường tránh ĐT.377)		26.500	-							-													UBND xã Khoái Châu	
137	Cải tạo nâng cấp Đường nối từ ĐT.377 (xã Phùng Hưng) đến trung tâm xã Bình Kiều.		13.500	-							*9.000*													UBND xã Khoái Châu	
138	Cải tạo nâng cấp Đường Nguyễn Kỳ (đoạn từ ĐT.377 đến khu đấu giá TTKC)		2.900	-							*2.610*				*2.610*									UBND xã Khoái Châu	
139	XD Nhà nghỉ trưa trường THCS Nguyễn Thiện Thuật		20.000	-							-													UBND xã Khoái Châu	
140	CTSC phòng mổ, máy cháy thận nhân tạo- mua sắm trang thiết bị phòng mổ, máy chạy thận nhân tạo và một số trang thiết bị cần thiết khác Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu		12.000																					UBND xã Khoái Châu	
141	XD khu dân cư NTM tại vị trí đất xen kẹt xã Hồng Tiến huyện Khoái Châu		70.000																					UBND xã Việt Tiến	
142	lập chương trình PTĐT thị trấn và KV phát triển đô thị mở rộng đến năm 2035		860																					UBND xã Khoái Châu	
143	Đề án công nhận Thị trấn Khoái Châu và KVPT đô thị mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại V		520																					UBND xã Khoái Châu	
144	XD trường MN xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu		50.000																							
145	Lắp đèn trang trí một số tuyến đường trọng điểm trên địa bàn huyện		14.300								*5.200*				*5.200*									UBND xã Khoái Châu	
146	Hỗ trợ Công trình CTNC đường GT thôn Lôi Cầu xã Việt Hòa (đoạn từ Cổng làng Lôi Cầu đến đường ĐH.58)		3.000								*3.000*				*3.000*											
147	Hỗ trợ XD đường GT vùng SX làng nghề thôn Dũng Tiến và Đông Tảo xã Đông Tảo		3.000								*3.000*				*3.000*											
148	Hỗ trợ XD hệ thống chiếu sáng các tuyến đường GTNT Thôn Đông tảo Nam xã Đông Tảo		3.000								*3.000*				*3.000*											
149	Lắp đặt hệ thống đèn ttrang trí tuyến đường trục xã Tân Dân, XDHT chiếu sáng xã Tân Dân đoạn từ giáp xã Ông Đình đến ngã tư giáp xã Yên Hòa; đoạn từ nhà ông Tâm đến ĐT.379; đoạn từ đình Vân Chi đến ĐT.379 (nhà Ông Mai)		3.000								3.000				*3.000*											
150	Hỗ trợ XD trường TH xã Tứ Dân - HM nhà 6 lớp học bộ koon và 7 lớp học văn hóa và các HM phụ trợ		5.000								5.000				*5.000*											
151	XD tuyến đường QH số 1 quy hoạch đô thị hai bên đường ĐH.57 huyện Khoái Châu (đoạn từ Km0+00-Km0+935)		70.000	70.000				70.000																UBND xã Triệu Việt Vương	
152	Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái cho Huyện ủy và UBND huyện Khoái Châu		3.000																					ĐC giảm k tiếp tục thực hiện	
153	Lắp đặt đường điện chiếu sáng ĐH.56 (đoạn dốc Bái - bến đò Đông Ninh)		12.000																					UBND xã Châu Ninh	
154	XD trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh		13.500																					ĐC giảm k tiếp tục thực hiện	
155	XD tuyến đường từ ĐH.51 đến Chi Tân - Toàn Thắng		50.000																							

156	CTNC đường GT xã Đại Tập (Đoạn từ ĐH.51 đến nhà bà Nam San, thôn Minh Khai)		20.000																					UBND xã Châu Ninh	
157	XD Trụ cột đào giao thông nút giao và trang trí đường ĐH.57 huyện Khoái Châu		14.500																					UBND xã Triệu Việt Vương	
158	Hỗ trợ xây dựng công trình CTNC đường vào khu DTLS Đền Hóa (Điểm đầu từ đường trục lăng Yên Vĩnh, điểm cuối đến Kênh Tây giáp Châu Linh và tuyến nhánh từ Cổng Đền Hóa lên Gác Chuông)		5.000																						
159	ĐT xây dựng ĐT.377 mới đoạn tuyến nối ĐT.383 - ĐT.384 (đoạn qua TTKC đến xã Phùng Hưng) huyện Khoái Châu		128.500								56.000				56.000									UBND xã Khoái Châu	
160	XD tuyến đường nối ĐH.57 với ĐT.384 đoạn qua xã Dân Tiến huyện Khoái Châu		128.000								70.000				70.000									UBND xã Việt Tiến	
161	XD tuyến đường trục chính khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung tại xã Tân Dân, Ông Đình huyện Khoái Châu		70.000								10.000				10.000										
162	Tu sửa kênh xả tiêu trạm bơm Ninh Tập, xã Đại Tập		7.000	-							4.000				4.000									UBND xã Châu Ninh	
163	XD đường trục Kênh tây huyện Khoái Châu (đoạn từ đường bê tông xã Bình Minh đến ĐT.383)		99.368																					UBND xã Khoái Châu	
II	**NGÀNH, LĨNH VỰC...**																								
	Phân loại như trên mục I																								
A	**DỰ ÁN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO CẤP HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**		**350.000**														**350.000**		**30.000**	**-**	**320.000**				
I	**Ngành giao thông**																								
a	**Dự án hoàn thành**																								
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																								
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**																***350.000***								
1	Cải tạo, nâng cấp ĐT.377 (đoạn từ ngã tư Đồng Tào đi huyện Văn Giang)	NQ trung hạn số 580/NQ-HĐND																							
2	Xây dựng ĐT.377quy hoạch mới, đoạn từ ĐT.382 đến điểm giao ĐT.377B (khoảng từ Km7+450 đến Km 11+200) huyện Khoái Châu	NQ trung hạn số 580/NQ-HĐND																							
3	CTNC đường ĐT.377 đoạn từ KM17 đến Km23+300 (Cầu Khé đến ngã ba Thuần Hưng)		350.000														350.000		30.000		320.000			Ban QLDA ĐTXD số 1	

PHỤ LỤC SỐ 07

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN YÊN MỸ (TRƯỚC SẮP XẾP) ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Triệu đồng

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
					Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
	TỔNG SỐ		**5.568.735**	**2.435.954**	**12.340**	**525.763**	**60.950**	**1.812.106**	**24.795**	**2.058.950**	**-**	**422.763**	**23.427**	**1.612.760**	**-**	**1.073.830**	**13.000**	**87.908**	**-**	**947.718**	**25.205**	
A	**DỰ ÁN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO CẤP HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**		**1.037.966**	**478.324**	**12.340**	**400.763**	**843**	**64.378**	**-**	**365.063**	**-**	**332.763**	**-**	**32.300**	**-**	**194.579**	**13.000**	**87.908**	**-**	**93.671**	**-**	
I	**NGÀNH, LĨNH VỰC GIAO THÔNG**		**1.037.966**	**478.324**	**12.340**	**400.763**	**843**	**64.378**	**-**	**365.063**	**-**	**332.763**	**-**	**32.300**	**-**	**194.579**	**13.000**	**87.908**	**-**	**93.671**	**-**	
a	**Dự án hoàn thành**		**176.694**	**141.127**	**12.340**	**99.669**	**-**	**29.119**	**-**	**3.263**	**-**	**2.763**	**-**	**500**	**-**	**32.304**	**13.000**	**6.502**	**-**	**12.801**	**-**	
1	Đường QH số 1, huyện Yên Mỹ	1231/QĐ-UBND tỉnh 28/4/2017; 1792/QĐ-UBND 29/7/2021	22.952	16.404	-	4.873	-	11.531		-				-		6.548	-	3.205	-	3.343	-	UBND xã Yên Mỹ
2	Đường ĐH.42 kéo dài, huyện Yên Mỹ (đoạn từ ĐH.34 đến ĐT.376)	2437/QĐ-UBND tỉnh 15/10/2019	77.406	69.108	-	55.860	-	13.248		500				500		7.798	-	(0)	-	7.798	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
3	Đường quy hoạch số 1 kéo dài và đường quy hoạch số 7, huyện Yên Mỹ	2319/QĐ-UBND ngày 14/6/2018; 2655/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	24.590	24.590	-	24.590	-	-		-				-		0	-	0	-	-	-	UBND xã Việt Yên
4	Nâng cấp đường dọc sông cầu treo, kè chống sạt lở và nạo vét sông Cầu treo, huyện Yên Mỹ	2273 ngày 21/10/2016; 2582 ngày 26/9/2017; 1648 ngày 09/7/2021	31.746	15.449	12.340	3.109	-	-		-				-		16.297	13.000	3.297	-	-	-	UBND xã Yên Mỹ
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.20 (từ cầu Tráng Vũ đến hết địa phận xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ)	1616/QĐ-UBND ngày 02/08/2023 của UBND tỉnh	20.000	15.577	-	11.237	-	4.340		2.763		2.763		-		1.660	-	(0)	-	1.660	-	UBND xã Hoàn Long
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**505.864**	**280.040**	**-**	**243.938**	**843**	**35.260**	**-**	**111.800**	**-**	**80.000**	**-**	**31.800**	**-**	**114.024**	**-**	**43.562**	**-**	**70.462**	**-**	
1	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 đoạn từ địa phận xã Ngọc Long (Km6+050) đến xã Tân Việt (Km12+200)	99/QĐ-UBND ngày 12/01/2022	285.000	150.522	-	136.438	-	14.084		80.000		80.000		-		54.478	-	43.562	-	10.916	-	UBND xã Yên Mỹ
2	Dự án xây dựng tuyến đường từ QL.39 đến ĐH.42 kéo dài, huyện Yên Mỹ	2714/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	180.000	113.453	-	105.000	843	7.611		19.000				19.000		47.547	-	0	-	47.547	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
3	Đường QH số 4, huyện Yên Mỹ - GĐ 2	2870/QĐ-UBND tỉnh 30/10/2017; 1805/QĐ-UBND tỉnh 30/7/2021	38.000	16.064	-	2.500	-	13.564		10.000				10.000		11.936	-	-	-	11.936	-	UBND xã Yên Mỹ
4	Dự án khu nuôi trồng thủy sản, huyện Yên Mỹ	2585/QĐ-UBND tỉnh 26/9/2017; Đ/c 1158/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	2.864	-						2.800				2.800		64	-	-	-	64	-	UBND xã Yên Mỹ
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**355.408**	**57.157**	**-**	**57.157**	**-**	**-**	**-**	**250.000**	**-**	**250.000**	**-**	**-**	**-**	**48.251**	**-**	**37.843**	**-**	**10.408**	**-**	
1	Đường tránh ĐT.376 đoạn qua huyện Yên Mỹ và Ân Thi	898/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	355.408	57.157	-	57.157	-	-		250.000		250.000		-		48.251	-	37.843	-	10.408	-	UBND xã Yên Mỹ
B	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**		**3.500.094**	**1.585.204**	**-**	**125.000**	**60.107**	**1.400.096**	**-**	**952.326**	**-**	**90.000**	**23.427**	**838.899**	**-**	**962.565**	**-**	**-**	**-**	**937.565**	**25.000**	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
B.1	**DỰ ÁN NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 01 XÃ MỚI**		**2.701.253**	**1.242.847**	**-**	**125.000**	**37.205**	**1.080.642**	**-**	**700.196**	**-**	**-**	**18.427**	**681.769**	**-**	**758.210**	**-**	**-**	**-**	**758.210**	**-**	
I	**NGÀNH, LĨNH VỰC GIAO THÔNG**		**1.281.416**	**576.940**	**-**	**100.000**	**13.157**	**463.783**	**-**	**312.000**	**-**	**-**	**-**	**312.000**	**-**	**392.476**	**-**	**-**	**-**	**392.476**	**-**	
a	**Dự án hoàn thành**		**172.391**	**130.481**	**-**	**-**	**2.000**	**128.481**	**-**	**19.000**	**-**	**-**	**-**	**19.000**	**-**	**22.910**	**-**	**-**	**-**	**22.910**	**-**	
1	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, đường gom thị trấn Yên Mỹ (đoạn từ đường quy hoạch số 1- khu dân cư mới thị trấn Yên Mỹ).	2237/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	13.481	9.788	-	-	-	9.788		-				-		3.693	-	-	-	3.693	-	UBND xã Yên Mỹ
2	Cải tạo, chỉnh trang khu đảo phân làn ngã năm Yên Mỹ (giao giữa đường ĐT.376 với ĐT.380 và QL.39A)	1782/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	510	508	-	-	-	508		-				-		2	-	-	-	2	-	UBND xã Yên Mỹ
3	Xây dựng tuyến đường từ ĐT.382 đến nghĩa trang thôn Tử Đông, xã Lý Thường Kiệt	2562/QĐ-UBND ngày 05/04/2023	30.000	24.557	-	-	-	24.557		-				-		5.443	-	-	-	5.443	-	UBND xã Yên Mỹ
4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.44 (đoạn từ ĐH.40 đến QL.39A)	2790/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	28.200	27.966	-	-	2.000	25.966		-				-		234	-	-	-	234	-	UBND xã Yên Mỹ
5	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè đường ĐT.380 (Đoạn từ ĐH.34 đến điện lực Mỹ Hào)	2734/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	58.000	46.020	-	-	-	46.020		5.000				5.000		6.980	-	-	-	6.980	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối ĐT.379 với thôn Chấn Đông, xã Hoàn Long	5178/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	40.000	21.642	-	-	-	21.642		12.000				12.000		6.358	-	-	-	6.358	-	UBND xã Hoàn Long
7	Sửa chữa cầu vượt B22 (Cầu vượt đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng)	4375/QĐ-UBND 26/6/2024	2.200	-	-	-	-	-		2.000				2.000		200	-	-	-	200	-	UBND xã Yên Mỹ
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**775.186**	**424.131**	**-**	**100.000**	**11.157**	**312.974**	**-**	**163.000**	**-**	**-**	**-**	**163.000**	**-**	**188.055**	**-**	**-**	**-**	**188.055**	**-**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.381 (đoạn từ đường QL.5 đến đường vào chùa Rồng)	6379/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	75.000	35.736	-	-	-	35.736		20.000				20.000		19.264	-	-	-	19.264	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.43, huyện Yên Mỹ	7850/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	79.990	42.000	-	-	-	42.000		20.000				20.000		17.990	-	-	-	17.990	-	UBND xã Yên Mỹ
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.34 (đoạn từ ĐT.380 đến QL 39)	6455/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	48.000	38.341	-	-	-	38.341		2.000				2.000		7.659	-	-	-	7.659	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
4	Đường ĐH.34 kéo dài từ điểm giao QL.5 đến giao ĐT.376	112/QĐ-UBND ngày 11/01/2022; 956/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	245.000	172.894	-	100.000	6.000	66.894		20.000				20.000		52.106	-	-	-	52.106	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
5	Xây dựng vỉa hè, đường gom thị trấn Yên Mỹ - xã Trung Hưng	7270/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	73.000	35.662	-	-	-	35.662		10.000				10.000		27.338	-	-	-	27.338	-	UBND xã Yên Mỹ
6	Xây dựng đường quy hoạch từ ĐT.382B đến ĐT.379, huyện Yên Mỹ	3929/QĐ-UBND ngày 02/6/2023	70.200	51.694	-	-	5.157	46.536		18.000				18.000		506	-	-	-	506	-	UBND xã Việt Yên
7	Cải tạo, nâng cấp đường trục thị trấn Yên Mỹ (đoạn từ đường QH.01 đến ĐH.44)	1176/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	68.000	15.010	-	-	-	15.010		35.000				35.000		17.990	-	-	-	17.990	-	UBND xã Yên Mỹ
8	Xây dựng đường nối từ ĐT.379 đến ĐH.23, huyện Yên Mỹ	5466/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	41.000	28.493	-	-	-	28.493		5.000				5.000		7.507	-	-	-	7.507	-	UBND xã Hoàn Long
9	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.381 (đoạn từ đường vào chùa rồng đến ĐT.376) huyện Yên Mỹ	6419/QĐ-UBND ngày 8/11/2024	60.000	1.315	-	-	-	1.315		25.000				25.000		33.685	-	-	-	33.685	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
10	Cải tạo, mở rộng đường nối ĐT.380-QL39, đoạn qua thôn Liêu Thượng, xã Liêu Xá	4241/QĐ-UBND ngày 07/6/2024	14.996	2.986	-	-	-	2.986		8.000				8.000		4.010	-	-	-	4.010	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
11	Dự án khởi công mới năm 2025		300.839	22.328	-	-	-	22.328	-	100.000	-	-	-	100.000	-	178.511	-	-	-	178.511	-	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
12	Xây dựng tuyến đường ĐT.380 đi di tích Hải Thượng Lãn Ông - Nhà tưởng niệm cố Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh - ĐT.381	3752/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	160.000	20.620	-	-	-	20.620		60.000				60.000		79.380	-	-	-	79.380		UBND xã Nguyễn Văn Linh
13	Xây dựng tuyến đường nối ĐT.381 (cạnh trạm y tế cũ xã Giai Phạm) với ĐT.376 (cạnh công ty cơ khí Ngô Gia Tự)	7597/QĐ-UBND ngày 31/07/2023	33.000	1.031	-	-	-	1.031		15.000				15.000		16.969	-	-	-	16.969	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
14	Xây dựng tuyến đường giao thông kết hợp kè bờ nam sông Cầu Treo (đoạn từ nhà văn hóa thông Liêu Xá, xã Liêu Xá đến đường ĐT.380), huyện Yên Mỹ	5822/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	52.939	677	-	-	-	677		15.000				15.000		37.262	-	-	-	37.262	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
15	Xây dựng mở rộng cống Yên Thổ (đường ĐH.42 kéo dài), và 750m đường nối vào thôn thanh xá	2408/QĐ-UBND 10/6/2025	40.000	-	-	-	-	-		5.000				5.000		35.000	-	-	-	35.000	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
16	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Thị trấn Yên Mỹ (tuyến từ ĐH.40 đến Công an huyện Yên Mỹ)	990/QĐ-UBND 21/3/2025	14.900	-	-	-	-	-		5.000				5.000		9.900	-	-	-	9.900	-	UBND xã Yên Mỹ
d	**Chuẩn bị dự án**		**33.000**	-	-	-	-	-	-	**30.000**	-	-	-	**30.000**	-	**3.000**	-	-	-	**3.000**	-	
1	Xây dựng đường ĐH.34 kéo dài (Đoạn từ ĐH.34 đến đường ĐT.376), huyện Yên Mỹ	12/NQ-HĐND ngày 13/09/2023; 23/NQ-HĐND ngày	33.000	-	-	-	-	-		30.000				30.000		3.000	-	-	-	3.000	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
II	**NGÀNH, LĨNH VỰC VĂN HÓA-TT**		**154.770**	**46.479**	-	-	-	**46.479**	-	**65.200**	-	-	-	**65.200**	-	**43.091**	-	-	-	**43.091**	-	
a	**Dự án hoàn thành**		**24.213**	**22.808**	-	-	-	**22.808**	-	-	-	-	-	-	-	**1.405**	-	-	-	**1.405**	-	
1	Thoát nước khu tưởng niệm cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và Trung tướng Nguyễn Bình	2556/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	2.200	1.992	-	-	-	1.992		-				-		208	-	-	-	208	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
2	Cải tạo, mở rộng nhà thi đấu thể thao đa năng huyện Yên Mỹ, Hạng mục: Nhà thi đấu bóng bàn	4059/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	4.500	4.299	-	-	-	4.299		-				-		201	-	-	-	201	-	UBND xã Yên Mỹ
3	Cải tạo nhà quản lý và các hạng mục phụ trợ khuôn viên phần mộ thân phụ cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh	1805/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	930	872	-	-	-	872		-				-		58	-	-	-	58	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
4	Nhà lưu niệm Đoàn Thị Điểm thôn Giai Phạm, xã Giai Phạm huyện Yên Mỹ	4057/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	11.697	11.546	-	-	-	11.546		-				-		151	-	-	-	151	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
5	Cải tạo Hồ khu tưởng niệm cố tổng bí thư Nguyễn Văn Linh	4058/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	1.800	1.249	-	-	-	1.249		-				-		551	-	-	-	551	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
6	Nội thất Nhà lưu niệm bà Đoàn Thị Điểm	6531/QĐ -UBND ngày 25/10/2022	3.086	2.850	-	-	-	2.850		-				-		236	-	-	-	236	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**75.214**	**19.971**	-	-	-	**19.971**	-	**42.200**	-	-	-	**42.200**	-	**13.043**	-	-	-	**13.043**	-	
1	Dự án Tu bổ, tôn tạo Khu di tích lịch sử Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hữu Trác	Số 4284/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện	62.000	19.000	-	-	-	19.000		30.000				30.000		13.000	-	-	-	13.000	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền và Lăng Phạm Công Trứ - giai đoạn 2	6527/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	13.214	971	-	-	-	971		12.200				12.200		43	-	-	-	43	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**																					
d	**Chuẩn bị dự án**		**55.343**	**3.700**	-	-	-	**3.700**	-	**23.000**	-	-	-	**23.000**	-	**28.643**	-	-	-	**28.643**	-	
1	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống khuôn viên cây xanh Nhà văn hóa huyện Yên Mỹ	57/NQ-HĐND huyện 22/12/2020; 05/HĐND huyện	10.000	100	-	-	-	100		3.000				3.000		6.900	-	-	-	6.900	-	UBND xã Yên Mỹ
2	Công trình tu bổ, tôn tạo di tích Đình Dẫn Ngư (Đình Ngư) thôn Yên Phú, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ	1935/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	3.600	3.600	-	-	-	3.600		-				-		-	-	-	-	-	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
3	Nghĩa trang tập trung huyện Yên Mỹ	10/NQ-HĐND huyện ngày 02/12/2022	2.000	-	-	-	-	-		1.000				1.000		1.000	-	-	-	1.000	-	UBND xã Yên Mỹ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao					
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
4	Sân thể thao huyện Yên Mỹ - Giai đoạn 1	10/NQ-HĐND huyện ngày 02/12/2022	2.000	-	-	-	-	-		1.000				1.000		1.000	-	-	-	1.000	-	UBND xã Việt Yên
5	Nhà văn hóa thôn đại hạnh, xã hoàn long	7312/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	10.000	-	-	-	-	-		10.000				10.000		-	-	-	-	-	-	UBND xã Hoàn Long
6	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa huyện Yên Mỹ	54/NQ-HĐND ngày 24/12/2024 - PL4	14.990	-	-	-	-	-		4.500				4.500		10.490	-	-	-	10.490	-	UBND xã Yên Mỹ
7	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên hồ cảnh quan - Nhà văn hóa huyện Yên Mỹ	54/NQ-HĐND ngày 24/12/2024 - PL5	12.753	-	-	-	-	-		3.500				3.500		9.253	-	-	-	9.253	-	UBND xã Yên Mỹ
III	**NGÀNH, LĨNH VỰC Y TẾ**		**75.000**	**25.000**	-	**25.000**	-	-	-	**6.420**	-	-	-	**6.420**	-	**43.580**	-	-	-	**43.580**	-	
a	**Dự án hoàn thành**																					
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																					
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**75.000**	**25.000**	-	**25.000**	-	-	-	**6.420**	-	-	-	**6.420**	-	**43.580**	-	-	-	**43.580**	-	
1	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ và cấp cứu Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ	7613/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	75.000	25.000	-	25.000	-	-		6.420				6.420		43.580	-	-	-	43.580	-	UBND xã Yên Mỹ
d	**Chuẩn bị dự án**																					
IV	**NGÀNH LĨNH VỰC GIÁO DỤC**		**126.596**	**66.345**	-	-	**4.000**	**62.345**	-	**26.650**	-	-	-	**26.650**	-	**33.601**	-	-	-	**33.601**	-	
a	**Dự án hoàn thành**		**68.096**	**61.702**	-	-	**4.000**	**57.702**	-	-	-	-	-	-	-	**6.394**	-	-	-	**6.394**	-	
1	Xây dựng khối nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ - trường THCS Đoàn Thị Điểm	4234/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	14.990	14.360	-	-	2.000	12.360		-				-		630	-	-	-	630	-	UBND xã Yên Mỹ
2	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học, hiệu bộ và hạng mục phụ trợ cơ sở 1 Trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Mỹ	2600/QĐ-UBND ngày 11/4/2023	1.700	1.525	-	-	-	1.525		-				-		175	-	-	-	175	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
3	Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ, nhà lớp học, nhà bộ môn, nhà bán trú và hạng mục phụ trợ trường THCS Đoàn Thị Điểm	2569/QĐ-UBND ngày 06/04/2023	26.500	24.535	-	-	-	24.535		-				-		1.965	-	-	-	1.965	-	UBND xã Yên Mỹ
4	Cải tạo trung tâm chính trị huyện Yên Mỹ	4337/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	14.996	14.638	-	-	2.000	12.638		-				-		358	-	-	-	358	-	UBND xã Yên Mỹ
5	Xây dựng nhà ăn kết hợp nhà để xe và một số hạng mục phụ trợ Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Yên Mỹ	6152/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	9.910	6.644	-	-	-	6.644		-				-		3.266	-	-	-	3.266	-	UBND xã Yên Mỹ
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**12.000**	**4.643**	-	-	-	**4.643**	-	**5.000**	-	-	-	**5.000**	-	**2.357**	-	-	-	**2.357**	-	
1	Xây dựng nhà chức năng và các hạng mục phụ trợ trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Mỹ	2575/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	12.000	4.643	-	-	-	4.643		5.000				5.000		2.357	-	-	-	2.357	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**6.500**	-	-	-	-	-	-	**1.650**	-	-	-	**1.650**	-	**4.850**	-	-	-	**4.850**	-	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Mỹ	2039/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	6.500	-	-	-	-	-		1.650				1.650		4.850	-	-	-	4.850	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
d	**Chuẩn bị dự án**		**40.000**	-	-	-	-	-	-	**20.000**	-	-	-	**20.000**	-	**20.000**	-	-	-	**20.000**	-	
1	Nhà lớp học 4 tầng 20 phòng và hạng mục phụ trợ trường THPT Yên Mỹ	23/NQ-HĐND ngày 13/9/2024	25.000	-	-	-	-	-		5.000				5.000		20.000	-	-	-	20.000	-	UBND xã Yên Mỹ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
2	Trung tâm GDTX huyện Yên Mỹ, cơ sở mới	23/NQ-HĐND ngày 13/9/2024	15.000	-	-	-	-	-		15.000				15.000		-	-	-	-	-	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
V	**NGÀNH, LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**		**20.570**	**8.122**	-	-	-	**8.122**	-	**2.900**	-	-	-	**2.900**	-	**9.548**	-	-	-	**9.548**	-	
a	**Dự án hoàn thành**		**4.050**	**2.633**	-	-	-	**2.633**	-	**100**	-	-	-	**100**	-	**1.317**	-	-	-	**1.317**	-	
1	Điểm tập kết rác tại xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ	1833/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	500	455	-	-	-	455		-				-		45	-	-	-	45	-	UBND xã Việt Yên
2	Điểm tập kết rác tại xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ	1834/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	800	773	-	-	-	773		-				-		27	-	-	-	27	-	UBND xã Hoàn Long
3	Điểm tập kết rác tại xã Yên Hòa, huyện Yên Mỹ	1832/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	450	423	-	-	-	423		-				-		27	-	-	-	27	-	UBND xã Việt Yên
4	Điểm tập kết rác tại xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ	5467/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	2.300	983	-	-	-	983		100				100		1.217	-	-	-	1.217	-	UBND xã Việt Yên
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**10.800**	**5.460**	-	-	-	**5.460**	-	**2.800**	-	-	-	**2.800**	-	**2.540**	-	-	-	**2.540**	-	
1	Hệ thống xử lý nước thải khu dân cư thôn Yên Lão, xã Nghĩa Hiệp	5277/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	1.400	1.050	-	-	-	1.050		100				100		250	-	-	-	250	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
2	Hệ thống xử lý nước thải khu dân cư thôn Từ Cầu, xã Giai Phạm	5276/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	3.100	1.478	-	-	-	1.478		800				800		822	-	-	-	822	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
3	Hệ thống xử lý nước thải khu dân cư thôn Thư Thị, xã Tân Lập	5278/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	3.100	1.413	-	-	-	1.413		1.100				1.100		587	-	-	-	587	-	UBND xã Yên Mỹ
4	Hệ thống xử lý nước thải khu dân cư thôn Quảng Uyên, xã Minh Châu	5305/QĐ-UBND ngày 26/7/2024	3.200	1.519	-	-	-	1.519		800				800		881	-	-	-	881	-	UBND xã Việt Yên
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**1.650**	**28**	-	-	-	**28**	-	-	-	-	-	-	-	**1.622**	-	-	-	**1.622**	-	
1	Điểm tập kết rác tại xã Việt Cường, huyện Yên Mỹ	5468/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	1.650	28	-	-	-	28		-				-		1.622	-	-	-	1.622	-	UBND xã Việt Yên
d	**Chuẩn bị dự án**		**4.070**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**4.070**	-	-	-	**4.070**	-	
1	Điểm tập kết rác tại xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ	57/NQ-HĐND huyện 22/12/2020	570	-	-	-	-	-		-				-		570	-	-	-	570	-	UBND xã Việt Yên
2	Dự án điểm sàng rác huyện Yên Mỹ	03/NQ-HĐND huyện ngày 11/4/2023	3.500	-	-	-	-	-		-				-		3.500	-	-	-	3.500	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
VI	**NGÀNH, LĨNH VỰC QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ**		**52.050**	**5.012**	-	-	**2.000**	**3.012**	-	**19.060**	-	-	-	**19.060**	-	**27.978**	-	-	-	**27.978**	-	
a	**Dự án hoàn thành**		**5.350**	**5.012**	-	-	**2.000**	**3.012**	-	**60**	-	-	-	**60**	-	**278**	-	-	-	**278**	-	
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Yên Mỹ	1562/QĐ-UBND ngày 20/4/2021	1.500	1.468	-	-	-	1.468		-				-		32	-	-	-	32	-	UBND xã Yên Mỹ
2	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ Huyện ủy Yên Mỹ	4056/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	1.250	1.075	-	-	-	1.075		-				-		175	-	-	-	175	-	UBND xã Yên Mỹ
3	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc phòng Tài chính - Kế hoạch và nhà khách HĐND-UBND huyện Yên Mỹ	2683/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	2.600	2.469	-	-	2.000	469		60				60		71	-	-	-	71	-	UBND xã Yên Mỹ
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																					

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**																					
d	**Chuẩn bị dự án**		**46.700**	-	-	-	-	-	-	**19.000**	-	-	-	**19.000**	-	**27.700**	-	-	-	**27.700**	-	
1	Trung tâm phục vụ hành chính công và một số phòng ban UBND huyện Yên Mỹ	79/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	-	-	-	-	-		-				-		5.000	-	-	-	5.000	-	UBND xã Yên Mỹ
2	Hỗ trợ UBND xã Minh Châu xây dựng công trình: Cải tạo trụ sở làm việc UBND xã Minh Châu	469/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	13.000	-	-	-	-	-		13.000				13.000		-	-	-	-	-	-	UBND xã Việt Yên
3	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ	31/NQ-HĐND ngày 29/10/2024	10.000	-	-	-	-	-		-				-		10.000	-	-	-	10.000	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
4	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục - Ủy ban nhân dân huyện Yên Mỹ	54/NQ-HĐND ngày 24/12/2024 - PL2	9.750	-	-	-	-	-		3.000				3.000		6.750	-	-	-	6.750	-	UBND xã Yên Mỹ
5	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục - Huyện ủy Yên Mỹ	54/NQ-HĐND ngày 24/12/2024 - PL3	8.950	-	-	-	-	-		3.000				3.000		5.950	-	-	-	5.950	-	UBND xã Yên Mỹ
VII	**NGÀNH, LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG**		**55.250**	**25.310**	-	-	-	**25.310**	-	**10.000**	-	-	-	**10.000**	-	**19.940**	-	-	-	**19.940**	-	
a	**Dự án hoàn thành**		**15.750**	**14.765**	-	-	-	**14.765**	-	-	-	-	-	-	-	**985**	-	-	-	**985**	-	
1	Xây dựng công trình trong khu vực phòng thủ huyện Yên Mỹ - giai đoạn GPMB và các công trình phụ trợ khác	2415/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	15.750	14.765	-	-	-	14.765		-				-		985	-	-	-	985	-	BCHQS tỉnh
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**35.000**	**10.546**	-	-	-	**10.546**	-	**10.000**	-	-	-	**10.000**	-	**14.454**	-	-	-	**14.454**	-	
1	Khu vực phòng thủ huyện Yên Mỹ, hạng mục: Sở chỉ huy cơ bản trong Căn cứ chiến đấu - Giai đoạn 1	37/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	35.000	10.546	-	-	-	10.546		10.000				10.000		14.454	-	-	-	14.454	-	BCHQS tỉnh
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**																					
d	**Chuẩn bị dự án**		**4.500**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**4.500**	-	-	-	**4.500**	-	
1	Xây dựng hạng mục phụ trợ khu vực phòng thủ huyện Yên Mỹ	10/HĐND huyện ngày 02/12/2022; 08/NQ-HĐND ngày	4.500	-	-	-	-	-		-				-		4.500	-	-	-	4.500	-	BCHQS tỉnh
VIII	**NGÀNH, LĨNH VỰC KHÁC**		**935.601**	**489.638**	-	-	**18.048**	**471.590**	-	**257.966**	-	-	**18.427**	**239.539**	-	**187.997**	-	-	-	**187.997**	-	
a	**Dự án hoàn thành**		**118.426**	**88.607**	-	-	**7.658**	**80.949**	-	**13.297**	-	-	-	**13.297**	-	**16.522**	-	-	-	**16.522**	-	
1	Lập đề án công nhận xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	1157 ngày 15/5/2018	415	414	-	-	414			-				-		1	-	-	-	1	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
2	Lập đề án công nhận xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	1160 ngày 15/5/2018	415	414	-	-	414			-				-		1	-	-	-	1	-	UBND xã Yên Mỹ
3	Lập đề án công nhận xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	1159 ngày 15/5/2018	415	414	-	-	414			-				-		1	-	-	-	1	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
4	Lập đề án công nhận xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	2418 ngày 29/8/2017	415	414	-	-	414			-				-		1	-	-	-	1	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ - gđ 2	4898 ngày 30/10/2014; 1880 ngày 27/6/2019; 1850 ngày 23/3/2023	37.866	29.524	-	-	6.000	23.524		1.000				1.000		7.342	-	-	-	7.342	-	UBND xã Yên Mỹ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024					KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
6	Khu tái định cư đường quy hoạch số 4-GĐ2 và đấu giá quyền sử dụng đất xã Tân Lập	1524/QĐ-UBND huyện 01/4/2020	8.291	7.023	-	-	-	7.023		-				-		1.268	-	-	-	1.268	-	UBND xã Yên Mỹ
7	Lập đề án công nhận xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	1201/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	507	200	-	-	-	200		-				-		307	-	-	-	307	-	UBND xã Yên Mỹ
8	Lập đề án công nhận xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	1200/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	507	200	-	-	-	200		-				-		307	-	-	-	307	-	UBND xã Yên Mỹ
9	Lập đề án công nhận xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	1202/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	507	200	-	-	-	200		-				-		307	-	-	-	307	-	UBND xã Việt Yên
10	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước thị trấn Yên Mỹ	95/QĐ-UBND ngày 10/01/2023	42.000	27.758	-		-	27.758		9.000				9.000		5.242	-	-	-	5.242	-	UBND xã Yên Mỹ
11	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng, trang trí đường ĐT.376 (Km2+450 -Km6+200) và đường ĐT.381 (Km1+400-Km2+450)	6901/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	7.941	7.425	-	-	-	7.425		-				-		517	-	-	-	517	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
12	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh huyện Yên Mỹ năm 2023	9295/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	14.950	11.557	-	-	-	11.557		2.300				2.300		1.093	-	-	-	1.093	-	UBND xã Yên Mỹ
13	Lập Quy hoạch chung thị trấn Yên Mỹ và khu vực phát triển đô thị mở rộng đến năm 2035	596/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 (tỉnh)	3.700	3.062	-	-	-	3.062		500				500		138	-	-	-	138	-	UBND xã Yên Mỹ
14	Lập Đề án công nhận khu vực thị trấn Yên Mỹ mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại V	4387/QĐ-UBND ngày 01/7/2025	497	-	-	-	-	-		497				497		-	-	-	-	-	-	UBND xã Yên Mỹ
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**620.039**	**399.972**	-	-	**10.390**	**389.582**	-	**148.769**	-	-	**18.427**	**130.342**	-	**71.298**	-	-	-	**71.298**	-	
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp	6518/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	53.100	11.992	-	-	-	11.992		25.000				25.000		16.108	-	-	-	16.108	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ	4041 huyện 17/9/2018; 2421 ngày 28/3/2023	13.274	4.835	-	-	-	4.835		5.000				5.000		3.439	-	-	-	3.439	-	UBND xã Yên Mỹ
3	Khu dân cư mới thôn Hảo Xuyên, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ	4610/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	161.100	135.070	-	-	10.390	124.680		10.000				10.000		16.030	-	-	-	16.030	-	UBND xã Yên Mỹ
4	Khu dân cư mới thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long	9304/QĐ-UBND ngày 03/10/2023	182.000	123.144	-	-	-	123.144		55.000			8.427	46.573		3.856	-	-	-	3.856	-	UBND xã Hoàn Long
5	Khu dân cư mới thôn Nhân Lý, xã Thanh Long	1198/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	88.500	56.923	-	-	-	56.923		25.000			5.000	20.000		6.577	-	-	-	6.577	-	UBND xã Việt Yên
6	Tái định cư đường ĐT.382B, đường ĐT.379 kéo dài và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Minh Châu	9294/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	113.000	68.008	-	-	-	68.008		20.000			5.000	15.000		24.992	-	-	-	24.992	-	UBND xã Việt Yên
7	Lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Yên Mỹ mở rộng, huyện Yên Mỹ đến năm 2035	6341/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	869	-	-	-	-	-		869				869		-	-	-	-	-	-	UBND xã Yên Mỹ
8	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường ĐH.45.	7091/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	3.954	-	-	-	-	-		3.900				3.900		54	-	-	-	54	-	UBND xã Hoàn Long
9	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường quy hoạch số 1	664/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	4.242	-	-	-	-	-		4.000				4.000		242	-	-	-	242	-	UBND xã Yên Mỹ
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**184.136**	**994**	-	-	-	**994**	-	**88.900**	-	-	-	**88.900**	-	**94.242**	-	-	-	**94.242**	-	
1	Khu dân cư mới thôn Chấn Đông, xã Hoàn Long	7090/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	24.000	50	-	-	-	50		23.950				23.950		-	-	-	-	-	-	UBND xã Hoàn Long
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Hoàn Long	7089/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	42.000	50	-	-	-	50		41.950				41.950		-	-	-	-	-	-	UBND xã Hoàn Long

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
3	Khu dân cư mới thôn Hạ xã Trung Hưng và TT Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ	989/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	60.000	475	-	-	-	475		5.000				5.000		54.525	-	-	-	54.525	-	UBND xã Yên Mỹ
4	Tái định cư đường ĐH.42, đường nối QL.39-ĐH.42 và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Liêu Xá, xã Ngọc Long	5848/QĐ-UBND ngày 12/9/2024	50.000	419	-	-	-	419		10.000				10.000		39.581	-	-	-	39.581	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
5	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường ĐT.376 (Đoạn từ Km9+50-:-Km12+200)	1068/QĐ-UBND ngày 3/4/2025	8.136	-	-	-	-	-		8.000				8.000		136	-	-	-	136	-	UBND xã Yên Mỹ
d	**Chuẩn bị dự án**		**13.000**	**66**	-	-	-	**66**	-	**7.000**	-	-	-	**7.000**	-	**5.934**	-	-	-	**5.934**	-	
1	Khu dân cư mới thôn Lạc Cầu, xã Giai Phạm	57/NQ-HĐND huyện 22/12/2020; 10/HĐND huyện ngày 02/12/2022	8.000	66	-	-	-	66		2.000				2.000		5.934	-	-	-	5.934	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
2	Khu dân cư nông thôn để giao đất cho nhân dân làm nhà ở theo hình thức thu tiền sử dụng đất tại thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ	867/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	5.000	-	-	-	-	-		5.000				5.000		-	-	-	-	-	-	UBND xã Hoàn Long
B.2	**DỰ ÁN NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 02 XÃ MỚI TRỞ LÊN**		**798.841**	**342.356**	-	-	**22.902**	**319.454**	-	**252.130**	-	**90.000**	**5.000**	**157.130**	-	**204.355**	-	-	-	**179.355**	**25.000**	
I	**NGÀNH, LĨNH VỰC GIAO THÔNG**		**681.456**	**278.919**	-	-	**20.455**	**258.463**	-	**216.350**	-	**90.000**	**5.000**	**121.350**	-	**186.187**	-	-	-	**161.187**	**25.000**	
a	**Dự án hoàn thành**		**167.056**	**129.915**	-	-	**20.455**	**109.460**	-	**9.350**	-	-	-	**9.350**	-	**27.791**	-	-	-	**27.791**	-	
1	GPMB đường ĐH.34 kéo dài, huyện Yên Mỹ (đoạn từ ĐT.376 đến ĐH.42)	4947/QĐ-UBND huyện 31/12/2018	5.211	1.344	-	-	-	1.344		-				-		3.867	-	-	-	3.867	-	UBND xã Việt Yên
2	GPMB đường quy hoạch số 1 kéo dài và đường quy hoạch số 7, huyện Yên Mỹ	4946/QĐ-UBND huyện 31/12/2018	14.183	9.223	-	-	3.000	6.223		400				400		4.560	-	-	-	4.560	-	UBND xã Việt Yên
3	Đường ĐH.34 kéo dài, huyện Yên Mỹ (đoạn từ ĐT.376 đến ĐH.42)	4348b/QĐ-UBND huyện 31/10/2018	44.162	32.761	-	-	9.895	22.865		650				650		10.751	-	-	-	10.751	-	UBND xã Việt Yên
4	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.23 (từ đường ĐT.382 đến hết địa phận xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ)	1933/QĐ-UBND ngày 29/3/2022	57.500	53.286	-	-	7.560	45.726		300				300		3.914	-	-	-	3.914	-	UBND xã Hoàn Long
5	Xây dựng đường nối từ đường QH số 4 đến ĐH.34 kéo dài	3968/QĐ-UBND ngày 09/06/2023	46.000	33.301	-	-	-	33.301		8.000				8.000		4.699	-	-	-	4.699	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**246.400**	**144.860**	-	-	-	**144.860**	-	**62.000**	-	-	**5.000**	**57.000**	-	**39.540**	-	-	-	**39.540**	-	
1	Xây dựng tuyến đường nối QL.39 với ĐT.380 (cạnh công ty Đức Việt)	4631/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	35.000	26.820	-	-	-	26.820		4.000				4.000		4.180	-	-	-	4.180	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
2	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè đường ĐT.380 (Đoạn từ ĐH.34 đến xã Tân Lập)	2606/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	52.000	43.201	-	-	-	43.201		8.000				8.000		799	-	-	-	799	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
3	Xây dựng tuyến đường từ ĐH.42 đến ĐT.381, huyện Yên Mỹ	3927/QĐ-UBND ngày 02/06/2023	79.900	32.682	-	-	-	32.682		25.000			5.000	20.000		22.218	-	-	-	22.218	-	UBND xã Hoàn Long
4	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.45 (đoạn từ ĐH.40 đến ĐH.34)	3928/QĐ-UBND ngày 02/06/2023	79.500	42.157	-	-	-	42.157		25.000				25.000		12.343	-	-	-	12.343	-	UBND xã Việt Yên
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**268.000**	**4.143**	-	-	-	**4.143**	-	**145.000**	-	**90.000**	-	**55.000**	-	**118.857**	-	-	-	**93.857**	**25.000**	
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.381 (đoạn từ ĐT.376 đến nút giao với ĐT.379), huyện Yên Mỹ	3588/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	126.000	2.410	-	-	-	2.410		40.000				40.000		83.590	-	-	-	58.590	25.000	UBND xã Việt Yên
2	Xây dựng tuyến đường nối từ ĐH.42 qua cụm công nghiệp Ngọc Long sang ĐT.382B	6337/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	100.000	1.733	-	-	-	1.733		90.000		90.000		-		8.267	-	-	-	8.267	-	UBND xã Việt Yên

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												*Trong đó*						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao												
					Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.380 (Đoạn từ ĐH.34 đến ngã 5 vòng xuyến Yên Mỹ)	1578/QĐ-UBND 25/4/2025	42.000	-	-	-	-	-		15.000				15.000		27.000	-	-	-	27.000	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
d	**Chuẩn bị dự án**																					
II	**NGÀNH, LĨNH VỰC KHÁC**		98.085	51.438	-	-	2.447	48.990	-	28.480	-	-	-	28.480	-	18.167	-	-	-	18.167	-	
a	**Dự án hoàn thành**		68.830	51.438	-	-	2.447	48.990	-	10.630	-	-	-	10.630	-	6.762	-	-	-	6.762	-	
1	Quy hoạch Vùng huyện Yên Mỹ đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035	2417 ngày 29/8/2017	754	560	-	-	447	113		-				-		194	-	-	-	194	-	UBND xã Yên Mỹ
2	Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Yên Mỹ	363/QĐ-UBND ngày 29/01/2021	2.943	2.750	-	-	2.000	750		-				-		193	-	-	-	193	-	UBND xã Yên Mỹ
3	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện Yên Mỹ	6904/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	978	922	-	-	-	922		-				-		56	-	-	-	56	-	UBND xã Yên Mỹ
4	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện Yên Mỹ	10055/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	978	899	-	-	-	899		-				-		79	-	-	-	79	-	UBND xã Yên Mỹ
5	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025, huyện Yên Mỹ	6267/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1.414	-	-	-	-	-		1.350				1.350		64	-	-	-	64	-	UBND xã Yên Mỹ
6	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường ĐT.380 và đường ĐT.383	4717/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	6.900	6.129	-	-	-	6.129		-				-		771	-	-	-	771	-	UBND xã Việt Yên
7	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường ĐT.382 huyện Yên Mỹ	7526/QĐ-UBND ngày 25/07/2023	12.200	10.699	-	-	-	10.699		-				-		1.501	-	-	-	1.501	-	UBND xã Việt Yên
8	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường ĐT.381 (đoạn từ Km2+450 qua ngã ba Từ Hồ đến ĐT.379)	5061/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	14.900	14.071	-	-	-	14.071		-				-		829	-	-	-	829	-	UBND xã Hoàn Long
9	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường quy hoạch số 4 huyện yên Mỹ	5060/QĐ-UBND ngày 04/07/2023	5.800	5.150	-	-	-	5.150		-				-		650	-	-	-	650	-	UBND xã Yên Mỹ
10	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường ĐH.42 kéo dài (Từ ĐT.376 đến ĐH.34)	4718/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	5.900	5.542	-	-	-	5.542		-				-		358	-	-	-	358	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
11	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường ĐH.34 kéo dài và đường ĐH.45, huyện Yên Mỹ	762/QĐ-UBND ngày 15/01/2024	6.500	4.716	-	-	-	4.716		-				-		1.784	-	-	-	1.784	-	UBND xã Việt Yên
12	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Mỹ	7191/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	4.305	-	-	-	-	-		4.280				4.280		25	-	-	-	25	-	UBND xã Yên Mỹ
13	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường Đồng Long	7006/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	5.258	-	-	-	-	-		5.000				5.000		258	-	-	-	258	-	UBND xã Hoàn Long
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		1.920	-	-	-	-	-	-	1.850	-	-	-	1.850	-	70	-	-	-	70	-	
1	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất 2024 huyện Yên Mỹ	6817/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.920	-	-	-	-	-		1.850				1.850		70	-	-	-	70	-	UBND xã Yên Mỹ
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		6.014	-	-	-	-	-	-	6.000	-	-	-	6.000	-	14	-	-	-	14	-	
1	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường đường ĐH.42	663/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	6.014	-	-	-	-	-		6.000				6.000		14	-	-	-	14	-	UBND xã Nguyễn Văn Linh
d	**Chuẩn bị dự án**		21.321	-	-	-	-	-	-	10.000	-	-	-	10.000	-	11.321	-	-	-	11.321	-	
1	Lập đề án đô thị loại IV, huyện Yên Mỹ		2.400	-	-	-	-	-		-				-		2.400	-	-	-	2.400	-	UBND xã Yên Mỹ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
2	Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030		2.200	-	-	-	-	-		-				-		2.200	-	-	-	2.200	-	UBND xã Yên Mỹ
3	Lập đồ án Quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	23/NQ-HĐND ngày 13/9/2024	11.721	-	-	-	-	-		5.000				5.000		6.721	-	-	-	6.721	-	UBND xã Yên Mỹ
4	Dự án Khu dân cư nông thôn và tái định cư huyện Yên Mỹ	54/NQ-HĐND ngày 24/12/2024 - PL1	5.000	-	-	-	-	-		5.000				5.000		-	-	-	-	-	-	UBND xã Yên Mỹ
III	**CẤP VỐN CHO HỘI NÔNG DÂN VÀ ỦY THÁC VỐN SANG NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI,**		**2.800**	**2.500**				**2.500**		**300**				**300**			-	-	-	-	-	
IV	**CẤP VỐN CHO HỘI NÔNG DÂN VÀ ỦY THÁC VỐN SANG NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI,**		**16.500**	**9.500**				**9.500**		**7.000**				**7.000**			-	-	-	-	-	
C	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO CẤP XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**		**135.475**	**61.696**	-	-	-	**61.696**	-	**59.200**	-	-	-	**59.200**	-	**14.579**	-	-	-	**14.579**	-	
I	**NGÀNH, LĨNH VỰC AN NINH**		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
a	**Dự án hoàn thành**																					
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																					
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**																					
II	**NGÀNH, LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG**		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
a	**Dự án hoàn thành**																					
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																					
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**																					
d	**Chuẩn bị dự án**																					
III	**NGÀNH, LĨNH VỰC GIAO THÔNG**		**109.500**	**40.268**	-	-	-	**40.268**	-	**59.200**	-	-	-	**59.200**	-	**10.032**	-	-	-	**10.032**	-	
a	**Dự án hoàn thành**		**12.000**	**12.000**	-	-	-	**12.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàn Long (đoạn 1 từ đường Phó Đức Chính đến đường ĐT.382B, đoạn 2 từ cầu Tây đến cầu Mới)	1830/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	12.000	12.000	-	-	-	12.000		-				-		-	-	-	-	-	-	UBND xã Hoàn Long
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**67.500**	**28.268**	-	-	-	**28.268**	-	**39.200**	-	-	-	**39.200**	-	**32**	-	-	-	**32**	-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Tam Trạch xã Trung Hòa	5424/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	10.000	483	-	-	-	483		9.500				9.500		17	-	-	-	17	-	UBND xã Yên Mỹ
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Yên Mỹ (Đoạn từ nhà Thơm Bốn đến nhà Cường Nga)	3119/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	9.000	1.285	-	-	-	1.285		7.700				7.700		15	-	-	-	15	-	UBND xã Yên Mỹ
3	Xây dựng, nâng cấp đường giao thông thôn Ốc Nhiêu (đoạn từ cầu Ốc Nhiêu nối với đường vành đai 4)	3118/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	30.000	11.000	-	-	-	11.000		19.000				19.000		-	-	-	-	-	-	UBND xã Hoàn Long
4	Xây dựng, cải tạo đường giao thông thôn Đạo Khê, xã Trung Hưng	7602/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	12.000	12.000	-	-	-	12.000		-				-		-	-	-	-	-	-	UBND xã Yên Mỹ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												*Trong đó*						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao							Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
5	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Từ Dương xã, Lý Thường Kiệt	190/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	6.500	3.500	-	-	-	3.500		3.000				3.000		-	-	-	-	-	-	UBND xã Yên Mỹ
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**30.000**	-	-	-	-	-	-	**20.000**	-	-	-	**20.000**	-	**10.000**	-	-	-	**10.000**	-	
1	Công trình Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mễ Thượng, thôn Từ Tây xã Yên Phú (Đoạn 1 từ công ty Ngọc Tề đến máng nổi Kênh Đông; Đoạn 2 Từ nhà ông Đăng đến đường công ty Ngọc Tề, máng nổi Kênh Đông, Đoạn 3 từ nhà văn hoá Mễ Thượng đến đường công ty Ngọc Tề, máng nổi Kênh Đông, Đoạn 4 Từ nhà ông Ký đến đường bê tông Bô Vừng thôn Từ Tây)	1928 ngày 13/5/2025	20.000	-	-	-	-	-		10.000				10.000		10.000	-	-	-	10.000	-	UBND xã Việt Yên
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.43 (đoạn từ công ty Huy Phong đến nhà ông Phú)	1945/QĐ-UBND ngày 16/05/2025	10.000	-	-	-	-	-		10.000				10.000		-	-	-	-	-	-	UBND xã Yên Mỹ
d	**Chuẩn bị dự án**																					
IV	**NGÀNH, LĨNH VỰC VĂN HÓA-TT**		**22.000**	**21.429**	-	-	-	**21.429**	-	-	-	-	-	-	-	**571**	-	-	-	**571**	-	
a	**Dự án hoàn thành**		**22.000**	**21.429**	-	-	-	**21.429**	-	-	-	-	-	-	-	**571**	-	-	-	**571**	-	
1	Tu bổ, tôn tạo đền Hảo Xuyên, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ	7339/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	12.000	11.429	-	-	-	11.429		-				-		571	-	-	-	571	-	UBND xã Yên Mỹ
2	Tu bổ, tôn tạo đình Hảo Xuyên, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ	246/QĐ-UBND ngày 31/01/2023	10.000	10.000	-	-	-	10.000		-				-		-	-	-	-	-	-	UBND xã Yên Mỹ
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																					
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**																					
d	**Chuẩn bị dự án**																					
V	**NGÀNH, LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**		**3.975**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**3.975**	-	-	-	**3.975**	-	
a	**Dự án hoàn thành**																					
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																					
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**																					
d	**Chuẩn bị dự án**		**3.975**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**3.975**	-	-	-	**3.975**	-	
1	Điểm ủ rác, xử lý rác bằng công nghệ vi sinh xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ	10/NQ-HĐND huyện ngày 02/12/2022	1.050	-	-	-	-	-		-				-		1.050	-	-	-	1.050	-	UBND xã Hoàn Long
2	Điểm ủ rác, xử lý rác bằng công nghệ vi sinh xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ	10/NQ-HĐND huyện ngày 02/12/2022	860	-	-	-	-	-		-				-		860	-	-	-	860	-	UBND xã Yên Mỹ
3	Điểm ủ rác, xử lý rác bằng công nghệ vi sinh xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ	10/NQ-HĐND huyện ngày 02/12/2022	1.375	-	-	-	-	-		-				-		1.375	-	-	-	1.375	-	UBND xã Yên Mỹ
4	Điểm ủ rác, xử lý rác bằng công nghệ vi sinh xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ	10/NQ-HĐND huyện ngày 02/12/2022	690	-	-	-	-	-		-				-		690	-	-	-	690	-	UBND xã Yên Mỹ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
					Giải ngân giai đoạn 2021-2024					KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
						Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
D	**DỰ PHÒNG - thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**									**98.161**				**98.161**		**(98.161)**	**-**	**-**	**-**	**(98.161)**	**-**	
E	**HỖ TRỢ CẤP KINH PHÍ CHO CÁC ĐƠN VỊ VÀ BSMT CHO CÁC XÃ, TT**		**873.154**	**292.685**	**-**	**-**	**-**	**272.936**	**19.749**	**580.200**	**-**	**-**	**-**	**580.200**	**-**	**269**	**-**	**-**	**-**	**64**	**205**	
I	**Năm 2021**			**-**						**-**												
1	Chi hỗ trợ xây dựng trụ sở tạm cho lực lượng công an xã		500	500					500	-												UBND xã Yên Mỹ
2	Chi hỗ trợ xây dựng trụ sở tạm cho lực lượng công an xã		500	500					500	-												UBND xã Việt Yên
3	Chi hỗ trợ xây dựng trụ sở tạm cho lực lượng công an xã		500	500					500	-												UBND xã Việt Yên
4	Chi hỗ trợ xây dựng trụ sở tạm cho lực lượng công an xã		500	500					500	-												UBND xã Nguyễn Văn Linh
5	Chi hỗ trợ xây dựng trụ sở tạm cho lực lượng công an xã		500	500					500	-												UBND xã Hoàn Long
6	Chi hỗ trợ tu bổ, chống xuống cấp di tích xếp hạng cấp tỉnh (Đình Thiên Đế, xã Tân Lập)		500	500					500	-												UBND xã Yên Mỹ
7	Chi hỗ trợ tu bổ, chống xuống cấp di tích xếp hạng cấp tỉnh (Đền-chùa-Miếu Thị Lân và Đình Châu Xá xã Thanh Long)		1.000	1.000					1.000	-												UBND xã Việt Yên
8	Hỗ trợ xã Trung Hưng xây dựng điểm tập kết rác thải thôn Trung Đạo		200	200					200	-												UBND xã Yên Mỹ
9	Hỗ trợ xã Tân Lập xây dựng điểm tập kết rác thải thôn Liêu Hạ		100	100					100	-												UBND xã Yên Mỹ
10	Hỗ trợ TT Yên Mỹ xây dựng điểm tập kết rác thải thôn Trai Trang		200	200					200	-												UBND xã Yên Mỹ
11	Hỗ trợ xã Yên Phú xây dựng 03 điểm đặt container trên địa bàn xã		250	250					250	-												UBND xã Việt Yên
II	**Năm 2022**			**-**						**-**												
1	Hỗ trợ KP xây dựng nhà văn hóa thôn Hòa Mục		500	500				500		-												UBND xã Hoàn Long
2	Hỗ trợ KP xây dựng nhà văn hóa thôn Thái Nội		750	750				750		-												UBND xã Việt Yên
3	Hỗ trợ kinh phí xây dựng Nhà văn hóa thôn Nguyễn Xá		500	500				500		-												UBND xã Yên Mỹ
4	Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn thanh xá, việt cường		500	500				500		-												UBND xã Việt Yên
5	hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình Nhà văn hóa thôn Xuân Trảng, thôn Đồng Than		1.000	1.000				1.000		-												UBND xã Hoàn Long
6	hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình Nhà văn hóa thôn Liêu Trung		500	500				500		-												UBND xã Nguyễn Văn Linh
7	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ		2.000	2.000				2.000		-												UBND xã Việt Yên

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao					
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*					
					Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
8	Nhà văn hoá thôn Lạc Cầu, xã Giai Phạm		3.000	3.000				3.000		-												UBND xã Nguyễn Văn Linh
9	Trường Mầm non xã Minh Châu. Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà ăn, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ		5.000	5.000				5.000		-												UBND xã Việt Yên
10	Nhà lớp học 4 tầng 15 phòng kết hợp nhà để xe và các hạng mục phụ trợ - Trường THCS Trung Hưng		3.000	3.000				3.000		-												UBND xã Yên Mỹ
11	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Yên Hòa		10.000	10.000				10.000		-												UBND xã Việt Yên
12	Hỗ trợ kinh phí xây dựng Nhà văn hóa thôn Xuân Tào, Nghĩa Xuyên, Bùi Xá		1.500	1.500					1.500	-												UBND xã Yên Mỹ
13	Hỗ trợ kinh phí xây dựng Nhà văn hóa thôn giai phạm, yên phú, lạc cầu		1.500	1.500					1.500	-												UBND xã Nguyễn Văn Linh
14	Hỗ trợ XDCT Cải tạo, NC và mở rộng đường GTGT thôn Chấn Đông và thôn Đại Hạnh		2.000	2.000					2.000	-												UBND xã Hoàn Long
15	Hỗ trợ XDCT Trường mầm non xã Minh Châu, Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà ăn, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ		2.000	2.000					2.000	-												UBND xã Việt Yên
16	Hỗ trợ XDCT Cải tạo, NC đường GTNT thôn Bình Phú (đoạn từ đường ĐT.381 bãi rồng đến trạm điện xứ đồng ngo ngay)		2.000	2.000					2.000	-												UBND xã Việt Yên
17	Hỗ trợ XDCT CT, NC đường GTNT xã Đồng Than (đoạnt từ thôn Ốc Nhiêu đến bãi rác)		1.000	1.000					1.000	-												UBND xã Hoàn Long
18	Hỗ trợ kinh phí xây dựng Nhà văn hóa thôn Thượng Tài		500	500					500	-												UBND xã Việt Yên
19	Hỗ trợ kinh phí xây dựng Nhà văn hóa thôn Tân phú		500	500					500	-												UBND xã Việt Yên
20	Hỗ trợ kinh phí XD trường MN trung tâm xã		3.000	3.000					3.000	-												UBND xã Việt Yên
21	Tu sửa, cải tạo, nạo vét kênh tiêu T2 Trạm bơm Chi Long xã Ngọc Long		502	502					502	-												Đã hoàn thành, Không bàn giao
III	**NĂM 2023**			-						-												
1	Hỗ trợ KP Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Xuân Tràng, xã Đồng Than đoạn từ nhà Bà Ngà đến nhà Ông Trường		3.000	3.000				3.000		-												UBND xã Hoàn Long
2	Hỗ trợ KP Cải tạo,nâng cấp đường GTNT - Mương trung thuỷ nông thôn khoá nhu 2, xã Yên Hoà đoạn từ ĐT.379 (cổng làng) đến nhà bà Viên		12.500	12.500				12.500		-												UBND xã Việt Yên
3	Hỗ trợ KP XD Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư 1.6ha thôn Từ Dương, xã Lý Thường Kiệt.		4.000	4.000				4.000		-												UBND xã Yên Mỹ
4	Hỗ trợ XD nhà văn hóa thôn Yên Phú, thôn Giai Phạm		3.000	3.000				3.000		-												UBND xã Nguyễn Văn Linh
5	Hỗ trợ KP Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học Trường THCS xã Hoàn Long		4.000	4.000				4.000		-												UBND xã Hoàn Long
6	Hỗ trợ KP Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng - Trường TH và THCS Minh Châu		5.000	5.000				5.000		-												UBND xã Việt Yên
7	Hỗ trợ KP Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 8 phòng kết hợp nhà để xe và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Trung Hưng		2.000	2.000				2.000		-												UBND xã Yên Mỹ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
8	Hỗ trợ KP xây dựng trụ sở công an xã		3.000	3.000				3.000		-												UBND xã Hoàn Long
9	Hỗ trợ KP xây dựng trụ sở công an xã		3.000	3.000				3.000		-												UBND xã Việt Yên
10	Hỗ trợ KP xây dựng trụ sở công an xã		3.000	3.000				3.000		-												UBND xã Yên Mỹ
11	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ		3.000	3.000				3.000		-												UBND xã Hoàn Long
12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Việt Cường (Đoạn từ đầu dốc ĐT.382 của xã Thanh Long đến đầu làng thôn Thái Nội)		2.500	2.500				2.500		-												UBND xã Việt Yên
13	Nhà văn hóa thôn Đặng Xá, xã Thanh Long		1.000	1.000				1.000		-												UBND xã Việt Yên
14	Nhà văn hóa thôn Châu Xá, xã Thanh Long		1.000	1.000				1.000		-												UBND xã Việt Yên
15	Nhà văn hóa thôn Thụy Lân, xã Thanh Long		2.000	2.000				2.000		-												UBND xã Việt Yên
16	Nhà văn hóa thôn Đồng Mỹ, xã Lý Thường Kiệt		1.500	1.500				1.500		-												UBND xã Yên Mỹ
17	Sửa chữa nhà thi đấu cầu lông		497	497					497	-												UBND xã Yên Mỹ
IV	**NĂM 2024**			-						-												
1	Xây dựng nhà lớp học bộ môn và nhà hiệu bộ - Trường TH và THCS Minh Châu	số 177/QĐ-UBND ngày 17/07/2023	10.000	10.000				10.000		-												UBND xã Việt Yên
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Châu (Tuyến 1, Thôn Bắc Khu: Từ cầu Khê đến trạm bơm cống Giám; tuyến 2, thôn Xuân Lai: Từ trạm bơm cống Giám đến đường trục thôn Xuân Lai);	số 256/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	6.000	6.000				6.000		-												UBND xã Việt Yên
3	Nhà lớp học 4 tầng 9 phòng kết hợp nhà để xe và một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Tân Lập	số 173/QĐ-UBND ngày 08/05/2023	5.000	5.000				5.000		-												UBND xã Yên Mỹ
4	Nhà văn hóa thôn Mễ Hạ, xã Yên Phú	số 155/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	1.500	1.500				1.500		-												UBND xã Việt Yên
5	Cải tạo, nâng cấp đường hợp nhất Tân - Tây - Lại	số 173/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	5.000	5.000				5.000		-												UBND xã Việt Yên
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư 1.6ha thôn Từ Dương, xã Lý Thường Kiệt.	Số 181/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	5.000	5.000				5.000		-												UBND xã Yên Mỹ
7	Xây dựng nhà hiệu bộ trường THCS Trung Hưng		7.000	7.000				7.000		-												UBND xã Yên Mỹ
8	Cải tạo , nâng cấp đường GTNT xã Trung Hưng (tuyến thôn Trung Đạo và Đạo Khê)		8.000	8.000				8.000		-												UBND xã Yên Mỹ
9	Xây dựng, nâng cấp Trường TH & THCS Minh Châu	số 72/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	14.000	14.000				14.000		-												UBND xã Việt Yên
10	Nhà lớp học 4 tầng 15 phòng kết hợp nhà để xe Trường THCS Nguyễn Văn Linh	số 22/NQ-HĐND 30/06/2023	10.000	10.000				10.000		-												UBND xã Nguyễn Văn Linh
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Giai Phạm (tuyến đường từ cầu Giai Phạm đi khu tưởng niệm cố Toongt Bí thư nguyễn Văn Linh và ra ĐT.381)	số 22/NQ-HĐND 30/06/2023	10.000	10.000				10.000		-												UBND xã Nguyễn Văn Linh

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
12	Công trình xây dựng đường GTNT xã Giai Phạm (tuyến từ ĐT.381 qua sân thể thao thôn Từ Cầu đến đường QH-25m).	số 22/NQ-HĐND 30/06/2023	15.000	15.000				15.000		-												UBND xã Nguyễn Văn Linh
13	Nhà lớp học 4 tầng 12 phòng kết hợp để xe và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Lập	55 ngày 21/2/2024	10.000	10.000				10.000		-												UBND xã Yên Mỹ
14	Nhà văn hóa - sân thể thao cộng đồng thôn Liêu Hạ, xã Tân Lập		5.000	5.000				5.000		-												UBND xã Yên Mỹ
15	Công trình nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Lập		11.000	11.000				11.000		-												UBND xã Yên Mỹ
16	Xây dựng Trụ sở làm việc công an xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ		6.000	6.000				6.000		-												UBND xã Yên Mỹ
17	Trường Tiểu học xã Yên Phú. Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng (điểm trường 1)		6.000	6.000				6.000		-												UBND xã Việt Yên
18	Cải tạo nâng cấp đường giao thông thôn Mễ Hạ xã Yên Phú (đoạn từ đường liên xã đến đường 382B)		4.000	4.000				4.000		-												UBND xã Việt Yên
19	Xây dựng nhà lớp học và các phòng chức năng 03 tầng trường Tiểu học xã Hoàn Long		5.000	5.000				5.000		-												UBND xã Hoàn Long
20	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long (vị trí 2)		8.000	8.000				8.000		-												UBND xã Hoàn Long
21	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT (Đoạn từ nhà ông Sáng gọn đến Cống Ủ)		6.600	6.600				6.600		-												UBND xã Hoàn Long
22	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Chấn Đông, xã Hoàn Long (Tuyến 1: từ đường Duối đến nhà ông Huỳnh, tuyến 2: Từ ù Đại Hạnh đến kênh KT.11)		3.000	3.000				3.000		-												UBND xã Hoàn Long
23	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT (Đoạn từ Cống Ủ đến nhà ông Ơn thôn Chấn Đông)		6.000	6.000				6.000		-												UBND xã Hoàn Long
24	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đại Hạnh xã Hoàn Long đoạn từ nhà Thanh - Quyên đến cửa hàng Sáu - Thắm		1.400	1.400				1.400		-												UBND xã Hoàn Long
25	Nhà văn hóa thôn Mỹ Xá	số 40/NQ-HĐND ngày 30/6/2023	3.000	3.000				3.000		-												UBND xã Việt Yên
26	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Ngọc Long	số 12/NQ-HĐND ngày 28/12/2023	13.000	13.000				13.000		-												UBND xã Nguyễn Văn Linh
27	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đồng Than, xã Đồng Than		3.000	3.000				3.000		-												UBND xã Hoàn Long
28	Nhà văn hóa thôn Óc Nhiêu		2.000	2.000				2.000		-												UBND xã Hoàn Long
29	Hỗ trợ kinh phí lập Đồ án quy hoạch chung		458	458				458		-												UBND xã Việt Yên
30	Hỗ trợ kinh phí lập Đồ án quy hoạch chung		463	463				463		-												UBND xã Yên Mỹ
31	Hỗ trợ kinh phí lập Đồ án quy hoạch chung		385	385				385		-												UBND xã Việt Yên
32	Hỗ trợ kinh phí lập Đồ án quy hoạch chung		409	409				409		-												UBND xã Yên Mỹ
33	Hỗ trợ kinh phí lập Đồ án quy hoạch chung		386	386				386		-												UBND xã Yên Mỹ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
34	Hỗ trợ kinh phí lập Đồ án quy hoạch chung		315	315				315		-												UBND xã Nguyễn Văn Linh
35	Hỗ trợ kinh phí lập Đồ án quy hoạch chung		358	358				358		-												UBND xã Hoàn Long
36	Hỗ trợ kinh phí lập Đồ án quy hoạch chung		411	411				411		-												UBND xã Hoàn Long
V	NĂM 2025			-						-												
1	Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (Chi tiết tại Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 13/9/2024)			-						-												
2	Cải tạo, mở rộng trụ sở Đảng Ủy- HĐND- UBND xã Trung Hưng	Số 218a/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	5.000	-						5.000				5.000								UBND xã Yên Mỹ
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đồng Than (đoạn từ thôn Xuân Tràng sang thôn Đồng Than)	Số 275/QĐ-UBND ngày 25/3/2025	3.500	-						3.500				3.500								UBND xã Hoàn Long
4	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở thôn Trương Kênh Cầu, xã Đồng Than	Số 180/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	5.000	-						5.000				5.000								UBND xã Hoàn Long
5	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở thôn Trương Kênh Cầu, xã Đồng Than - Giai đoạn 2	Số 05a/QĐ-UBND ngày 02/01/2024	5.000	-						5.000				5.000								UBND xã Hoàn Long
6	Cải tạo, nâng cấp cầu Hòa Mục, xã Hoàn Long	Số 514/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	7.000	-						7.000				7.000								UBND xã Hoàn Long
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT Hoàn Long (đoạn từ cầu máng kênh Đông thôn Hòa Mục đến cầu máng kênh Đông thôn Ngân Hạnh)	420 ngày 26/05/2025	4.000	-						4.000				4.000								UBND xã Hoàn Long
8	Nhà văn hóa xã Hoàn Long	Số 54B/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	1.900	-						1.900				1.900								UBND xã Hoàn Long
9	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng đường GTNT thôn Chấn Đông và thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long	Số 11/QĐ-UBND ngày 10/1/2019	2.500	-						2.500				2.500								UBND xã Hoàn Long
10	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hoàn Long	Số 483/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	10.000	-						10.000				10.000								UBND xã Hoàn Long
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liêu Xá (tuyến từ đường vua Nông đến khu dân cư mới thôn Hào)	Số 138/QĐ-UBND ngày 9/10/2023	9.000	-						9.000				9.000								UBND xã Nguyễn Văn Linh
12	Nhà văn hóa thôn Liêu Trung, xã Liêu Xá	Số 185a/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	3.400	-						3.400				3.400								UBND xã Nguyễn Văn Linh
13	Cải tạo nâng cấp trạm y tế xã Ngọc Long	Số 223/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	5.500	-						5.500				5.500								UBND xã Nguyễn Văn Linh
14	Nhà lớp học 3 tầng 18 phòng - Trường THCS Ngọc Long	Số 121/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	6.000	-						6.000				6.000								UBND xã Nguyễn Văn Linh
15	Nhà hiệu bộ, phòng chức năng, hệ thống sân vườn và tường rào trường TH và THCS Nghĩa Hiệp	Số 120/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	10.000	-						10.000				10.000								UBND xã Nguyễn Văn Linh
16	Nhà văn hóa thôn Yên Phú	Số 203/QĐ-UBND ngày 11/8/2022	1.800	-						1.800				1.800								UBND xã Nguyễn Văn Linh

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												*Trong đó*						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao												
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
17	Nhà văn hóa thôn Giai Phạm	Số 248/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	1.800	-						1.800				1.800								UBND xã Nguyễn Văn Linh
18	Nhà văn hóa thôn Lạc Cầu	Số 242/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	2.500	-						2.500				2.500								UBND xã Nguyễn Văn Linh
19	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ - Trường tiểu học Nguyễn Văn Linh	257/QĐ-UBND ngày 16/11/20274	15.000	-						15.000				15.000								UBND xã Nguyễn Văn Linh
20	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Liêu Hạ - Thư Thị (đoạn từ nhà bà Hồi Thắng đến nhà bà Hương Thắng)	Số 487/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	6.500	-						6.500				6.500								UBND xã Yên Mỹ
21	Cải tạo nhà vệ sinh chung và đầu tư thiết bị phục vụ học tập trường THCS, Tiểu học, Mầm non xã Tân Lập	Số 483/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	3.000	-						3.000				3.000								UBND xã Yên Mỹ
22	Hội trường UBND xã Trung Hòa	Số 81/QĐ-UBND ngày 23/2/2024	10.000	-						10.000				10.000								UBND xã Yên Mỹ
23	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Quần Ngọc, xã Trung Hòa	193 ngày 10/4/2025	3.000	-						3.000				3.000								UBND xã Yên Mỹ
24	Trường mầm non trung tâm xã Yên Hòa (giai đoạn 1)	383/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	10.000	-						10.000				10.000								UBND xã Việt Yên
25	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới thôn Quảng Uyên - xã Minh Châu.	333 ngày 28/3/2025	10.000	-						10.000				10.000								UBND xã Việt Yên
26	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng - Trường TH & THCS Minh Châu	Số 733/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	5.000	-						5.000				5.000								UBND xã Việt Yên
27	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Việt Cường	10a/QĐ-UBND ngày 07/01/2023	2.500	-						2.500				2.500								UBND xã Việt Yên
28	Xây dựng công trình nhà lớp học 3 tầng 6 phòng và 2 tầng 4 phòng trường tiểu học Yên Phú	167/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	6.000	-						6.000				6.000								UBND xã Việt Yên
29	Hỗ trợ xây dựng, cải tạo nâng cấp nghĩa trang nhân dân thôn theo hướng đồng bộ - Giai đoạn 1 (Chi tiết Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 24/12/2024)		-	-						-												
30	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang thôn Trung Đạo		500	-						500				500								UBND xã Yên Mỹ
31	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang thôn Chấn Đông	317 ngày 21/4/2025	500	-						500				500								UBND xã Hoàn Long
32	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang thôn Đại Hạnh	319 ngày 21/4/2025	500	-						500				500								UBND xã Hoàn Long
33	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang thôn Hòa Mục	313 ngày 21/4/2025	500	-						500				500								UBND xã Hoàn Long
34	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang thôn Ngân Hạnh	315 ngày 21/4/2025	500	-						500				500								UBND xã Hoàn Long
35	Xây dựng, cải tạo nâng cấp nghĩa trang thôn Giã Cầu		500	-						500				500								UBND xã Yên Mỹ
36	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang thôn Hoan Ái		500	-						500				500								UBND xã Yên Mỹ
37	Xây dựng nghĩa trang thôn Yến Đô		500	-						500				500								UBND xã Yên Mỹ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
					Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
				Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
38	Xây dựng, cải tạo nâng cấp nghĩa trang thôn Thượng Tài		500	-						500				500								UBND xã Việt Yên
39	Xây dựng, cải tạo nâng cấp nghĩa trang thôn Châu Xá		500	-						500				500								UBND xã Việt Yên
40	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang thôn Bùi Xá		500	-						500				500								UBND xã Yên Mỹ
41	Xây dựng nghĩa trang thôn Nguyễn Xá		500	-						500				500								UBND xã Yên Mỹ
42	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang thôn Nội Tây		500	-						500				500								UBND xã Yên Mỹ
43	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang thôn Quần Ngọc		500	-						500				500								UBND xã Yên Mỹ
44	Xây dựng nghĩa trang thôn Xuân Tảo		500	-						500				500								UBND xã Yên Mỹ
45	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang thôn Thanh Xá		500	-						500				500								UBND xã Việt Yên
46	Xây dựng, cải tạo nâng cấp nghĩa trang thôn Mỹ Xá		500	-						500				500								UBND xã Việt Yên
47	Xây dựng, cải tạo nâng cấp nghĩa trang thôn Khoái Nhu 1,2		500	-						500				500								UBND xã Việt Yên
48	Xây dựng, cải tạo nâng cấp nghĩa trang thôn Thái Hoà		500	-						500				500								UBND xã Việt Yên
49	Xây dựng, cải tạo nâng cấp nghĩa trang thôn Bình Phú		500	-						500				500								UBND xã Việt Yên
50	Xây dựng, cải tạo nâng cấp nghĩa trang thôn Lại Trạch		500	-						500				500								UBND xã Việt Yên
51	Xây dựng, cải tạo nâng cấp nghĩa trang thôn Mễ Hạ		500	-						500				500								UBND xã Việt Yên
52	Xây dựng, cải tạo nâng cấp nghĩa trang thôn Mễ Thượng		500	-						500				500								UBND xã Việt Yên
53	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang thôn Tân Phú		500	-						500				500								UBND xã Việt Yên
54	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang thôn Từ Hồ		500	-						500				500								UBND xã Việt Yên
55	Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn được nhân dân hiến đất làm đường (Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 24/12/2024)		-	-						-												
56	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Ốc Nhiêu (Đoạn từ đường liên thôn đến nhà văn hóa)	Số 374/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	3.000	-						3.000				3.000								UBND xã Hoàn Long
57	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Ốc Nhiêu (Đường liên thôn đoạn vành đai 4 đến nghĩa trang)	375/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	6.000	-						6.000				6.000								UBND xã Hoàn Long
58	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Tráng Vũ (Đoạn từ ĐH20 đến Nghĩa trang nhân dân thôn Tráng Vũ)	Số 325/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	3.500	-						3.500				3.500								UBND xã Hoàn Long
59	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Trương kênh cầu (Đoạn từ nhà ông Nhã đến nhà ông Độ)	Số 376/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	2.500	-						2.500				2.500								UBND xã Hoàn Long

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
60	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đồng Than (Đoạn từ Nhà văn hóa đến nhà bà Hoài Việt)	475/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	3.000	-						3.000				3.000								UBND xã Hoàn Long
61	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Ngân Hạnh (Đoạn từ ĐH23 đến Cầu máng Kênh Đông)	242/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	2.000	-						2.000				2.000								UBND xã Hoàn Long
62	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hoà Mục (Đoạn từ trạm bơm đầu làng đến trạm điện 220V) xã Hoàn Long	430/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	2.000	-						2.000				2.000								UBND xã Hoàn Long
63	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ (Đoạn từ ĐH.23 đi đến kênh Đông)	307/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1.300	-						1.300				1.300								UBND xã Hoàn Long
64	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Hoàn Long đoạn từ Cống chui Hòa Mục đến nhà ông Nguyễn Gia Công	375/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.000	-						3.000				3.000								UBND xã Hoàn Long
65	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Chấn Đông (Đoạn 1 từ cống KT11 đến trạm bơm Tân Long, đoạn 2 từ nhà ông Thuyền đến nhà ông Hòe) xã Hoàn Long	507/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	3.000	-						3.000				3.000								UBND xã Hoàn Long
66	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Chi Long (Đoạn ĐH42 đến Cổng chùa Chi Long)	148/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1.000	-						1.000				1.000								UBND xã Nguyễn Văn Linh
67	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Chi Long (Ông Bình Hậu đến nhà Ông Tiến Thành)	175/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.000	-						1.000				1.000								UBND xã Nguyễn Văn Linh
68	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đông Phòng (Nhà cụ Minh đến ông Ứng)	173/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	1.500	-						1.500				1.500								UBND xã Nguyễn Văn Linh
69	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Dịch Trì, xã Ngọc Long (đoạn từ nhà ông Bình Theo đến đường ĐH.34)	74/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	1.500	-						1.500				1.500								UBND xã Nguyễn Văn Linh
70	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ đường ĐT 382 đi đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (xóm lẻ thôn Từ Dương)	254/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	6.500	-						6.500				6.500								UBND xã Yên Mỹ
71	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Đồng Mỹ	346 ngày 16/5/2025	7.000	-						7.000				7.000								UBND xã Yên Mỹ
72	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã Tân Minh (đoạn từ nhà ông Đúc đến đường QL 39a mới)	226/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	5.500	-						5.500				5.500								UBND xã Yên Mỹ
73	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã Tân Minh (nhà ông Xướng đến nhà ông Tuyên) tuyến nhánh xóm Chu Xá thôn Tổ Hòa.	345/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	7.000	-						7.000				7.000								UBND xã Yên Mỹ
74	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Trung Hòa (đoạn từ nhà ông Quảng Phương đến Nhà văn hóa)	292/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	2.500	-						2.500				2.500								UBND xã Yên Mỹ
75	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính thôn Xuân Lai (từ nhà văn hóa thôn đến nhà bà Thía)	535/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	5.000	-						5.000				5.000								UBND xã Việt Yên
76	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Thung Linh (Từ nhà ông Ngân đến tiếp giáp xã Tân Dân)	548/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	2.000	-						2.000				2.000								UBND xã Việt Yên
77	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT trục chính thôn Quảng Uyên xã Việt Yên	565/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	7.000	-						7.000				7.000								UBND xã Việt Yên
78	Cải tạo, nâng cấp đường ven sông (điểm đầu từ đường 382 đến Cầu Lùm thôn Từ Hồ)		3.000	-						3.000				3.000								UBND xã Việt Yên
79	Hỗ trợ các xã, thị trấn xây dựng, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng khác (Nghị quyết 56/NQ-HĐND ngày 24/12/2024)		-	-						-												
80	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất cho Nhân dân làm nhà ở tại thị trấn Yên Mỹ		25.000	-						25.000				25.000								UBND xã Yên Mỹ

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
81	Khu giãn dân thôn Trương Kênh Cầu (Ngần Rẽ), xã Đồng Than	255/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	10.000	-						10.000				10.000								UBND xã Hoàn Long
82	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Tráng Vũ	393/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	5.000	-						5.000				5.000								UBND xã Hoàn Long
83	Xây dựng nhà văn hóa thôn Bắc Kênh Cầu xã Đồng Than	377/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	5.500	-						5.500				5.500								UBND xã Hoàn Long
84	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Chấn Đông và các hạng mục phụ trợ		5.000	-						5.000				5.000								UBND xã Hoàn Long
85	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất cho Nhân dân làm nhà ở thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ (vị trí số 01)	590/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	9.000	-						9.000				9.000								UBND xã Hoàn Long
86	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất cho Nhân dân làm nhà ở thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ (vị trí số 02)	574/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	15.000	-						15.000				15.000								UBND xã Hoàn Long
87	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới 0,56 ha thôn Liêu Trung, xã Liêu Xá		8.000	-						8.000				8.000								UBND xã Nguyễn Văn Linh
88	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Liêu Xá		25.000	-						25.000				25.000								UBND xã Nguyễn Văn Linh
89	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Hào, xã Liêu Xá		6.000	-						6.000				6.000								UBND xã Nguyễn Văn Linh
90	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất cho Nhân dân làm nhà ở tại xã Ngọc Long		18.000	-						18.000				18.000								UBND xã Nguyễn Văn Linh
91	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hoan Ái và một số hạng mục phụ trợ		5.000	-						5.000				5.000								UBND xã Yên Mỹ
92	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cảnh Lâm, xã Tân Minh		5.000	-						5.000				5.000								UBND xã Yên Mỹ
93	Nhà văn hóa thôn Nhân Lý xã Thanh Long	131/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	4.000	-						4.000				4.000								UBND xã Việt Yên
94	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở 2.2ha khu Bùi Xá, xã Trung Hòa	148/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	23.000	-						23.000				23.000								UBND xã Yên Mỹ
95	Khu dân cư mới thôn Mễ Hạ xã Yên Phú		6.000	-						6.000				6.000								UBND xã Việt Yên
96	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 15 phòng, hệ thống PCCC trường THCS Yên Phú	282/QĐ-UBND ngày 03/6/2025	12.000	-						12.000				12.000								UBND xã Việt Yên
97	Hỗ trợ các xã, thị trấn XD CSHT theo NQ 10/NQ-HĐND ngày 13/3/2025 và QĐ 992 ngày 21/3/2025		-	-						-												
98	Khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thị trấn Yên Mỹ - Vị trí số 01	166/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	20.000	-						20.000				20.000								UBND xã Yên Mỹ
99	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phạm Xá, xã Đồng Than	Số 378/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	6.000	-						6.000				6.000								UBND xã Hoàn Long
100	Nhà văn hóa thôn Xuân Tráng, xã Đồng Than	Số 267/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	6.500	-						6.500				6.500								UBND xã Hoàn Long
101	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hòa Mục, xã Hoàn Long (Đoạn 1 từ nhà ông Chiến đến nhà ông Tập; Đoạn 2 từ nhà mẫu giáo thôn đến nhà ông Bình; Đoạn 3 từ đình Hòa Mục đến nhà	403/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	7.000	-						7.000				7.000								UBND xã Hoàn Long
102	Cải tạo, nâng cấp một số đoạn đường GTNT thôn Chấn Đông và thôn Hòa Mục xã Hoàn Long	297/QĐ-UBND ngày 15/4/2025	7.000	-						7.000				7.000								UBND xã Hoàn Long
103	Cải tạo, nâng cấp GTNT thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long	286/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	3.000	-						3.000				3.000								UBND xã Hoàn Long

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư (Ghi QĐ ban đầu và QĐ điều chỉnh cuối cùng)	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư
				KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao						
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
104	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Yên Thổ, xã Nguyễn Văn Linh, huyện Yên Mỹ		8.000	-						8.000				8.000								UBND xã Nguyễn Văn Linh
105	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xóm Đông, thôn Giai Phạm, xã Nguyễn Văn Linh, huyện Yên Mỹ		7.500	-						7.500				7.500								UBND xã Nguyễn Văn Linh
106	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Tân Việt (Vị trí số 01), xã Tân Minh	Số 265/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	16.000	-						16.000				16.000								UBND xã Yên Mỹ
107	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nhân Lý, xã Thanh Long (đoạn từ nhà ông Tuyến đến đình Nhân Lý)	09/QĐ-UBND ngày 08/01/2025	7.000	-						7.000				7.000								UBND xã Việt Yên
108	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đặng Xá, xã Thanh Long	162/QĐ-UBND ngày 23/4/2025	14.500	-						14.500				14.500								UBND xã Việt Yên
109	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, thôn Tam Trạch xã Trung Hòa (Đoạn 1: Từ nhà ông Xã đến cầu bà Khắc; Đoạn 2: Từ Dốc cổng cánh đến chùa Tam Trạch: Đoạn 3: Từ nhà ông Kế đến	254/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	7.000	-						7.000				7.000								UBND xã Yên Mỹ
110	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Xuân Tảo, xã Trung Hòa (Đoạn 1 Từ cổng nhà văn hóa đi nhà ông Cây; Đoạn 2 từ nhà bà Ngần đi nhà ông Thổ và từ nhà bà Minh đi nhà Điền Lê Từ nhà	2466/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	8.000	-						8.000				8.000								UBND xã Yên Mỹ
111	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Đông Hòa, xã Việt Yên (Đoạn 1 từ nhà ông Ly đến nhà ông Huynh; Đoạn 2 từ nhà ông Đạc đến nhà ông Thuần) và cải tạo sửa chữa rãnh thoát nước	Số 538/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	6.000	-						6.000				6.000								UBND xã Việt Yên
112	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Thái Hòa, xã Việt Yên	Số 602/TTr-UBND ngày 26/05/2025	23.000	-						23.000				23.000								UBND xã Việt Yên
F	**DỰ ÁN ĐƠN VỊ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ, CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 01 XÃ MỚI**		**22.046**	**18.046**	-	-	-	**13.000**	**5.046**	**4.000**	-	-	-	**4.000**	-	-	-	-	-	-	-	
I	**NGÀNH, LĨNH VỰC AN NINH**		**13.000**	**13.000**	-	-	-	**13.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
a	**Dự án hoàn thành**																					
1	Hỗ trợ Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Công an huyện Yên Mỹ	388/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 CA tỉnh	13.000	13.000	-	-	-	13.000		-				-		-	-	-	-	-	-	Công an tỉnh
II	**HỖ TRỢ KINH PHÍ CHO CÁC ĐƠN VỊ**		**9.046**	**5.046**	-	-	-	-	**5.046**	**4.000**	-	-	-	**4.000**	-	-	-	-	-	-	-	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà ở cán bộ chiến sỹ thuộc trụ sở Công an huyện Yên Mỹ		1.500	1.500					1.500	-												Đã hoàn thành, Không bàn giao
2	Chi cải tạo sân vườn Công an huyện		2.500	2.500					2.500	-												Đã hoàn thành, Không bàn giao
3	Hỗ trợ Ban chỉ huy quân sự huyện Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và hạng mục phụ trợ		1.046	1.046					1.046	-												Đã hoàn thành, Không bàn giao
4	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ		4.000	-						4.000				4.000								Dừng do giải thể

PHỤ LỤC SỐ 08

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA THỊ XÃ MỸ HÀO (TRƯỚC SẮP XẾP) ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:						KH năm 2025 đã giao						KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024												*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	*2*	*7*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*36*	*37*
	TỔNG SỐ		**5.156.562**	**1.639.365**	**0**	**285.320**	**57.537**	**1.212.508**	**84.000**	**2.219.237**	**0**	**803.319**	**22.116**	**1.393.802**	**0**	**1.263.446**	**0**	**0**	**0**	**1.263.446**	**0**		
A	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 01 XÃ MỚI**		**3.046.745**	**1.039.823**	**0**	**92.868**	**45.401**	**842.554**	**59.000**	**1.082.726**	**0**	**153.319**	**14.000**	**915.407**	**0**	**924.196**	**0**	**0**	**0**	**924.196**			
I	**PHƯỜNG MỸ HÀO**		**912.883**	**374.465**	**-**	**18.967**	**25.601**	**304.897**	**25.000**	**344.244**	**-**	**100.000**	**8.000**	**236.244**	**-**	**194.174**	**-**	**-**	**-**	**194.174**	**-**		
a	**Dự án hoàn thành**		**353.161**	**243.790**	**-**	**18.967**	**12.601**	**212.222**	**-**	**100.116**	**-**	**-**	**2.000**	**98.116**	**-**	**9.255**	**-**	**-**	**-**	**9.255**	**-**		
1	Đầu tư trang thiết bị thang máy và các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc thị ủy Mỹ Hào		315	315				315		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
2	Đầu tư trang thiết bị nội thất trụ sở làm việc thị ủy Mỹ Hào		202	202				202		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
3	Xây dựng công trình phụ trợ huyện ủy Mỹ Hào		172	172				172		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
4	Nhà ăn, nhà kho lưu trữ và hội trường huyện ủy Mỹ Hào		216	216				216		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
5	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng, trang trí hồ khu vực trụ sở Thị ủy, UBND thị xã Mỹ Hào		43	43				43		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
6	Sửa chữa hệ thống chiếu sáng từ ngã tư Bao Bì đến cầu vượt bến xe thị xã		61	61				61		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
7	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên thị xã Mỹ Hào		174	174				174		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
8	Cải tạo nâng cấp đường gom ĐH.35 ra QL5 qua Công ty Dược Hưng Yên		105	105				105		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
9	Xây dựng đường từ ĐH.33 đến trục xã Cẩm Xá (dọc kênh Trung thủy nông Nhân Hòa)	1684/QĐ-UBND ngày 28/4/2021; 4962/QĐ-UBND ngày 13/9/20221	12.185	12.185			4.000	8.185		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
10	Kênh Tưới Phan Đình Phùng	3196/QĐ-UBND ngày 02/7/2020	2.978	2.978				2.978		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
11	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.33 từ ngã tư Kim huy (Km2+150) đến Km2+500.	4902/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	8.408	8.408				8.408		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
12	Sửa chữa các hạng mục phụ trợ Thị ủy, UBND, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1441/QĐ-UBND ngày 28/5/2020	1.615	1.615				1.615		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
13	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng khuôn viên Thị ủy Mỹ Hào.	487/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	1.115	1.115				1.115		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
14	Cải tạo, sửa chữa nhà thi đấu cầu lông, sân tường rào và nhà bảo vệ Thị ủy Mỹ Hào	1445/QĐ-UBND ngày 29/5/2020	2.147	2.147			800	1.347		-						-						UBND phường Mỹ Hào	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:											KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	*2*	*7*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*36*	*37*
15	Xây dựng Hội trường Phòng Giáo dục thị xã Mỹ Hào	2653/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	4.298	4.298				4.298		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
16	Bổ sung trang thiết bị, nội thất trụ sở làm việc Thị ủy Mỹ Hào.	4895/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	1.200	1.200				1.200		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
17	Cải tạo, sửa chữa Nhà ăn, Hội trường Thị ủy Mỹ Hào.	488/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	1.185	1.185				1.185		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
18	Chỉnh trang Nghĩa trang liệt sỹ thị xã Mỹ Hào	2591/QĐ-UBND ngày 17/7/2020	8.234	8.234				8.234		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
19	Cải tạo, nâng cấp cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ trường Lê Hữu Trác	6778/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	1.472	1.472				1.472		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
20	Cải tạo, nâng cấp cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	6772/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	1.477	1.477				1.477		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
21	Trang thiết bị nội thất hội trường phòng Giáo dục thị xã Mỹ Hào		2.200	2.200				2.200		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
22	Tu bổ, tôn tạo cổng chính,nhà bia, nhà sắp lễ, hồ nước và hạ tầng kỹ thuật khu mở rộng Nghĩa trang liệt sỹ thị xã Mỹ Hào	2137/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	4.904	4.904				4.904		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
23	Xây dựng đèn chiếu sáng ĐH.36 (Phố Bần) và đường Bình Tân (đoạn qua khu dân cư).	1748/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	1.694	1.694				1.694		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
24	Trồng cây xanh tuyến ĐH 33 đoạn qua hồ tổ dân phố Hoàng Lê	3507/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	418	418				418		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
25	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường Vương Đình Cung (đoạn từ đường ĐT.380 đến Km2+500 đường ĐH.33	1749/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	3.749	3.749				3.749		-						-						UBND phường Mỹ Hào	
26	Cây Xanh, chiếu sáng đường ĐH.33	797/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	8.000	5.188				5.188		-						2.812				2.812		UBND phường Mỹ Hào	
27	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.33 đoạn từ Chợ Dầm đến kênh trung thủy nông Nhân Hòa	30/12/2022	13.847	10.950			2.500	8.450		2.897				2.897		-						UBND phường Mỹ Hào	
28	Sửa chữa các hạng mục phụ trợ Trung tâm chính trị thị xã Mỹ Hào	3246/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	2.854	2.854				2.854								-						UBND phường Mỹ Hào	
29	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên Thị ủy - HĐND - UBND thị xã Mỹ Hào	7559/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	13.800	7.529			2.301	5.228		6.271				6.271								UBND phường Mỹ Hào	
30	Cải tạo, sửa chữa nhà để xe, tường rào, chỉnh trang cây xanh khuôn viên trụ sở Thị ủy Mỹ Hào	2966/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	1.200	-						1.200				1.200		-						UBND phường Mỹ Hào	
31	Cải tạo, sửa chữa phòng khách nhà A và phòng ăn tầng 2 nhà D thuộc trụ sở Thị ủy Mỹ Hào	2967/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	1.200	-						1.200				1.200		-						UBND phường Mỹ Hào	
32	Phần mềm chuyển đổi số tay Đảng viên điện tử	1783/QĐ-UBND ngày 20/7/2023	3.162	-						3.162				3.162								UBND phường Mỹ Hào	
33	DA Hạ tầng kỹ thuật khuđấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Cẩm Xá	7495/QĐ-UBND ngày 15/10/2022	47.297	45.253				45.253		-						2.044				2.044		UBND phường Mỹ Hào	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	*2*	*7*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*36*	*37*
34	Cải tạo nâng cấp ĐH.34 từ QL.5 đi cống Yên Thổ	10205/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	10.000	8.476			2.000	6.476		1.524				1.524		-						UBND phường Mỹ Hào	
35	Cải tạo hệ thống thoát nước đường Nguyễn Thiện Thuật (ĐT.380)	7999/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	5.200	1.733				1.733		3.467				3.467		-						UBND phường Mỹ Hào	
36	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ tổ dân phố Yên Tập qua trục kinh tế Bắc - Nam đến ĐH.33	1429/QĐ-UBND ngày 06/8/2023	26.600	20.334				20.334		5.000				5.000		1.266				1.266		UBND phường Mỹ Hào	
37	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu giãn dân thị trấn Bần Yên Nhân (khu 1)	2291/QĐ-UBND ngày 16/7/2018; 4338/QĐ-UBND	18.980	17.980				17.980		1.000				1.000		-						UBND phường Mỹ Hào	
38	Dự án Hạ tầng đấu giá giãn dân khu vực phường Bần Yên Nhân (giai đoạn 2)	1914/QĐ-UBND ngày 20/4/2022; 1988/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	39.560	24.560	-			24.560		15.000				15.000		-						UBND phường Mỹ Hào	
39	Cải tạo, sửa chữa một số khối nhà làm việc trụ sở Thị ủy Mỹ Hào và cảnh quan khuôn viên hồ phía trước trụ sở	3398/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	14.900	6.788				6.788		6.015				6.015		2.097				2.097		UBND phường Mỹ Hào	
40	Nhà lớp học lý thuyết, xưởng thực hành trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên thị xã Mỹ Hào	2476/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	13.062	13.062		10.499	1.000	1.563														UBND phường Mỹ Hào	
41	Lắp đặt cột, gắn biển tên đường, phố trên địa bàn thị xã Mỹ Hào	4538/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	4.100							4.100				4.100								UBND phường Mỹ Hào	
42	Quy hoạch chung thị xã Mỹ Hào tỉnh Hưng Yên đến năm 2040, định hướng đến năm 2050	1328/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	7.847	6.811				6.811		-						1.036				1.036		UBND phường Mỹ Hào	
43	Lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên đến năm 2040, định hướng đến năm 2050	449/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	503	-						503				503								UBND phường Mỹ Hào	
44	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phường Nhân Hòa phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận Hưng Yên	2117/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	27.320	10.087		8.468		1.619		17.233		-		17.233		-						UBND phường Mỹ Hào	
45	Lập chương trình phát triển đô thị Mỹ Hào đến năm 2030 định hướng 2040	3015/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	1.950	-						1.950				1.950								UBND phường Mỹ Hào	
46	Lập quy chế quản lý kiến trúc thị xã Mỹ Hào	1699/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	1.634	-				-		1.634				1.634								UBND phường Mỹ Hào	
47	Lập đề án công nhận thị xã Mỹ Hào là đô thị loại III	1698/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	1.800	-						1.800				1.800								UBND phường Mỹ Hào	
48	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh thị xã Mỹ Hào	441/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	24.786	1.618				1.618		23.168			2.000	21.168								UBND phường Mỹ Hào	*Theo QĐĐC tăng 1.168*
49	Dự án kinh phí lập QH sử dụng đất thời kỳ 2021-2030	3867/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	2.992	-						2.992				2.992								UBND phường Mỹ Hào	
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**281.576**	**122.791**	**-**	**-**	**13.000**	**84.791**	**25.000**	**118.790**	**-**	**-**	**6.000**	**112.790**	**-**	**39.995**	**-**	**-**	**-**	**39.995**	**-**	**-**	**-**
1	Cải tạo, nâng cấp đường Đỗ Chính đoạn từ Trung tâm viễn thông khu vực IV đến đường Nguyễn Văn Linh (QL5)	2835/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	42.000	8.820				*8.820*		33.000			3.000	*30.000*		*180*				*180*		UBND phường Mỹ Hào	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	*2*	*7*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*36*	*37*
2	Đường từ Trung tâm viễn thông đến nhà máy nước Phố Nối	3234/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	37.000	6.000				*6.000*		31.000			3.000	*28.000*		-						UBND phường Mỹ Hào	
3	Cải tạo, chỉnh trang khu vực nút giao ngã tư Bần Yên Nhân với QL5 (Km21+300).	3320/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	14.153	5.299				*5.299*		8.854				*8.854*		-						UBND phường Mỹ Hào	
4	Xây dựng tuyến đường giao thông khu hành chính thị xã Mỹ Hào	3587/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	14.408	1.458				*1.458*		12.950				*12.950*		-						UBND phường Mỹ Hào	
5	Cải tạo, nâng cấp đường Đỗ Thế Diên (đoạn từ đường ĐT.380 đến tổ dân phố Lỗ Xá, phường Nhân Hòa	2236/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	36.671	28.048				*22.048*	*6.000*	8.623				*8.623*		-						UBND phường Mỹ Hào	
6	Đường vào trường THCS trọng điểm Lê Hữu Trác.	42/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	13.871	9.508			*3.000*	*6.508*		4.363				*4.363*		-						UBND phường Mỹ Hào	
7	Cải tạo, nâng cấp đường Trục trung tâm đô thị thị xã Mỹ Hào đoạn từ đường Lê Quý Quỳnh đến nút giao Trung tâm viễn thông khu vực IV (QL5)	3976/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	123.473	63.658			*10.000*	*34.658*	*19.000*	20.000				*20.000*		*39.815*				*39.815*		UBND phường Mỹ Hào	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**278.146**	**7.884**	-	-	-	**7.884**	-	**125.338**	-	**100.000**	-	**25.338**	-	**144.924**	-	-	-	**144.924**	-		
1	DA Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Cẩm Xá (vị trí số 1) (5,7ha)	05/NQ-HĐND ngày 27/4/2022; 26/NQ-HĐND ngày 16/7/2024	32.000	-						-				-		32.000				32.000		UBND phường Mỹ Hào	
2	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại phường Phan Đình Phùng	9947/QĐ-UBND ngày 24/11/2021;4072 /QĐ-UBND ngày 04/12/2024	25.153	7.884				7.884		5.338				5.338		11.931				11.931		UBND phường Mỹ Hào	
3	Xây dựng công trình quân sự trong khu vực phòng thủ (sở chỉ huy và các công trình phụ trợ trong căn cứ chiến đấu tại xã Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào. Hạng mục: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật	05/NQ-HĐND ngày 24/4/2024	59.806	-						-				-		59.806				59.806		UBND phường Mỹ Hào	
4	Xây dựng công trình sở chỉ huy căn cứ hậu phương tại phường Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hào. Hạng mục: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật	*04/NQ-HĐND ngày 24/4/2024*	31.439	-						-				-		31.439				31.439		UBND phường Mỹ Hào	
5	Quy hoạch phân khu đô thị tập trung (Phân khu A) (phường Bần Yên Nhân, Nhân Hòa, một phần Phan Đình Phùng)		3.645	-						-				-		3.645				3.645		UBND phường Mỹ Hào	
6	Phân khu C1: Khu đô thị - Dịch vụ - Sinh thái phía Nam sông Bần Vũ Xá		3.060							-				-		3.060				3.060		UBND phường Mỹ Hào	
7	Phân khu C2: Khu đô thị - Dịch vụ - Sinh thái phía phía Bắc Sông Bần Vũ Xá		3.043							-				-		3.043				3.043		UBND phường Mỹ Hào	
8	Xây dựng đường và kè trung thủy nông Nhân Hòa, kênh tiêu trạm bơm Phú Hữu từ Tổ dân phố Lỗ Xá (phường Nhân Hòa) đến quy hoạch Bắc Nam (xã Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào)	256/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	120.000							120.000		100.000		20.000		-				-			
II	**PHƯỜNG ĐƯỜNG HÀO**		**1.427.332**	**389.942**	-	**39.401**	**10.800**	**307.741**	**32.000**	**541.459**	-	**53.319**	**6.000**	**482.140**	-	**495.931**	-	-	-	**495.931**	-		
a	**Dự án hoàn thành**		**178.788**	**153.945**	-	**32.720**	**8.800**	**112.425**	-	**18.081**	-	-	-	**18.081**	-	**6.762**	-	-	-	**6.762**	-		

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	*2*	*7*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*36*	*37*
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đường phố Thứa, thị xã Mỹ Hào	5657/QĐ-UBND ngày 15/9/2022; 147/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	4.285	4.285				*4.285*		-						-						UBND phường Đường Hào	
2	Nội thất, đồ thờ và trưng bày tư liệu về thân thế, sự nghiệp Nguyễn Thiện Thuật tại Di tích lịch sử khu lưu niệm Nguyễn Thiện Thuật, xã Xuân Dục, thị xã Mỹ Hào	4932/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	4.871	4.871				*4.871*		-												UBND phường Đường Hào	
3	Xây dựng đèn chiếu sáng đường ĐH.33 đoạn từ Trục Trung tâm đến quốc lộ 5 (ngã tư Dị Sử) và phố Thứa.	4897/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	2.255	2.255				*2.255*		-												UBND phường Đường Hào	
4	Xây dựng đèn chiếu sáng từ đường trục trung tâm đến đường ĐT.387 (Phường Dị Sử).	4896/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	950	950				*950*		-												UBND phường Đường Hào	
5	Chiếu sáng đường từ khu vực QL.5 đến Khu công nghiệp Thăng Long II	2137/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	4.900	4.900				*4.900*		-												UBND phường Đường Hào	
6	Trang trí, trưng bầy tại nhà lưu niệm nơi thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên của thị xã	739/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	3.671	3.671				*3.671*		-												UBND phường Đường Hào	
7	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Xuân Dục từ khu di tích Nguyễn Thiện Thuật đến đường ĐT.387	3456/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	26.445	21.777			*800*	*20.977*		4.668				*4.668*								UBND phường Đường Hào	
8	Xây dựng đường ĐH.33 đoạn từ Tổ dân phố Lỗ Xá đi Ngã tư Dị Sử	4909/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.000	12.044			*2.000*	*10.044*		-				-		1.956				1.956		UBND phường Đường Hào	
9	Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu hành chính và Khu dân cư mới phường Phùng Chí Kiên	2913/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	708	708				*708*		-												UBND phường Đường Hào	
10	Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu hành chính và Khu dân cư mới phường Dị Sử	2912/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	661	661				*661*		-												UBND phường Đường Hào	
11	Phân khu E2: Khu đô thị-Nông nghiệp-Sinh thái phía Nam	856/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	2.658	-						2.658				*2.658*								UBND phường Đường Hào	
12	Phân khu F1: Khu đô thị - Công nghiệp-Dịch vụ Xuân Dục - Ngọc Lâm	859/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	2.958	-						1.861				*1.861*		*1.097*				*1.097*		UBND phường Đường Hào	
13	Phân khu F2: Khu đô thị- Công nghiệp Dị Sử	860/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	3.599	-						2.573				*2.573*		1.026				1.026		UBND phường Đường Hào	
14	Phân khu G: Khu đô thị- Công nghiệp-Dịch vụ Xuân Dục -Ngọc Lâm	918/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	3.507	-						2.441				*2.441*		1.066				1.066		UBND phường Đường Hào	
15	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thiện Kế, đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh (QL5) đến Trường THCS Xuân Dục	6924QĐ-UBND ngày 28/10/2022	19.920	16.920				*16.920*		3.000				*3.000*								UBND phường Đường Hào	
16	Xây dựng khu di tích Nguyễn Thiện Thuật, xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào	3474/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 4732/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	44.900	43.283		*13.470*	*4.000*	*25.813*		-						1.617				1.617		UBND phường Đường Hào	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	*2*	*7*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*36*	*37*
17	Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ QL.5 đến Khu công nghiệp Thăng Long II (dọc kênh Hồ Chí Minh), phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào	1737/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	38.500	37.620		19.250	2.000	16.370		880				880								UBND phường Đường Hào	
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**941.364**	**233.211**	**-**	**6.681**	**2.000**	**192.530**	**32.000**	**461.857**	**-**	**28.319**	**6.000**	**427.538**	**-**	**246.296**	**-**	**-**	**-**	**246.296**	**-**		
1	Đường từ QL5 đến đường QH từ Phùng chí Kiên đến ĐT.387 (gồm 2 đoạn: Đoạn 1 qua dân cư , đoạn 2 ngoài khu dân cư)	8609/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	30.000	3.489				3.489		19.000				19.000		7.511				7.511		UBND phường Đường Hào	
2	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường giao thông phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào - Giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng các tuyến đường trục chính trên địa bàn phường Dị Sử	2698/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	71.000	26.602			2.000	14.602	10.000	2.000				2.000		42.398				42.398		UBND phường Đường Hào	
3	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào	2915/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	77.947	32.160				20.160	12.000	37.840			3.000	34.840		7.947				7.947		UBND phường Đường Hào	
4	Xây dựng đường từ Khu công nghiệp Thăng Long II (nối tiếp đường Phùng Chí Kiên) đến ĐT.387	546/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	129.916	2.322				2.322		42.000			3.000	39.000		85.594				85.594		UBND phường Đường Hào	
5	Xây dựng tuyến đường từ ĐT.387 đến QL5 (nút giao Trung tâm y tế)	2664/QĐ-UBND ngày 26/09/2023	52.073	685				685		29.000				29.000		22.388				22.388		UBND phường Đường Hào	
6	DA Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Hưng Long (vị trí số 03) (3,24 ha)	2963/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	75.200	19.962				19.962		55.238				55.238		-						UBND phường Đường Hào	
7	DA Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Ngọc Lâm (1,6ha)	917/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	38.700	17.887				17.887		20.062				20.062		751				751		UBND phường Đường Hào	
8	DA Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở và xây dựng khu hành chính phường Dị Sử (10,15ha)	2329/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	170.563	19.158				19.158		97.563				97.563		53.842				53.842		UBND phường Đường Hào	
9	Xây dựng chỉnh trang ao Trại, thôn Xuân Nhân, xã Xuân Dục	3504/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	14.950	10.735				10.735		4.215				4.215		-						UBND phường Đường Hào	
10	DA Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở khu dân cư mới và xây dựng khu hành chính phường Phùng Chí Kiên	646/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	197.515	78.159				68.159	10.000	100.000				100.000		19.356				19.356		UBND phường Đường Hào	
11	Xây dựng tuyến đường từ QL39 (chân cầu vượt Phố Nối) kết nối với đường Phùng Chí Kiên	903/QĐ-UBND ngày 20/4/2022; 2491/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	83.500	22.052		6.681		15.371		54.939		28.319		26.620		6.509				6.509		UBND phường Đường Hào	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**307.180**	**2.786**	**-**	**-**	**-**	**2.786**	**-**	**61.521**	**-**	**25.000**	**-**	**36.521**	**-**	**242.873**	**-**	**-**	**-**	**242.873**	**-**		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ nút giao trung tâm y tế (QL5) đến đường vào tổ dân phố Long Đằng	10295/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	14.950							2.321				2.321		12.629				12.629		UBND phường Đường Hào	
2	DA Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Phùng Chí Kiên	857/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	54.100	2.786				2.786		24.200				24.200		27.114				27.114		UBND phường Đường Hào	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Xuân Dục và Hưng Long (8,2ha)	08/NQ-HĐND ngày 27/4/2022	45.000	-						-				-		45.000				45.000		UBND phường Đường Hào	
4	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào.	48/NQ-HĐND ngày 14/12/2022	30.000	-						-				-		30.000				30.000		UBND phường Đường Hào	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ				
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	*2*	*7*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*36*	*37*
5	Xây dựng tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở và các công trình dịch vụ - công cộng tại xã Xuân Dục	33/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	38.000	-						-				-		38.000				38.000		UBND phường Đường Hào	
6	Xây dựng tầng kỹ thuật khu dân cư mới và khu tái định cư phường Phùng Chí Kiên	35/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	56.000	-						-				-		56.000				56.000		UBND phường Đường Hào	
7	Lập Báo cáo đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập các phường Cẩm Xá, Ngọc Lâm, Xuân Dục, Hưng Long thuộc thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên		2.630							-				-		2.630				2.630		UBND phường Đường Hào	
8	Lập đề án thành lập 4 phường: Cẩm Xá, Xuân Dục, Ngọc Lâm, Hưng Long		3.500							-				-		3.500				3.500		UBND phường Đường Hào	
9	Cắm mốc các tuyến đường đô thị để quản lý quy hoạch	67/NQ-HĐND ngày 20/12/2021;28/NQ-HĐND ngày 16/7/2024	3.000							-				-		3.000				3.000		UBND phường Đường Hào	
10	Xây dựng khối nhà làm việc và điều trị bệnh nhân truyền nhiễm trung tâm y tế thị xã Mỹ Hào	4074/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	60.000							35.000		25.000		10.000		25.000				25.000		UBND phường Đường Hào	
III	**PHƯỜNG THƯỢNG HỒNG**		**706.530**	**275.416**	**-**	**34.500**	**9.000**	**229.916**	**2.000**	**197.023**	**-**	**-**	**-**	**197.023**	**-**	**234.091**	**-**	**-**	**-**	**234.091**	**-**		
a	**Dự án hoàn thành**		**218.223**	**187.565**	**-**	**14.000**	**2.000**	**171.565**	**-**	**16.403**	**-**	**-**	**-**	**16.403**	**-**	**14.255**	**-**	**-**	**-**	**14.255**	**-**		
1	Chiếu sáng trục trung tâm Giai đoạn II	2156/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	4.607	4.607				*4.607*		-												UBND phường Thượng Hồng	
2	Cây xanh chiếu sáng đường Lê Quang Hoà từ ĐT.387 đến QL.5 (ĐH,32)	2662/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	4.336	4.336				*4.336*		-												UBND phường Thượng Hồng	
3	Kết nối đường trục trung tâm đô thị Mỹ Hào đến QL.38 (đoạn thuộc huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên)	2401/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	20.000	20.000		*14.000*		*6.000*		-												UBND phường Thượng Hồng	
4	Tu sửa khẩn cấp cống tiêu T6 trạm bơm Phú Hữu, xã Dương Quang	3162/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	1.097	1.097				*1.097*		-												UBND phường Thượng Hồng	
5	Tu sửa khẩn cấp cống lấy nước, tiêu tự chảy trạm bơm Thuần Mỹ trên bờ đê sông Bần - Vũ Xá, xã Hoà Phong	3161/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	1.115	1.115				*1.115*		-												UBND phường Thượng Hồng	
6	Xây dựng đường trục trung tâm đô thị Mỹ Hào (giai đoạn 2) từ nút giao tỉnh lộ ĐT.387 đến huyện lộ ĐH.31	2923/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	47.574	41.916			*2.000*	*39.916*								5.658				5.658		UBND phường Thượng Hồng	
7	DA Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Hòa Phong	3572/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	72.804	72.804				*72.804*		-												UBND phường Thượng Hồng	
8	DA Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại phường Minh Đức	10163/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	29.675	21.257				*21.257*		7.418				*7.418*		1.000				1.000		UBND phường Thượng Hồng	
9	DA Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại Dương Hoà và Thịnh Vạn phường Minh Đức (vị trí số 02)	2709/QĐ-UBND ngày 03/4/2023	15.000	7.620				*7.620*		3.000				*3.000*		4.380				4.380		UBND phường Thượng Hồng	
10	Cải tạo, chỉnh trang ao tổ dân phố Phan, phường Bạch Sam	1557/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	6.700	5.539				*5.539*		1.161				*1.161*								UBND phường Thượng Hồng	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	*2*	*7*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*36*	*37*
11	Cải tạo, chỉnh trang ao Phong Cốc, phường Minh Đức	7473/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	12.098	7.274				*7.274*		4.824				*4.824*								UBND phường Thượng Hồng	
12	Phân khu B1: Khu hành chính - đô thị trung tâm	2021/QĐ-UBND ngày 17/4/2021	3.217													3.217				3.217		UBND phường Mỹ Hào; UBND phường Đường	
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**283.131**	**87.851**	**-**	**20.500**	**7.000**	**58.351**	**2.000**	**120.620**	**-**	**-**	**-**	**120.620**	**-**	**74.660**	**-**	**-**	**-**	**74.660**	**-**		
1	Đường trục xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào (đoạn từ QL5 đến trục trung tâm huyện Mỹ Hào)	2663/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 574/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	63.000	34.455		20.500		13.955		23.544				23.544		5.001				5.001		UBND phường Thượng Hồng	
2	Đường từ QL.5 đến Trục trung tâm GĐ2 (Phong Cốc, Minh Đức - Mão Chinh, Dương Quang)	4903/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 4579/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	65.221	28.532			*2.000*	*24.532*	*2.000*	14.418				*14.418*		22.271				*22.271*		UBND phường Thượng Hồng	
3	Cải tạo nâng cấp đường Lê Quang Hoà (ĐH.32) từ QL5 đến ĐT.387	4059/QĐ-UBND ngày 05/8/2022; 136/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	27.962	24.304			*5.000*	*19.304*		3.658				*3.658*		-						UBND phường Thượng Hồng	
4	Phân khu B2: Khu hành chính - đô thị Minh Đức	858/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	1.923	-						-				-		1.923				*1.923*		UBND phường Thượng Hồng	
5	Quy hoạch phân khu đô thị - Nông nghiệp - Sinh thái làng nghề Hòa Phong (Phân khu E1)		4.549	-						-				-		4.549				*4.549*		UBND phường Thượng Hồng	
6	Đường từ ĐH.32 đến đường Quy hoạch đô thị nối QL5 với trục Trung tâm giai đoạn 2	436/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	25.000	-						23.000				*23.000*		2.000				*2.000*		UBND phường Thượng Hồng	
7	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng CSHT tại tổ dân phố Sài phì Minh Đức	10451/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 1482/QĐ-UBND ngày 12/6/2023	58.476	560				*560*		24.000				*24.000*		33.916				*33.916*		UBND phường Thượng Hồng	
8	Xây dựng tuyến đường từ đường trục Bạch Sam đến đường nối ĐT.387 đi trung tâm Y tế thị xã Mỹ Hào	4280/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	37.000	-						32.000				*32.000*		5.000				*5.000*		UBND phường Thượng Hồng	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**205.176**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**60.000**	**-**	**-**	**-**	**60.000**	**-**	**145.176**	**-**	**-**	**-**	**145.176**	**-**		
1	Đường hoạch trục trung tâm phía Bắc khu CN Minh Quang, từ đường trục Bạch Sam đến đường Lê Quang Hòa (ĐH.32)	1017/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	45.000							30.000				30.000		15.000				15.000		UBND phường Thượng Hồng	
2	Cải tạo, nâng cấp ĐH.31 (đường trục xã Hòa Phong từ ĐH.30 đến QL.5)	3684/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	30.000							23.000				23.000		7.000				7.000		UBND phường Thượng Hồng	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ QL5 (cầu vượt Phong Cốc) đến đê Kim Sơn	1884/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	10.000							5.000				5.000		5.000				5.000		UBND phường Thượng Hồng	
4	DA Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại phường Bạch Sam (vị trí số 01)	49/NQ-HĐND ngày 14/12/2022	15.000							2.000				2.000		13.000				13.000		UBND phường Thượng Hồng	
5	Hạ tầng khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị tại xã Hòa Phong (vị trí số 02);	25/NQ-HĐND ngày 16/7/2024	31.000							-				-		31.000				31.000		UBND phường Thượng Hồng	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	*2*	*7*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*36*	*37*
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho Nhân dân làm nhà ở tại xã Dương Quang - Vị trí số 01	13/NQ-HĐND ngày 12/7/2023	45.000							-				-		45.000				45.000		UBND phường Thượng Hồng	
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho Nhân dân làm nhà ở tại phường Bạch Sam, thị xã Mỹ Hào	03/NQ-HĐND ngày 24/4/2024	27.000							-				-		27.000				27.000		UBND phường Thượng Hồng	
8	Quy hoạch phân khu phía Bắc sông Bần (Phân khu D) (phường Phan Đình Phùng, xã Dương Quang, Hòa Phong và một phần phường Minh Đức)		2.176							-				-		2.176				*2.176*		UBND phường Mỹ Hào	
B	**DỰ ÁN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO CẤP HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**		**898.303**	**180.332**	**0**	**142.952**	**1.000**	**32.380**	**4.000**	**702.258**	**0**	**650.000**	**0**	**52.258**	**0**	**15.713**	**0**	**0**	**0**	**15.713**	**0**		
I	**NGÀNH, LĨNH VỰC...**																						
a	**Dự án hoàn thành**		***228.303***	***180.332***	**-**	***142.952***	***1.000***	***32.380***	***4.000***	***44.258***	**-**	**-**	**-**	***44.258***	**-**	***3.713***	**-**	**-**	**-**	***3.713***	**-**		
1	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống thoát nước khu vực nội thị đô thị Mỹ Hào.	2180/QĐ-UBND ngày 19/7/2019; 5403/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	79.800	70.800		39.000	1.000	30.800		9.000				9.000								UBND phường Mỹ Hào	
2	Cải tạo mở rộng đường trục trung tâm đoạn giao bến xe đến ĐT.387	2818/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	148.503	109.532		103.952		1.580	4.000	35.258				35.258		3.713				3.713		UBND phường Mỹ Hào	
b	**Dự án đang triển khai**		**670.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**658.000**	**-**	**650.000**	**-**	**8.000**	**-**	**12.000**	**-**	**-**	**-**	**12.000**	**-**		
3	Đường Quy hoạch Bắc Nam từ huyện Văn Lâm đến đường Phạm Ngũ Lão thị xã Mỹ Hào	420/NQ-HĐND ngày 7/12/2023	410.000							403.000		400.000	-	3.000		7.000				7.000			
4	Xây dựng đường quy hoạch 69m từ Phạm Ngũ Lão (ĐT.387) qua KCN Minh Đức đến Cầu Sặt (Quốc lộ 38, thị xã Mỹ Hào) Giai đoạn 1.	1137/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	260.000							255.000		250.000	-	5.000		5.000				5.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng số 1	
C	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 02 XÃ MỚI TRỞ LÊN**		**1.211.514**	**419.210**	**-**	**49.500**	**11.136**	**337.574**	**21.000**	**434.253**	**-**	**-**	**8.116**	**426.137**	**-**	**323.537**	**-**	**-**	**-**	**323.537**	**-**		
a	**Dự án hoàn thành**		**73.946**	**51.249**	**-**	**-**	**6.136**	**45.113**	**-**	**6.237**	**-**	**-**	**-**	**6.237**	**-**	**16.460**	**-**	**-**	**-**	**16.460**	**-**		
5	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Km24+625 -:- Km33+700	5606/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	45.000	36.692			6.136	30.556		5.000				5.000		3.308				3.308		UBND phường Đường Hào	
6	Cây Xanh, chiếu sáng đường ĐT.387	2026/QĐ-UBND ngày 05/5/2022; 1383/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	20.957	8.568				8.568								12.389				12.389		UBND phường Thượng Hồng	
7	Cây xanh đường Nguyễn Văn Linh (QL5) đoạn từ Km24+625 -:- Km26+980	355/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	796	796				796														UBND phường Đường Hào	
8	Cây xanh đường Nguyễn Văn Linh (QL5) đoạn từ Km26+980 -:- Km29+680	356/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	1.396	1.396				1.396														UBND phường Đường Hào	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	*2*	*7*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*36*	*37*
9	Cây xanh đ ường Nguyễn Văn Linh (QL5) đoạn t ừ Km29+680 -:- Km31+360	10285/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	758	758				758														UBND phường Thượng Hồng	
10	Cây xanh đ ường Nguyễn Văn Linh (QL5) đoạn t ừ Km31+360 -:- Km33+700	357/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	1.269	1.269				1.269														UBND phường Thượng Hồng	
11	Sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng một số tuyến đường thị xã Mỹ Hào	2972/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	1.770	1.770				1.770														UBND phường Mỹ Hào	
12	Cải tạo nâng cấp an toàn giao thông các tuyến đường trục chính đô thị năm 2021	625/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	2.000							1.237				1.237		763				763		UBND phường Mỹ Hào	
b	**Dự án đang triển khai**		**1.137.568**	**367.961**	**-**	**49.500**	**5.000**	**292.461**	**21.000**	**428.016**	**-**	**-**	**8.116**	**419.900**	**-**	**307.077**	**-**	**-**	**-**	**307.077**	**-**	**-**	**-**
13	Đường trục xã Cẩm Xá từ đường trục trung tâm đến thôn Nhuận Trạch	1804/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	110.000	54.500		49.500			5.000	37.116			2.116	35.000		18.384				18.384			
14	XD đường giao thông và kè sông Bần - Vũ Xá thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên		966.947	313.461			5.000	292.461	16.000	364.793			6.000	358.793		288.693				288.693			
15	Cây xanh cảnh quan đường Nguyễn Bỉnh và đường Đỗ Chính	989/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	14.500							14.500				14.500		-						UBND phường Mỹ Hào	
16	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ QL5 (Cầu vượt Phong Cốc) đến QL 38 (Cầu Sặt)		39.514							5.000				5.000									
17	Lập đề án phân khu 1/2000, QH chi tiết các xã phường năm 2021		6.607							6.607				6.607									

PHỤ LỤC SỐ 09

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN VĂN LÂM (TRƯỚC SẮP XẾP) ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao						Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																Chủ đầu tư	Ghi chú
										KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
										Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						Trong đó							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ				
				NS tỉnh phân bổ		NS huyện					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
				NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác																				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*29*	*30*
	TỔNG SỐ		**3.281.212**	**0**	**845.700**	**52.491**	**2.258.071**	**5.000**	**3.022.808**	**945.072**		**376.504**	**52.491**	**537.494**	**2.000**	**1.137.400**		**129.000**	**19.492**	**993.584**	**1.000**	**1.100.044**		**334.760**	**0**	**766.665**	**2.000**		
A	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 01 XÃ MỚI**		**1.518.854**		**5.500**	**35.403**	**1.353.001**	**5.000**	**1.277.110**	**376.223**		**5.500**	**35.403**	**356.737**	**2.000**	**662.461**			**10.792**	**650.669**	**1.000**	**346.429**				**347.810**	**2.000**		
1	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG**																											
a	**Dự án hoàn thành**																											
1	Xây dựng đường gom dọc quốc lộ 5 đoạn Km14+740 (T) QL.5 và cải tạo 02 nút giao tại Km14+635 (đường vào Công ty Lioa Electric)và Km14+430 (đường vào công ty Sapa Geleximico	986/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	10.816				10.816		10816	10.816				10.816													UBND xã Như Quỳnh	
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.10 huyện Văn Lâm đoạn từ Km2+350 đến Km3+550	2588QĐ-UBND ngày 16/10/2017	7.552				7.552		7552	7.552				7.552													UBND xã Như Quỳnh	
3	Cải tạo, nâng cấp đường từ Chợ Đậu, xã Lạc Đạo đến giáp địa phận tỉnh Bắc ninh	298QĐ-UBND ngày 12/10/2022	20.079				20.079		7226							7.226				7.226							UBND xã Lạc Đạo	
4	Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp đường trục thôn Đồng Xá, xã Đại Đồng	85/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2.000		2.000				2000	2.000		2.000														UBND xã Đại Đồng	
5	Hỗ trợ sửa chữa đường giao thông trục thôn Đồng Chung xã Việt Hưng (đoạn từ nhà bà tạo đến ĐH.16)	85/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2.000		2.000				2000	2.000		# # #														UBND xã Đại Đồng	
6	Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa đường giao thông đường trục thôn Đông Trại, xã Lương Tài	85/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	1.500		1.500				1500	1.500		# # #														UBND xã Đại Đồng	
7	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.385 huyện Văn Lâm (đoạn Km0+00 đến Km0+450)	3595/QĐ-UBND ngày 06/08/2019	7.694			3.000	4.694		7694	7.694			3.000	4.694													UBND xã Như Quỳnh	
	Quy hoạch																											
1	Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 -2030 huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	186/QĐ-UBND ngày 17/02/2021	1.777			941	836		1.777				941	836													UBND xã Như Quỳnh, UBND xã Lạc Đạo, UBND xã Đại Đồng	
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**								0																			
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.18 (đoạn từ khu dân cư mới TT Như Quỳnh đến trung tâm GDTX huyện)	987a/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	14.950				14.950		14.543							14.543				14.543							UBND xã Như Quỳnh	
2	Xây dựng Đường ĐH.15 kéo dài đoạn từ ĐT.380 đến ĐH.13		100.000				100.000		94.716	32.144				32.144		62.572				62.572							UBND xã Lạc Đạo	
3	Xây dựng Cầu Đậu trên đường ĐH.19 và cải tạo, nâng cấp ĐH.19 từ Cầu Đậu đến nhà văn hóa thôn Cầu		27.041				27.041		6.028							6.028				6.028							UBND xã Lạc Đạo	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao						Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																	Chủ đầu tư	Ghi chú
										KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Trong đó						Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
				NS tỉnh phân bổ		NS huyện					Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*29*	*30*
4	Đầu tư Xây dựng đường trục trung tâm huyện		380.000				380.000		380.000	4.159				4.159		121.105				121.105		254.736				254.736		UBND xã Như Quỳnh	
5	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.19 xã Lạc Đạo, huyện Văn Lam		114.400				114.400		114.400	8.878				8.878		80.000				80.000		25.522				25.522		UBND xã Lạc Đạo	
II	LĨNH VỰC HẠ TẦNG XÃ HỘI																												
a	Dự án hoàn thành																												
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Tân Quang	958/QĐ-UBND ngày 04/10/2020	6.287				6.287		6.287	6.287				6.287														UBND xã Như Quỳnh	
2	Xây dựng công viên cây xanh khu trung tâm huyện	3295/QĐ-UBND ngày 25/9/2018	17.625				17.625		17.625	17.625				17.625														UBND xã Như Quỳnh	
3	Hệ thống chiếu sáng đường ĐT.385 và trong khu dân cư mới thị trấn Như Quỳnh	78/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	14.566				14.566		14.566	14.566				14.566														UBND xã Như Quỳnh	
4	Cải tạo, nâng cấp nhà lưu niệm chi bộ Đảng huyện Văn Lâm	3704/QĐ-UBND ngày	9.740				9.740		9.740	9.740				9.740														UBND xã Lạc Đạo	
5	Cải tạo, nâng cấp trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Văn Lâm	3705/QĐ-UBND ngày	14.512				14.512		14.512	14.512				14.512														UBND xã Lạc Đạo	
6	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trường THCS Dương Phúc Tư	3722/QĐ-UBND ngày	6.963				6.963		6.963	6.963				6.963														UBND xã Như Quỳnh	
7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc huyện ủy Văn Lâm	3699/QĐ-UBND ngày 05/11/2021	14.568				14.568		14.568	14.568				14.568														UBND xã Như Quỳnh	
8	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí khu trung tâm	78QĐ-UBND ngày 14/7/2022	19.486			11.282	8.204		19.486	19.486			11.282	8.204														UBND xã Như Quỳnh	
9	Hạ ngầm đường dây trung thế 22Kv đường ĐT.385 - đoạn từ trường THCS chất lượng cao Dương Phúc Tư đến đường rẽ vào thôn Hành Lạc	4674/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	4.522				4.522		4.522	4.522				4.522														UBND xã Như Quỳnh	
10	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống vỉa hè đường ĐT.385 đoạn từ Công viên cây xanh Cầu vượt Như Quỳnh đến cầu Đình Dù	3859/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	8.579				8.579		9.298	7.445				7.445		1.853				1.853								UBND xã Như Quỳnh	
11	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống vỉa hè đường ĐT.385 đoạn từ Cầu Đình Dù đến nhà máy nước huyện Văn Lâm	3860/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	12.000			4.000	8.000		11.090	9.071			4.000	5.071		2.019				2.019								UBND xã Như Quỳnh	
12	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống vỉa hè đường ĐH.18 đoạn từ ngân hàng BIDV đến trường THCS CLC Dương Phúc Tư	3861/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	14.972				14.972		10.056	6.617				6.617		3.439				3.439								UBND xã Như Quỳnh	
13	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống vỉa hè các tuyến đường ngang trung tâm huyện	3862/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	13.994				13.994		9.298	8.522				8.522		2.454				2.454								UBND xã Như Quỳnh	
14	Hoàn thiện vỉa hè , hệ thống thoát nước (đoạn từ đường rẽ vào nghĩa trang TT Như Quỳnh đến ngã ba bưu điện huyện Văn Lâm)	3025/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	388			388			388	388			388														UBND xã Như Quỳnh	
15	Xây dựng và cải tạo nhà làm việc công an huyện Văn Lâm	969/QĐ-CAT	9.000				7.000	2.000	9.000	9.000				7.000	2.000												UBND xã Như Quỳnh	
16	Đầu tư cơ sở vật chất một số hạng mục phụ trợ trụ sở Huyện ủy Văn Lâm	85/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	14.854				14.854		14.854	14.854				14.854														UBND xã Như Quỳnh	
17	Cảnh quan nhà truyền thống huyện Văn Lâm	4649/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	2.319				2.319		2.319	2.319				2.319														UBND xã Lạc Đạo	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao						Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																	Chủ đầu tư	Ghi chú
										KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:													KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
										Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							*Trong đó*							
				Trong đó							Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ					Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ				Vốn đo tỉnh phân bổ			Vốn đo cấp huyện phân bổ				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh phân bổ		NS huyện			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
				NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác																				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	29	*30*
18	Các hạng mục phụ trợ Huyện ủy Văn Lâm	4647/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	2.896				2.896		2.896	2.896				2.896														UBND xã Như Quỳnh	
19	Hỗ trợ các xã xây dựng trụ sở làm việc công an xã		20.000				20.000		20.000	20.000				20.000														UBND xã Như Quỳnh, UBND xã Lạc Đạo, UBND xã Đại Đồng	
20	Đầu tư cở sở vật chất nhà truyền thống huyện Văn Lâm	4648/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	10.000				10.000		9.826	5.009				5.009		4.817				4.817								UBND xã Lạc Đạo	
21	Đầu tư cơ sở vật chất Trung tâm chính trị huyện Văn Lâm	4650/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	8.350				8.350		8.167	# # #				8.167														UBND xã Lạc Đạo	
22	Đầu tư xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Văn Lâm		59,59				59,59		60							60				60								UBND xã Lạc Đạo	
	Giáo dục																												
1	Mua sắm trang thiết bị phòng học ngoại ngữ cho các trường tiểu học, THCS trên địa bàn huyện theo chương trình giáo dục phổ thông mới	2418/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	16.873				16.873		16.873	16.873				16.873														UBND xã Như Quỳnh, UBND xã Lạc Đạo, UBND xã	
	Văn hóa																												
1	Đầu tư hệ thống truyền thanh thông minh trên nền tảng ứng dụng VT-CNTT cho các xã	4652/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	8.889				8.889		6.759	6.759				6.759														UBND xã Như Quỳnh, UBND xã	
2	Hỗ trợ các xã xây dựng nhà văn hóa thôn	2642/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.294				2.294		2.294	2.294				2.294														UBND xã Như Quỳnh, UBND xã	
3	Hỗ trợ tu bổ tôn tạo di tích Đình Cự Đinh, xã Việt Hưng		500				500		500	500				500														UBND xã Đại Đồng	
4	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích Đình Bơi, xã Trưng Trắc		500				500		500	500				500														UBND xã Như Quỳnh	
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích Đình Ngô Xuyên		500				500		500	500				500														UBND xã Như Quỳnh	
6	Hỗ trợ tu bổ tôn tạo di tích Đình Thục Cầu, xã Việt Hưng		500				500		500	500				500														UBND xã Đại Đồng	
7	Cải tạo khuôn viên nhà văn hóa huyện Văn Lâm		10.848				10.848		10.848					10.848															
8	Hỗ trợ tu bổ tôn tạo di tích Đền từ Vũ thờ tiến sĩ Dương Công Thụ		500				500		500							500				500								UBND xã Lạc Đạo	
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																												
	Hạ tầng xã hội																												
1	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Chỉ Đạo huyện Văn Lâm		10.100				10.100		10.100	5.837				5.837		4.263				4.263								UBND xã Lạc Đạo	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh D3 xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm		28.800				28.800		25.935	15.135				15.135		10.800				10.800						2.865		UBND xã Lạc Đạo	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao						Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																	Chủ đầu tư	Ghi chú
										KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
				Trong đó						Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						Trong đó							
				NS tỉnh phân bổ		NS huyện					Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ				Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*29*	*30*
3	Cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm Công nghiệp Minh Khai 1	986/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	17.000				17.000		14.721	624				624		14.097				13.097	1.000							UBND xã Như Quỳnh	
4	Xây dựng hạ tầng khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Chi Đạo (2)	5563/QĐ-UBND ngày 21/10/2021	92.000				92.000		92.000							92.000				92.000								UBND xã Lạc Đạo	
5	Xây dựng doanh trại ban chỉ huy quân sự huyện	2195/QĐ-UBND ngày	20.520				20.520		20.520	4.608				4.608		8.741				8.741		7.171				7.171		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
6	Xây dựng sở Chỉ huy trong căn cứ chiến đấu huyện Văn Lâm	4651/QĐ-UBND ngày	59.950				59.950		58.434							58.434				58.434						1.516		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
7	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Văn Lâm		75.000													35.000				35.000									
8	Xây dựng khu hành chính công		44.950													24.950				24.950									
	Giáo dục																												
1	Cải tạo, nâng cấp phòng Giáo dục huyện Văn Lâm	4648QĐ-UBND ngày 24/11/2023	14.980				14.980		14.980	3.371				3.371		11.609				11.609								UBND xã Như Quỳnh	
	Văn hóa																												
1	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa huyện Văn Lâm	4641QĐ-UBND ngày 24/11/2023	85.000			10.792	74.208		86.369	23.369			10.792	23.369		63.000			10.792	52.208								UBND xã Như Quỳnh	
	Quy hoạch																												
1	Quy hoạch chi tiết 1/500 khu vực phát triển đô thị Trung tâm huyện Văn Lâm (gồm TT Như Quỳnh và các xã Tân Quang, Trưng Trắc, Đình Dù, Lạc Hồng, Lạc Đạo	429/QĐ-UBND ngày 13/06/2019	21.710			5.000	16.710		16.053	16.053			5.000	11.053														UBND xã Như Quỳnh	
c	**Dự án chuẩn bị đầu tư**																												
	Quy hoạch																												
1	Quy hoạch chi tiết 1/500 khu đô thị mới Vlasta - Văn Lâm	148/NQ-HĐND ngày 23/12/2020	3.000					3.000														3.000					2.000	UBND xã Như Quỳnh	
	Hạ tầng																												
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư để đấu giá QSD đất cho nhân dân làm nhà ở xã Lương Tài		44.000				44.000															44.000				44.000		UBND xã Đại Đồng	
2	Xây dựng HTKT khu tái định cư GPMB thực hiện dự án đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội		44.950				44.950		32.950							32.950				32.950		12.000				12.000		UBND xã Như Quỳnh	
B	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA BÀN 02 XÃ MỚI TRỞ LÊN**		**585.752**			**10.629**	**575.123**		**585.752**	**152.346**			**10.629**	**141.717**		**168.318**				**168.318**		**265.088**				**265.088**			
I	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG**																												
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																												
1	Xây dựng Đường gom khu công nghiệp phía Nam đường sắt từ thị trấn Như Quỳnh đến xã Lương Tài (Phân kỳ đầu tư Giai đoạn 1: đoạn từ thị trấn Như Quỳnh đến ĐT.380)		245.273			10.629	234.644		245.273	148.803			10.629	138.174		86.896				86.896		9.574				9.574			
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.15 kéo dài từ ĐH.13 đến Cụm công nghiệp Minh Khai		301.479				301.479		301.479							50.000				50.000		251.479				251.479		BQL dự án đầu tư xây dựng số 1	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao						Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																		Chủ đầu tư	Ghi chú
										KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
																								Trong đó							
										Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao													
											Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ				Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ					Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh phân bổ		NS huyện			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác	Tổng số	NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
				Trong đó																									
				NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác																					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*29*	*30*
II	**LĨNH VỰC HẠ TẦNG**																												
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																												
1	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở huyện Văn Lâm		39.000				39.000		39.000	3.543				3.543		31.422				31.422		4.035				4.035		UBND xã Đại Đồng	
C	**DỰ ÁN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NẰM TRÊN ĐỊA**		**1.176.606**		**840.200**	**6.459**	**329.947**		**1.159.946**	**416.503**		**371.004**	**6.459**	**39.040**		**306.621**		**129.000**	**8.700**	**174.597**		**488.527**		**334.760**		**153.767**			
I	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG**																												
a	**Dự án hoàn thành**																												
1	Cải tạo, nâng cấp ĐH.15 huyện Văn Lâm (đoạn Km4+500 -Km7+050)		9.307			2.000	7.307		9.307	9.307			2.000	7.307													UBND xã Đại Đồng	
2	Đường trong cụm CN Tân Quang huyện Văn Lâm đoạn từ công ty Everpia JSC đến công ty Hữu Nghị		2.000		2.000				2.000	2.000		2.000																
3	Xây dựng tuyến ĐH.13 kéo dài đoạn từ ĐT.385 đến giáp địa phận tỉnh Bắc Ninh		35.154		18.700	4.459	11.995		35.154	35.154		18.700	4.459	11.995														
4	Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp ĐH.15 huyện Văn Lâm (đoạn từ Km 4+216 - Km9+260 theo lý trình mới)		14.350		2.500		11.850		14.350	13.836		11.850		1.986		514				514							UBND xã Đại Đồng	
5	Đường trong Cụm CN Tân Quang, huyện Văn Lâm đoạn từ Công ty Hoàng Kim Hưng đến Công ty Cao su Giải phóng		38.900		38.900				38.900	31.149		31.149										7.751		7.751			UBND xã Như Quỳnh	
6	Đường nối cụm Công nghiệp Tân Quang với QL5 (đoạn từ đường trục chính đến công ty cổ phần cơ khí công trình I)		3.000		3.000				3.000	3.000		3.000															UBND xã Như Quỳnh	
7	Cầu Đình Dù trên đường ĐH.11B, huyện Văn Lâm		9.500		9.500				6.407	6.407		6.407															UBND xã Như Quỳnh	
8	Đầu tư xây dựng công trình Đường nối khu A,B - Cụm công nghiệp Tân Quang với QL.5, huyện Văn Lâm		17.100		3.000		14.100		17.100	6.385		3.000		3.385		6.615				6.615		4.100				4.100		UBND xã Như Quỳnh	
9	Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 Đoạn Km0+450 -Km1+300 huyện Văn Lâm		14.040		6.000		8.040		14.040	4.992		4.992				8.040				8.040		1.008		1.008			UBND xã Như Quỳnh	
10	Nâng cấp, mở rộng đường nối trung tâm giáo dục thường xuyên đề ngã ba bưu điện huyện Văn Lâm		38.000		26.600		11.400		38.000	31.800		26.076		5.724						5.676		6.200				6.200		UBND xã Như Quỳnh	
b	**Dự án chuyển tiếp sang 2025**																												
1	Xây dựng đường ĐH.15 (đoạn từ Công ty Acecook đến CCN Minh Khai)		125.000		100.000		25.000		125.000	91.621		88.621		3.000		22.000				22.000		11.379		8.379		3.000		UBND xã Như Quỳnh	
2	Xây dựng Cầu Ngọc Quỳnh 2 trên đường trục thị trấn Như Quỳnh		30.000		25.000		5.000		30.000	20.268		20.268				5.000				5.000		4.732		4.732			UBND xã Như Quỳnh	
3	Đầu tư xây dựng công trình Đường nối khu di tích Quốc gia Chùa Nôm với cụm di tích Quốc gia Kinh Dương Vương, tỉnh Bắc Ninh (trên địa phận tỉnh Hưng Yên)		13.700		2.000		11.700		13.700	2.792		99		2.693		8.747				8.747		2.161				2.161		UBND xã Đại Đồng	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao						Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																Chủ đầu tư	Ghi chú
										KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:												KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao							
										Giải ngân giai đoạn 2021-2024						KH năm 2025 đã giao						*Trong đó*							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ			Tổng số	Vốn đo tỉnh phân bổ		Vốn đo cấp huyện phân bổ				
				NS tỉnh phân bổ		NS huyện					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác		
				NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác																				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*29*	*29*	*30*
4	Cải tạo, nâng cấp nút giao giữa ĐH.18 và QL.5 tại KM13+500		25.000		20.000		5.000		24.306							15.000		14.000		1.000		9.306		6.000		3.306		UBND xã Như Quỳnh	
5	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.385 đoạn từ (Km3+150 đến Km7+750)		200.000		140.000		60.000		200.000	139.331		139.331				45.000				45.000		15.669		669		15.000		UBND xã Lạc Đạo	
6	Xây dựng đường gom khu công nghiệp phía nam đường sắt từ Như Quỳnh đến Lương Tài (phân kỳ đầu tư giai đoạn 2: đoạn từ ĐT.380 đến Lương Tài), huyện Văn Lâm		485.000		350.000		135.000		485.000							120.000		100.000		20.000		365.000		250.000		115.000		BQL dự án đầu tư xây dựng số 1	
c	**Dự án chuẩn bị đầu tư**																												
	Giao thông																												
1	Đường vào khu tái định cư xã Lạc Hồng phục vụ công tác GPMB thực hiện dự án đường Vành đai 4 vùng		40.000		40.000				40.000													40.000		40.000				UBND xã Như Quỳnh	
II	**LĨNH VỰC Y TẾ**																												
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**																												
1	Nâng cấp mở rộng Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm		35.000		25.000		10.000		34.695							20.000		15.000		5.000		14.695		9.695		5.000		UBND xã Lạc Đạo	
III	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC**																												
B	**Dự án chuyển tiếp sang 2025**																												
1	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Trưng Trắc, huyện Văn Lâm		20.000		16.000		4.000		14.037	10.037		10.037				4.000				4.000								UBND xã Như Quỳnh	
2	Xây dựng nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Như Quỳnh, điểm trường thôn Ngô Xuyên		14.950		12.000		2.950		14.950	8.424		5.474		2.950								6.526		6.526		-		UBND xã Như Quỳnh	
IV	**Hỗ trợ**																												
a	**Chi hỗ trợ ngân hàng chính sách xã hội**															7.700			7.700										
b	**Chi hỗ trợ Hội Nông dân**															1.000			1.000										
c	**Thực hiện quyết toán kinh phí đã thực hiện đối với các dự án đưa ra khỏi kế hoạch đầu tư công trung hạn**		6.605				6.605									6.605				6.605									
d	**Nguồn vốn để lại để bố trí cho các công trình dự án sau khi được quyết định đầu tư**															36.400				36.400									

PHỤ LỤC SỐ 10

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN VĂN GIANG (TRƯỚC SẮP XẾP) ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh)

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																						Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao									
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							Trong đó									
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	TỔNG SỐ		**4.176.484**	**891.894**	**-**	**181.527**	**38.374**	**519.174**	**153.010**	**-**	**1.051.928**	**-**	**367.816**	**18.556**	**659.911**	**16.445**	**-**	**2.077.216**	**-**	**774.377**	**-**	**1.302.839**	**-**	**-**		
A	**DỰ ÁN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO CẤP HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**		**1.956.815**	**222.908**	**0**	**181.527**	**0**	**28.628**	**12.753**	**0**	**437.188**	**0**	**367.816**	**0**	**69.372**	**0**	**0**	**1.296.719**	**0**	**774.377**	**0**	**522.342**	**0**	**0**		
a	**Dự án hoàn thành**		**51.275**	**51.003**	**-**	**37.941**	**-**	**13.004**	**58**	**-**	**272**	**-**	**-**	**-**	**272**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường ĐH. 24, huyện Văn Giang (đoạn từ Km0+000 đến Km2+800) và đoạn từ Km4+900 đến Km7+100)	2848/QĐ- UBND ngày 27/10/2017	11.382	11.382		6.450	-	4.874	58																	
2	Cải tạo, nâng cấp ĐT.379B đoạn từ nút giao ĐT.379 đến nút giao ĐH.23, huyện Văn Giang	2759/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	39.893	39.621		31.491		8.130			272				272											
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**1.905.540**	**171.905**	**-**	**143.586**	**-**	**15.624**	**12.695**	**-**	**436.916**	**-**	**367.816**	**-**	**69.100**	**-**	**-**	**1.296.719**	**-**	**774.377**	**-**	**522.342**	**-**	**-**		
1	Xây dựng tuyến đh.22 kéo dài từ ĐH.23 đến ĐT.379	893/QĐ-UBND ngày 03/05/2024	79.840	31.359		21.679		5.200	4.480		46.003		21.302		24.701			2.478		158		2.320			UBND xã Văn Giang	
2	Cải tạo, nâng cấp ĐH.20 đoạn từ ĐT.379B đến ĐH.22, huyện Văn Giang	2475/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	53.000	42.424		40.000		2.424			2.500				2.500			8.076		-		8.076			UBND xã Nghĩa Trụ	
2	Cầu bắc qua sông Bắc Hưng Hải (kênh Kim Sơn) trên ĐH.22, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang	5132/QĐ-UBND ngày 28/05/2021; 269/QĐ-BQLDA ngày 23/10/2024	65.000	43.459		29.250		8.000	6.209		3.390				3.390			18.151		-		18.151			UBND xã Nghĩa Trụ	
4	Đường ven đê tả sông Hồng, đoạn từ đường quy hoạch B=32m tại thôn Phi Liệt, xã Liên Nghĩa đến đường quy hoạch vành đai 4 tại thôn Phú Trạch xã Mễ Sở, huyện Văn Giang	Số 2551/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	87.700	22.007		20.000			2.007		60.069		41.390		18.679			5.624		-		5.624			UBND xã Mễ Sở	
5	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Văn Giang	1847/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	50.000	23.569		23.569					19.830				19.830			6.601		1.431		5.170			UBND xã Phụng Công	
6	Đường dọc máng kênh Tây từ trạm bơm Văn Giang đến ĐH. 26	2264/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	260.000								100.000		100.000					160.000		82.000		78.000			UBND xã Nghĩa Trụ	
7	Dự án đầu tư xây dựng đường Đông Tây 1 đoạn từ ĐT.378 đến ĐT.382B	897/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	1.310.000	9.088		9.088					205.124		205.124					1.095.788		690.788		405.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng số 1	
B	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ GIAO UBND HUYỆN/BLQDA HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**		**2.219.669**	**668.986**	**-**	**-**	**38.374**	**490.546**	**140.257**	**-**	**614.740**	**-**	**-**	**18.556**	**590.539**	**16.445**	**-**	**780.497**	**-**	**-**	**-**	**780.497**	**-**	**-**		
a	**Dự án hoàn thành**		**316.779**	**311.538**	**-**	**-**	**38.374**	**260.390**	**12.965**	**-**	**5.241**	**-**	**-**	**-**	**1.490**	**3.751**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường và hệ thống thoát nước ĐH.23 đoạn từ Km0+000 đến Km1+883	3543/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	167	167				167			-														UBND xã Nghĩa Trụ	
2	Bãi tập kết rác thải xã Vĩnh Khúc	3523/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	114	114				114			-														UBND xã Nghĩa Trụ	
3	Kè mái kênh, vỉa hè sông Ngưu Giang đoạn từ đường Thanh Niên đến ĐT.379	3551/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	11.895	11.895				11.895			-														UBND xã Văn Giang	
4	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.23 (vị trí cổng làng Hòa Bình Thượng) đến đường gom ô tô cao tốc Hà Nội- Hải Phòng	3892/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	12.167	11.535				11.535			632				632											
5	Kè mái sông Ngưu Giang và chỉnh trang cảnh quan tuyến đường ĐH.23, đoạn từ máng kênh Tây đến nút giao ĐH.17	12761/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	5.254	5.254				5.254			-														UBND xã Văn Giang	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							Trong đó								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
6	Cầu bắc qua Kênh Tây trên đường ĐT; 377, xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	12762/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	10.526	10.526				10.433	93		-														UBND xã Văn Giang	
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Trung thủy nông xã Phụng Công, đoạn từ dốc đê Văn Giang (giao với ĐT.378) đến cuối khu dịch vụ xã Phụng Công	5476/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	9.123	9.051				9.051			72				72										UBND xã Phụng Công	
8	Cải tạo, nâng cấp đường vào Ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Giang	5261/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	1.589	1.589				1.568	21		-														UBND xã Văn Giang	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường và kênh tiêu từ đường Chu Mạnh Trinh (đoạn xã Liên Nghĩa) đi thôn Phù Bãi, xã Thắng Lợi	5277/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	14.805	14.196				14.196			609				609										UBND xã Mễ Sở	
10	Hệ thống chiếu sáng đường nối đường Đỗ Tông (ĐH.24) đoạn từ Đình làng Phượng Trì đến đường thanh niên kéo dài	2605/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	2.677	2.500			2.500				177				177			-							UBND xã Văn Giang	
11	Cải tạo cống luồn kênh Đông trạm bơm Văn Giang thuộc địa phận xã Long Hưng	5148/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	2.408	2.408				2.377	31																UBND xã Nghĩa Trụ	
12	Xây dựng nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Văn hóa – Truyền thanh huyện.	5146/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	5.472	5.472				5.323	149																UBND xã Văn Giang	
13	Cải tạo, nâng cấp ĐT.379B, đoạn từ nút giao ĐH.23 đến nút giao ĐH.20, huyện Văn Giang.	12760/QĐ-UBND ngày 09/12/2021; 1951/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	33.728	33.728				33.482	247																UBND xã Phụng Công	
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Trung Thủy Nông từ dốc đê Văn Giang đến giáp xã Văn Đức, thành phố Hà Nội, (giao với đường vành đai 3,5 quy hoạch) - giai đoạn 1	6517/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	21.217	21.217				21.217																	UBND xã Phụng Công	
15	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.24 (đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Long Hưng đến đình làng thôn Ngọc Bộ)	3891/QĐ-UBND ngày 27/10/2020; 2604/QĐ-UBND ngày 23/02/2021; 984/QĐ-UBND ngày 28/2/2023	10.210	10.210			6.000	4.210																	UBND xã Nghĩa Trụ	
16	Cải tạo, nâng cấp đường và hệ thống thoát nước ĐH.23, đoạn từ Km3+839 đến Km5+806.	3545/QĐ-UBND ngày 28/10/2019;	1.097	1.097				1.097																	UBND xã Văn Giang	
17	Cải tạo, mở rộng đường nối ĐH.24 (thông Ngọc Bộ) với ĐT.379	3544/QĐ-UBND ngày 28/10/2019; 112/QĐ-UBND ngày 20/1/2020	8.610	8.610				8.610																	UBND xã Nghĩa Trụ	
18	Chỉnh trang vòng xuyến nút giao ĐT.379 với ĐT.379B, huyện Văn Giang	14151/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	8.764	8.764				3.764	5.000																UBND xã Văn Giang	
19	Cải tạo, mở rộng đường nối ĐH.24 (thôn Phượng Trì) với ĐT.379	3550/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	2.891	2.891				2.891																	UBND xã Văn Giang	
20	Cải tạo, mở rộng cầu Sở Đông bắc qua kênh Tây đường ĐH.26, thôn Sở Đông, xã Long Hưng	3528/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	756	756				756																	UBND xã Nghĩa Trụ	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																							Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao									
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							Trong đó									
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
21	Cải tạo, nâng cấp đường nối ĐT.377 với ĐT.378 (1 đoạn thuộc tuyến đường ĐH.25) huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	6514QĐ-UBND ngày 09/12/2020	17.313	17.313				17.313																	UBND xã Văn Giang	
22	Cải tạo, nâng cấp đường nối ĐH.24 với ĐH.23 thôn Ngọc Bộ, xã Long Hưng	12629/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	5.146	5.146				5.146	192																UBND xã Nghĩa Trụ	
23	Nâng cấp đường vào Khu nhà truyền nhiễm - Trung tâm y tế huyện Văn Giang	5260/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	859	859				848	11																UBND xã Phụng Công	
24	Cải tạo, nâng cấp đường Dương Quảng Hàm (ĐH.26) đoạn từ nút giao ĐT.377 đến đường Chu Mạnh Trinh (ĐH.25)	5145/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	5.229	5.229				5.229																	UBND xã Văn Giang	
25	Cải tạo cống Cầu Chùa và một số hạng mục công trình đầu mối trạm bơm Văn Giang, thuộc địa phận xã Cửu Cao	Quyết định 5147/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	3.396	3.396				3.351	44																UBND xã Phụng Công	
26	Tu bổ, tôn tạo đền thờ liệt sỹ huyện Văn Giang	13063/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	18.169	18.169			7.734	10.000	435																UBND xã Văn Giang	
27	Xử lý sạt trượt mái taluy âm đường Trung Thủy Nông, xã Phụng Công, huyện Văn Giang	5444/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	5.444	1.693					1.693		3.751					3.751									UBND xã Phụng Công	
28	Hệ thống chiếu sáng đường Lê Văn Lương (ĐH.22) đoạn từ đường Phó Đức Chính (ĐH.23) đến ĐT.200.	5253/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	10.280	10.280			4.360	5.920																		
29	Cải tạo, nâng cấp ĐT.379B, đoạn từ nút giao ĐT378 đến nút giao ĐT.379, huyện Văn Giang	12759/QĐ-UBND ngày 09/12/2021; 1950/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	36.028	36.028				35.772	255																	
30	Hệ thống chiếu sáng ĐH.23, đoạn từ ĐT.379B đến nút giao ĐH.22	12626/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	11.018	11.018			3.300	7.718																		
31	Đề án công nhận đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV	5505/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	536	536					536		0															
32	Hệ thống chiếu sáng ĐH.26, đoạn từ ĐH.23 đến ĐT.377 và hệ thống đèn tín hiệu giao thông nút giao ĐH.24 và ĐH.26	12628/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	8.272	8.272			3.300	4.972			0															
33	Hệ thống chiếu sáng đường Chu Mạnh Trinh (ĐH.25), đoạn từ đường ĐT.379 đến giáp xã Bình Minh, huyện Khoái Châu	5140/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	8.600	8.600				5.100	3.500		0															
34	Cải tạo, nâng cấp đường và hệ thống thoát nước ĐH.23 đoạn từ Km1+883 đến Km3+839	3527/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	823	823				823																		
35	Hệ thống chiếu sáng ĐH.24, đoạn từ nút giao ĐT.379 đến đình thôn Ngọc Bộ, xã Long Hưng	12627/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	5.119	5.119			3.300	1.819																		
36	Chỉnh trang tuyến đường ĐT.379B, huyện Văn Giang từ ĐT.378 đến đường Tô Hiệu (ĐH.20)	250/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	13.759	13.759			5.000	8.000	759																	
37	Hệ thống chiếu sáng đường Trung Thủy Nông đoạn từ ĐT.378 đến giáp xã Văn Đức, huyện Gia Lâm	5254/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	3.320	3.320			2.880	440																		

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																							Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao									
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							Trong đó									
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
b	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2025**		**1.582.761**	**357.343**	-	-	-	**230.156**	**127.187**	-	**359.201**	-	-	**6.000**	**351.307**	**12.694**	-	**593.393**	-	-	-	**593.393**	-	-		
1	Đường Thanh Niên kéo dài đến ĐH.26	5361/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	144.690	9.195				9.195			45.000				45.000			90.495				90.495			UBND xã Vân Giang	
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.377, đoạn từ nút giao với đường ĐT.379B đến xã Tân Tiến, huyện Văn Giang (vị trí tiếp giáp với xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu)	1936/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	485.000	172.138				138.506	33.632		60.000				60.000			252.862				252.862			UBND xã Vân Giang	
3	Cải tạo, nâng cấp đường vùng bãi Xuân Quan - Phụng Công	2603/QĐ-UBND ngày 27/05/2024	58.100	18.000					18.000		31.764				31.764			8.336				8.336			UBND xã Phụng Công	
4	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.379B, đoạn từ ĐT.378 (địa phận xã Xuân Quan) đến ngã tư Kim Lan Văn Đức	2604/QĐ-UBND ngày 27/05/2024	50.300	14.710					14.710		29.270				29.270			6.320				6.320			UBND xã Phụng Công	
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	12766/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	90.088	1.079					1.079		5.000				5.000			84.009				84.009			Nghĩa Trụ	
6	Chỉnh trang tuyến đường ĐT.379, huyện Văn Giang từ ĐT.379B đến giáp huyện Khoái	4559/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	14.994	13.177					13.177		1.365				1.365			452				452			Văn Giang	
7	Sửa chữa nhà khách, nhà ăn Huyện ủy-UBND huyện Văn Giang	4620/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	4.800	4.000					4.000		370				370			430				430			Phụng Công	
8	Hệ thống chiếu sáng đường Đỗ Tông (ĐH.24), đoạn từ Đình làng Kim Ngưu, xã Tân Tiến đến ĐT.377	4940/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	5.490	4.843					4.843		281				281			366				366			Văn Giang	
9	Chỉnh trang cảnh quan khu vực ngã ba giao giữa ĐT.379B và đường Phó Đức Chính, thôn Như Lân, xã Long Hưng, huyện Văn Giang	5015/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	10.546	3.047					3.047		9.944				9.944			- 2.444				- 2.444			Nghĩa Trụ	
10	Xây dựng vườn hoa khu vực Đền thờ liệt sỹ huyện Văn Giang	4395/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	2.597	2.125	-	-	-	-	2.125	-	156	-	-	-	156	-	-	316	-	-	-	316	-	-	UBND xã Vân Giang	
11	Cải tạo, sửa chữa nhà hiệu bộ, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ trường THPT Dương Quảng Hàm	3914/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	10.600	7.600	-	-	-	-	7.600	-	2.315	-	-	-	2.315	-	-	685	-	-	-	685	-	-	UBND xã Vân Giang	
12	Sửa chữa cấp bách các tuyến đê bối bị vỡ, sạt lở mái do ảnh hưởng bởi bão số 3 và mưa lũ năm 2024 thuộc địa bàn xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang	5442/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	2.691	797	-	-	-	-	797	-	1.894	-	-	-	-	1.894	-	-	-	-	-	-	-	-	UBND xã Vân Giang	
13	Xây dựng nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ trường THPT Văn Giang	5352/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	14.426	4.444	-	-	-	-	4.444	-	6.983	-	-	-	6.983	-	-	2.999	-	-	-	2.999	-	-	Xã Phụng Công	
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Phú Thị, xã Mễ Sở(giáp xã Bình Minh, huyện Khoái Châu)	Số 5009/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	14.000	2.753					2.753		7.700				7.700			3.547				3.547			UBND xã Mễ Sở	
15	Sửa chữa cấp bách các tuyến đê bối bị vỡ, sạt lở mái do ảnh hưởng bởi bão số 3 và mưa lũ năm 2024 thuộc địa bàn xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang	Số 5443/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	144.690	364					364		769				769			- 144.167				- 144.167			UBND xã Vân Giang	
16	Đường Thanh niên kéo dài từ ĐH.26 đến ĐT.377	Số 5360/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	243.558	37.756				29.756	8.000		74.000				74.000			131.802				131.802			UBND xã Vân Giang	
17	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá làm nhà ở TTVG	9519/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	78.275	1.625				1.625			15.000				15.000			61.649				61.649			UBND xã Vân Giang	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																						Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:														KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao									
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024							KH năm 2025 đã giao							Trong đó									
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
18	Hạ tầng khu đấu giá làm nhà ở xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	174/NQ-HĐND ngày 11/6/2024	69.807															69.807				69.807			UBND xã Văn Giang	
19	Đường trục chính khu ở đô thị trung tâm huyện Văn Giang	1523/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	77.000	38.117				38.117			15.114				15.114			23.769				23.769			UBND xã Văn Giang	
18	Xây dựng trụ sở làm việc Công An xã Thắng Lợi										6.000			6.000				8.900				8.900			UBND xã Mễ Sở	
20	Đầu tư trang thiết bị lắp đặt hệ thống truyền thanh thông minh tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Văn Giang	4939/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	13.290	6.654	-	-	-	-	6.654	-	7.191	-	-	-	7.191	-	-	- 555	-	-	-	- 555	0	0	Văn Giang	
21	Xây dựng hệ thống chiếu sáng ĐT.379 đoạn từ PVF đến hết địa phận huyện Văn Giang	4396/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	8.159	-	-	-	-	-	-	-	8.159	-	-	-	8.159	-	-	-	-	-	-	-	0	0	Văn Giang	
22	Các công trình chỉnh trang nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã	Số 5137/QĐ-UBND ngày 12/1/2024	25.369	682					682		30.872				30.872	10.800		- 6.185				- 6.185			Nghĩa Trụ	
23	Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh huyện Văn Giang	Số 5263/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	14.291	14.237				12.957	1.280		54				54			-							UBND xã Văn Giang	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**		320.129	104	-	-	-	-	104	-	250.298	-	-	12.556	237.742	-	-	187.104	-	-	-	187.104	-	-		
1	Đường thanh niên kéo dài từ ĐT.377 đến đường Vành Đai 4- Vùng Thủ Đô	4083/QĐ-UBND ngày 24/7/2024	126.645								55.000				55.000			71.645				71.645			UBND xã Văn Giang	
2	Sở chỉ huy cơ bản trong căn cứ chiến đấu thuộc khu vực phòng thủ huyện Văn Giang (CBA-23)	3077/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	70.336	104					104		41.302				41.302			28.929				28.929				
3	Đường vào khu tái định cư thôn Vĩnh An, xã Vĩnh Khúc	5341/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	55.300								34.770				34.770			20.530				20.530			UBND xã Nghĩa Trụ	
4	Xây dựng Nhà kỹ thuật nghiệp vụ, Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản và Nhà đại thể Trung tâm y tế huyện Văn Giang	872/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	42.000								35.800				35.800			6.200				6.200			UBND xã Phụng Công	
5	Cải tạo, nâng cấp cống qua đường Chu Mạnh Trinh trên kênh Đồng Phan, xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên		2.600								2.600				2.600										UBND xã Mễ Sở	
6	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu thôn Lương, tiêu ra ao Lão, xã Vĩnh Khúc		2.150								2.150				2.150										UBND xã Nghĩa Trụ	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh nhánh ĐQ 5-2, xã Liên Nghĩa (từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường đi thôn Phù Bải, xã Thắng Lợi), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên		2.350								2.350				2.350										UBND xã Văn Giang	
8	Cải tạo, nâng cấp cống tiêu qua sông Đồng Quê thôn Phi Liệt, xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên		1.800								1.800				1.800										UBND xã Văn Giang	

TT	Đơn vị/Dự án	Quyết định đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn và hằng năm vào ngân sách cấp tỉnh																					Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH trung hạn 2021-2025 đã giao, trong đó:							KH năm 2025 đã giao							KH vốn trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giao								
				Giải ngân giai đoạn 2021-2024														Trong đó								
				Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã	Tổng số	Vốn do tỉnh phân bổ		Vốn do cấp huyện phân bổ			NS xã		
					NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			NSTW	NS tỉnh	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Tăng thu kết dư, vốn khác			
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh nhánh KT7 (từ ĐT.379 đi Ấp Bá Khê, xã Tân Tiến), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên		1.950								1.950				1.950										UBND xã Văn Giang	
10	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ khu dân cư nông thôn tại Thôn 1, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	194/NQ-HĐND ngày 23/9/2024	4.488								4.488				4.488										Phụng Công	
11	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ khu dân cư nông thôn tại thôn Đa Phúc, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	196/NQ-HĐND ngày 23/9/2024	3.030								3.030				3.030										UBND xã Văn Giang	
12	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ khu dân cư nông thôn tại thôn Hạ, xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	195/NQ-HĐND ngày 23/9/2024	4.599								4.599				4.599										UBND xã Phụng Công	
13	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ khu dân cư nông thôn tại thôn Phù Thượng, xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	197/NQ-HĐND ngày 23/9/2024	2.880								2.880				2.880										Mễ Sở	
14	Trồng cây xanh tạo cảnh quan và tổ chức các điểm trưng bày hoa, cây cảnh và các sản phẩm làng nghề dọc tuyến đường liên tỉnh Hà Nội- Hưng Yên đoạn từ vòng xuyến (giao với ĐT.379B) đến cổng chào Văn Giang.	4542/QĐ-UBND ngày 15/8/2024									11778			5.200	6.578			25800				25800			Văn Giang	
15	Kè, chỉnh trang cảnh quan hồ thực phẩm trên địa bàn thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang	4628/QĐ-UBND ngày 15/9/2024									45800			7.356	38.444			34000				34000			Văn Giang	

PHỤ LỤC SỐ 11

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA THÀNH PHỐ THÁI BÌNH ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách thành phố đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số, ngày tháng quyết định phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
	Tổng số		**5.775.796**	**3.895.694**	**2.360.993**	**917.200**	**13.555**	**863.140**	**0**	**40.505**		
I	**Dự án hoàn thành đã quyết toán**		**1.740.490**	**1.141.989**	**955.840**	**40.167**	**7.000**	**28.606**	**0**	**4.561**		
1	Cầu qua sông 3/2 trên tuyến đường Kỳ Đồng kéo dài và Nạo vét sông 3/2 (đoạn từ Chợ cầu Nề đến sông Kiến Giang), thành phố Thái Bình	Số 771 ngày 31/3/2016	24.924	294	294						UBND Phường Trần Lãm	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
2	Cải tạo, nâng cấp, cải tạo đường Doãn Khuê, xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình (đoạn từ khu dân cư xã Vũ Phúc đến giáp xã Trung An, huyện Vũ Thư)	Số 220 ngày 21/6/2019	10.525	7.882	7.882						UBND Phường Vũ Phúc	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
3	Đường Trần Lãm (đoạn từ cụm Công nghiệp Trần Lãm đến đê Trà Lý)	Số 1244 ngày 15/4/2020	5.601	2.401	2.401						UBND Phường Trần Lãm	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
4	Cải tạo, sửa chữa dường Chu Văn An - đoạn từ cầu Chu Văn An đến đường Phan Bá Vành	Số 3434 ngày 13/9/2021	17.459	16.695	16.695						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
5	Nút thắt giao thông đường Chu Văn An (giáp đường Trần Lãm), thành phố Thái Bình	Số 3960 ngày 02/10/2021	18.128	18.128	14.029						UBND Phường Trần	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
6	Cải tạo sửa chữa đường Ngô Thì Nhậm	Số 3648 ngày 17/9/2021	24.910	24.910	19.630						UBND Phường Trần Lãm	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
7	Cải tạo, nâng cấp lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Lê Đại Hành (Từ Lê Quý Đôn đến Lý Bôn)	Số 3434 ngày 24/8/2022	25.581	26.000	18.949						UBND Phường Trần Lãm	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
8	Cải tạo, nâng cấp lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Nguyễn Trãi (Đoạn thuộc địa phận Thành phố Thái Bình)	Số 2700 ngày 27/6/2022	26.333	26.838	17.723						UBND Phường Vũ Phúc	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
9	Cải tạo, nâng cấp lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Lý Thái Tổ (Đoạn từ Lý Thường Kiệt đến đường Chu Văn An)	Số 3433 ngày 24/8/2022	41.881	42.500	30.326						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
10	Cải tạo, nâng cấp lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Trần Thánh Tông (Đoạn từ Lý Thường Kiệt đến Lê Quý Đôn)	Số 3537 ngày 12/9/2022	8.374	10.500	7.138						UBND Phường Thái Bình	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
11	Cầu Phạm Thế Hiển (Nối đường Phạm Thế Hiển)	Số 2460 ngày 12/7/2023	7.218	15.000	6.631						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
12	Cầu Phan Bội Châu (Nối đường Phan Bội Châu)	Số 1119 ngày 04/11/2022	13.619	15.000	11.431						UBND Phường Thái Bình	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách thành phố đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số, ngày tháng quyết định phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
13	Cầu Máy Miến	Số 4220 ngày 27/10/2022	5.734	6.869	5.057						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
14	Đường nối từ đường Trần Phú đến đường Phạm Thế Hiển (giáp công viên phía Nam thuộc công viên 30-6)	Số 853 ngày 11/4/2022	3.047	4.500	2.931						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
15	Cải tạo, nâng cấp cầu Lương Thực	3543/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	3.131	3.131	2.767	267		267			UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
16	Hệ thống thoát nước chỉnh trang khu dân cư tuyến nắn cải Cầu Bo, thôn Duy Tân xã Hoàng Diệu, TP TB	Số 904 ngày 4/9/2007	1.407	7	7						UBND Phường Trà Lý	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
17	Hạ tầng kỹ thuật khu đân cư HTX thủy tinh Hồng Quang, thành phố Thái Bình	Số 3626 ngày 15/10/2008	1.411	38	37						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã quyết toán giai đoạn 1; còn vướng mắc GPMB nên chưa thực hiện phần còn lại
18	Xây dựng, cải tạo vỉa hè đường Trần Thái Tông và một số tuyến phố, thành phố Thái Bình	Số 2688 ngày 26/7/2019	66.148	1.814	114						UBND Phường Thái Bình	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
19	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tiếp giáp khu tái định cư Đồng Lôi và khu đất còn lại của quy hoạch khu tái định cư Đồng Lôi	Số 5939 ngày 30/10/2015	86.724	15.917	7.164	2.414		2.414			UBND Phường Trần Lãm	
20	HTKT khu dân cư Ao Chiến Thắng tại phường Trần Hưng Đạo	Số 2712 ngày 30/6/2022	65.189	67.935	29.439	912		912			UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
21	HTKT khu dân cư, TĐC và công trình công cộng xã Phú Xuân (26ha)	Số 3628/QĐ-UBND ngày 25/12/2012	267.444	40.152	26.029	8.134		4.200		3.934	UBND Phường Trần Hưng Đạo	
22	Các hạng mục còn lại khu dân cư, tái định cư và công trình công cộng xã Phú Xuân	Số 3757 ngày 7/11/2023	13.708	14.990	12.200	4.300		4.300			UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
23	Cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ một số vị trí trên địa bàn thành phố.	Số 730 ngày 20/3/2023	4.806	5.000	2.856						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
24	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đường Quang Trung (đoạn từ Cổng Trắng đến cầu Chu Văn An) và cải tạo, sửa chữa lan can đường Hùng Vương (đoạn từ nút giao Phúc Khánh đến hết địa phận thành phố Thái Bình)	Số 4184 ngày 4/12/2023	11.521	15.000	10.720	2.420		2.420			UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
25	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè phố Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Kỳ Đồng đến phố Lý Thường Kiệt) và đường Kỳ Đồng (đoạn từ đường Quang Trung đến phố Trần Hưng	3107/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	36.388	37.921	32.856	12.856	7.000	5.856			UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
26	Khu dân cư, tái định cư và công trình công cộng phường Trần Lãm	Số 297 ngày 6/2/2013	47.618	942	942	28		28			UBND Phường Trần Lãm	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
27	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư xã Phú Xuân tại lô đất N01, N03, N04	Số 5941 ngày 18/12/2011	37.747	857	857	627				627	UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã quyết toán giai đoạn 1; còn vướng mắc GPMB nên chưa thực hiện phần còn lại
28	Trường THCS Trần Phú, thành phố Thái Bình	Số 5752 ngày 30/10/2017	21.150	114	114						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách thành phố đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số, ngày tháng quyết định phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
29	Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo	Số 5784 ngày 31/10/2017	41.584	15.000	3.145						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
30	Trường Tiểu học Quang Trung, thành phố Thái Bình	Số 1245 ngày 15/4/2020	14.443	7.713	6.755						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
31	Trường Mầm non khu A phường Trần Lãm	Số 3608 ngày 12/10/2020	30.400	24.123	24.034						UBND Phường Trần Lãm	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
32	Trường Mầm non khu B phường Kỳ Bá	Số 1834 ngày 8/6/2021	14.372	14.372	13.538						UBND Phường Trần Lãm	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
33	Trường THCS Minh Thành	Số 3866 ngày 4/10/2020	28.094	28.094	27.038						UBND Phường Thái Bình	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
34	Trường THCS Trần Lãm	Số 3945 ngày 27/9/2021	8.527	8.527	8.113						UBND Phường Trần Lãm	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
35	Trường Tiểu học Kim Đồng	Số 3704 ngày 23/9/2021	11.671	11.671	10.714						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
36	Trường THCS Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình	Số 4421 ngày 15/11/2021	33.182	33.182	32.222	34		34			UBND Phường Trà Lý	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
37	Nhà đa năng và phòng họp khu hiệu bộ trường THCS Lương Thế Vinh, thành phố Thái Bình	Số 4056 ngày 30/10/2019	8.544	3.534	2.681						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
38	Trường Tiểu học Hoàng Diệu	Số 4697 ngày 30/11/2021	21.143	21.143	19.305						UBND Phường Trà Lý	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
39	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	Số 4264 ngày 2/11/2022	14.875	14.875	13.504						UBND Phường Thái Bình	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
40	Trường tiểu học Tiền Phong, thành phố Thái Bình	Số 2576 ngày 4/8/2023	35.007	32.248	32.248						UBND Phường Thái Bình	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ; vốn XSKT kéo dài
41	Trường Tiểu học Phúc Khánh	Số 3129 ngày 5/8/2022	33.737	33.290	31.370	342		342			UBND Phường Vũ Phúc	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
42	Công viên phía Bắc thuộc công viên 30-6, khu đô thị Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình	Số 1805 ngày 1/6/2021	12.825	1.393	716						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
43	Hồ Ty Diệu, thành phố Thái Bình	Số 5987 ngày 28/12/2022	109.906	104.291	104.291	187		187			UBND Phường Thái Bình	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
44	Công viên Kỳ Bá, thành phố Thái Bình	Số 2478 ngày 8/7/2023	118.092	118.094	105.581	1.320		1.320			UBND Phường Trần Lãm	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách thành phố đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số, ngày tháng quyết định phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
45	Dự án xử lý cấp bách một số tuyến kè sạt lở và cứng hóa mặt đê tại những điểm xung yếu thuộc tuyến đê Tả Trà Lý đoạn qua thành phố Thái Bình	Số 3001 ngày 26/8/2020	45.577	29.577	28.697						UBND Phường Trà Lý	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
46	Kè chỉnh trang mái đê đoạn qua khu vực Quảng trường Thái Bình và cứng hóa mặt đê từ cầu Quảng trường K32+200 đến cống qua đê Sa Lung K33+330 thuộc tuyến đê tả Trà Lý, thành phố Thái Bình	5146 ngày 22/12/2021	14.492	14.492	13.065						UBND Phường Trà Lý	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
47	Kè nạo vét, kè bờ phần còn lại sông Đoan Túc (sông Trần Thủ Đô)	Số 2804/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	9.991	9.500	7.000						UBND Phường Trần Hưng Đạo	
48	Cải tạo, sửa chữa trụ sở HĐND và UBND thành phố Thái Bình (giai đoạn 1)	3647/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	1.169	49	21						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
49	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Thành ủy	Số 5043 ngày 5/12/2021	4.632	6.180	5.091						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
50	Đầu tư xây dựng, nâng cấp nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố	Số 1899 ngày 11/6/2021	4.035	4.035	3.760						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
51	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc khối cơ quan sự nghiệp thành phố	Số 3165 ngày 29/9/2023	3.327	3.327	3.050						UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
52	Cải tạo nâng cấp vỉa hè, lòng đường hệ thống thoát nước đường Bồ Xuyên (từ Lý Thường Kiệt đến Lê Quý Đôn) và đường Đỗ Lý Kiêm (từ Bồ Xuyên đến Lê Thánh Tông)	Số 3758 ngày 07/11/2023	14.885	17.648	14.150	5.150		5.150			UBND Phường Thái Bình	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
53	Đường và kè bờ sông Sa Lung thuộc tổ 42, 43, 44 phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình	Số 5145/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	14.233	14.569	13.799						UBND Phường Trà Lý	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
54	Trường mầm non Hoa Sen	số 1644/QĐ-UBND ngày 12/5/2020	7.647	5.250	4.692						UBND Phường Vũ Phúc	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
55	Trường Mầm non khu A phường Bồ Xuyên	số 4419/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	8.774	3.361	2.748						UBND Phường Thái Bình	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
56	Trường Tiểu học Kỳ Bá	QĐ số : 582/UBND ngày 08/03/2019; QĐ BS số: 4742/UBND ngày 11/12/2019	13.064	2.667	2.667						UBND Phường Trần Lãm	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
57	HTKT khu TĐC Đồng Lôi (HM chưa thực hiện)	Số 6021 ngày 30/10/2015	6.673	668	0						UBND Phường Trần Lãm	
58	HTKT khu dân cư tổ 7 phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình	Số 4780 ngày 31/10/2018	11.013	10.038	10.038	1.020		1.020			UBND Phường Vũ Phúc	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách thành phố đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số, ngày tháng quyết định phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
59	Cải tạo sửa chữa trụ sở HĐND và UBND thành phố	Số 1178 ngày 26/4/2023	8.785	8.786	7.792	156		156			UBND Phường Trần Hưng Đạo	Hoàn thành thành toán nợ; đang trình phê duyệt quyết toán
60	Đường Ngô Quyền (đoạn còn lại đến đường Lý Thường Kiệt)	Số 3408/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	114.824	114.824	113.142						UBND Phường Trần Lãm	
61	Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước thuộc phần điều chỉnh khu dân cư, tái định cư xã Vũ Đông, TP. Thái Bình	Số 3969/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	644	47	46						UBND Phường Trần Lãm	
62	Hệ thống rãnh tiêu thoát nước khu dân cư tổ 4, tổ 5, tổ 7 phường Hoàng Diệu	Số 1888/QĐ-UBND ngày 07/6/2019	6.061	660	529						UBND Phường Trà Lý	
63	Cải tạo, sửa chữa HTKT cụm công nghiệp Trần Lãm	Số 4122/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	3.348	3.348	3.000						UBND Phường Trần Lãm	
64	Trường Mầm non khu B, phường Hoàng Diệu	Số 1138B/QĐ-UBND ngày 16/4/2018	13.183	78	78						UBND Phường Trà Lý	
II	**Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán**		**289.239**	**159.997**	**136.724**	**13.863**	**0**	**13.863**				
1	HTKT khu dịch vụ, dân cư, TĐC và CTCC phường Trần Lãm, phường Kỳ Bá, TPTB	Số 763 ngày 27/4/2012	109.031	4.700	1.000						UBND Phường Trần Lãm	Vướng mắc giải phóng mặt bằng
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại khu đất Trường Tiểu học Phúc Khánh, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình	Số 1589 ngày 15/5/2024	7.692	8.782	5.960	960		960			UBND Phường Vũ Phúc	Hoàn thành thành toán nợ; chưa phê duyệt quyết toán
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại khu đất Công ty CP xe tơ Thái Bình, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình	Số 1582 ngày 14/5/2024	12.195	14.202	9.499	2.499		2.499			UBND Phường Vũ Phúc	Hoàn thành thành toán nợ; chưa phê duyệt quyết toán
4	Xây dựng trạm y tế phường Trần Lãm, thành phố Thái BÌnh	Số 5663 ngày 8/12/2024	7.353	4.340	2.598	2.190		2.190			UBND Phường Trần Lãm	Hoàn thành thành toán nợ; chưa phê duyệt quyết toán
5	Trường Tiểu học Trần Lãm (khu B), thành phố Thái Bình	Số 3137 ngày 26/7/2024	20.447	14.300	13.456	7.818		7.818			UBND Phường Trần Lãm	Hoàn thành thành toán nợ; chưa phê duyệt quyết toán
6	HTKT khu dân cư tại khu đất sân thể thao tổ 14 phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình	Số 3994/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	5.598	5.598	5.598						UBND Phường Trần Lãm	
7	Đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn còn lại đến đường Lý Bôn), thành phố Thái Bình	Số 4088 ngày 31/10/2019	79.218	79.218	71.447	276		276			UBND Phường Trần Lãm	Hoàn thành thành toán nợ; đang trình phê duyệt quyết toán
8	Nhà lớp học 4 tầng 16 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường THCS Lương Thế Vinh, thành phố Thái Bình	Số 4781 ngày 3/12/2021	21.367	21.367	19.676	120		120			UBND Phường Trần Hưng Đạo	Đã phê duyệt Quyết toán và hoàn thành thanh toán nợ
9	HTKT khu dân cư và các CTCC tại tổ 40 P.Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình	5380/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	26.337	7.490	7.490						UBND Phường Trà Lý	Hoàn thành thành toán nợ; đang trình phê duyệt quyết toán
III	**Dự án đang thực hiện chuyển tiếp sáng năm 2025**		**756.800**	**732.620**	**426.653**	**207.103**	**0**	**207.103**				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách thành phố đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số, ngày tháng quyết định phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	Đường đến trung tâm xã Vũ Đông (từ đường Trần Lãm qua thôn Tam Lạc xã Vũ Lạc đến xã Vũ Đông), thành phố Thái Bình	Số 5002 ngày 9/12/2021	67.116	67.116	58.410	15.000		15.000			UBND Phường Trần Lãm	Công trình đang vướng GPMB. Thực hiện bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 1
2	Cải tạo đường Lê Quý Đôn đoạn từ đường Trần Thái Tông đến đường Trần Thủ Độ	1982/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	52.153	32.154	13.200	2.000		2.000			UBND Phường Thái Bình	Dự án đang báo cáo UBND tỉnh không thực hiện GPMB và thi công theo
3	Đường Nguyễn Tông Quai (đoạn từ đường Lý Bôn đến đường quy hoạch số 1), phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình	Số 5055 ngày 16/11/2022	43.607	50.000	26.644	12.000		12.000			UBND Phường Trần Lãm	Giá trị GPMB chưa chi trả tạm ghi vào Kluong là 8.091 triệu đồng
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH 15 từ cầu Kìm đến hết địa phận xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình	Số 229 ngày 02/2/2023	112.855	166.000	59.000	21.000		21.000			UBND Phường Trần Lãm	Giá trị GPMB chưa chi trả tạm ghi vào Kluong là 3.426 triệu đồng
5	Đường QH số 2 thuộc QH Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình	Số 4051/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14.579	12.279	6.664	4.200		4.200			UBND Phường Trần Hưng Đạo	
6	HTKT khu dân cư tại khu đất giáp khu TĐC khu công nghiệp TBS Sông Trà, xã Tân Bình, thành phố Thái Bình	Số 983 ngày 03/4/2024	143.733	149.123	59.147	35.000		35.000			UBND Phường Thái Bình	Dự án đang thi công phần có mặt bằng
7	HTKT khu dân cư tại khu đất nông nghiệp thôn Thanh Miếu, xã Vũ Phúc (đối diện Trạm Y Tế), thành phố Thái Bình	Số 1190 ngày 27/4/2023	75.716	75.720	58.278	37.048		37.048			UBND Phường Vũ Phúc	Dự án đang thi công
8	HTKT nhóm nhà ở tại xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình (giáp trường tiểu học xã Đông Mỹ)	Số 1270 ngày 05/4/2022	75.233	75.233	75.233	36.755		36.755			UBND Phường Trà Lý	
9	HTKT khu dân cư, tái định cư phường Kỳ Bá - Quang Trung (3,2ha)	Số 6329/QĐ-UBND ngày 13/11/2015	42.995	3.932	3.000						UBND Phường Trần Lãm	Kinh phí GPMB
10	HTKT khu dân cư xã Tân Bình (giáp đất quy hoạch mở rộng trường Tiểu học xã Tân Bình)	1690 ngày 07/3/2024	44.578	51.957	37.075	25.000		25.000			UBND Phường Thái Bình	
11	HTKT khu dân cư và nhà văn hóa tổ 18 tại khu đất giáp đường Bùi Sỹ Tiêm, phường Tiền Phong, TP. Thái Bình	3110 ngày 03/8/2022	2.538	2.539	2.137	2.100		2.100			UBND Phường Thái Bình	
12	Hạ tầng kỹ thuật khu dịch vụ, dân cư, tái định cư xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình (giai đoạn 2)	Số 3963/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND thành phố	54.697	19.568	13.065	10.000		10.000			UBND Phường Trần Lãm	
13	Dự án Hầm trung tâm Sở chỉ huy cơ bản khu vực phòng thủ thành phố Thái Bình	Số 01/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	27.000	27.000	14.800	7.000		7.000			UBND Phường Vũ Phúc	
IV	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**930.477**	**979.528**	**533.728**	**358.150**	**6.555**	**350.853**		**742**		
1	HTKT khu dân cư khu đất giáp trường THPT Nguyễn Thái Bình xã Vũ Chính	Số 5608 ngày 12/12/2022	354.858	396.303	215.550	155.500		155.500			UBND Phường Trần Lãm	Vốn ứng NS thành phố thực hiện nộp tiền phát triển đất trồng lúa là 3.471,264 tr đ
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư thôn Lạc Chính (trước cửa Bệnh viện Lao), xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình	Số 4554 ngày 27/12/2023	151.029	156.400	76.143	40.000		40.000			UBND Phường Trần Lãm	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách thành phố đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số, ngày tháng quyết định phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Trung Nghĩa xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình	Số 53 ngày 15/1/2025	149.976	133.553	73.600	40.000		40.000			UBND Phường Trà Lý	
4	HTKT khu dân cư xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình (tại 2 khu đất nông nghiệp giáp đường Long Hưng và đường Võ Nguyên Giáp gần nút giao tuyến tránh S1)	Số 851 ngày 11/4/2023	240.716	267.772	145.585	100.000		100.000			UBND Phường Trà Lý	Tổng mức giai đoạn 1
5	Cải tạo, nâng cấp lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Thái Bình	Số 4641 ngày 21/11/2024	20.278	15.000	12.850	12.650	6.555	5.353		742	UBND Phường Thái Bình	Dự án đang thi công, vốn XHH 742
6	Cải tạo, nâng cấp lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Trần Thánh Tông (đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến Cầu Cống trắng)	Số 3116 ngày 21/4/2025	13.621	10.500	10.000	10.000		10.000			UBND Phường Trần Hưng Đạo	
V	**Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, sắp triển khai**		**2.044.320**	**870.084**	**303.411**	**297.917**	**0**	**262.715**		**35.202**		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và các công trình công cộng tại tổ 4 (tổ 7 cũ), phường Phú khánh, thành phố Thái Bình (Phần còn lại)	Số 961 ngày 29/3/2024	122.580	132.680	35.847	35.000		35.000			UBND Phường Vũ Phúc	
2	Trường THCS Đông Hòa	Số 132/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	56.110	37.974	7.065	6.865		6.865			UBND Phường Trà Lý	Dự án chưa được phê duyệt
3	Đường Trần Phú kéo dài (đoạn qua khu dân cư thôn Đại Lai xã Phú Xuân), thành phố Thái Bình	Số 380 ngày 14/01/2022	103.069	104.825	5.200	5.000		5.000			UBND Phường Trần Hưng Đạo	
4	Đường Lê Quý Đôn kéo dài (phía Nam)	Số 95/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	361.998	1.500	1.500						UBND Phường Trần Lãm	Dự án chưa được phê duyệt
5	Đường Trần Lãm (từ Lý Bôn đến cầu Sam)	Số 3951 ngày 01/10/2024	303.473	250.000	166.100	165.000		165.000			UBND Phường Trần Lãm	
6	Đường Võ Nguyên Giáp kéo dài đến Quốc Lộ 39	Số 66/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	169.850	1.500	1.170	422				422	UBND Phường Trà Lý	Dự án chưa được phê duyệt
7	HTKT khu dân cư tại khu đất 02 bên đường vào trung tâm chữa bệnh-giáo dục-lao động xã hội thành phố (giáp khu dân cư HTX sông trà	số 3581 ngày 14/5/2025	47.222	4.812	850	850		850			UBND Phường Trần Lãm	Căn cứ QĐ thay đổi chủ trương đầu tư
8	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại khu đất nông nghiệp giáp sông Bạch, xã Phú Xuân	5800 ngày 31/12/2024	196.819	110.000	35.000	35.000		35.000			UBND Phường Trần Hưng Đạo	
9	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Sa Cát, phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình	3453 ngày 20/8/2024	31.013	31.013	15.900	15.000		15.000			UBND Phường Trà Lý	
10	Cầu qua sông Vĩnh Trà nối đường Hoàng Công Chất (Cống Trắng), thành phố Thái Bình	Số 513/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	36.923	15.000	9.000	9.000				9.000	UBND Phường Trần Hưng Đạo	
11	Dự án đầu tư xây dựng Cầu qua sông 3-2 (nối đường Kỳ Bá với đường Ngô Quyền)	Số 514/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	36.923	10.000	5.000	5.000				5.000	UBND Phường Trần Lãm	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách thành phố đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số, ngày tháng quyết định phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
12	Dự án Cải tạo, nâng cấp lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước phố Đào Nguyên Phổ, thành phố Thái Bình	Số 3584/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	6.228	66	66	66				66	UBND Phường Thái Bình	
13	Dự án Khu cây xanh công viên tại Khu tái định cư Trần Lãm (Khu A), tổ 22, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình	Số 3582/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	15.517	150	150	150				150	UBND Phường Trần Lãm	
14	Dự án Khu cây xanh công viên tại Khu tái định cư Trần Lãm (Khu B), tổ 22, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình	Số 3583/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	11.024	120	120	120				120	UBND Phường Trần Lãm	
15	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại tổ 8, phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình (giáp nút giao đường QH số 7 với đường Long Hưng)	Số 136/NQ-HĐND ngày 19/12/2024	202.448	20.000	10.000	10.000				10.000	UBND Phường Trà Lý	
16	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu tại khu đất phía Đông đường Võ Nguyên Giáp, xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình	Số 137/NQ-HĐND ngày 19/12/2024	266.501	150.000	10.000	10.000				10.000	UBND Phường Trà Lý	
17	Dự án Đường 10C đoạn từ đường Long Hưng đến đê Trà Lý, phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình	Số 3585/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	56.643	268	268	268				268	UBND Phường Trà Lý	
18	Dự án Cải tạo, sửa chữa đường xã Đông Hòa đi xã Đông Thọ đoạn từ đường tuyến tránh quốc lộ 10 đến đường ĐH52, thành phố Thái Bình	Số 3586/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	19.978	176	176	176				176	UBND Phường Trà Lý	
VI	**Dự án đang dừng thực hiện**		**14.470**	**11.475**	**4.637**							
1	Đề án các xã lên phường	Số 3954 ngày 30/9/2021	6.696	3.700	3.700						UBND Phường Thái Bình	Dừng thực hiện
2	Đề án thành lập 08 phường thuộc thành phố Thái Bình	Số 347 ngày 13/2/2023	7.775	7.775	937						UBND Phường Thái Bình	Dừng thực hiện

PHU LỤC SỐ 12

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN THÁI THỤY QUẢN LÝ ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 743 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		Tổng số KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã phê duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Tổng KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	Nguồn Xổ số kiến thiết	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
	TỔNG SỐ		**2.555.168**	**1.614.128**	**1.451.769**	**432.173**	**26.601**	**329.831**	**-**	**75.741**	**-**	
A	**DỰ ÁN CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**		**85.986**	**6.974**	**5.974**	**1.937**	**-**	**1.937**	**-**	**-**	**-**	
I	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**		**53.994**	**5.037**	**4.037**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Xử lý khẩn cấp đê cửa sông hữu hóa đoạn từ K2+900 đến K7+000, huyện Thái Thụy	1406; 07/6/2017 và 1701; 18/6/2019	17.281	1.700	1.700	-	-	-	-	-	UBND xã Đông Thụy Anh	
2	Xử lý nạo vét và gia cố mái bờ sông N2, huyện Thái Thụy	2018; 18/8/2021	14.491	1.000	-	-	-	-	-	-	UBND xã Đông Thụy Anh	
3	Xử lý cấp bách kè Thiên Kiều thuộc đê cửa sông Tà Trà Lý, đoạn từ K3+040 đến K4+000, huyện Thái Thụy	1418; 17/6/2021	12.725	1.000	1.000	-	-	-	-	-	UBND xã Nam Thái Ninh	
4	Dự án Xử lý cấp bách kè bảo vệ phía sông đê Hữu Hóa đoạn từ K20+165 đến K20+575 thuộc địa phận xã Thụy Hưng và đoạn từ K24+840 đến K25+330 thuộc địa phận xã Thụy Việt, xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy	1641; 29/7/2022	9.497	1.337	1.337	-	-	-	-	-	UBND Xã Bắc Thụy Anh	
III	**Dự án đang triển khai thực hiện**		**31.992**	**1.937**	**1.937**	**1.937**	**-**	**1.937**	**-**	**-**		
1	Đầu tư xây dựng kè bảo vệ đê phía sông, đoạn từ K0+350 đến K00+750 và đắp tôn cao, hoàn thiện mặt cắt đê từ K0+400 đến K2+000 đê cửa sông Hữu Hóa, xã Thụy Quỳnh, huyện TT	2081; 06/12/2024	31.992	1.937	1.937	1.937	-	1.937	-	-	UBND Xã Bắc Thụy Anh	
B	**DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**		**2.469.182**	**1.607.154**	**1.445.795**	**430.236**	**26.601**	**327.894**	**-**	**75.741**		
I	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**		**936.407**	**422.066**	**415.386**	**19.827**	**-**	**17.922**	**-**	**1.905**		
1	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung Hợp tác xã Thụy Việt	6252; 26/12/2022	11.685	4.800	3.590	90	-	90	-	-	UBND Xã Bắc Thụy Anh	
2	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung Hợp tác xã Thụy Dân	6031; 26/12/2022	10.810	3.800	3.410	110	-	110	-	-	UBND xã Tây Thụy Anh	
3	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung Hợp tác xã Thụy Duyên	6251; 26/12/2022	12.648	4.000	3.298	98	-	98	-	-	UBND xã Nam Thụy Anh	
4	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung Hợp tác xã Thuần Thành	1706; 19/6/2023	10.590	3.029	3.029	2.029	-	2.029	-	-	UBND xã Nam Thái Ninh	
5	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung Hợp tác xã Thụy Quỳnh	3261; 15/11/2023	11.300	3.535	3.811	1.811	-	1.535	-	276	UBND Xã Bắc Thụy Anh	
6	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Thụy Chính	3478; 01/12/2023	10.090	3.000	2.904	2.904	-	2.781	-	123	UBND xã Tây Thụy Anh	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		Tổng số KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã phê duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Tổng KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	Nguồn Xổ số kiến thiết	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
7	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Thái Thụy (GĐ 1)	4457; 31/12/2019 và 5950; 31/12/2021	71.086	42.830	40.384	5	-	-	-	5	UBND Xã Thái Thụy	
8	Trung tâm hội nghị và Trung tâm bồi dưỡng chính trị	989; 18/3/2013	105.033	2.329	2.329	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp 0 Giáo dục thường xuyên (GĐII)	2783; 19/7/2018	23.623	5.203	5.203	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
10	Bến xe khách phía nam, huyện Thái Thụy, hạng mục: Các hạng mục hạ tầng.	2229; 22/9/2017	5.201	4.083	4.083	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
11	Đền thờ Liệt sỹ huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	2321; 2709/2017	116.539	15.103	15.103	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
12	Đường ĐH.87 đoạn từ ngã ba ông Đinh đến chợ Bái xã Thái An, huyện Thái Thụy	5449; 29/11/2021	14.334	13.733	13.786	55	-	-	-	55	UBND xã Thái Thụy	
13	Xây dựng cầu Đen trên đường ĐH.87	5443; 29/11/2021	14.697	13.963	13.825	99	-	99	-	-	UBND xã Thái Thụy	
14	Xây dựng cầu Cơ Giới (Km0 + 960) trên đường ĐH.98, huyện Thái Thụy	3879; 18/10/2022	14.753	14.080	14.133	1.512	-	1.512	-	-	UBND xã Thái Thụy	
15	Xây dựng cầu Chiều trên đường ĐH.93F, huyện Thái Thụy	5789; 22/12/2021	14.896	14.238	14.262	1.268	-	1.157	-	111	UBND xã Thái Thụy	
16	Sửa chữa đường trục xã Thụy Duyên (GĐII)	391; 24/3/2016	1.135	84	84	-	-	-	-	-	UBND xã Nam Thụy Anh	
17	Sửa chữa đường trục xã Thụy Duyên (GĐI)	2093; 18/9/2015	1.164	108	108	-	-	-	-	-	UBND xã Nam Thụy Anh	
18	Chỉnh trang thị trấn Diêm Điền lên đô thị loại IV, hạng mục: Cải tạo vỉa hè tuyến đường 3/2 từ cổng ngoại Trình đến ngã 4 Diêm Điền	4015; 31/10/2018	9.628	160	160	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
19	Sửa chữa đường ĐH.86 đoạn qua xã Thụy Ninh	2613; 10/11/2017	1.235	587	587	-	-	-	-	-	UBND xã Tây Thụy Anh	
20	Đường liên xã Thụy Dũng - Thụy Quỳnh	2296A; 22/9/2017	9.915	1.605	1.605	-	-	-	-	-	UBND xã Đông Thụy Anh	
21	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường cách mạng tháng 8 (đoạn từ tòa án nhân dân huyện đến Quốc lộ 37), huyện Thái Thụy	3950; 18/10/2018	13.869	2.829	2.806	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
22	Đường ĐH.87 đoạn từ cầu Cau đến ngã ba ô Đinh, xã Thái Hưng	4006; 30/10/2018	14.129	1.057	1.097	-	-	-	-	-	UBND xã Thái Ninh	
23	Đường ĐH.93A đoạn từ Quốc lộ 37 đến UBND xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy.	3989; 31/10/2019	10.647	7.452	7.432	-	-	-	-	-	UBND Xã Bắc Thụy Anh	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		Tổng số KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã phê duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Tổng KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	Nguồn Xổ số kiến thiết	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
24	Chỉnh trang thị trấn Diêm Điền lên đô thị loại IV, hạng mục: Vỉa hè thị trấn Diêm Điền, đoạn từ ngã tư Diêm Điền đến đê biển (đường ĐT.461)	3990; 31/10/2019	8.263	2.478	2.478	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
25	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.92 đoạn xã Thụy Xuân, Thụy Trường	3988; 29/10/2018	39.704	11.445	11.445	-	-	-	-	-	UBND xã Đông Thụy Anh	
26	Đường ĐH.90 từ xã Thụy Văn đến xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy	3989; 29/10/2018	38.870	14.378	14.378	-	-	-	-	-	UBND Xã Bắc Thụy Anh	
27	Xây dựng Cầu Dừa trên đường ĐH.93D, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy	5442; 29/11/2021 và [illegible]	13.833	13.731	13.731	-	-	-	-	-	UBND xã Đông Thái Ninh	
28	Nạo vét kênh trục cấp III xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy	5796; 24/12/2021	3.498	3.325	3.455	132	-	132	-	-	UBND xã Đông Thụy Anh	
29	Nạo vét và xây dựng công trình trên sông trục Sông N308, xã Thụy Văn; sông N3 xã Thụy Sơn, Thụy Phúc; sông Sơn Dương xã Thái Sơn, Thái Dương; sông 31 xã Thái Sơn, Thái Giang; sông cửa làng Thái Hồng, xã Thái Hồng, hạng mục: Nạo vét và xây dựng công trình trên sông N3	3620A; 1609/20109	3.686	1.764	1.764	-	-	-	-	-	UBND Xã Bắc Thụy Anh	
30	Cống Giải Cờ xã Thái Thuần; Cống thắng xã Thái Hà và Mặt cầu Xá Thị xã Thụy Hưng	2371A; 04/10/2017	1.796	607	607	-	-	-	-	-	UBND xã Thụy Anh	
31	Trạm bơm Thụy Dân, xã Thụy Dân	1835; 11/7/2016	2.488	301	301	-	-	-	-	-	UBND xã Tây Thụy Anh	
32	Nạo vét và và xây dựng công trình trên kênh Nam Cường, xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy	5798; 24/12/2021	5.996	5.883	5.883	-	-	-	-	-	UBND xã Tây Thái Ninh	
33	Cải tạo hạ tầng vùng Ba Đạc 80, vùng thủy sản Thái Hồng	5794; 24/12/2021	6.799	6.460	5.938	-	-	-	-	-	UBND xã Bắc Thái Ninh	
34	Nạo vét, xây dựng công trình trên kênh trục cấp III xã Hòa An, huyện Thái Thụy	5793; 24/12/2021	6.000	5.823	5.923	-	-	-	-	-	UBND xã Thái Ninh	
35	Nạo vét và kè nhánh kênh Cầu Dừa, huyện Thái Thụy	5797; 24/12/2021	5.999	5.764	5.964	-	-	-	-	-	UBND xã Đông Thái Ninh	
36	Nạo vét và xây dựng công trình vùng thủy sản Thụy Xuân - Thụy Trường, huyện Thái Thụy	5795; 24/12/2021	6.000	5.946	5.946	-	-	-	-	-	UBND xã Đông Thụy Anh	
37	Hạ tầng khu dân cư tại lô đất ở đô thị OĐT08B thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy	1148; 08/4/2021 và 1365; 27/4/2022	85.894	74.935	74.998	63	-	-	-	63	UBND Xã Thái Thụy	
38	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật chợ đầu mối, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, hội trợ, triển lãm, trung tâm hội nghị huyện tại khu vực Đồng Miễu, xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy	4064; 25/10/2012	87.550	7.081	6.764	217	-	217	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
39	Khu tái định cư thị trấn Diêm Điền (xã Thụy Hà cũ) để thực hiện dự án tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình trên địa bàn huyện Thái Thụy	36; 12/01/2021	14.324	13.066	13.066	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		Tổng số KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã phê duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Tổng KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	Nguồn Xổ số kiến thiết	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
40	Khu tái định cư thuộc dự án tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình (địa điểm khu số 01, thôn Đoài, xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy).	222; 26/2/2019	3.287	2.966	2.919	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
41	Khu tái định cư thuộc dự án tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình Địa điểm khu số 03, thôn Đông, xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy	223; 26/2/2019	2.096	1.912	1.859	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
42	Khu tái định cư thuộc dự án tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình, địa điểm: Thôn Bích Đoài, xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy	4284; 30/12/2018	7.046	6.749	6.749	-	-	-	-	-	UBND xã Thái Ninh	
43	Khu tái định cư thuộc dự án tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình, địa điểm: Thôn Sơn Thọ, xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy	4125; 03/12/2018	14.425	13.530	13.530	-	-	-	-	-	UBND xã Thái Ninh	
44	Hạ tầng khu tái định cư xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy	315; 16/02/2022	22.681	22.681	21.547	2.862	-	2.862	-	-	UBND xã Thái Thụy	
45	Công trình chiến đấu Hầm ngầm Trung tâm Sở chỉ huy thuộc Sở chỉ huy cơ bản trong Khu vực phòng thủ huyện Thái Thụy	4126; 07/10/2021	14.999	14.249	14.905	2.689	-	2.689	-	-	UBND Xã Bắc Thụy Anh	
46	Lắp đặt hệ thống thiết bị Camera giao thông của Công an huyện Thái Thụy phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn giao thông đảm bảo an ninh chính trị cho toàn huyện Thái Thụy (GĐII + III)	5145A; 24/12/2020	2.227	1.974	1.974	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
47	Lắp đặt hệ thống thiết bị camera giám sát trật tự an ninh khu vực thôn, tổ dân phố cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Thái Thụy, phục vụ công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, gìn giữ trật tự an toàn giao thông đảm bảo an ninh chính trị cho toàn huyện Thái Thụy	5706; 08/12/2021	14.730	13.994	12.817	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
48	Lắp đặt hệ thống Camera an ninh trên địa bàn huyện	3642A; 18/9/2019	2.455	582	582	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
49	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư ven QL.37 thị trấn Diêm Điền (Lô OĐT014A), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	3892; 24/10/2022	398	391	391	-					UBND Xã Thái Thụy	
50	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở thương mại khu đất Trung tâm Văn hóa Thể thao (cũ) và nhà thiếu nhi huyện Thái Thụy	1664; 09/6/2023	476	458	458	34		34			UBND Xã Thái Thụy	
51	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư xã Thụy Trường huyện Thái Thụy	234; 31/1/2024	260	256	256	106		106			UBND xã Đông Thụy Anh	
52	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư thôn Tân Cường, xã An Tân, huyện Thái Thụy	322; 28/02/2024	256	252	252	52		52			UBND xã Đông Thụy Anh	
53	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư thôn Kim Thành, xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy	333; 29/02/2024	183	180	180	80		80			UBND xã Tây Thái Ninh	
54	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư thôn Tân Tiến, xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	323;28/02/2024	182	179	179	79		79			UBND xã Đông Thái Ninh	
55	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Thượng Phúc Xanh, xã Thụy Sơn, huyện Thái Thụy	2954; 11/10/2024	161	146	146	76		76			UBND xã Thụy Anh	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		Tổng số KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã phê duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Tổng KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	Nguồn Xổ số kiến thiết	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
56	Quy hoạch chung đô thị mới Thụy Trường, huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình đến năm 2040	2006; 13/9/2022	2.609	2.507	2.507	1.326		1.326			UBND xã Đông Thụy Anh	
57	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Thái Ninh huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đến năm 2035	2009; 22/9/2022	1.779	1.639	1.639	539		539			UBND xã Thái Ninh	
58	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tổ hợp nhà ở, dịch vụ thương mại và vui chơi giải trí tại xã Dương Hồng Thủy huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	1726; 26/6/2023	529	506	506	-		-			UBND xã Bắc Thái Ninh	
59	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư thôn Tân Phương, xã An Tân, huyện Thái Thụy	734; 12/4/2024	180	173	173	109		109			UBND xã Đông Thụy Anh	
60	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư phục vụ các dự án trên địa bàn huyện tại thôn Trà Hồi, xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	1368; 23/5/2024	216	198	198	126		126			UBND Xã Thái Thụy	
61	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ /500 Khu Trung tâm hội nghị; văn hóa thể thao, dịch vụ tổng hợp và nhà ở khu Đồng Miễu, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy	1365; 23/5/2025	258	234	234	84		84			UBND Xã Thái Thụy	
62	Dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu nhà ở hai bên sông Gú tại thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy	3258; 14/11/2023	1.272	1.272	1.272	1.272				1.272	UBND Xã Thái Thụy	
63	Quy hoạch thị trấn Diêm Điền lên đô thị loại IV	3163; 16/9/2015	1.800	169	169	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
64	Lập QH xây dựng vùng huyện	845; 29/3/2019	2.195	274	274	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
II	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**		**137.447**	**100.592**	**123.475**	**61.090**	**-**	**56.690**	**-**	**4.400**		
1	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Thái Thụy (giai đoạn II) - Hạng mục: Nhà thi đấu đa năng, bể bơi ngoài trời và các hạng mục phụ trợ	3191; 22/8/2022	59.717	26.735	35.388	15.388	-	15.388	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
2	ĐH.93 xã Thụy Trình - Hồng Dũng	1974; 24/6/2022	29.912	28.428	29.916	7.031	-	7.031	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
3	Cầu Thanh Phần, xã Sơn Hà, thuộc đường ĐH.97, huyện Thái Thụy	1439; 25/5/2023	21.765	20.677	25.677	15.677	-	12.277	-	3.400	UBND xã Tây Thái Ninh	
4	Cầu Đồng Nhân trên đường ĐH.93B, xã Thuần Thành, huyện Thái Thụy	671; 17/4/2023	14.953	14.206	20.706	14.206	-	14.206	-	-	UBND xã Nam Thái Ninh	
5	Nạo vét và xây dựng kênh thoát nước từ kênh N2 đến cống Thu Cúc, xã Thụy Hưng	1718; 22/6/2023 và 3051;	5.050	4.798	6.040	4.540	-	3.540	-	1.000	UBND xã Thụy Anh	
6	Nạo vét và xây dựng công trình trên kênh dẫn cấp III, xã Thuần Thành	1719; 22/6/2023 và 2936;	6.050	5.748	5.748	4.248	-	4.248	-	-	UBND xã Nam Thái Ninh	
III	**DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2025**		**1.395.328**	**1.007.896**	**871.075**	**349.319**	**26.601**	**253.282**	**-**	**69.436**		
1	Xây dựng tuyến đường quy hoạch số 5 từ đê sông Diêm Hộ đến đường quy hoạch số 2, huyện Thái Thụy (GĐ1)	4126; 07/10/2021	132.203	120.203	88.931	18.000	3.652	12.348	-	2.000	UBND Xã Thái Thụy	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		Tổng số KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã phê duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Tổng KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	Nguồn Xổ số kiến thiết	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
2	Xây dựng tuyến Đường QH số 02 (đoạn từ tuyến đường bộ ven biển đến đường tỉnh ĐT.461), huyện Thái Thụy	5166; 10/11/2021	194.877	142.683	149.568	55.043	6.900	30.600		17.543	UBND Xã Thái Thụy	
3	Đường ĐH.95B xã Thụy Phúc - Thụy Hưng	706; 07/4/2022	35.979	17.158	17.159	3.566	-	3.566	-	-	UBND xã Thụy Anh	
4	Đường ĐH.90 Thụy Việt – Thụy Ninh	2007; 30/6/2022	55.047	52.295	56.495	9.158	-	8.658	-	500	UBND Xã Bắc Thụy Anh	
5	ĐH.95 Thụy Phong – Thụy Ninh	2006; 30/6/2022	104.832	99.700	99.024	19.765	-	8.265	-	11.500	UBND xã Nam Thụy Anh	
6	ĐH.93B vào UBND xã Thuần Thành	2885; 26/7/2022	43.294	41.164	50.429	15.577	-	13.737	-	1.840	UBND xã Nam Thái Ninh	
7	Chỉnh trang, nâng cấp đường ĐH.94 đoạn qua khu dân cư Hồ Đội, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy	1776; 03/6/2022	26.441	25.216	28.285	16.720	-	14.720	-	2.000	UBND Xã Thái Thụy	
8	Đường ĐH.96 Dương Phúc đi Thụy Duyên, huyện Thái Thụy (GĐI)	1949; 20/6/2022	40.443	38.421	35.426	14.700	-	14.700	-	-	UBND xã Thụy Anh	
9	Đường ĐH.87 đoạn từ ngã ba chợ Phố đến ngã tư cầu Cau, huyện Thái Thụy	1975; 24/6/2022	43.507	41.391	44.333	15.403	-	12.403	-	3.000	UBND xã Bắc Thái Ninh	
10	Nâng cấp phố Hoa Diêm và đường vào dự án khu nhà ở thương mại (lô ODT019), thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy	2235; 08/8/2024	95.359	10.000	30.000	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
11	Đường vào thôn Trà bồi, xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy (đường vào khu Nhà ở xã hội, KCN Liên Hà Thái	2224; 02/8/2024	39.729	-	-	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
12	Đường ĐH.93A Thụy Quỳnh - Thụy Bình, huyện Thái Thụy	1587; 05/6/2023	89.672	85.189	30.348	30.348	6.000	24.348	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
13	Đường ĐH.90A đoạn từ cầu Giành xã Thụy Văn - Bờ hồ xã Dương Phúc, huyện Thái Thụy	1485; 30/5/2023	23.223	22.062	21.110	14.610	-	14.610	-	-	UBND Xã Bắc Thụy Anh	
14	Đường ĐH.96 Dương Phúc đi Thụy Duyên, huyện Thái Thụy (giai đoạn 2)	1949; 20/6/2022	47.726	45.391	40.140	19.940	5.149	7.191	-	7.600	UBND xã Thụy Anh	
15	Đường ĐH.86 Thụy Chính - Thụy Ninh, huyện Thái Thụy	1450; 29/5/2023	70.493	66.968	64.727	44.091	4.900	27.685	-	11.506	UBND xã Tây Thụy Anh	
16	Đường Liên xã Thái Xuyên - Tân Học, huyện Thái Thụy	1941; 01/7/2024	13.291	14.127	14.127	6.027	-	6.027	-	-	UBND xã Đông Thái Ninh	
17	Đường ĐH.90 kéo dài (đoạn từ kênh N2 đến đê sông Hóa), xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy.	3588; 15/12/2023	14.858	14.144	14.444	4.144	-	4.144	-	-	UBND xã Thụy Anh	
18	Đường ĐH.95D từ Quốc lộ 37 xã Thụy Trình đi xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy.	3950; 15/12/2023	14.792	14.062	16.052	4.052	-	4.052	-	-	UBND Xã Thái Thụy	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		Tổng số KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã phê duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Tổng KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	Nguồn Xổ số kiến thiết	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
19	Đường ĐH.90 kéo dài (đoạn từ ngã ba Thụy Việt đến đê sông Hóa), xã Thụy Việt	1903; 24/6/2024	9.516	9.341	14.840	9.040	-	9.040	-	-	UBND Xã Bắc Thụy Anh	
20	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Hòa An đi Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy	3090; 11/11/2024	14.535	7.100	4.390	4.390	-	-	-	4.390	UBND xã Thái Ninh	
21	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.95A đoạn từ đường tỉnh ĐT.455 đến ngã tư thôn Hóa Tài, xã Thụy Duyên, huyện Thái Thụy	3131; 13/11/2024	13.758	10.100	6.400	6.400	-	100	-	6.300	UBND xã Nam Thụy Anh	
22	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.90 đoạn từ Quán Đố xã Thụy Hưng đến đường ĐH.86 xã Thụy Ninh, huyện Thái Thụy	3831; 31/12/2024	55.238	20.270	-	-	-	-	-	-	UBND xã Tây Thụy Anh	
23	Hạ tầng điểm dân cư tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên (cũ) thôn Bao Hàm, xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy	3794; 05/10/2018	11.450	11.450	7.403	2.000	-	2.000	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
24	Hạ tầng Khu tái định cư ven QL.37 thị trấn Diêm Điền (lô ODT014A), huyện Thái Thụy	3294; 22/11/2023	33.923	33.931	20.088	18.988	-	18.988	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
25	Hạ tầng khu tái định cư thôn Kim Thành, xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy	2326; 29/8/2024	14.775	8.100	8.100	8.100	-	8.100	-	-	UBND xã Tây Thái Ninh	
26	Hạ tầng khu tái định cư thôn Tân Phương, xã An Tân, huyện Thái Thụy	3431; 29/11/2024	9.749	8.000	8.000	8.000	-	8.000	-	-	UBND xã Đông Thụy Anh	
27	Hạ tầng khu tái định cư thôn Tân Tiến, xã Thái Đô, huyện Thái Thụy	3804; 31/12/2024	14.890	8.100	-	-	-	-	-	-	UBND xã Đông Thái Ninh	
28	Hạ tầng khu tái định cư thôn Trà Hồi, xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy	819; 14/3/2025	69.284	18.000	-	-	-	-	-	-	UBND Xã Thái Thụy	
29	Hạ tầng khu tái định cư thôn Tân Cường, xã An Tân, huyện Thái Thụy	924; 21/3/2025	20.497	8.100	493	493	-	-	-	493	UBND xã Đông Thụy Anh	
30	Hạ tầng khu tái định cư xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy	923; 21/3/2025	40.141	15.230	264	264	-	-	-	264	UBND xã Đông Thụy Anh	
31	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư ven tuyến đường bộ ven biển và Quốc lộ 37B, huyện Thái Thụy	1317; 29/4/2025	1.806	-	500	500				500	UBND xã Thái Ninh	
IV	**Hỗ trợ các xã**			**76.600**	**35.859**	-	-	-	-	-		
a	**NĂM 2021 :QĐ 5151/QĐ-UBND ngày 25/12/2020**											
1	Trường THCS xã Thụy Việt				1.500						UBND Xã Bắc Thụy Anh	
2	Trạm Y tế xã Thụy Dân				900						UBND xã Tây Thụy Anh	
3	Hỗ trợ xã Thụy Trình xây dựng bờ kè sông dẫn và nâng cấp mặt đường trong khu dân cư xã Thụy Trình				3.000						UBND Xã Thái Thụy	-
b	**NĂM 2022: QĐ 5898 ngày 31/12/2021 và 6402 ngày 30/12/2022**				-							
1	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Thụy Dân	160; 02/10/2021	5.390		1.000						UBND xã Tây Thụy Anh	
2	Trường Mầm non xã Thái Hưng, HM: Nhà hiệu bộ	91A; 26/11/2021	3.794		500						UBND xã Thái Ninh	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		Tổng số KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã phê duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Tổng KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	Nguồn Xổ số kiến thiết	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
3	Trường Tiểu học và THCS xã Thụy Việt, HM: Lấp trũng lán xe, cổng, tường bao, nhà bảo vệ	53; 20/4/2021	5.147		1.000						UBND Xã Bắc Thụy Anh	
4	Hỗ trợ xã Thụy Liên (Thu hồi tạm ứng)				1.359						UBND Xã Thái Thụy	
5	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Thái Đô (đoạn từ chợ Bóp đến ngã ba thôn Đông Hải)	15A; 30/6/2021	6.655		460						UBND xã Đông Thái Ninh	
6	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường trục xã từ ngõ ông Giám đến quán ông Chuyền cũ, xã Thụy Duyên, huyện Thái Thụy	303; 17/11/2021	2.164		500						UBND xã Nam Thụy Anh	
7	Trụ sở UBND xã Thụy Ninh, huyện Thái Thụy, hạng mục: Các hạng mục phụ trợ	146A; 05/11/2021	6.661		1.000						UBND xã Tây Thụy Anh	
8	Cải tạo các hạng mục xung quanh Khu Lưu niệm lãnh tụ Nguyễn Đức Cảnh	NQ số 18; 19/11/2021	50.779		5.000						UBND Xã Thái Thụy	
9	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Thái Phúc, hạng mục: Nhà làm việc 3 tầng	59; 20/12/2018	5.814		2.000						UBND xã Bắc Thái Ninh	
10	Trường Mầm non xã Thái Hưng, hạng mục: Nhà hiệu bộ	91A; 26/11/2021	3.794		500						UBND xã Thái Ninh	
11	Xây dựng bờ kè sông dân và nâng cấp mặt đường trong khu dân cư xã Thụy Trình (GĐI)	08; 29/01/2021	6.767		2.000						UBND Xã Thái Thụy	
12	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Thái Đô (đoạn từ chợ Bóp đến ngã ba thôn Đông Hải)	14A; 30/6/2021	6.655		2.540						UBND xã Đông Thái Ninh	
c	**NĂM 2023: QĐ 3702 ngày 29/12/2023 và 6268 ngày 26/12/2022**				-							
1	Nhà làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy	106a; 22/11/2021	14.274		2.000						UBND xã Đông Thái Ninh	
2	Xây dựng cống bản Tân Minh, xã Thụy Duyên, huyện Thái Thụy	176; 08/11/2022	3.537		2.000						UBND xã Nam Thụy Anh	
3	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Thụy Dân	160; 02/10/2021	5.390		600						UBND xã Tây Thụy Anh	
4	Trường Tiểu học và THCS Thái Đô, hạng mục: Nhà học 2 tầng 8 phòng học	63; 25/11/2022	6.231		3.000						UBND xã Đông Thái Ninh	
5	Sửa chữa nâng cấp đường xã Thụy Liên (đoạn từ đường tỉnh ĐT.456 đến cầu ông Phúc -Thôn An Lệnh xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy)	85; 28/10/2022	3.469		3.000						UBND Xã Thái Thụy	
6	Nhà văn hóa thôn Quang Lang Đoài, xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy	28/NQ-HĐND; 28/7/2022	4.250		2.000						UBND Xã Thái Thụy	

PHỤ LỤC SỐ 13

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN QUỲNH PHỤ QUẢN LÝ ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
	TỔNG SỐ		**6.286.285**	**2.499.547**	**2.495.675**	**902.660**	**24.168**	**878.492**				
I	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**		**2.463.441**	**2.057.596**	**2.053.725**	**518.718**	**5.000**	**513.718**				
1	ĐH 73 từ Cầu Vật đi An Tràng	1930/QĐ-UBND, ngày 1/4/2019	20.793	3.010	3.010						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
2	Trụ sở HĐND-UBND huyện Quỳnh Phụ		468	468	468						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
3	SC tuyến đường ĐH,83 Quỳnh Trang, đường Đh,82 Quỳnh Xá, Đường từ huyện đội vào UBND Q.Hồng	986/QĐ-UBND ngày 12/2/2019	17.571	2.744	2.744						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
4	Sửa chữa, nâng cấp TT Văn hóa thể, thao	2898/QĐ-UBND ngày 03/6/2019	6.724	1.335	1.335						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
5	Sửa chữa, nâng cấp sân vận động	2899/QĐ-UBND ngày 03/6/2019	6.292	1.323	1.323						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
6	Đường ĐH.74 đoạn từ đường ĐT.396B đến đường ĐT.455	6429/QĐ-UBND ngày 26/6/2017	58.776	1.949	1.949						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
7	Cổng vào các cơ quan Công An Huyện, Thuế, Kho Bạc	5758/QĐ-UBND ngày 26/11/2018	6.025	3.777	3.777						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
8	Đường ĐH.74 đoạn từ đường ĐT.455 đến đường ĐT.452	1001/QĐ-UBND ngày 15/2/2019	38.590	8.031	8.031						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
9	Đường ĐH.78 đoạn từ dốc An Lộng đến UBND xã Quỳnh Hoàng	985/QĐ-UBND ngày 12/2/2019	14.845	851	851						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
10	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ cụm An Đồng	8758/QĐ-UBND ngày 8/11/2021	7.355	6.659	6.659						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
11	Mở rộng, tu sửa nghĩa trang liệt sỹ cụm xã Quỳnh Mỹ	5658/QĐ-UBND ngày 7/12/2020	8.075	7.203	7.203						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
12	Sửa chữa nhà làm việc và các phòng chức năng Huyện ủy Quỳnh Phụ	1275/QĐ-UBND. 27/1/2021	1.183	1.159	1.159						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
13	Sửa chữa trụ sở làm việc Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Lao động thương binh xã hội – Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Quỳnh Phụ	2321/QĐ-UBND. 11/3/2021	2.969	2.951	2.951						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
14	Đầu tư xây dựng hạ tầng điểm dân cư Đồng Kênh, thôn Lương Cụ Nam, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ	8754/QĐ-UBND ngày 5/11/2021	41.597	34.750	34.750						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
15	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hưng, xã Quỳnh Hưng, HQP	1884/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	137.498	122.616	122.616						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
16	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện, Đài Truyền thanh – truyền hình và một số cơ quan đơn vị khác của huyện Quỳnh Phụ (Chi cục thuế cũ)	8846A/QĐ-UBND. 12/11/2021	9.257	9.084	9.084						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
17	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư Đồng Quỳnh, thị trấn Quỳnh Côi, HQP	1883/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	140.048	123.249	123.249						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
18	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã An Dục, An Tràng phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn	6718/QĐ-UBND ngày 6/8/2021	72.246	68.772	68.772						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
19	ĐH.73 từ đường ĐT.455 vào khu di tích đền đồng bằng xã An Lễ	4335/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	63.415	40.479	40.479						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
20	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ cụm xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ	7924/QĐ-UBND ngày 29/9/2021	10.700	9.484	9.484						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
21	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.77 từ cầu Giầu đi bến Hiệp, xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ	4311/QĐ-UBND ngày 8/10/2020	34.623	32.994	32.994						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
22	Đường nối từ đường ĐH.78 đi đê Hữu Luộc đến đường ĐT.452, HQP	2312/QĐ-UBND ngày 10/3/2021	48.440	48.000	48.000						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
23	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ cụm xã An Vinh	6710/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	14.804	14.328	14.328	405		405			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
24	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ cụm xã Đồng Tiến	7685/QĐ-UBND ngày 9/12/2022	13.854	13.070	13.070						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
25	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ cụm xã thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ	8680/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	11.207	10.940	10.940						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
26	Đường từ Ủy ban nhân dân xã An Ấp đi cầu Ô An Vinh và cầu Ô xã An Vinh	6716/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	77.214	30.032	30.032						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
27	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ cụm xã An Vũ	82/QĐ-UBND ngày 6/1/2023	9.970	9.495	9.495						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
28	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Quỳnh Hội - An Vinh, huyện Quỳnh Phụ	1404/QĐ-UBND ngày 29/3/2022	52.050	47.834	47.834						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
29	Xây dựng cầu Trung Đoàn trên đường ĐH.74 huyện Quỳnh Phụ	770/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	22.988	21.870	21.870						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
30	Xây dựng và cải tạo nhà làm việc Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Quỳnh Phụ	2934/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	5.014	4.794	4.794						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
31	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Đồng Sau Thị trấn An Bài			139.029	139.029						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
32	Cải tạo nâng cấp đường từ đường ĐT455 đi xã Châu Sơn huyện Quỳnh Phụ	2035/QĐ-UBND ngày 12/5/2022	48.540	42.828	42.828	4.608		4.608			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
33	Đường ĐH.72C từ đường ĐH.72 đi Quốc Lộ 10	7760/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	63.659	47.836	47.836	4.255		4.255			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
34	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.72A từ cầu Đá đến cụm công nghiệp Quý Ninh (Đường ĐT.455 cũ), huyện Quỳnh Phụ	2101/QĐ-UBND ngày 05/03/2021	44.814	42.617	42.617	6.117		6.117			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
35	Cải tạo nâng cấp tuyến đường nối từ đường ĐH.75 đi ĐH.76, huyện QP	3038/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	51.494	34.778	34.778	2.278		2.278			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
36	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ cụm xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ	7965/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	12.165	11.484	11.484	1.484		1.484			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
37	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ cụm xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ	1152 ngày 8/3/2024	14.654	13.345	13.345	8.345		8.345			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
38	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hưng, xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ (giai đoạn 2)	2106 ngày 18/05/2022	150.000	112.987	112.987	29.396		29.396			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
39	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ cụm xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ	7966/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	14.823	14.300	14.300	9.300		9.300			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
40	Thảm bê tông nhựa đường ĐH.73 đoạn từ ĐH.76 đi ĐT.455; đường ĐH.72 từ Chợ An Bài đi cầu Đống Ba và nâng cấp đường từ ĐH.73 đi Sông Cô	5220/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	59.784	55.490	55.490	6.490		6.490			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
41	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH.73 đến ĐT.455 trên địa phận xã An Quý, huyện Quỳnh Phụ	3182/QĐ-UBND ngày 08/07/2022	58.514	43.154	43.154	3.604		3.604			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
42	Cải tạo nâng cấp đường Châu Sơn đi Quỳnh Ngọc	1957/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	65.664	63.864	63.864	5.585		5.585			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
43	Xây dựng Hạ tầng khu dân cư Đồng Phúc, xã An Lễ	6965/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	131.941	116.488	116.488	104.735		104.735			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
44	Đường ĐH.73 đoạn từ UBND An Tràng đi Đồng Tiến	34/NQ-HU ngày 30/9/2023	75.500	58.433	58.433	7.433		7.433			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
45	Nâng cấp đường từ ĐH.80 đi ĐH.74 (xã Quỳnh Nguyên-Quỳnh Bảo); Đường ĐH.79 (xã Quỳnh Giao); Đường từ ĐT.452A đi thôn Tân Thái xã Quỳnh Hồng và đường ĐT.452A đi thôn Bương Hạ Tây xã Quỳnh Ngọc	3440/QĐ-UBND ngày 20/07/2022	52.075	50.643	50.643	12.709		12.709			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
46	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH.72 đến đê Hữu Hóa trên địa phận xã An Thanh, huyện Quỳnh Phụ	3439/QĐ-UBND ngày 20/07/2022	59.939	53.952	53.952	5.000	5.000				UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
47	Cải tạo, nâng cấp đường từ chùa Thanh Hương đến chùa Mía xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ	7964/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	14.921	13.039	13.039	6.039		6.039			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
48	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH.84 đến Quốc lộ 10 xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ	8571 ngày 25/12/2023	14.986	14.000	14.000	4.000		4.000			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
49	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông khu dân cư An Bài thị trấn An Bài và đường từ ĐT.455 đi Cầu Hải xã An Dục, huyện Quỳnh Phụ	7807/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	14.949	12.397	12.397	2.397		2.397			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
50	Cải tạo, nâng cấp đường từ Trạm y tế xã An Vinh đi đền Tứ Phủ, huyện Quỳnh Phụ	765/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	14.987	14.000	14.000	9.000		9.000			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
51	Cải tạo, nâng cấp đường từ trường THPT Quỳnh Thọ đi xã Quỳnh Hoa	2590/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	14.858	14.000	14.000	7.000		7.000			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
52	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH.72 đến ĐT.455 (cũ) xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ	7988 ngày 29/11/2023	14.955	13.254	13.254	8.254		8.254			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
53	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH.72 đến đê Hữu Hóa xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ	7987 ngày 29/11/2023	14.921	11.578	11.578	6.578		6.578			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
54	Thảm bê tông nhựa đường ĐH.74 đoạn từ đường ĐT.396B đến đường ĐT.455, huyện Quỳnh Phụ	4155 ngày 8/7/2024	24.507	1.530	1.530	1.530		1.530			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
55	Hạ tầng khu dân cư Quỳnh Ngọc	50/NQ; 08/10/2024	185.929	185.929	185.929	170.800		170.800			UBND xã Ngọc Lâm	Đã hoàn thành
56	Xử lý cấp bách nổ vỡ và nâng cấp đê bối Tân Mỹ xã Quỳnh Ngọc	7219/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	1.130	1.075	1.075	1.075		1.075			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã quyết toán
57	Nạo vét một số tuyến kênh xã Châu Sơn, Quỳnh Ngọc và Quỳnh Hoàng huyện Quỳnh Phụ	1912/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	1.289	1.224	1.224	1.224		1.224			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã quyết toán
58	Cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ	8355/QĐ-UBND; ngày 17/12/2024 và 3565/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	20.793	14.365	14.365	14.365		14.365			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã quyết toán
59	Chỉnh trang, cải tạo các tuyến đường trung tâm thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ	2451/QĐ-UBND ngày 10/06/2022	14.965	3.000	3.000						UBND xã Phụ Dực	
60	Cải tạo, nâng cấp đường từ trung tâm xã An Khê đi Đê Hữu Hóa	2452/QĐ-UBND ngày 10/06/2022	14.899	12.000	12.000						UBND xã A Sào	
61	Cải tạo, nâng cấp đường từ cầu Sắt, xã Quỳnh Xá đến ngã tư Đồng Giàng, xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ	4506/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	14.986	14.317	14.317	14.317		14.317			UBND xã Quỳnh An	
62	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Quỳnh Hoa đến Đền Ngọc Quế, huyện Quỳnh Phụ	8919/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	14.980	14.264	14.264	9.264		9.264			UBND xã Minh Thọ	
63	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ĐH.73 đi UBND xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ	7739/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	14.914	11.565	11.565	3.565		3.565			UBND xã A Sào	
64	Duy tu, nâng cấp, làm mới hệ thống cổng chào, trang trí trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ		998	850	850	850		850			UBND xã Quỳnh Phụ	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
65	Trung tâm hội nghị huyện Quỳnh Phụ	05/NQ-HU ngày 29/3/2023	117.500	50.500	50.500	3.000		3.000			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
66	Nâng cấp, cải tạo một số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng chống thiên tai huyện Quỳnh Phụ	7220/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 và 2066/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	14.821	14.452	14.452	14.452		14.452			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã quyết toán
67	Cải tạo, tu bổ hệ thống kênh thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp huyện Quỳnh Phụ	7221/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 và 3619/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	14.957	14.241	14.241	14.241		14.241			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã quyết toán
68	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông trục chính nội đồng xã Quỳnh Ngọc, xã An Ninh và xã An Lễ	7222/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	14.973	14.343	14.343	14.343		14.343			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã quyết toán
69	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường A Sào	5106/QĐ-UBND. 8/7/2021	14.894	14.703	14.703						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
70	Đầu tư xây dựng công trình giao thông thủy lợi nội đồng xã Quỳnh Hội			6.372	2.500						UBND xã Quỳnh Phụ	Đã hoàn thành
71	Hỗ trợ thí điểm mô hình xây dựng Trung tâm thu mua – cung ứng nông sản an toàn cấp huyện tại xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ	419/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 và 8744/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	14.170	6.120	6.120	680		680			UBND xã Quỳnh Phụ	Đã quyết toán
II	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**		**14.970**	**10.000**	**10.000**	**10.000**		**10.000**				
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ĐT.452 qua xã Dân Chủ, Hưng Hà đi xã Quỳnh Châu cũ (xã Châu Sơn hiện nay), Quỳnh Phụ đoạn kết nối từ xã Dân Chủ và xã Châu Sơn	6160 ngày 10/9/2024	14.970	10.000	10.000	10.000		10.000			UBND xã Nguyễn Du	
III	**DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2025**		**190.000**	**23.047**	**23.047**	**18.000**	**0**	**18.000**				
1	Đường ĐT.452 từ thị trấn Quỳnh Côi đi xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ		190.000	23.047	23.047	18.000		18.000			UBND xã Quỳnh Phụ	
IV	**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2025**		**870.754**	**330.382**	**330.382**	**296.715**	**19.168**	**277.547**				

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
1	Tôn tạo hồ tắm Tượng và sân vườn cảnh quan thuộc quần thể khu di tích lịch sử nhà Trần: Đình, đền, bến Tượng A Sào, huyện Quỳnh Phụ	8854/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	52.628	19.000	19.000	19.000	6.000	13.000			UBND xã A Sào	
2	Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng	6275/QĐ-UBND ngày 6/9/2023	173.527	167.238	167.238	154.071		154.071			UBND xã A Sào	
3	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Hải Vân Lương, huyện Quỳnh Phụ (Giai đoạn 1)	6657/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	157.919	28.500	28.500	10.000		10.000			UBND xã Quỳnh Phụ	
4	Xây dựng cầu Tân Dân xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ	7029/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	39.760	15.668	15.668	15.168	13.168	2.000			UBND xã Quỳnh Phụ	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ĐH.74 đi xã Quỳnh Trang	7953/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	58.037	1.754	1.754	1.254		1.254			UBND xã Quỳnh An	
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ĐT.396B đi cầu Vĩnh, xã Quỳnh Trang	7954/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	55.299	16.592	16.592	16.092		16.092			UBND xã Quỳnh An	
7	Thảm tăng cường lớp bê tông nhựa các tuyến đường huyện trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ	8020/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	138.269	50.000	50.000	49.500		49.500			UBND xã Phụ Dực	
8	Cải tạo, nâng cấp một số công trình thuỷ lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng, chống thiên tai xã Quỳnh Hội, An Quý và An Ấp, huyện Quỳnh Phụ	2146/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	18.155	770	770	770		770			UBND xã Quỳnh Phụ	
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xây dựng vùng nguyên liệu sản phẩm OCOP huyện Quỳnh Phụ	2369/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	19.368	5.247	5.247	5.247		5.247			UBND xã A Sào	
10	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nội đồng xây dựng mô hình cánh đồng không bờ tại xã Châu Sơn, An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ	2370/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	19.911	3.036	3.036	3.036		3.036			UBND xã Phụ Dực	
11	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông nội đồng phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp liên kết vùng	2145/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	52.628	1.000	1.000	1.000		1.000			UBND xã A Sào	
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng từ chân cầu Đen xã An Ninh đến giáp thôn Trung Châu Đông xã An Cầu phục vụ liên kết sản xuất nông nghiệp	2826/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	11.544	1.000	1.000	1.000		1.000			UBND xã Phụ Dực	
13	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH.74 đi Hoàng Xá, xã Châu Sơn, huyện Quỳnh Phụ	8566/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	14.952	*4.190*	4.190	4.190		4.190			UBND xã Nguyễn Du	Đang thi công

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
14	Cải tạo, nâng cấp đường từ Bến Đò thôn Đại Đồng đến trạm xá Lữ Đoàn 513 và từ nhà văn hóa xã An Khê đến nhà văn hóa thôn Lộng Khê 3, xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ	2313/QĐ-UBND ngày 19/03/2025	19.834	*5.700*	5.700	5.700		5.700			UBND xã A Sào	Đang thi công
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đông Xá, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ	2314/QĐ-UBND ngày 19/03/2025	19.011	*5.479*	5.479	5.479		5.479			UBND xã Quỳnh Phụ	Đang thi công
16	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông trục thôn xã An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ	2391/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	19.912	*5.208*	5.208	5.208		5.208			UBND xã A Sào	Đang thi công
V	**DỰ ÁN ĐANG TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, SẮP TRIỂN KHAI**		**2.011.413**	**42.000**	**42.000**	**42.000**		**42.000**				
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Hải Vân Lương, huyện Quỳnh Phụ (Giai đoạn 2)	4199/QĐ-UBND ngày 9/7/2024	145.000	30.000	30.000	30.000		30.000			UBND xã Quỳnh Phụ	
2	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Hải Vân Lương, huyện Quỳnh Phụ (Giai đoạn 3)	8398/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	138.191	0	0						UBND xã Quỳnh Phụ	
3	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Phong Xá - Cầu Môi, thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ	6042/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	525.813	3.000	3.000	3.000		3.000			UBND xã Phụ Dực	
4	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Thượng Đông, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ	6035/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	515.644	3.000	3.000	3.000		3.000			UBND xã Quỳnh Phụ	
5	Xây dựng hạ tầng khu dân cư trung tâm thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ	6041/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	545.185	3.000	3.000	3.000		3.000			UBND xã Phụ Dực	
6	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Đồng Sau - giai đoạn 2, thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ	6040/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	141.580	3.000	3.000	3.000		3.000			UBND xã Phụ Dực	
VI	**NHIỆM VỤ, DỰ ÁN KHÁC**		**735.707**	**36.522**	**36.522**	**17.227**		**17.227**				
A	**Dự án dừng thực hiện**		**735.707**	**16.230**	**16.230**	**11.730**		**11.730**				
1	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy Quỳnh Phụ	4873/QĐ-	148.489	4.210	4.210	1.710		1.710			UBND xã	
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông tại xã Quỳnh Hội, xã Quỳnh Hoa, xã Quỳnh Thọ, xã Quỳnh Ngọc và xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ	7957/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	162.202	2.636	2.636	2.136		2.136			UBND xã Quỳnh Phụ	
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông xã Quỳnh Giao, Quỳnh Nguyên, Quỳnh Hồng, An Vinh, An Đồng, An Thái, An Cầu và Châu Sơn	8010/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	145.021	3.273	3.273	2.773		2.773			UBND xã Quỳnh Phụ	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông xã Đồng Tiến, xã An Vũ, xã An Lễ, xã An Khê	7974/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	146.780	2.810	2.810	2.310		2.310			UBND xã Phụ Dực	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.74A và tuyến nhánh từ đường ĐT.452A xã Quỳnh Khê đi đường ĐH.78 xã Quỳnh Hoàng	7955/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	97.530	2.766	2.766	2.266		2.266			UBND xã Quỳnh Phụ	
6	Xây dựng trụ sở Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Quỳnh Phụ (Cơ sở An Bài)	1550/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	35.685	536	536	536		536			UBND xã Quỳnh Phụ	
B	**Hỗ trợ xã và đơn vị khác**			**800**	**800**							
1	Hỗ trợ tu sửa sân trụ sở UBND xã Châu Sơn, xây mới + sửa chữa nhà làm việc cho công chức xã Châu Sơn sau sáp nhập			800	800						UBND xã Nguyễn Du	
C	**Vốn quy hoạch**			**19.492**	**19.492**	**5.497**		**5.497**				
1	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư Đồng Kênh, thôn Lương Cụ Nam, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ			258	258						UBND xã Quỳnh Phụ	
2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất trên địa bàn xã Quỳnh Hải, giáp thị trấn Quỳnh Côi và tuyến đường Đào Đình Luyện, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình			1.000	1.000						UBND xã Quỳnh Phụ	
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Quỳnh Hưng			439	439						UBND xã Quỳnh Phụ	
4	Quy hoạch khu dân cư Đồng Quỳnh, thị trấn Quỳnh Côi			458	458						UBND xã Quỳnh Phụ	
5	Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030			2.892	2.892						UBND xã Quỳnh Phụ	
6	Quy hoạch thị trấn Quỳnh Côi			2.873	2.873	2.742		2.742			UBND xã Quỳnh Phụ	
7	Quy hoạch thị trấn An Bài			3.026	3.026						UBND xã Quỳnh Phụ	
8	Quy hoạch đô thị mới An Đồng			2.131	2.131						UBND xã Quỳnh Phụ	
9	Quy hoạch đô thị mới Quỳnh Ngọc			2.300	2.300						UBND xã Quỳnh Phụ	
10	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Đồng Sau thị trấn An Bài			439	439						UBND xã Quỳnh Phụ	
11	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư An Đồng			460	460						UBND xã Quỳnh Phụ	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
12	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Quỳnh Ngọc			460	460						UBND xã Quỳnh Phụ	
13	Lập Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư trung tâm thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ			401	401	401		401			UBND xã Quỳnh Phụ	
14	Lập Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Thượng Đồng, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ			500	500	500		500			UBND xã Quỳnh Phụ	
15	Lập Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Phong Xá, Cầu Môi			798	798	798		798			UBND xã Quỳnh Phụ	
16	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư để GPMB khu công nghiệp phục vụ nông nghiệp xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình			*391*	391	*391*		391			UBND xã Quỳnh Phụ	
17	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Đồng Sau-Giai đoạn 2			*572*	572	*572*		*572*			UBND xã Quỳnh Phụ	
18	Lập Quy hoạch chi tiết 1/500 Sân vận động trung tâm huyện Quỳnh Phụ			*95*	95	*95*		95			UBND xã Quỳnh Phụ	

PHỤ LỤC SỐ 14

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN ĐÔNG HƯNG QUẢN LÝ ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Cấp xã tiếp nhận quản lý	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
	TỔNG SỐ		**1.762.830**	**845.277**	**844.863**	**316.443**	**24.121**	**175.861**	**-**	**116.461**	**-**	**-**
A	**DỰ ÁN HUYỆN QUẢN LÝ**		**1.762.830**	**724.905**	**724.491**	**237.108**	**24.121**	**151.307**	**-**	**61.680**	**-**	**-**
I	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**		**836.232**	**479.987**	**479.573**	**12.540**	**-**	**9.660**	**-**	**2.880**	**-**	
1	Đường ĐH.54 đoạn từ đê tả Trà lý đến ngã tư Đông giang (GĐ.2)	328; 24/01/2019	19.137	3.636	3.636						UBND xã Đông Hưng	
2	Cải tạo, sửa chữa đường ĐH.46 đoạn từ đường ĐH.47 đến cầu Chanh xã Hồng Việt	5994; 31/10/2018	9.731	3.096	3.096						UBND xã Hồng Bạch	
3	Đường ĐH.55 từ ngã tư Vô hối đến bến đò ba bến	5532; 03/10/2018	9.522	689	689						UBND xã Bắc Đông Quan	
4	Di chuyển trạm bơm Nguyên Xá 3 và dịch chuyển đường điện, trạm biến áp phục vụ HTKT Dự án khu dân cư ven sông Thống nhất - xã Nguyên Xá		1.278	1.278	1.278						UBND xã Đông Hưng	
5	Đường ĐH.47 đoạn từ cầu Rều đến QL39	5808; 30/10/2018	9.598	3.053	3.053						UBND xã Tiên Hưng	
6	Xây dựng cấp bách cầu Tè xã Đô Lương	1675; 12/3/2020	3.891	692	692						UBND xã Bắc Tiên Hưng	
7	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.45 đoạn từ Công ty may Trường Sơn Thịnh đến đường ĐT.455	6395; 30/10/2019	6.424	3.851	3.851						UBND xã Bắc Tiên Hưng	
8	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.55 đoạn từ QL10 đến Trường PCX	2082; 25/42019	28.988	2.858	2.858						UBND xã Bắc Đông Hưng	
9	Xây dựng cầu Mả Dài và nâng cấp, cải tạo đoạn đường từ Quốc lộ 39 đến cầu Mả Dài xã Đông Phong	6333; 28/10/2019	9.570	2.336	2.336						UBND xã Đông Quan	
10	Xây dựng cấp bách cầu Khấu xã Đông Vinh	1674; 12/3/2020	4.338	305	305						UBND xã Bắc Đông Quan	
11	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.52 Đoạn ngã tư Gia lễ xã Đông Mỹ, Đông Dương, Đông Thọ	1380; 25/02/2021	26.111	6.958	6.958						UBND xã Phường Trà Lý	
12	Đường liên xã Đồng Phú Minh Châu	6400; 31/10/2019	11.907	9.796	9.796						UBND xã Nam Tiên Hưng	
13	Đường ĐH.54 đoạn từ đê tả Trà lý đến ngã tư Đông giang (GĐ.3)	6390; 19/10/2020	9.199	9.199	9.199						UBND xã Đông Hưng	
14	Dự án Nâng cấp đường ĐH.55 đoạn từ Trường THCS Phương Cường Xá đến đò Mom (GĐ.2)	6394; 30/10/2019	29.537	22.005	22.005						UBND xã Bắc Đông Hưng	
15	Hạ tầng khu dân cư tổ 7 thị trấn Đông Hưng	5748; 17/09/2020	511	499	499						UBND xã Đông Hưng	
16	Cải tạo, sửa chữa đường ĐH.46 đoạn từ đình bá thôn đến cầu Chanh xã Hồng Việt (GĐ.2)	1524; 04/3/2021	5.432	5.159	5.159						UBND xã Tiên Hưng	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Cấp xã tiếp nhận quản lý	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
17	Đường nghĩa trang liệt sỹ huyện kéo dài	3712 12/5/2021	1.492	1.424	1.424						UBND xã Đông Hưng	
18	Nâng cấp, cải tạo đường liên huyện đoạn nối từ ĐH.45 đến đường tỉnh ĐT.396B, huyện Đông Hưng.	3151 22/4/2021	33.436	17.237	17.237						UBND xã Bắc Tiên Hưng	
19	Đường cứu hộ cứu nạn đoạn từ QL39 đến đê tả Trà Lý xã Đông Hoàng	1985; 29/3/2021	13.868	13.055	13.055						UBND xã Nam Đông Hưng	
20	Đường liên xã Chương Dương-Đồng Phú (GĐ 2)	4811; 05/7/2021	5.996	5.458	5.458						UBND xã Nam Tiên Hưng	
21	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.47 đoạn từ cầu Rều đến QL39 GĐ2	5292 16/7/2021	4.994	4.235	4.235						UBND xã Tiên Hưng	
22	Xây dựng khẩn cấp cống Trọng Phú trên đường ĐH.49 huyện Đông Hưng	4371; 15/6/2021	1.996	1.772	1.772						UBND xã Đông Tiên Hưng	
23	Nâng cấp, cải tạo đường cứu hộ cứu nạn ĐH.48 từ đê tả Trà Lý đến cầu Phiến, huyện Đông Hưng	7948: 01/11/2021	35.000	26.599	26.599						UBND xã Đông Hưng	
24	Nạo vét, cứng hóa sông Sa Lung cạnh đường ĐH.52 đoạn từ ngã tư Gia Lễ xã Đông Mỹ đến đập Đáy xã Đông Dương huyện Đông Hưng	1680; 16/3/2020	14.900	2.886	2.886						UBND xã phường Trà Lý	
25	Cầu qua sông Tà Sa trên tuyến đường liên huyện đoạn nối từ ĐH.45 đến đường tỉnh ĐT.396B, huyện Đông Hưng	9622; 27/12/2021	14.719	13.309	13.309						UBND xã Bắc Tiên Hưng	
26	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, hạng mục nhà học 3 tầng và các phòng chức năng	3612; 05/5/2021	14.679	14.289	14.289						UBND xã Đông Hưng	
27	Chỉnh trang thị trấn Đông hưng, Hạng mục: Vỉa hè, rãnh thoát nước, ô cây trung tâm thị trấn Đông Hưng	376; 27/7/2022	13.768	12.700	12.700						xã Đông Hưng	
28	Cải tạo, phát triển hệ thống cây xanh và điện chiếu sáng trên đường QL 10, QL 39A đoạn đi qua thị trấn Đông Hưng	3919; 08/8/2022	7.122	6.274	6.274						xã Đông Hưng	
29	Trường THCS Phạm Huy Quang, hạng mục nhà lớp học 3 tầng 24 phòng học và nhà hiệu bộ	1127; 25/3/2022	36.000	33.709	33.709						xã Đông Hưng	
30	Nhà tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (GĐ.1)	5812; 31/10/2018	14.412	1.873	1.873						xã Đông Hưng	
31	Nhà tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (GĐ.2)	1831; 26/03/2020	14.939	9.506	9.506						xã Đông Hưng	
32	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ huyện giai đoạn 1	576 16/02/2023	14.826	10.064	10.064						xã Đông Hưng	
33	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất kinh doanh dịch vụ xã Đông Xuân (Khu 3)	1761; 18/03/2020	1.601	1.042	938	938	-	938	-	-	UBND xã Nam Đông Hưng	
34	Xây dựng CSHT khu đất làm mặt bằng SX-KD, DV phi NN và đất ở cho các hộ dân bị thu hồi trên 30% DT đất NN được hưởng đất 5% DV để thực hiện dự án trường THPT tư thục Đông Hưng và Công ty TNHH TM&DV Trường Phong	5128; 28/08/2018	5.042	2.463	2.463	2.463	-	2.463	-	-	UBND xã Nam Đông Hưng	
35	Trường THCS Phạm Huy Quang GĐ 2, hạng mục Nhà 3 tầng các phòng học chức năng, nhà ăn, ký túc xá học sinh, sân, cổng dậu	5368; 18/8/2023	23.228	19.952	19.952	1.241	-	190	-	1.051	xã Đông Hưng	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Cấp xã tiếp nhận quản lý	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
36	Xây dựng hạ tầng khu đất 5% kinh doanh dịch vụ tại thôn Bảo Châu xã Đông La, huyện Đông Hưng	747 06/02/2024	1.594	1.261	1.261	68	-	68	-	-	xã Đông Hưng	
37	Cải tạo, nâng cấp Cầu Chương Dương, xã Chương Dương	5870 19/9/2023	7.947	7.200	7.200						UBND xã Đông Tiến Hưng	
38	Cải tạo, nâng cấp cầu Hợp Tiến xã Hợp Tiến	4945 28/7/2023	7.721	6.962	6.962	608	-	608	-	-	UBND xã Đông Tiến Hưng	
39	Cải tạo, nâng cấp cầu Bái thôn Long Bối Đông, xã Đông Hợp	6225; 10/10/2023	9.684	8.919	8.919	710	-	710	-	-	xã Đông Hưng	
40	Nạo vét và kè hai bên bờ sông Quán Bùi đoạn từ cống D20 đến trạm bơm Quán Bùi xã Hoa Lư	6183; 11/10/2019	14.778	4.675	4.675						xã Nam Tiên Hưng	
41	Nạo vét và kè bờ sông Quán Bùi xã Liên Hoa giai đoạn 2	9110; 21/12/2021	14.308	5.612	5.612						UBND xã Nam Tiên Hưng	
42	Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Đông Tân	5878, 8/11/2022	8.541	957	957						UBND xã Đông Quan	
43	Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Đông Cường	5877, 8/11/2022	9.020	756	756						UBND xã Bắc Đông Hưng	
44	Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Đông Xá	5876, 8/11/2022	9.082	1.501	1.501						UBND xã Bắc Đông Hưng	
45	Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Hợp Tiến	1755, 03/04/2023	8.604	1.662	1.662						UBND xã Đông Tiến Hưng	
46	Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã An Châu	745; 06/02/2024	9.700	2.450	2.450	250	-	250	-	-	UBND xã Bắc Tiên Hưng	
47	Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Lô Giang	997; 01/03/2024	8.850	2.122	2.122	322	-	322	-	-	UBND xã Bắc Tiên Hưng	
48	Đường ĐH.53 đoạn từ cầu Lan xã Đông Vinh đến đường ĐT.396B, xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng	3256 06/7/2022	67.466	49.110	49.110	584	-	241	-	343	UBND xã Đông Hưng	
49	Dự án : Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ huyện Đông Hưng giai đoạn 2	8249; 25/12/2023	14.509	13.585	13.585	1.034	-	85	-	949	UBND xã Đông Hưng	
50	Nhà hội trường, nhà thể thao đa năng và các hạng mục phụ trợ của Ban chỉ huy quân sự huyện	1527; 27/3/2024	10.000	10.000	9.690	537	-	-	-	537	UBND xã Đông Hưng	
51	Hầm trung tâm Sở chỉ huy	03; 08/9/2022	14.847	14.654	14.654						UBND xã Bắc Đông Quan	
52	Đường ĐH.53 đoạn từ Quốc lộ 10 đến cầu Lan xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng	9632; 27/12/2021	69.152	7.370	7.370		-	-	-	-	UBND xã Bắc Đông Quan	
53	Đường cứu hộ, cứu nạn từ đê tả Trà Lý đến Quốc lộ 39 qua xã Trọng Quan, Phú Châu	3620; 15/07/2022	93.236	67.934	67.934	3.785	-	3.785	-	-	UBND xã Đông Hưng	
II	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**		**29.458**	**15.336**	**15.336**	**2.236**	**2.000**	**236**	-	-		
1	Đường ven sông Thống Nhất đoạn từ Đền thờ đại tướng Võ Nguyên Giáp đến cầu Thống Nhất	6059; 02/10/2023	17.998	8.500	8.500		-	-	-	-	UBND xã Đông Hưng	*Kéo dài sang 2025 8 tỷ đồng*

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Cấp xã tiếp nhận quản lý	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
2	Cầu Quán Dô và đường vào Trường THPT Mê Linh, huyện Đông Hưng	5601; 05/9/2024	11.460	6.836	6.836	2.236	2.000	236	-	-	UBND xã Bắc Tiên Hưng	
III	**DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2025**		**5.494**	**5.250**	**5.250**	**4.000**	**-**	**2.000**	**-**	**2.000**		
1	Xây dựng đường ven sông Thống Nhất (đoạn từ đường gom chân cầu K40 đến BCH quân sự huyện)	5484; 29/8/2024	5.494	5.250	5.250	4.000	-	2.000	-	2.000	UBND xã Đông Hưng	
IV	**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2025**		**891.646**	**222.282**	**222.282**	**216.282**	**22.121**	**137.361**	**-**	**56.800**		
1	Dự án : Dự án xây dựng mới đường từ ĐH.45 đến đường Thái Hà qua xã Phú Lương, An Châu, Đô Lương, huyện Đông Hưng	7240 20/11/2023	138.721	45.349	45.349	42.349	15.000	27.349	-	-	UBND xã Bắc Tiên Hưng	
2	Dự án : Xây dựng tuyến đường kết nối QL 39 đi đền thờ Bác Hồ và lăng Thái Bảo xã Hồng Việt	6486; 22/10/2024	240.121	51.000	51.000	50.000	7.121	34.879	-	8.000	UBND Xã Tiên Hưng	
3	Dự án : Xây dựng tuyến đường nối từ QL39 đến đường Thái Hà huyện Đông Hưng (giai đoạn 2)	7551; 02/12/2024	272.549	46.300	46.300	45.300	-	40.000	-	5.300	UBND xã Bắc Tiên Hưng	
4	Dự án : Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ tuyến đường bộ Thái Bình - Cầu Nghìn (Km17+358) đến kênh Tiên Hưng (cống K40), xã Hà Giang, huyện Đông Hưng	7944; 17/12/2024	49.999	30.500	30.500	30.000	-	-	-	30.000	UBND xã Bắc Đông Quan	
5	Dự án : Xây dựng tuyến đường từ đường ĐT.457 (Đường 222 cũ) đến Quốc lộ 39 xã Đông Tân, huyện Đông Hưng	8155; 24/12/2024	59.809	500	500						UBND xã Đông Quan	
6	Trường THCS Phương Cường Xá, huyện Đông Hưng; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng, các hạng mục phụ trợ	3169; 25/04/2025	24.842	6.800	6.800	6.800	-	300		6.500	UBND xã Bắc Đông Hưng	
7	Xây dựng đường ven kênh Tiên Hưng đoạn từ ĐT.455 xã Lô Giang huyện Đông Hưng đi xã Chi Lăng huyện Hưng Hà	1900; 24/03/2025	4.464	4.150	4.150	4.150	-	4.150	-	-	UBND xã Bắc Tiên Hưng	
8	Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở thương mại xã Thăng Long, huyện Đông Hưng	4395; 09/09/2022	92.000	28.609	28.609	28.609	-	28.609	-	-	UBND xã Tiên Hưng	
9	Nâng cấp, cải tạo cầu vào Nghĩa trang liệt sỹ huyện Đông Hưng	1328; 28/02/2024	9.140	9.074	9.074	9.074	-	2.074	-	7.000	UBND xã Đông Hưng	
V	**DỰ ÁN ĐANG TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, SẮP TRIỂN KHAI**	**0**	-	**2.050**	**2.050**	**2.050**	-	**2.050**	-	-		
1	Nạo vét và kè hai bên bờ kênh Thống Nhất đoạn từ cống Nguyên Xá đến Âu K35, huyện Đông Hưng			800	800	800	-	800	-	-	UBND xã Đông Hưng	
2	Xây dựng đường từ ĐH.45 xã Lô Giang huyện Đông Hưng đi xã Tây Đô huyện Hưng Hà			250	250	250	-	250	-	-	UBND xã Bắc Tiên Hưng	
3	Xây dựng đường từ thôn Khuốc Tây đến đường ĐH.58A thôn Tân Bình xã Phong Dương Tiến			350	350	350	-	350	-	-	UBND xã Đông Tiên Hưng	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025						Cấp xã tiếp nhận quản lý	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
4	Đường từ QL39 đến Dự án phát triển nhà ở thương mại khu dân cư đô thị xã Thăng Long			150	150	150	-	150	-	-	xã Tiên Hưng	
5	Xây dựng đường kết nối từ đường ĐH.50 đến đường ĐH.51 xã Xuân Quang Động, huyện Đông Hưng			500	500	500	-	500	-	-	UBND xã Nam Đông Hưng	
B	**HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH XÃ**			**120.372**	**120.372**	**79.335**	-	**24.554**	-	**54.781**		
1	Tiên Hưng			11.500	11.500	8.000		1.200		6.800	UBND xã Tiên Hưng	
2	Bắc Tiên Hưng			14.624	14.624	7.900		700	-	7.200	UBND xã Bắc Tiên Hưng	
3	Nam Tiên Hưng			19.847	19.847	15.579		1.679	-	13.900	UBND xã Nam Tiên Hưng	
4	Đông Tiên Hưng			10.235	10.235	5.690		1.800	-	3.890	UBND xã Đông Tiên Hưng	
5	Đông Hưng			23.310	23.310	19.810		11.218	-	8.592	UBND xã Đông Hưng	
6	Bắc Đông Hưng			14.300	14.300	10.800		1.700	-	9.100	UBND xã Bắc Đông Hưng	
7	Nam Đông Hưng			4.880	4.880	3.380		2.700	-	680	UBND xã Nam Đông Hưng	
8	Đông Quan			8.133	8.133	1.833		1.714	-	119	UBND xã Đông Quan	
9	Bắc Đông Quan			13.543	13.543	6.343		1.843	-	4.500	UBND xã Bắc Đông Quan	

PHỤ LỤC SỐ 15

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN HƯNG HÀ QUẢN LÝ ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 743 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
	TỔNG SỐ		**5.072.290**	**1.788.097**	**1.543.552**	**581.477**	**24.115**	**443.662**		**113.700**	-	
A	**CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**		**4.862.292**	**1.405.542**	**1.384.461**	**501.347**	**24.115**	**363.531**		**113.700**	-	
I	**Dự án quy hoạch**		-	**1.497**	**1.377**	**559**	-	**559**			-	
a	**Dự án quy hoạch hoàn thành**		-	777	777	559	-	**559**			-	
1	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Nhân Cầu 1, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà			218	218						UBND xã Hưng Hà	
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Đăng Tràng, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà			559	559	559		559			UBND xã Hưng Hà	
b	**Dự án quy hoạch mới**			**720**	**600**	-	-	-			-	
1	Điều chỉnh quy hoạch khu di tích lịch sử văn hóa Quốc gia Đền thờ Đông Nhung Đại tướng quân Vũ Thị Thục xã Đoan Hùng, xã Tân Tiến, huyện Hưng Hà			720	600						UBND xã Tiên La	
II	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**		**1.518.073**	**754.176**	**743.477**	**224.876**	**5.500**	**216.376**		**3.000**	-	
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục ĐH.60 đoạn từ cầu Văn Cẩm (ĐT.452) đi Đô Kỳ (ĐT.455) và đoạn từ ngã tư Trần Xá xã Văn Cẩm đi xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà sang xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ (giai đoạn 3)	8049; 30/10/2018	55.782	11.686	11.686						UBND xã Thần Khê	
2	Tuyến đường nối đường Thái Bình - Hà Nam (tại Km5+940) với đường tỉnh ĐT.453 (tại Km7+500), huyện Hưng Hà (giai đoạn 1)	698; 27/2/2018	90.064	11.878	11.878	1.578	-	1.578			UBND xã Hưng Hà	
3	Duy tu sửa chữa cấp bách các tuyến đường trục huyện năm 2022			4.500	-						UBND xã Long Hưng	
4	Nạo vét khẩn cấp cống và nạo vét mương tiêu phục vụ sản xuất xã Điệp Nông và Dân Chủ			747	745						UBND xã Diên Hà	
5	Nạo vét và kè sông Sáu Thôn đoạn trên địa bàn xã Tân Tiến, huyện Hưng Hà	141; 10/1/2022	7.322	6.981	6.981						UBND xã Tiên La	
6	Xây dựng hệ thống đèn tín hiệu điều khiển giao thông tại nút giao ngã tư đường ĐH.71A với đường ĐH64A trên địa bàn xã Tây Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái	5095; 30/8/2022	2.800	758	599	599	-	599			UBND xã Thần Khê	
7	Nạo vét khẩn cấp sông Tiến Dũng, đoạn từ sông Thái Sư đến cống qua đường ĐT.468 thuộc địa phận xã Tiến Đức	1955; 13/4/2022	5.495	5.368	5.368						UBND xã Long Hưng	
8	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và trung tâm giáo dục thường xuyên huyện (cơ sở 2)	5960; 18/8/2021	939	907	896						UBND xã Hưng Hà	
9	Cải tạo, sửa chữa khuôn viện Trụ sở Huyện ủy, Trụ sở Uỷ ban nhân dân huyện và Trung tâm hội nghị huyện Hưng Hà	5984a; 22/9/2020	21.085	8.298	8.298						UBND xã Hưng Hà	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
10	Xây dựng đường trục huyện ĐH 71, đoạn từ đường ĐH.64A qua xã Hòa Bình, Tây Đô đến đường ĐT.455 (đường 216 cũ) huyện Hưng Hà; Giai đoạn 1	6608; 17/11/2017	19.026	10.042	10.042						UBND xã Hưng Hà	
11	Đường từ UBND xã Hòa Bình đi UBND xã Chi Lăng (đoạn từ đường ĐH.71 đến trường THCS Bình Lăng)	9356; 28/12/2018	14.789	1.678	1.678						UBND xã Hưng Hà	
12	Đường QL39 qua UBND xã Thái Hưng đến nhà lưu niệm Chủ tịch HCM xã Hồng An; HM: Xây dựng cầu Phú óc và nâng cấp mở rộng mặt đường (Giai đoạn 1: Từ đầu tuyến đến Km1+800)	1620; 19/4/2018	29.505	2.516	2.516						UBND xã Long Hưng	
13	Xây dựng khẩn cấp cầu Đồng Lạc qua sông Tiên Hưng trên trục đường huyện ĐH.71, đoạn từ QL.39 đi các xã phía Đông Bắc huyện Hưng Hà	4504; 6/9/2017	38.282	4.346	4.346						UBND xã Hưng Hà	
14	Đường ĐH.64 huyện Hưng Hà (đoạn từ ĐT.452 đi đường ĐT.455); Giai đoạn 1: Đoạn từ đầu tuyến đến Km3+500	6574; 28/9/2018	38.712	10.181	10.181						UBND xã Thần Khê	
15	Xử lý khẩn cấp cầu Nhội qua sông 34 đoạn từ ĐT.454 đi thôn Xuân Lôi xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà	5458; 22/10/2019	14.914	4.182	4.182						UBND xã Hồng Minh	
16	Nạo vét khẩn cấp sông Sòi, xã Phúc Khánh, huyện Hưng Hà	6322; 31/10/2019	5.675	1.865	1.865						UBND xã Tiên La	
17	Xây dựng hạ tầng cụm CN thị trấn Hưng Nhân; HM: tuyến đường số 2, số 3	4512a; 9/7/2018	14.678	4.678	4.678						UBND xã Long Hưng	
18	Đường QL39 qua UBND xã Thái Hưng đến nhà lưu niệm Chủ tịch HCM xã Hồng An; HM: Xây dựng cầu Phú óc và nâng cấp mở rộng mặt đường (Giai đoạn 2: Từ Km1+800 đến cuối tuyến)	1620; 19/4/2018	12.491	2.845	2.845						UBND xã Long Hưng	
19	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng và điện trang trí khuôn viên thị trấn Hưng Hà và thị trấn Hưng Nhân (giai đoạn 1)	7987; 6/11/2020	11.150	10.405	10.405						UBND xã Long Hưng	
20	Thi công xây dựng công trình xử lý điểm đen tai nạn giao thông tại một số nút giao giữa các trục đường chính trên địa bàn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	9445; 24/12/2020	1.996	611	611						UBND xã Hưng Hà	
21	Cải tạo, sửa chữa cấp bách Nhà truyền thống - Đền thờ Liệt Sỹ huyện Hưng Hà	2625; 14/5/2021	3.686	3.524	3.524						UBND xã Hưng Hà	
22	Xử lý khẩn cấp Khu cách ly tập trung phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn huyện Hưng Hà: Cơ sở 1 tại Trung tâm Chính trị huyện, thị Trấn Hưng Hà; Cơ sở 2 tại thôn Đồng Lâm, xã Hồng Minh, (điểm Trường Tiểu học Lý Nam Đế cũ)	3878; 30/6/2021	6.876	6.658	6.658						UBND xã Hồng Minh	
23	Xử lý cấp bách kè Đào Thành, đê Hữu Luộc huyện Hưng Hà từ K3+700 đến K4+100	3877; 30/12/2019	14.299	1.706	1.706						UBND xã Ngư Thiên	
24	Bảo vệ, bảo tồn khu di tích lịch sử Hành cung Lỗ Giang, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà	5967; 30/8/2018	14.348	896	896						UBND xã Hồng Minh	
25	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hưng Hà			411	411						UBND xã Hưng Hà	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
26	Hoàn táng ngôi mộ cổ phần Cựu xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà	10690; 14/12/2021	1.248	1.095	1.095						UBND xã Long Hưng	
27	Đường từ ĐT.454 vào khu di tích Hành cung Lỗ Giang xã Hồng Minh; Giai đoạn 1: Đoạn từ ngã ba thôn Bùi Xá xã Độc Lập đi Hành cung Lỗ Giang			15	15						UBND xã Hưng Hà	
28	Dự án Xây dựng khẩn cấp cầu Đồng Lạc giai đoạn 2: Đường nối từ cầu Đồng Lạc đi ngã ba Cống Chéo xã Tây Đô, huyện Hưng Hà	4918; 17/9/2019	46.070	26.589	26.589	347	-	347			UBND xã Hưng Hà	
29	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.60, đoạn từ xã Văn Cẩm đi xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà	6312; 31/10/2019	44.946	20.323	20.323	1.189	-	1.189			UBND xã Diên Hà	
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.60 đi đường ĐH.64, huyện Hưng Hà	336; 9/8/2021	44.894	12.146	12.146	1.205	-	1.205			UBND xã Hưng Hà	
31	Xây dựng đường trục huyện ĐH 71, đoạn từ đường ĐH.64A qua xã Hòa Bình, Tây Đô đến đường ĐT.455 (đường 216 cũ) huyện Hưng Hà; Giai đoạn 2	1547; 10/3/2021	12.798	12.669	12.669	2.958	-	2.958			UBND xã Thần Khê	
32	Sửa chữa trụ sở làm việc phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hưng Hà	1032; 21/2/2023	3.212	3.453	3.355	155	-	155			UBND xã Hưng Hà	
33	Đường từ ĐT.454 vào khu di tích Hành cung Lỗ Giang xã Hồng Minh; Giai đoạn 2: Đoạn từ ngã ba Đồng Lâm đi ngã ba Tân Mỹ, xã Hồng Minh	8054; 30/10/2018	14.867	2.234	2.234	940	-	940			UBND xã Hưng Hà	
34	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ UBND xã Hòa Bình đi UBND xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà, giai đoạn 2	6313; 31/10/2019	47.387	37.979	37.979	2.421	-	2.421			UBND xã Hưng Hà	
35	Đường ĐH.64 huyện Hưng Hà (đoạn từ ĐT.452 đi đường ĐT.455); Giai đoạn 2: Đoạn từ Km3+500 đến cuối tuyến	6574; 28/9/2018	26.282	8.151	8.151	2.554	-	2.554			UBND xã Hưng Hà	
36	Tuyến đường nối đường Thái Bình - Hà Nam (tại Km5+940) với đường tỉnh ĐT.453 (tại Km7+500), huyện Hưng Hà (giai đoạn 2)	698; 24/2/2018	47.734	32.377	32.377	968	-	968			UBND xã Hưng Hà	
37	Xây dựng chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn mới nâng cao xã Hồng Minh, huyện Hưng	6325; 31/10/2019	14.867	5.893	5.893	1.882	-	1.882			UBND xã Hưng Hà	
38	Đường cứu hộ, cứu nạn từ Quốc lộ 39 đi đê sông Hồng (đoạn qua khu Đặng Xá) thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà	6303; 30/10/2019	46.310	42.223	42.223	10.159	-	10.159			UBND xã Hưng Hà	
39	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61 đoạn từ ngã ba Giếng Đầu và đường ĐH.59 đoạn từ đường Thái Bình - Hà Nam đi di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà (giai đoạn 1)	6314; 31/10/2019	79.794	25.948	25.948	1.617		1.617			UBND xã Hưng Hà	
40	Nạo vét khẩn cấp sông Bán, sông Ba Chai, xã Phúc Khánh	9450; 29/4/2022	9.971	9.253	9.253	753	-	753			UBND xã Hưng Hà	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
41	Nạo vét cấp bách kênh 224, đoạn từ kênh đường ĐT.468 (đường Thái Hà) đến đoạn cầu đi UBND xã Dân Chủ	8224; 21/11/2023	9.844	5.784	5.784	1.046	-	1.046			UBND xã Diên Hà	
42	Bảo tồn quần thể di tích kiến trúc thời Trần dưới lòng đất tại Khu di tích Hành cung Lỗ Gang xã Hồng Minh	6324; 31/10/2019	7.186	2.558	2.558	2.558	-	2.558			UBND xã Hưng Hà	
43	Đường cứu hộ cứu nạn, đoạn từ đường ĐT.454 xã Minh Hòa đi đê Trà Lý xã Hồng Minh (giai đoạn 2)	5340; 2/10/2019	44.844	9.403	9.403	2.303	-	2.303			UBND xã Hồng Minh	
44	Tu sửa, nâng cấp, xây dựng một số hạng mục công trình tại di tích Quốc gia đặc biệt khu lăng mộ đền thờ các vị Vua triều Trần	716; 31/1/2024	1.182	1.111	1.111	1.111	-	1.111			UBND xã Long Hưng	
45	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61A, ĐH.67A; đoạn từ đường QL39 đến đường ĐH.65, huyện Hưng Hà (giai đoạn 1)	7238; 23/9/2021	89.911	47.269	47.269	11.669		11.669			UBND xã Hưng Hà	
46	Tuyến đường T45 đoạn từ QL39 (xã Liên Hiệp) đến khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt đền Trần Thái Bình và đi khu lưu niệm Bác Hồ xã Hồng An, huyện Hưng Hà	2127; 9/4/2021	31.494	29.795	29.795	2.595	-	2.595			UBND xã Long Hưng	
47	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường ĐT.452 (Đường 224 cũ) qua xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà đi xã Quỳnh Châu huyện Quỳnh Phụ	4931; 2/8/2021	41.864	28.397	23.004	7.861	-	7.861			UBND xã Diên Hà	CP GPMB
48	Cải tạo, sửa chữa một số phòng làm việc nhà A thuộc trụ sở UBND huyện Hưng Hà	160; 10/1/2025	1.183	1.140	1.104	1.104	-	1.104			UBND xã Hưng Hà	
49	Nạo vét sông trục B đoạn từ ngã tư Thanh Lãng xã Minh Hòa đi cầu Chanh xã Chí Hòa	3878; 26/5/2023	9.731	10.244	10.244	2.244	-	2.244			UBND xã Hưng Hà	
50	Đầu tư xây dựng công trình Đường vào Khu lưu niệm Nhà bác học Lê Qúy Đôn (từ đường ĐT.454, ĐT.453 vào Khu Lưu niệm)	702; 13/4/2023	109.094	16.764	16.764	8.804	1.000	4.804		3.000	UBND xã Lê Quý Đôn	Đã PDQT chưa bố trí hết vốn
51	Hầm ngầm Trung tâm Sở chỉ huy cơ bản trong khu vực phòng thủ huyện Hưng Hà			14.972	14.972	4.437	-	4.437			UBND xã Hưng Hà	
52	Xử lý cấp bách Trung tâm Văn hóa - Thể thao và các hạng mục phụ trợ thuộc Trụ sở Huyện ủy, huyện Hưng Hà	6617; 03/10/2023	14.617	11.334	11.334	4.084	2.500	1.584			UBND xã Hưng Hà	
53	Xây dựng khu thể thao tổng hợp tại Ban chỉ huy Quân sự huyện Hưng Hà			4.668	4.668	3.668	-	3.668			UBND xã Hưng Hà	
54	Lắp đặt Camera an ninh tại các địa bàn trọng điểm phục vụ công tác phòng, ngừa, đấu tranh tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện - giai đoạn 1	8100; 17/11/2023	13.000	12.554	12.554	9.554	-	9.554			UBND xã Hưng Hà	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
55	Đường kết nối từ khu di tích lịch sử cách mạng Trường Vị Sỹ đến khu di tích lịch sử văn hóa đền thờ Diệu Dung công chúa, xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà (giai đoạn 2)	5471; 16/10/2019	34.998	9.891	9.891	957	-	957			UBND xã Hưng Hà	
56	Hạ tầng đô thị khu dân cư Nhân Cầu 1 (giáp sân vận động huyện) và tuyến đường từ QL39 đi trụ sở khối Đoàn thể Huyện ủy Hưng Hà	3384; 20/6/2024	9.396	8.500	8.500	-					UBND xã Hưng Hà	
57	Diệt và phòng, chống mối cho các công trình của Khu Di tích lịch sử văn hóa Quốc gia đặc biệt Khu Lăng mộ và Đền thờ các vị Vua triều Trần xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà	7130; 25/11/2024	1.114	500	-						UBND xã Long Hưng	
58	Xây dựng công trình đường vào đền Tiên La, huyện Hưng Hà; đoạn nối từ đường ĐH.59 (Km4+850) với đường ĐH.70B (tại Km3+300)	6315; 31/10/2019	44.495	21.476	21.476	395	-	395			UBND xã Tiên La	
59	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phúc Lộc (giai đoạn 2), thị trấn Hưng Hà	5757; 10/8/2023	152.013	124.797	124.797	124.157		124.157			UBND xã Hưng Hà	
60	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.60, huyện Hưng Hà (đoạn từ đường tỉnh ĐT.455 đi xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà)	7994; 07/11/2022	37.813	25.985	25.985	2.485	-	2.485			UBND xã Hưng Hà	CP GPMB
61	Nạo vét khẩn cấp kênh Lão Khê và các công trình trên kênh đoạn từ cầu Châu đến đập cầu Lai thị trấn Hưng Nhân	5847; 10/9/2024	9.494	9.019	9.019	4.519	2.000	2.519			UBND xã Long Hưng	
III	**Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán**		**93.556**	**82.776**	**81.776**	**8.846**	**1.000**	**7.846**			-	
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm chính trị huyện Hưng Hà	2963; 28/4/2023	5.789	5.680	5.680	680	-	680			UBND xã Hưng Hà	
2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 KDC Phúc Lộc (giai đoạn 2), thị trấn Hưng Hà	1311a; 24/2/2023	498	406	406	406	-	406			UBND xã Hưng Hà	
3	Xử lý cấp bách đường vào cụm di tích lịch sử Quốc gia Đình, Đền, Lăng thờ Thống Quốc Thái sư Trần Thủ Độ và Linh từ Quốc mẫu Trần Thị Dung, xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà	7236; 22/9/2021	87.269	76.690	75.690	7.760	1.000	6.760			UBND xã Long Hưng	
IV	**Dự án đang triển khai thực hiện**		**1.845.050**	**485.420**	**485.407**	**197.027**	**17.615**	**108.851**		**70.561**	-	
1	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.70, đoạn từ đường tỉnh ĐT.452 (224 cũ) đi di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên	2480 ngày 21/4/2021	40.036	20.528	20.528	4.500	-	4.500			UBND xã Tiên La	
2	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.65A, ĐH.65B huyện Hưng Hà; Đoạn từ Quốc lộ 39 (Km46+100) đến đường ĐH.59 đi di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà	2189 ngày 26/4/2022	180.000	2.227	2.227						UBND xã Tiên La	
3	Cải tạo đường ĐH.18, ĐH.19 đoạn từ bến đò Phú Hậu xã Độc Lập đi đê tả Trà Lý xã Chí Hòa	1467; 15/3/2024	96.100	44.500	44.500	6.000	2.000	4.000			UBND xã Hồng Minh	
4	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.62, huyện Hưng Hà	3881; 26/5/2023	97.674	52.358	52.358	12.000	2.000	5.000		5.000	UBND xã Hồng Minh	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
							Trong đó					
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
5	Cải tạo nâng cấp tuyến đường T33, huyện Hưng Hà (đoạn từ đường ĐH.63 xã Thái Phương đi ĐH .66B xã Thái Hưng)	2850; 20/5/2022	39.895	31.227	31.214	15.214	1.115	8.199		5.900	UBND xã Tiên La	
6	Đường kết nối từ khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đền Trần Tiến Đức đi khu lưu niệm nhà bác học Lê Quý Đôn (đoạn từ ĐT.453 qua UBND xã Minh Tân vào khu lưu niệm)	Số 3338; 6/6/2022	127.556	52.617	52.617	10.900	-	10.900			UBND xã Lê Quý Đôn	
7	Xử lý cấp bách đường từ Quốc lộ 39 đi khu di tích lịch sử Quốc gia đền thờ Trạng nguyên Phạm Đôn Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Số 2795; 10/5/2022	55.635	39.600	39.600	14.800	2.000	5.200		7.600	UBND xã Long Hưng	
8	Xây dựng tuyến đường T40 kết nối khu lưu niệm nhà bác học Lê Quý Đôn đi cụm di tích lịch sử cách mạng trường Vụ Sỹ và khu di tích lịch sử văn hóa đền thờ Diệu Dung Công chúa xã Chí Hòa (đoạn từ ĐH.18A đi ĐT 452)	Số 2670a; 26/4/2022	85.489	34.500	34.500	7.000	2.000	5.000			UBND xã Hồng Minh	
9	Đường kết nối từ khu di tích lịch sử Cách mạng Trường Vụ Sỹ đến khu di tích lịch sử văn hóa đền thờ Diệu Dung Công chúa xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Giai đoạn 3)	Số 16; 14/7/2022	24.376	10.800	10.800	6.000	1.000	5.000			UBND xã Hồng Minh	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH,61 đoạn từ ngã ba Giếng Đầu và đường ĐH,59 đoạn từ Thái Bình - Hà Nam đi di tích lịch sử quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà (Giai đoạn 2)	6683; 21/10/2024	98.105	21.532	21.532	3.682	-	3.682			UBND xã Long Hưng	
11	Xây dựng tuyến đường từ QL39 đến đường ĐH.65, huyện Hưng Hà	8252; 23/11/2022	78.925	44.400	44.400	28.700	2.500	11.500		14.700	UBND xã Ngư Thiên	
12	Đường từ ĐT.468 qua Đền Tiên La đi Đền Trình và Bến Rước nước Đền Tiên La, xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà	6376; 15/9/2023	158.378	9.370	9.370	6.370	-	6.370			UBND xã Tiên La	
13	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61A, ĐH.67A; đoạn từ đường QL39 đến đường ĐH.65, huyện Hưng Hà (Giai đoạn 2)	6364; 12/9/2023	98.296	25.500	25.500	5.000	-	5.000			UBND xã Tiên La	
14	Đường từ đường ĐH.71A đi Cụm công nghiệp Bắc Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà	8217; 21/11/2023	76.225	32.500	32.500	25.000	1.000	4.000		20.000	UBND xã Thần Khê	
15	Đường từ khu dân cư kiểu mẫu xã Minh Khai đi đường tỉnh ĐT.454, huyện Hưng Hà	8079; 14/11/2023	75.132	16.361	16.361	14.361	2.000	5.000		7.361	UBND xã Hưng Hà	
16	Đường nối từ đường tỉnh ĐT.452 qua xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà đi xã Châu Sơn, huyện Quỳnh Phụ	8074; 14/11/2023	172.767	11.000	11.000	6.000	2.000	4.000			UBND xã Diên Hà	
17	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.64A, đoạn từ cống Hò xã Thống Nhất đi UBND xã Hòa Bình	8531; 6/12/2023	44.238	7.500	7.500	4.500	-	4.500			UBND xã Hưng Hà	
18	Tuyến đường nối đường ĐH.71 với đường ĐH.64	5543; 31/7/2023	37.500	16.500	16.500	15.000	-	5.000		10.000	UBND xã Thần Khê	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
19	Tuyến đường từ đường ĐT.454 (Chân cầu Tịnh Xuyên) đi khu di tích lịch sử Hành cung Lỗ Giang và Khu lưu niệm Nhà bác học Lê Qúy Đôn huyện Hưng Hà (giai đoạn 2)	5980; 4/10/2024	89.826	6.200	6.200	6.000	-	6.000			UBND xã Hồng Minh	
20	Xây dựng tuyến đường kết nối khu di tích lịch sử Quốc gia Đình làng Cổ Trai xã Hồng Minh với khu di tích lịch sử cách mạng Trường Vy sỹ xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà	6679; 21/10/2024	168.897	6.200	6.200	6.000	-	6.000			UBND xã Hồng Minh	
V	**Dự án chuẩn bị đầu tư**		**1.405.613**	**81.673**	**72.424**	**70.039**	**-**	**29.900**		**40.139**	-	
1	Trụ sở công an huyện (chi phí giải phóng mặt bằng)			6.088	-						UBND xã Hưng Hà	*Hủy KHV*
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ UBND xã Hòa Bình đi UBND xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà; Giai đoạn 3: Đoạn từ UBND xã qua trường Tiểu học kết nối với đường trục huyện ĐH.71	NQ 03; 15/5/2023	24.467	300	300						UBND xã Thần Khê	
3	Đường ĐH.66C đoạn từ Quốc lộ 39 đến đường ĐT.453, huyện Hưng Hà	7420; 30/9/2021	68.802	4.785	4.785	4.500	-	4.500			UBND xã Hưng Hà	
4	Xây dựng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Hưng Hà	NQ 20; 14/7/2022	98.717	10.500	10.500	9.500	-	4.500		5.000	UBND xã Hưng Hà	
5	Xây dựng tuyến đường kết nối khu di tích lịch sử văn hóa Quốc gia Đền Quốc mẫu, Lăng và Đình thờ Trần Thủ Độ xã Liên Hiệp với khu Lăng mộ và Đền thờ các vua Lê, Hoàng Thái Hậu, Hoàng Hậu, thị trấn Hưng Nhân huyện Hưng Hà	3014; 5/5/2023	71.500	300	300	300	-	300			UBND xã Long Hưng	
6	Xây dựng đền thờ Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm, huyện Hưng Hà	NQ17; 18/9/2019	34.950	300	-	-	-	-			UBND xã Diên Hà	
7	Xây dựng bãi đỗ xe Khu lưu niệm Nhà bác học Lê Quý Đôn, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà	NQ 15; 14/7/2022	28.180	300	200						UBND xã Lê Quý Đôn	
8	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối hạ tầng các khu dân cư mới đoạn đường ĐH.59 đến đường ĐH. 71A, huyện Hưng Hà			300	200						UBND xã Thần Khê	
9	Xây dựng Nhà sắp lễ, nhà Khách Đền Trần Thái Bình			1.000	200						UBND xã Long Hưng	
10	Đường vào khu lăng mộ Thái úy Lưu Khánh Đàm, kết hợp làm đường cứu hộ, cứu nạn đê bối Lưu Xá, xã Canh Tân	1874; 25/3/2025	59.118	4.700	4.700	4.500	-	4.500			UBND xã Ngư Thiên	
11	Tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, xã Hồng An (Nâng cấp, sửa chữa đền thờ bác Hồ xã Hồng An)	NQ 46; 18/12/2024	81.022	1.000	1.000	1.000	-	1.000			UBND xã Lê Quý Đôn	
12	Đầu tư xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đoạn từ QL.39 đến Dốc Văn đê tả Hồng Hà I, huyện Hưng Hà	NQ 12; 19/7/2024	159.846	300	300	300	-	300			UBND xã Long Hưng	
13	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường nối từ Quốc lộ 39 qua Cụm công nghiệp Thái Phương đến đường ĐT 453, huyện Hưng Hà	8021; 19/12/2024	98.663	24.500	24.500	24.500	-	4.500		20.000	UBND xã Tiên La	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
14	Tuyến đường kết nối từ đường ĐH.66B với đường tỉnh ĐT. 468, (Đường từ đường Thái Bình- Hà nam, đoạn từ đường ĐT.453 đến đường ĐH.66B)	1626; 24/2/2025	31.868	2.800	2.800	2.800	-	300		2.500	UBND xã Long Hưng	
15	Tuyến đường từ Quốc lộ 39 đi khu di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh Diệu Dung công chúa xã Chí Hòa			300	-						UBND xã Hồng Minh	
16	Xử lý khẩn cấp nút giao đường tỉnh ĐT.454 tại Km7+930, huyện Hưng Hà	6684; 21/10/2024	9.980	7.500	7.500	7.500	-	4.500		3.000	UBND xã Hồng Minh	
17	Xử lý cấp bách nạo vét, kè kênh Thái Sư huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	NQ 49; 18/12/2024	266.639	300	-						UBND xã Long Hưng	
18	Đường từ đường ĐT.452 đi cầu Đồng Lạc, xã Minh Khai			300	-						UBND xã Hưng Hà	
19	Xây dựng tuyến đường kết nối trung tâm UBND xã Hòa Bình đi UBND xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà và xã Lô Giang, huyện Đông Hưng	2834; 4/4/2025	79.946	5.300	5.300	5.300	-	300		5.000	UBND xã Thần Khê	
20	Đường từ khu dân cư kiểu mẫu xã Minh Khai đi đường tỉnh ĐT.454, huyện Hưng Hà, giai đoạn 2: Đoạn từ đường ĐH.59 đến đường tỉnh ĐT.452	2813; 03/4/2025	96.215	8.300	7.939	7.939	-	3.300		4.639	UBND xã Hưng Hà	
21	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH,61 đoạn từ ngã ba Giếng Đầu và đường ĐH,59 đoạn từ Thái Bình - Hà Nam đi di tích lịch sử quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà (Giai đoạn 3)	NQ 35; 18/12/2024	87.700	300	300	300	-	300			UBND xã Long Hưng	
22	Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường tỉnh ĐT.455 đi cụm công nghiệp xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà			300	-						UBND xã Thần Khê	
23	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL39 đi sông Tiên Hưng, huyện Hưng Hà			300	-						UBND xã Hưng Hà	
24	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ QL39 qua khu dân cư Đồng lạc, Tuy Lai đến trạm bơm Tuy Lai xã Minh Khai, huyện Hưng Hà			300	300	300	-	300			UBND xã Hưng Hà	
25	Tu bổ, tôn tạo cấp bách Di tích cấp Quốc gia Khu Lưu niệm Danh nhân Văn hóa Lê Qúy Đôn, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà			1.000	1.000	1.000	-	1.000			UBND xã Lê Quý Đôn	
26	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61A, ĐH.67A; đoạn từ đường QL39 đến đường ĐH.65, huyện Hưng Hà (giai đoạn 3)	4399 ngày 19/5/2025	108.000	300	300	300	-	300			UBND xã Tiên La	
B	**CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ ĐỂ TẠO NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**		**209.998**	**134.571**	**10.210**	-					-	
I	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**		-	**9.960**	**9.960**	-						
1	Xây dựng rãnh thoát nước Khu tái định cư cầu Thái Hà, xã Tiến Đức			1.696	1.696						UBND xã Hưng Hà	
2	Dịch chuyển đường điện 10Kv khu tái định cư cầu Thái Hà, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà			384	384						UBND xã Long Hưng	
3	Hạ tầng kỹ thuật đô thị trung tâm thị trấn Hưng Hà			303	303						UBND xã Hưng Hà	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
4	Hạ tầng kỹ thuật đô thị trung tâm thị trấn Hưng Hà; Hạng mục: Chỉnh trang, đường, vỉa hè và xây dựng hệ thống cống ngầm đoạn từ cầu qua sông 223 đến khu chợ mới			301	301						UBND xã Hưng Hà	
5	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị trung tâm thị trấn Hưng Hà; Hạng mục: Cầu qua sông 223			293	293						UBND xã Hưng Hà	
6	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị trung tâm thị trấn Hưng Hà; Hạng mục: Đường từ tuyến QH số 13 khu trung tâm thương mại qua chùa Chàng			5.830	5.830						UBND xã Hưng Hà	
7	Xây dựng rãnh thoát nước khu dân cư Phúc Lộc, thị trấn Hưng Hà			408	408						UBND xã Hưng Hà	
8	Hạ tầng khép kín điểm dân cư thôn Bùi Xá, xã Tân Lễ			259	259						UBND xã Hưng Hà	
9	Hạ tầng khép kín điểm dân cư tổ dân phố Mễ, thị trấn Hưng Nhân			486	486						UBND xã Long Hưng	
II	**Dự án đang triển khai thực hiện**		**104.999**	**124.611**	**250**	-	-	-				
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Đăn Chàng 2, thị trấn Hưng Hà	2963; 28/4/2023	104.999	105.000	250						UBND xã Hưng Hà	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư chợ Thá (cũ), thị trấn Hưng Hà			19.611	-						UBND xã Hưng Hà	
C	**VỐN XỔ SỐ KIẾN THIẾT**			**28.762**	**28.462**	-	-	-				
1	Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học, THCS xã Bắc Sơn			910	910						UBND xã Thần Khê	
2	Hỗ trợ xây dựng Trường mầm non xã Chi Lăng			2.246	2.246						UBND xã Thần Khê	
3	Hỗ trợ xây dựng Trường THCS Lê Tư Thành, xã Đông Đô			3.000	3.000						UBND xã Thần Khê	
4	Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học và THCS Dân Chủ			1.000	1.000						UBND xã Diên Hà	
5	Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học Phạm Kính Ân; Hạng mục: 15 phòng học			6.000	6.000						UBND xã Long Hưng	
6	Trường tiểu học và THCS xã Bắc Sơn,			-	-	-	-	-			UBND xã Thần Khê	
7	Hỗ trợ xây dựng Trường THCS Trần Thái Tông, xã Tiến Đức; Hạng mục: 08 phòng học			600	600						UBND xã Long Hưng	
8	Trường THCS xã Hòa Bình (hạng mục: Nhà học 3 tầng, 12 phòng)			3.750	3.750	-	-	-			UBND xã Hưng Hà	
9	Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học Lê Tư Thành, xã Đông Đô; Hạng mục: Nhà học 3 tầng, 18 phòng			4.300	4.300						UBND xã Thần Khê	
10	Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học và THCS xã Phúc Khánh; Hạng mục: Nhà đa năng 2 tầng, 16 phòng			2.700	2.700						UBND xã Tiên La	
11	Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học xã Tân Tiến; Hạng mục: Nhà học, 10 phòng			3.874	3.874						UBND xã Tiên La	
12	Trường Tiểu học và THCS Kỳ Đồng, xã Văn Cẩm (Hang mục: Nhà học 3 tầng 20 phòng học)			-	-	-	-	-			UBND xã Diên Hà	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
13	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng bộ môn trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Thái Hưng; Hạng mục: Giai đoạn 1 - 6 phòng học và các phòng học			-	-	-	-	-			UBND xã Long Hưng	
14	Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học và THCS xã Phúc Khánh; Hạng mục: Nhà ăn bán trú và một số hạng mục phụ trợ			300	-	-					UBND xã Tiên La	
15	Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa xã Chi Lăng			82	82						UBND xã Thần Khê	
D	**HỖ TRỢ CÁC XÃ, THỊ TRẤN THEO CƠ CHẾ CỦA HUYỆN**			**210.675**	**111.872**	**71.583**	**-**	**71.583**				
1	***Hỗ trợ xây dựng trụ sở công an xã***			**3.000**	**3.000**	**-**						
	Trong đó:				-							
-	Xã Thống Nhất			1.000	1.000						UBND xã Hưng Hà	
-	Xã Tây Đô			1.000	1.000						UBND xã Thần Khê	
-	Xã Điệp Nông			1.000	1.000						UBND xã Diên Hà	
2	**Hỗ trợ các xã theo cơ chế của huyện**			**146.049**	**64.419**	**32.976**	**-**	**32.976**				
	- Trong đó:				-							
2.1	***Hỗ trợ xã xây dựng Nông thôn mới theo Nghị quyết số 84/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân huyện***			**37.698**	**15.639**	**9.639**	**-**	**9.639**				
-	Xã Chí Hòa			11.438	-						UBND xã Hồng Minh	
-	Xã Hòa Bình			1.650	-						UBND xã Hưng Hà	
-	Xã Hồng An			1.763	-						UBND xã Lê Quý Đôn	
-	Xã Thái Phương			10.174	10.174	4.174		4.174			UBND xã Tiên La	
-	Xã Thái Hưng			3.617	1.652	1.652	-	1.652			UBND xã Long Hưng	
-	Xã Tân Tiến			4.008	-						UBND xã Tiên La	
-	Xã Phúc Khánh			763	-						UBND xã Tiên La	
-	Xã Dân Chủ			3.813	3.813	3.813		3.813			UBND xã Diên Hà	
-	Xã Hồng Minh			472	-						UBND xã Hồng Minh	
2.2	***Hỗ trợ xã xây dựng công trình vùng sản xuất tập trung quy mô lớn (giai đoạn 2)***			**20.450**	**16.450**	**9.150**	**-**	**9.150**				
-	Xã Thống Nhất			3.300	3.300						UBND xã Hưng Hà	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
-	Xã Qung Trung (Xã Điệp Nông)			5.400	5.400	2.700		2.700			UBND xã Diên Hà	
-	Xã Cộng Hòa			4.000	1.300						UBND xã Ngư Thiên	
-	Xã Duyên Hải			3.850	2.550	2.550	-	2.550			UBND xã Diên Hà	
-	Xã Quang Trung (Xã Dân Chủ)			3.900	3.900	3.900		3.900			UBND xã Diên Hà	
2.3	***Hỗ trợ kinh phí tiền sử dụng đất, hoàn trả cho xã***			**86.932**	**31.361**	**13.218**	**-**	**13.218**				
-	Xã Hòa Bình			9.041	-						UBND xã Hưng Hà	
-	Xã Chí Hòa			3.208	-						UBND xã Hồng Minh	
-	Xã Tiến Đức			4.100	-						UBND xã Long Hưng	
-	Xã Duyên Hải			8.558	-						UBND xã Diên Hà	
-	Xã Quang Trung (Xã Điệp Nông)			366	-						UBND xã Diên Hà	
-	Xã Quang Trung (Xã Hùng Dũng)			2.942	1.671						UBND xã Diên Hà	
-	Xã Hòa Tiến			33.541	19.195	8.120	-	8.120			UBND xã Ngư Thiên	
-	Xã Đông Đô			13.457	4.178	1.543	-	1.543			UBND xã Thần Khê	
-	Xã Liên Hiệp			9.493	4.091	1.329	-	1.329			UBND xã Long Hưng	
-	Thị trấn Hưng Hà (Công trình: Nhà văn hóa Tổ dân phố Đồng Tu 2, thị trấn Hưng Hà)			2.226	2.226	2.226		2.226			UBND xã Hưng Hà	
2.4	***Hỗ trợ kinh phí thắp sáng đường quê giai đoạn 2023-2024***			**969**	**969**	**969**	**-**	**969**				
-	Xã Canh Tân			67	67	67	-	67			UBND xã Ngư Thiên	
-	Xã Hồng An			370	370	370	-	370			UBND xã Lê Quý Đôn	
-	Xã Minh Hòa			40	40	40	-	40			UBND xã Hồng Minh	
-	Xã Quang Trung (Hùng Dũng + Điệp Nông)			79	79	79	-	79			UBND xã Diên Hà	
-	Xã Chí Hòa			77	77	77		77			UBND xã Hồng Minh	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
-	Xã Tiến Đức			97	97	97		97			UBND xã Long Hưng	
-	Xã Kim Trung			75	75	75	-	75			UBND xã Hưng Hà	
-	Xã Tân Lễ			164	164	164		164			UBND xã Long Hưng	
3	**Hỗ trợ xã nâng cấp, cải tạo cụm nghĩa trang liệt sỹ**			**22.309**	**22.309**	**20.309**	-	20.309				
-	Cụm nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Hưng Nhân			6.000	6.000	4.000		4.000			UBND xã Long Hưng	
-	Cụm nghĩa trang liệt sỹ xã Đông Đô			5.085	5.085	5.085	-	5.085			UBND xã Thần Khê	
-	Cụm nghĩa trang liệt sỹ xã Quang Trung (xã Dân Chủ cũ)			3.000	3.000	3.000		3.000			UBND xã Diên Hà	
-	Cụm nghĩa trang liệt sỹ xã Chí Hòa			4.094	4.094	4.094	-	4.094			UBND xã Hồng Minh	
-	Cụm nghĩa trang liệt sỹ xã Tiến Đức			3.000	3.000	3.000	-	3.000			UBND xã Long Hưng	
-	Cụm nghĩa trang liệt sỹ xã Văn Lang			1.130	1.130	1.130	-	1.130			UBND xã Hưng Hà	
4	**Hỗ trợ giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã, thị trấn**			**39.317**	**22.144**	**18.298**	-	**18.298**				
-	Hỗ trợ xã Văn Lang xây dựng HTKT khu dân cư thôn Thường Duyên, Phúc Duyên xã Văn Lang			5.100	5.100	5.100		5.100			UBND xã Hưng Hà	
-	Hỗ trợ xã Tân Lễ Xây dựng cấp thiết tuyến đường cứu hộ cứu nạn từ Nhà thờ họ Trần Ngọc đi đê Hữu Luộc thôn Hà Khê, xã Tân Lễ			5.000	5.000	5.000		5.000			UBND xã Long Hưng	
-	Hỗ trợ cho xã Hồng Minh để xử lý nợ XDCB			5.398	5.398	5.398		5.398			UBND xã Hồng Minh	
-	Hỗ trợ xã Tân Lễ sửa chữa Kênh cứng từ đường trục xã đến giáp thị trấn Hưng Nhân (khu cánh đồng mẫu)			800	800	800		800			UBND xã Long Hưng	
-	Hỗ trợ xã Hùng Dũng Xây dựng cầu Hà Lý qua sông Việt Yên			4.500	-						UBND xã Diên Hà	
-	Hỗ trợ xã Tiến Đức xây dựng Trường THCS Trần Thái Tông xã Tiến Đức; Hạng mục: 08 phòng học			3.500	-						UBND xã Long Hưng	
-	Hỗ trợ xã Tân Lễ đôn san mặt bằng, xây dựng tường bao khu đất phục vụ việc hoàn táng ngôi mộ cổ tại thôn Hải Triều Xuân			500	-						UBND xã Long Hưng	
-	Hỗ trợ thị trấn Hưng Nhân xây dựng Kè sông thái sư, đoạn từ chợ huyện đến sông Sa Lung			3.000	-						UBND xã Long Hưng	
-	Hỗ trợ xã Hòa Bình xây dựng Trường THCS Hòa Bình; Hạng mục: San nền, tường bao, cổng dậu			411	-						UBND xã Hưng Hà	
-	Hỗ trợ xã Chi lăng để thanh toán Chi phí giải phóng mặt bằng công trình sân vận động trung tâm xã			846	846						UBND xã Thần Khê	
-	Hỗ trợ xã Tân Hòa để thanh toán Chi phí giải phóng mặt bằng công trình Hạ tầng dân cư thôn Me			1.612	-						UBND xã Ngư Thiên	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
-	Hỗ trợ thị trấn Hưng Nhân XD hoàn trả nghĩa trang nhân dân khu Đặng xá			2.000	2.000						UBND xã Long Hưng	
-	Hỗ trợ xã Chí Hòa xây dựng công trình nâng cấp di tích lịch sử cách mạng Đình Nhuệ			2.000	2.000	2.000	-	2.000			UBND xã Hồng Minh	
-	Xây dựng khẩn cấp đường giao thông liên xã Văn Lang - Kim Trung			1.500	-						UBND xã Hưng Hà	
-	Tu sửa nâng cấp khuôn viên đền Thờ Bác Hồ, xã Hồng An			150	-						UBND xã Lê Quý Đôn	
-	Cải tạo, nâng cấp đường từ cầu Độc Lập đi Dốc Văn, Thị trấn Hưng Nhân			2.000	-						UBND xã Lê Quý Đôn	
-	Xây dựng tuyến mương tiêu (mương ông Tưới) từ đường Thái Bình - Hà Nam đến sông Tà Sa			1.000	1.000						UBND xã Thần Khê	
E	**Hoàn trả kinh phí xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Tiến Đức cho công ty BOT cầu Thái Hà**			**6.374**	**6.374**	**6.374**	-	6.374			UBND xã Long Hưng	
F	**Hoàn ứng GPMB dự án Đường ra mộ các Vua Trần**			**873**	**873**	**873**	-	873			UBND xã Long Hưng	
G	**Uỷ thác cho ngân hàng chính sách xã hội huyện**			**1.300**	**1.300**	**1.300**		1.300			UBND xã Long Hưng	

PHỤ LỤC 16

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN KIẾN XƯƠNG QUẢN LÝ ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025							Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Lũy kế vốn đã giao từ 2021 đến hết 2024	KH năm 2025	Trong đó:					
								NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6		7	7a	7b	7c	7d	8	9
	TỔNG SỐ		**3.717.239**	**1.039.271**	**966.571**	**680.298**	**286.273**	**22.167**	**129.500**	**0**	**134.606**		
I	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**		**872.146**	**348.603**	**344.303**	**306.903**	**37.400**	**5.000**	**26.100**	**0**	**6.300**		
	Dự án đầu tư công do huyện quản lý không sử dụng vốn CT MTQG												
1	Cải tạo, nâng cấp đường Vũ Quý, Vũ Bình huyện Kiến Xương	470 ngày 11/4/2016; 1445 ngày 19/5/2020	24.837	6.113	6.113	6.113						UBND xã Vũ Quý	
2	Cải tạo, nâng cấp đường 219 đoạn Vũ Quý - Vũ Trung, huyện Kiến Xương	1990 ngày 31/12/2018	13.578	626	626	626						UBND xã Vũ Quý	
3	Cầu Quyết Tiến - Thanh Tân	573 ngày 7/5/2019	14.807	0	0	0						UBND xã Lê Lợi	
4	Trụ sở hội người mù		412	48	48	48						UBND xã Kiến Xương	
5	Trụ sở Huyện ủy, HĐND-UBND huyện Kiến Xương; HM khối nhà HĐND-UBND huyện	1645 ngày 20/10/2011	46.862	183	183	183						UBND xã Kiến Xương	
6	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở BHXH cũ làm Trụ sở tiếp công dân	1536 (20/9/2017)	575	516	516	516						UBND xã Kiến Xương	
7	Xây dựng khẩn cấp Khu cách ly phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của Virut Corona gây ra (Covid-19)	369 ngày 20/3/2020	1.459	31	31	31						UBND xã Kiến Xương	
8	Cải tạo nâng cấp đường Quang Trung, Quang Minh, Minh Hưng	1919 ngày 22/11/2017	136.333	25.233	25.233	25.233						UBND xã Kiến Xương	
9	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Nam Cao, Thượng Hiền đi xã Vũ Lăng huyện Tiền Hải	1509 ngày 05/11/2013; 1358 ngày	21.116	1.400	1.400	1.400						UBND xã Lê Lợi	
10	Cải tạo nâng cấp đường liên xã An Bồi đi Thượng Hiền	1796 ngày 21/10/2019; 1609 ngày 25/11/2013	17.313	2.003	2.003	2.003						UBND xã Kiến Xương	
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vũ Trung - Vũ Hòa, huyện Kiến Xương (GĐ5: Từ cống Cù Là xã Vũ Hòa đến xã Vũ Thắng	912 ngày 18/6/2020	14.850	4.598	4.598	4.598						UBND xã Vũ Quý	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025							Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Lũy kế vốn đã giao từ 2021 đến hết 2024	KH năm 2025	Trong đó:					
								NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
12	Nâng cấp, cải tạo đường cứu hộ, cứu nạn liên xã Bình Nguyên- An Bình - Vũ Tây, huyện Kiến Xương	1637 (6/10/2017)	30.333	10.743	10.743	10.743						UBND xã Bình Nguyên	
13	Xử lý cấp bách nạo vét và kè mái chống sạt lở sông T13, huyện Kiến Xương	2589 ngày 12/8/2021	6.987	6.765	6.765	6.765						UBND xã Hồng Vũ	
14	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.29 đoạn từ cầu sắt đến đường tỉnh ĐT.457 (gần UBND xã Hồng Thái), huyện Kiến Xương	QĐ 2421 ngày 15/12/2020	22.092	20.320	20.320	20.320						UBND xã Trà Giang	
15	Cải tạo nâng cấp đường Vũ Trung - Vũ Hòa (Giai đoạn 4)	648 ngày 10/6/2014	10.660	753	753	753						UBND xã Vũ Quý	
16	Xử lý cấp bách đoạn bờ bao từ Cống tiêu thủy sản đến Bãi Cói tương ứng Km200+400 -:- Km200+800 với đê chính, xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương phục vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	QĐ 4360 ngày 01/12/2023	1.119	1.040	1.040	1.040						UBND xã Bình Định	
17	Nạo vét Kênh Mố Đò xã Minh Quang, Bình Thanh, Nam Bình, huyện Kiến Xương	QĐ 1473 ngày 19/6/2023	1.029	954	954	954						UBND xã Bình Thanh	
18	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Km16+100 đường tỉnh ĐT.457 đến Khu di tích lịch sử quốc gia Cơ sở Xứ ủy Bắc Kỳ - Nhà đồng chí Phạm Quang Lịch	QĐ 972 ngày 04/5/2023	4.238	4.000	4.000	4.000						UBND xã Lê Lợi	
19	Xây dựng hệ thống đèn cảnh báo an toàn giao thông tại các nút giao và vị trí mất an toàn giao thông trên tuyến đường làng nghề Kim - Đình Phùng (đường huyện ĐH.15), huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	QĐ 2519 ngày 09/8/2023	2.486	2.300	2.300	2.300						UBND xã Kiến Xương	
20	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Minh Quang - Minh Tân, huyện Kiến Xương (đoạn từ ngã 3 Đình Son xã Minh Quang giao với đường thoát lũ)	2800 ngày 07/9/2021	22.285	17.670	17.670	17.670						UBND xã Bình Thanh	
21	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường làng nghề Kim - Đình Phùng, huyện Kiến Xương (đoạn từ xã Vũ Lễ đến ngã tư xã Đình Phùng)	980 ngày 26/6/2020	129.417	83.306	83.306	78.266	5.040	0	5.040	0	0	UBND xã Lê Lợi	
22	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.19, huyện Kiến Xương (Đoạn từ UBND xã Vũ Bình đến Đê Tả Hồng Hà II)	578 ngày 27/4/2022	11.340	10.672	10.672	10.155	517	0	517	0	0	UBND xã Hồng Vũ	
23	Chỉnh trang vỉa hè thị trấn Kiến Xương (đoạn từ Trạm thu phí BOT đến Bệnh viện đa khoa huyện Kiến	QĐ 2152 ngày 13/10/2022	14.456	13.586	13.586	13.100	486	0	486	0	0	UBND xã Kiến Xương	
24	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Lê Lợi - Quyết Tiến - Bình Nguyên huyện Kiến Xương	739 ngày 22/6/2020	44.463	22.100	22.100	20.100	2.000	0	2.000	0	0	UBND xã Bình Nguyên	
25	Đầu tư cải tạo nâng cấp chỉnh trang Trung tâm hành chính huyện Kiến Xương; Hạng mục: Sân bê tông, lán để xe	396 ngày 22/3/2022	3.279	3.136	3.136	3.136						UBND xã Kiến Xương	
26	Trường bắn, thao trường huấn luyện của lực lượng vũ trang huyện Kiến Xương	QĐ 310 ngày 02/3/2023	4.782	4.386	4.386	4.000	386	0	386	0	0	UBND xã Kiến Xương	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025							Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Lũy kế vốn đã giao từ 2021 đến hết 2024	KH năm 2025	Trong đó:					
								NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
27	Nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm làng nghề truyền thống trạm bạc Đồng Xâm, Kiến Xương	990 ngày 29/9/2020	11.103	5.950	5.950	5.950						UBND xã Trà Giang	
29	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên đường Trần Nhân Tông, thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	QĐ 147 ngày 02/02/2024	14.071	6.000	6.000	1.000	5.000	0	5.000	0	0	UBND xã Kiến Xương	
30	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.28 đoạn qua xã Vũ Ninh - Vũ An và tuyến nhánh qua Đền Vua Rộc, xã Vũ An, huyện Kiến Xương	776 ngày 07/6/2022	44.998	19.500	19.500	16.500	3.000	2.000	1.000	0	0	UBND xã Vũ Quý	
31	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Quang Trung - Quang Hưng - Bình Thanh, huyện Kiến Xương	981 ngày 26/6/2020; 579 ngày 27/3/2022	67.516	36.571	34.271	23.900	10.371	0	4.071	0	6.300	UBND xã Bình Thanh	
32	Xây dựng cầu Trắng xã An Bình, huyện Kiến Xương	QĐ 148 ngày 02/02/2024	12.549	11.000	11.000	6.000	5.000	0	5.000	0	0	UBND xã Bình Nguyên	
33	Xử lý cấp bách công trình kè sông T30 đoạn qua khu dân cư và cứng hóa kênh tưới phục vụ xản xuất xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương	QĐ 168 ngày 06/02/2024	14.481	9.000	9.000	6.000	3.000	3.000	0	0	0	UBND xã Hồng Vũ	
34	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ven kênh Nguyệt Lâm từ xã Quang Minh đi xã Minh Tân và chống sạt lở bờ kênh (đoạn giao với đường ĐH.17 đến cống Kem xã Minh Tân), huyện Kiến Xương	QĐ 1240 ngày 30/5/2023	73.421	12.000	12.000	12.000	0	0		0	0	UBND xã Bình Thanh	
35	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang trung tâm hành chính huyện Kiến Xương; Hạng mục: Sửa chữa, sơn ngoài nhà, chống thấm, phòng cháy chữa cháy và một số hạng mục khác của Trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện	2477 ngày 01/11/2024	4.965	4.000	2.000	0	2.000	0	2.000	0	0	UBND xã Kiến Xương	
	Dự án Chương trình MTQG nông thôn mới				**0**	0							
36	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung Hợp tác xã Hồng Tiến	QĐ 2826 ngày 06/12/2022	9.976	600	600	0	600	0	600	0	0	UBND xã Bình Định	
37	Xây dựng kết cấu hạ tầng Hợp tác xã kiểu mới xã Bình Định, huyện Kiến Xương	QĐ 2839 ngày 07/12/2022	9.960	0	0	0						UBND xã Bình Định	
38	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng lúa hữu cơ Hợp tác xã Bình Định, huyện Kiến Xương	QĐ 3280 ngày 25/10/2023	8.000	1.500	1.500	1.500	0					UBND xã Bình Định	
II	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**		**130.496**	**2.000**	**2.000**	**0**	**2.000**	**0**	**2.000**	**0**	**0**		
	Dự án đầu tư công do huyện quản lý				**0**	0							
1	Trụ sở Huyện ủy, HĐND-UBND huyện Kiến Xương; HM nhà làm việc khối Huyện ủy	1645 (20/10/2011)	37.544	0	0	0						UBND xã Kiến Xương	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025							Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Lũy kế vốn đã giao từ 2021 đến hết 2024	KH năm 2025	Trong đó:					
								NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
2	Đền liệt sỹ huyện Kiến Xương	1660 ngày 09/10/2017	86.457	0	0	0						UBND xã Kiến Xương	
	Dự án Chương trình MTQG nông thôn mới			**0**	**0**	0							
3	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung Hợp tác xã Thanh Tân	QĐ 2840 ngày 07/12/2022	6.495	2.000	2.000	0	2.000	0	2.000	0	0	UBND xã Bình Nguyên	
III	**DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2025**		**1.160.491**	**417.324**	**417.324**	**277.451**	**139.873**	**17.167**	**23.400**	**0**	**99.306**		
	Dự án đầu tư công do huyện quản lý				**0**	0							
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã Hòa Bình - Đình Phùng	982 ngày 26/6/2020; 2251 ngày 31/10/2022	86.851	33.870	33.870	29.870	4.000	2.000	2.000	0	0	UBND xã Quang Lịch	
2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường huyện Vũ Thắng - Bình Định, huyện Kiến Xương (Đoạn từ UBND xã Bình Định đến cầu Đò Mèn, xã Nam Hải, huyện Tiền Hải)	QĐ 14 ngày 06/01/2021, QĐ2250 ngày 31/10/2022; QĐ 431 ngày 04/4/2024	94.141	71.568	71.568	54.568	17.000	3.000	2.000	0	12.000	UBND xã Bình Định	
3	Cải tạo, nâng cấp đường Bình Thanh - Bình Định - Hồng Tiến, huyện Kiến Xương	3920 ngày 22/12/2021; 3173 ngày 27/12/2022; 4371 ngày 04/12/2023	153.812	44.442	44.442	27.442	17.000	0	2.000	0	15.000	UBND xã Bình Định	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.17A (đoạn từ Cầu Quán đến cống Ông Vang thuộc địa phận xã Quang Bình), huyện Kiến Xương	QĐ 2974 ngày 14/12/2022	39.026	16.828	16.828	6.828	10.000	3.000	2.000	0	5.000	UBND xã Kiến Xương	
5	Đường ĐT.457 (đường 222 cũ) đoạn từ cầu Trà Giang đi xã Bình Minh, huyện Kiến Xương	2029 ngày 23/12/2016; 2082 ngày 09/11/2020; 356 ngày 11/3/2022; 1821 ngày 12/9/2022; 748 ngày 07/5/2024	435.361	128.476	128.476	96.603	31.873	3.167	6.400	0	22.306	UBND xã Lê Lợi	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cơ sở Xứ ủy Bắc Kỳ năm 1930 (Nhà đồng chí Phạm Quang Lịch), xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	QĐ 306 ngày 04/3/2024	30.000	20.000	20.000	10.000	10.000	0	0	0	10.000	UBND xã Lê Lợi	
8	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.16, huyện Kiến Xương (đoạn từ ngã ba chợ Đác xã Vũ Lễ đến đường 219 xã Quang Lịch)	QĐ 323 ngày 07/3/2023	78.412	25.000	25.000	10.000	15.000	3.000	2.000	0	10.000	UBND xã Vũ Quý	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025							Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Lũy kế vốn đã giao từ 2021 đến hết 2024	KH năm 2025	Trong đó:					
								NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.30 huyện Kiến Xương (Đoạn từ cầu nhà máy nước xã Vũ Hòa đến đường ĐH.13 huyện Vũ Thư)	QĐ 314 ngày 06/3/2023	31.975	5.140	5.140	2.140	3.000	0	3.000	0	0	UBND xã Hồng Vũ	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.460 đoạn từ nhà Văn hoá thôn 9, xã Vũ Trung đến đường ĐH.30 xã Vũ Hoà, huyện Kiến Xương	QĐ 3150 ngày 09/10/2023; NQ 206 ngày 21/11/2024	75.700	17.000	17.000	-3.000	20.000	3.000	2.000	0	15.000	UBND xã Vũ Quý	
11	Trung Tâm Văn hóa Thể thao huyện Kiến Xương	08 ngày 06/01/2022; 1146 ngày 21/6/2024	123.264	55.000	55.000	43.000	12.000	0	2.000	0	10.000	UBND xã Kiến Xương	
	Dự án Chương trình MTQG nông thôn mới			**0**	**0**	0							
12	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung Hợp tác xã Bình Định, huyện Kiến Xương	QĐ 843 ngày 24/4/2023	11.950	0	0	0	0					UBND xã Bình Định	
IV	**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2025**		**177.429**	**35.000**	**35.000**	**0**	**35.000**	**0**	**6.000**	**0**	**29.000**		
1	Xử lý cấp bách nâng cấp tuyến đê bối Trà Giang - Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	QĐ 1116 ngày 27/3/2025	95.986	23.000	23.000	0	23.000	0	3.000	0	20.000	UBND xã Trà Giang	
2	Nâng cấp đường huyện ĐH.35 (đoạn từ giao với Quốc lộ 37B đến cầu Bắc Trạch), huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	1222/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	73.948	5.000	5.000	0	5.000		1.000		4.000	UBND xã Kiến Xương	
3	Nạo vét kênh Đồn và kênh Rọng huyện Kiến Xương	1076/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	7.495	7.000	7.000	0	7.000		2.000		5.000	UBND xã Bình Định	
V	**DỰ ÁN ĐANG TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, SẮP TRIỂN KHAI**		**1.034.922**	**139.400**	**71.000**	**0**	**71.000**	**0**	**71.000**	**0**	**0**		
1	Xây dựng khẩn cấp cầu Bặt qua kênh Nguyệt Lâm trên đường ĐH.17A, xã Quang Bình, huyện Kiến Xương	NQ199 ngày 19/8/2024	20.000	1.000	1.000	0	1.000	0	1.000	0	0	UBND xã Kiến Xương	
2	Xây dựng tuyến đường ĐH.26 đoạn từ xã Nam Bình đến xã Bình Thanh, huyện Kiến Xương	NQ 231 ngày 18/12/2024	80.000	5.000	0	0	0					UBND xã Bình Định	
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.22 xã An Bình, huyện Kiến Xương	NQ 230 ngày 18/12/2024	90.000	5.000	0	0	0					UBND xã Bình Nguyên	
4	Xây dựng tuyến đường huyện ĐH.30 đoạn từ đường huyện ĐH.17 thuộc xã Quang Bình đến cầu Hưng Long thuộc thị trấn Kiến Xương	NQ 232 ngày 18/12/2024	115.000	5.000	0	0	0					UBND xã Kiến Xương	
	Dự án Chương trình MTQG nông thôn mới			**0**	**0**	0							

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025							Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Lũy kế vốn đã giao từ 2021 đến hết 2024	KH năm 2025	Trong đó:					
								NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
5	Đầu tư kết cấu hạ tầng Hợp tác xã Nam Cao (xã Thống Nhất mới), huyện Kiến Xương; Hạng mục: Kênh tưới tiêu và đường giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp (Đoạn từ thôn Nam Đường Đông đến thôn Cao Bạt Đình)	2712 ngày 27/5/2025	3.686	0	0	0	0					UBND xã Lê Lợi	
	Dự án hạ tầng công trình tạo nguồn và tái định cư phục vụ GPMB dự án CT08				**0**	0							
1	Hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố Tiền Tuyến, thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương	1122/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	48.974	5.000	5.000	0	5.000		5.000			UBND xã Kiến Xương	
2	Hạ tầng điểm dân cư phía Nam đường cầu Vũ Quý - Vũ Trung, xã Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	NQ168 ngày 14/11/2023	24.500	5.000	5.000	0	5.000		5.000			UBND xã Vũ Quý	
3	Hạ tầng Khu dân cư đường Võ Thị Sáu, thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	NQ170 ngày 14/11/2023	14.900	5.000	5.000	0	5.000		5.000			UBND xã Kiến Xương	
4	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Giang Nam, thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	744/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	137.327	10.000	10.000	0	10.000		10.000			UBND xã Kiến Xương	
5	Hạ tầng khu dân cư phía Bắc đường cầu Vũ Quý - Vũ Trung, xã Vũ Quý, xã Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	807/QĐ-UBND ngày 14/2/2025	62.043	5.000	5.000	0	5.000		5.000			UBND xã Vũ Quý	
6	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư thôn Đức Chính, xã Nam Bình, huyện Kiến Xương (phục vụ giải phóng mặt bằng và mở rộng khu dân cư)	819/QĐ-UBND ngày 20/2/2025	97.943	10.000	10.000	0	10.000		10.000			UBND xã Bình Định	
7	Hạ tầng Khu dân cư thôn An Cơ Đông, xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương (phục vụ giải phóng mặt bằng và mở rộng dân cư)	NQ188 ngày 11/4/2024	20.100	5.000	5.000	0	5.000		5.000			UBND xã Bình Nguyên	
8	Hạ tầng Khu dân cư thôn An Cơ Nam, xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương (phục vụ giải phóng mặt bằng và mở rộng dân cư)	NQ189 ngày 11/4/2024	30.400	5.000	5.000	0	5.000		5.000			UBND xã Bình Nguyên	
9	Hạ tầng Khu dân cư thôn Giang Tiến, xã Quang Minh, huyện Kiến Xương (phục vụ giải phóng mặt bằng và mở rộng dân cư)	3978/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	25.113	5.000	5.000	0	5.000		5.000			UBND xã Kiến Xương	
10	Hạ tầng điểm dân cư thôn Quân Hành, xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương (phục vụ giải phóng mặt bằng và mở rộng dân cư)	818/QĐ-UBND ngày 20/2/2025	41.036	5.000	5.000	0	5.000		5.000			UBND xã Bình Nguyên	
11	Hạ tầng khu dân cư thôn Hưng Đạo và Đông Thành, xã Bình Minh, huyện Kiến Xương (phục vụ giải phóng mặt bằng và mở rộng dân cư)	NQ208 ngày 21/11/2024	170.500	10.000	10.000	0	10.000		10.000			UBND xã Kiến Xương	
12	Hạ tầng khu dân cư thôn Cao Trung, xã Thống Nhất, huyện Kiến Xương (phục vụ giải phóng mặt bằng và mở rộng khu dân cư)	2589/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	53.400	53.400	0	0	0					UBND xã Lê Lợi	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025							Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Lũy kế vốn đã giao từ 2021 đến hết 2024	KH năm 2025	Trong đó:					
								NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
VI	**NHIỆM VỤ, DỰ ÁN KHÁC**		**341.755**	**96.944**	**96.944**	**95.944**	**1.000**	**0**	**1.000**	**0**	**0**		
VI.1	**Đối ứng ngân sách huyện thực hiện dự án tỉnh quản lý**		**341.755**	**71.459**	**71.459**	**71.459**	**0**						
1	Cải tạo nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn liên xã Quang Bình, Quang Minh, Minh Tân, Bình Thanh huyện Kiến Xương	2056/QĐ-UBND ngày 14/10/2011; 2435/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	341.755	70.409	70.409	70.409						UBND xã Kiến Xương	
2	Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km27+900 - Km28+400 (khu vực cầu Cam) Quốc lộ 37B, tỉnh Thái Bình			1.050	1.050	1.050						UBND xã Kiến Xương	
VI.2	**Hỗ trợ các xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao**		**0**	**4.000**	**4.000**	**3.000**	**1.000**	**0**	**1.000**				
1	Xã Bình Định			500	500	500						UBND xã Bình Định	
2	Xã Bình Thanh			500	500	500						UBND xã Bình Thanh	
3	Xã Vũ Hòa			500	500	500						UBND xã Hồng Vũ	
4	Xã Vũ Ninh			500	500	500						UBND xã Vũ Quý	
5	Xã Nam Bình			500	500	500						UBND xã Bình Định	
6	Xã Quang Trung			500	500	500						UBND xã Kiến Xương	
7	Xã Vũ An			500	500		500	0	500	0	0	UBND xã Vũ Quý	
8	Xã Vũ Lễ			500	500		500		500			UBND xã Quang Lịch	
VI.3	**Vốn xổ số kiến thiết**			**21.484,5**	**21.484,5**	**21.484,5**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**		
1	Năm 2021			3.610	3.610	3.610							
-	*Trường Mầm Non xã Vũ Bình*			*2.200*	*2.200*	*2.200*						*UBND xã Hồng Vũ*	
-	*Trường Mầm Non Quang Hưng, xã Minh Quang*			*300*	*300*	*300*						*UBND xã Bình Thanh*	
-	*Trường Tiểu học và THCS Bình Nguyên*			*1.110*	*1.110*	*1.110*						*UBND xã Bình Nguyên*	
2	Năm 2022			4.254	4.254	4.254							
-	*Trường Mầm Non xã Vũ Bình; Hạng mục: Nhà vòm vui chơi cho học sinh, nhà để xe giáo viên*			*800*	*800*	*800*						*UBND xã Hồng Vũ*	
-	*Trường THCS Vũ Tây, xã Tây Sơn; Hạng mục: Nhà học 2 tầng, nhà hiệu bộ*			*1.050*	*1.050*	*1.050*						*UBND Phường Trần Lãm*	
-	*Trường THCS Thanh Nê, thị trấn Kiến Xương; Hạng mục: Sân bê tông, lán để xe, bồn cây*			*1.504*	*1.504*	*1.504*						*UBND xã Kiến Xương*	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025							Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Lũy kế vốn đã giao từ 2021 đến hết 2024	KH năm 2025	Trong đó:					
								NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
	Trường Tiểu học xã Bình Định			*900*	*900*	*900*						*UBND xã Bình Định*	
3	Năm 2023			8.242,5	8.243	8.242,5							
-	*Trường Tiểu học và THCS Quang Lịch, huyện Kiến Xương*			*2.800*	*2.800*	*2.800*						*UBND xã Quang Lịch*	
-	*Trường THCS Lê Quý Đôn, thị trấn Kiến Xương*			*3.800*	*3.800*	*3.800*						*UBND xã Kiến Xương*	
-	*Trường Mầm Non Vũ Bình*			*500*	*500*	*500*						*UBND xã Hồng Vũ*	
-	*Trường Tiểu học xã Bình Định*			*804,5*	*804,5*	*804,5*						*UBND xã Bình Định*	
-	*Trường Mầm Non An Bồi*			*338*	*338*	*338*						*UBND xã Kiến Xương*	
4	Năm 2024			5.378	5.378	5.378							
-	*Trường Tiểu học và THCS Quang Lịch, huyện Kiến Xương*			*1.500*	*1.500*	*1.500*						*UBND xã Quang Lịch*	
-	*Trường Tiểu học và THCS xã Vũ Bình*			*900*	*900*	*900*						*UBND xã Hồng Vũ*	
-	*Trường THCS Lê Quý Đôn, thị trấn Kiến Xương*			*2.978*	*2.978*	*2.978*						*UBND xã Kiến Xương*	

PHU LỤC SỐ 17

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN TIỀN HẢI QUẢN LÝ ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
	TỔNG SỐ		**3.619.691**	**2.737.184**	**2.437.031**	**734.499**	**23.006**	**612.693**	**0**	**98.800**		
I	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**		**2.189.409**	**1.808.509**	**1.860.800**	**225.916**	**3.100**	**202.716**	**0**	**20.100**		
1	Xây dựng cầu trạm xá xã An Ninh đường 8B (ĐH.33) huyện Tiền Hải Hạng mục: Cầu trạm xá-KM0+100,57	QĐ số 8610, ngày 25/11/2019	14.944	1.771	13.173	-					UBND xã Tiền Hải	
2	Đường số 2,4 khu tái định cư xã An Ninh	QĐ số 6085, ngày 29/08/2014	5.688	102	5.688	-					UBND xã Tiền Hải	
3	Đường số 3 khu tái định cư xã An Ninh	, ngày24 /11/2014	5.706	334	5.706	-					UBND xã Tiền Hải	
4	Trạm biến áp, khu tái định cư xã An Ninh	QĐ số 423, ngày 09/02/2015	2.005	416	2.005	-					UBND xã Tiền Hải	
5	Đường số 1 khu tái định cư xã An Ninh	QĐ số , ngày 08/01/2015	5.706	261	5.706	-					UBND xã Tiền Hải	
6	Nâng cấp, cải tạo đường Hoàng Văn Thái, đoạn từ tượng đài 14/10 đến đường Vành đai phía Tây	QĐ số 8596, ngày 31/12/2020	7.521	105	7.521	-					UBND xã Tiền Hải	
7	Nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hệ thống cống rãnh nước chống ngập lụt khu vực thị trấn Tiền Hải.		8.320	8.320	8.320	-					UBND xã Tiền Hải	
8	Thanh toán nợ đọng các dự án từ 2021 đến năm 2022 phòng Kinh tế hạ tầng làm chủ đầu tư		9.277	3.264	9.277	-					UBND xã Tiền Hải	
9	Cải tạo nâng cấp đường Vũ Trọng (đường vành đai phía tây TT)	QĐ số 1297, ngày 16/3/2022	31.591	31.591	31.591	-					UBND xã Tiền Hải	
10	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Hoàng Văn Thái (đoạn từ đường Vũ Trọng đến UBND xã Tây An cũ)	QĐ số 2547, ngày 29/4/2022	13.703	8.703	8.703	-					UBND xã Tiền Hải	
11	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.37 huyện Tiền Hải đoạn từ Km18 giao quốc lộ 37B xã An Ninh đến cầu cổ rồng xã Phương Công Hạng mục: Nền, mặt đường	QĐ số 2546, ngày 29/4/2022	7.364	7.364	7.364	-					UBND xã Tiền Hải	
12	Kè đường tây An-Vũ Lăng ĐH.38: Hạng mục Nâng cấp nền mặt đường và kè chống sạt lở bờ sông	QĐ số 5735, ngày 21/8/2023	24.435	24.435	24.435	-					UBND xã Tiền Hải	
13	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Vinh (Từ sau nhà Văn Hóa đến đường Nguyễn Công Trứ)	QĐ số 10048, ngày 29/12/2023	14.331	14.331	14.331	-					UBND xã Tiền Hải	
14	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Ái (từ hiệu thuốc TL.458 đến TL.465)	QĐ số 553, ngày 29/01/2024	7.870	7.870	11.304	3.434	-	3.434	-	-	UBND xã Tiền Hải	
15	Xây dựng cầu Vũ Lăng trên đường Tây An - Vũ Lăng (ĐH.38)	QĐ số 1767, ngày 26/4/2024	19.755	14.378	19.755	8.351	-	8.351	-	-	UBND xã Tiền Hải	
16	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường nối từ đường QL37B đến đường trục xã Tây Lương.	QĐ số 2303, ngày 24/4/2023	4.150	4.150	4.150	-					UBND xã Tiền Hải	
17	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường và kè tuyến đường liên xã Tây Ninh- Đông Phong	QĐ số 2303, ngày 28/6/2021	29.698	29.698	29.698	5.666	-	5.666	-	-	UBND xã Tiền Hải	
18	Đường từ khu công nghiệp Tiền Hải đi cảng Trà Lý, huyện Tiền Hải(Giai đoạn I: Đoạn từ đầu tuyến đến đường ĐH.31)	QĐ 7946 ngày 16/12/2020	143.601	143.601	130.713	14.383	-	14.383	-	-	UBND xã Tiền Hải	
19	Chỉnh trang vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ Cụm công nghiệp An Ninh đến cầu Thống nhất xã An Ninh, huyện Tiền Hải	1742/QĐ-UBND ngày 19/03/2025	18.948	14.923	18.949	18.949	-	18.949	-	-	UBND xã Tiền Hải	
20	Nạo vét và cứng hóa bờ sông Trình Nhất Tây, xã An Ninh huyện Tiền Hải	QĐ số 9706, ngày 29/12/2021	7.310	1.383	5.927	-					UBND xã Tiền Hải	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
21	Trạm bơm tưới khu vực Đồng Vối xã Vũ Lăng	QĐ số 3141, ngày 19/6/2025	1.741	1.741	1.741	-					UBND xã Tiền Hải	
22	Nạo vét khẩn cấp tuyến sông từ cầu Ông La đến cầu mới Cánh Chè ngoài Thôn Nghĩa Tây Lương	QĐ số 3166, ngày 20/6/2025	1.462	1.462	1.462	-					UBND xã Tiền Hải	
23	Mua sắm tài sản tập trung bổ sung nội thất hội trường UBND huyện Tiền Hải	, ngày 30/6/2021	5.404	2.374	2.374	-					UBND xã Tiền Hải	
24	Dịch chuyển đường dây 35 KV nhánh kho bạc huyện Tiền Hải (từ cột 24/9 đến cột 24/9/1 lộ 373 E11.9) thuộc dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phía sau Huyện ủy Tiền Hải	QĐ số 2502, ngày 30/03/2021	389	389	389	-					UBND xã Tiền Hải	
25	Hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ nhà làm việc các cơ quan Huyện uỷ- HĐND - UBND huyện Tiền Hải	QĐ số 878, ngày 16/02/2022	33.232	1.432	1.432	-					UBND xã Tiền Hải	
26	Nâng cấp cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ trung tâm huyện Tiền Hải	QĐ số 3337, ngày 26/5/2022	9.425	9.425	9.425	-					UBND xã Tiền Hải	
27	Xây dựng công trình chiến đấu hầm làm việc BCH QS huyện Tiền Hải (Hạng mục phụ trợ)	QĐ số 1160, ngày 27/12/2023	4.878	4.878	4.878	-					UBND xã Tiền Hải	
28	Cải tạo nâng cấp sân trường, hệ thống thoát nước trường 14/10 (Đổi tên: Xây mới nhà học chức năng 3 phòng 3 tầng, cải tạo, nâng cấp sân trước, sân sau, đường chạy thể dục và các hạng mục phụ trợ khác)	QĐ số 10861, ngày 13/12/2022	5.341	5.341	5.341	-					UBND xã Tiền Hải	
29	Nhà tưởng niệm Danh nhân văn hóa Bùi Viện, xã An Ninh, huyện Tiền Hải	QĐ số 1271, ngày 02/02/2021	20.610	15.163	15.163	-					UBND xã Tiền Hải	
30	Nhà làm việc các cơ quan Huyện uỷ- HĐND - UBND huyện	QĐ số 10129, ngày 31/12/2021	130.137	4.732	4.732	-					UBND xã Tiền Hải	
31	Phụ trợ phía sau trụ sở Nhà làm việc Huyện Ủy, HĐND, UBND huyện	QĐ số 284, ngày 03/2/2023	20.841	14.142	14.142	-					UBND xã Tiền Hải	
32	Xây dựng công trình chiến đấu hầm làm việc BCH QS huyện Tiền Hải	QĐ số 7631, ngày 30/10/2023	10.493	10.493	10.493	-					UBND xã Tiền Hải	
33	GPMB và hạ tầng khu dân cư Đồng Rộc Thị trấn Tiền Hải và xã Tây Giang	QĐ số 9868, ngày 26/12/2023	131.130	131.130	131.130	-					UBND xã Tiền Hải	
34	Hạ tầng khu dân cư khu đất cũ nhà máy kéo tại Thị Trấn Tiền Hải	Q Đ số 6079/Q Đ-UBND ngày 08/11/2024	24.063	24.063	18.538	16.934	-	16.934	-	-	UBND xã Tiền Hải	
35	Cải tạo, bổ sung các hạng mục nhà làm việc Huyện ủy - HĐND-UBND huyện Tiền Hải	QĐ 4378 ngày 27/6/2023	7.623	7.623	6.412	1.092	-	1.092	-	-	UBND xã Tiền Hải	
36	Quy hoạch cụm công nghiệp Trà lý, khu thương mại (tr.đó: 500 đã PD)	QĐ 1948 ngày 20/4/2022	500	500	500	-					UBND xã Tiền Hải	
37	Điều chỉnh QH chung XD thị trấn Tiền Hải và vùng phụ cận		3.311	2.609	1.506	-					UBND xã Tiền Hải	
38	Xây dựng cầu Đò Mèn nối hai huyện Tiền Hải-Kiến Xương	QĐ số 9706, ngày 29/12/2021	35.676	2.906	35.676	-					UBND xã Tây Tiền Hải	
39	Nâng cấp cải tạo tuyến đường liên xã từ Bắc Hải huyện Tiền Hải đi xã Bình định huyện Kiến Xương	QĐ số 1266, ngày 02/02/2021	12.942	7.359	9.442	-					UBND xã Tây Tiền Hải	
40	Xây dựng công trình thủy lợi giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung HTX Bắc Hải	5732/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	7.100	7.100	6.962	-					UBND xã Tây Tiền Hải	
41	Xây dựng công trình thuỷ lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung HTX Phương Công	1737/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	7.100	4.484	2.000	-					UBND xã Tây Tiền Hải	
42	Xây dựng hạ tầng vùng sản xuất tập trung xã Vân Trường	QĐ số 10294, ngày 29/12/2023	7.217	7.217	7.217	-					UBND xã Tây Tiền Hải	
43	Xử lý kè mái chống sạc nở đường 221 B từ cầu Cát giá đi Nam Hà(Kè sông xã Tây Phong (giai đoạn 2)	QĐ số 6316, ngày 02/11/2020	15.377	779	15.377	-					UBND xã Ái Quốc	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
44	Mở rộng, cải tạo nâng cấp đường 221B (Đoạn từ đường ĐT.462 đến UBND xã Tây Phong)	QĐ số 2589, ngày 14/4/2021	9.316	5.988	4.316	-					UBND xã Ái Quốc	
45	Cải tạo, nâng cấp đường 221B (Đ.H.30) từ xã Tây Phong đi Xã Nam Hải, huyện Tiền Hải	QĐ số 1289, ngày 15/3/2022	28.603	19.967	14.967	-					UBND xã Ái Quốc	
46	Kết nối đường khu dân cư thôn Đông 3 xã Tây Giang đến đường 14/10 (ĐT.465) giai đoạn 1 đến đường Phan Ái	tháng 6/2020	6.229	6.229	6.229	-					UBND xã Ái Quốc	
47	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối KDC thôn Quân Trạch xã Tây Phong với đường huyện ĐH.30, huyện Tiền Hải	QĐ 1738 ngày 04/4/2023	14.864	14.864	12.659	687	-	687	-	-	UBND xã Tiền Hải	
48	Cầu và đường số 4 kéo dài đến Tây Phong	QĐ 864 ngày 14/02/2022	117.204	117.204	104.120	9.813	-	9.813	-	-	UBND xã Ái Quốc	
49	Xây dựng đường Hùng Vương (đoạn từ đường Tạ Xuân Thu đến đường ĐH.33)	QĐ 2570 ngày 29/4/2022	149.846	149.846	132.885	28.524	-	18.524	-	10.000	UBND xã Ái Quốc	
50	Nạo vét sông trục Tây Tiến đoạn từ trạm bơm Nguyệt Lũ đến cống Cửa Chùa xã Tây Tiến	QĐ số 3175, ngày 21/6/2025	1.160	1.160	1.160	-					UBND xã Ái Quốc	
51	Nạo vét khẩn cấp tuyến sông vành đai Bãi Chợ + Xây lại, mở rộng khẩu độ cầu qua sông xã Tây Phong	,12/29/2022	1.237	1.237	1.237	-					UBND xã Ái Quốc	
52	Xây dựng công trình phục vụ phòng chống dịch và tiêm chủng mở rộng	QĐ số 2036, ngày 14/5/2024	4.870	4.870	4.870	-					UBND xã Ái Quốc	
53	GPMB và hạ tầng Trái Diêm III, xã Tây Giang (năm 2020)	QĐ số 1272, ngày 02/02/2021	99.730	99.730	99.730	-					UBND xã Ái Quốc	
54	GPMB và hạ tầng khu dân cư thôn Đông-xã Tây Giang (Giai đoạn 2)	QĐ số 10156, ngày 31/12/2021	46.088	46.088	46.088	-					UBND xã Ái Quốc	
55	Xây dựng các hạng mục phụ trợ: sân, cổng tường rào, rãnh thoát nước thuộc công trình phục vụ phòng, chống dịch và tiêm chủng mở rộng tại Trung tâm y tế huyện Tiền Hải	QĐ 3519 ngày 09/7/2024	796	796	744	744	-	744	-	-	UBND xã Tiền Hải	
56	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phía Nam Sông Cổ Rồng, xã Tây Giang(Cạnh đường số 4 đi xã Tây Phong)	1100; 08/3/2023	610	610	293	293	-	293	-	-	UBND xã Tiền Hải	
57	Quy hoạch chi tiết XD tỷ lệ 1/500 khu dân cư phía Bắc sông Cổ rồng, xã Tây Giang(tiếp giáp khu dân cư thôn Nam)	1101; 08/3/2023	730	730	366	366	-	366	-	-	UBND xã Tiền Hải	
58	Điều chỉnh lô đất QH nhà ở xã hội thuộc QHKDC thôn Đông GĐ1 sang thực hiện QH phân lô để đấu GSDĐ		931	931	-	-					UBND xã Ái Quốc	
59	Xây dựng cầu chợ Vồng trên đường ĐH.30, xã Nam Hồng, huyện Tiền Hải	QĐ số 7715, ngày 01/12/2020	13.797	1.532	13.797	-					UBND xã Nam Tiền Hải	
60	Xử lý kè mái chống sạc lở đường 7 (ĐH.35) đoạn từ cầu Bắc Hải đến cống ông Ý xã Nam Chính, huyện Tiền Hải	QĐ số 9676, ngày 28/12/2021	28.959	22.409	20.959	-					UBND xã Nam Tiền Hải	
61	Xây dựng, mở rộng cầu Hướng Tân (ĐH.35) xã Nam Hà và kè hai bên mố cầu	QĐ số 2549, ngày 29/4/2022	18.244	18.244	18.244	14.116	-	14.116	-	-	UBND xã Nam Tiền Hải	
62	Cải tạo,nâng cấp đường 221B (ĐH.30) từ xã Tây Phong đi xã Nam Hải, huyện Tiền Hải (giai đoạn 2)	QĐ 357 ngày 22/01/2021	59.395	59.395	57.737	20.668	-	20.668	-	-	UBND xã Nam Tiền Hải	
63	Đường cứu hộ cứu nạn từ đê biển sông Hồng đến UBND xã Nam Hải	QĐ 5459 ngày 26/7/2023	55.193	55.193	42.072	6.971	-	6.971	-	-	UBND xã Nam Tiền Hải	
64	Xây dựng công trình thủy lợi giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung HTX Nam Hải	7856/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	8.500	8.500	8.350	-					UBND xã Nam Tiền Hải	
65	Xây dựng cống Ngách Bồng He xã Nam Hồng	,9/15/2023	3.534	3.534	3.534	-					UBND xã Nam Tiền Hải	
66	- Xây mới trạm bơm tưới thôn Đông Hào	8189/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	1.424	1.424	1.389	1.389	-	1.389	-	-	UBND xã Nam Tiền Hải	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
67	Quy hoạch chi tiết XD tỷ lệ 1/500 khu dân cư TĐC tuyến trục kết nối khu kinh tế Thái Bình(phục vụ GPMB) tại xã Nam Hải	2309; 26/04/2023	170	170	111	111	-	111	-	-	UBND xã Tiền Hải	
68	Cải tạo, mở rộng đường đê 5 (Đoạn từ cống ông Tăng xã Nam Thịnh đến ĐT,642 xã Nam Hưng) huyện Tiền Hải	QĐ số 7781, ngày 01/11/2021	14.979	1.774	14.479	-					UBND xã Hưng Phú	
69	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.30 (giai đoạn 2) đoạn từ đường Đại Đồng đến đường ĐT.462, xã Nam Trung, huyện Tiền Hải	QĐ số 337, ngày 19/01/2021	37.115	37.115	17.115	3.300		3.300			UBND xã Tiền Hải	
70	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.30 đoạn từ xã Nam Hải đến xã Nam Trung, huyện Tiền Hải	QĐ 4058 ngày 16/6/2023	71.474	71.474	60.961	7.185	-	7.185	-	-	UBND xã Hưng Phú	
71	Đường từ nhà thờ Trung Đồng đi thôn Hải Ngoại, xã Nam Trung	QĐ 1854 ngày 7/4/2022	14.986	14.986	13.974	9.974	-	9.974	-	-	UBND xã Hưng Phú	
72	Xây dựng lại, mở rộng khẩu độ cầu qua sông Biên Hòa phục vụ sản xuất xã Nam Trung	,11/7/2023	2.981	2.981	2.981	-					UBND xã Hưng Phú	
73	Hạ tầng vùng sản xuất lúa hàng hoá tập trung xã Nam Hưng	3868/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	10.916	10.916	10.454	954	-	954	-	-	UBND xã Hưng Phú	
74	Nâng cấp, Sửa chữa, nhà ban quản lý khu sinh thái Cồn Vành	QĐ số 7690, ngày 31/10/2023	2.924	2.924	2.924	-					UBND xã Hưng Phú	
75	Xử lý khẩn cấp sạc lở đường vào khu quản lý Cồn Vành xã Nam Phú, huyện Tiền Hải	1419/QĐ-UBND ngày 06/3/2025	994		945	945		945			UBND xã Tiền Hải	
76	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư xã Nam Hưng phục vụ tái định cư xã Nam Hưng phục vụ tái định cư tuyến đường bộ ven biển	/12/2022	4.484	4.484	4.484	-					UBND xã Hưng Phú	
77	Quy hoạch chi tiết XD tỷ lệ 1/500 khu dân cư TĐC tuyến trục kết nối khu kinh tế Thái Bình(phục vụ GPMB) tại xã Nam Hưng		285	285	188	188	-	188	-	-	UBND xã Hưng Phú	
78	Quy hoạch chung đô thị mới Nam Phú đến năm 2040		3.217	3.217	2.953	-					UBND xã Hưng Phú	
79	Quy hoạch chung đô thị mới Nam Trung đến năm 2040		2.822	2.822	2.000	1.000	-	1.000	-	-	UBND xã Hưng Phú	
80	Xử lý mái kè chống sạc lở đường 7(ĐH.35) Đoạn từ cống ông Ý xã Nam Chính đến xã Nam Cường, huyện Tiền Hải	QĐ số 7716, ngày 01/12/2020	36.267	1.957	36.267	-					UBND xã Nam Cường	
81	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.33A từ đê biển số 5 đến UBND xã Nam Thịnh	QĐ số 9953, ngày 27/12/2023	14.889	14.565	14.565	-					UBND xã Nam Cường	
82	Tuyến đường ĐH.35 (đoạn từ ĐT.462 đến khu lưu niệm Hồ Chí Minh xã Nam Cường)	QĐ số 9952, ngày 27/12/2023	14.793	14.793	14.793	-					UBND xã Nam Cường	
83	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.35 (từ đê biển đến khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí minh, xã Nam Cường)	QĐ số 2550, ngày 29/4/2022	18.949	18.949	18.949	10.217	-	10.217	-	-	UBND xã Nam Cường	
84	Đường từ đường 221A (hiệu thuốc ông Thành) đi UBND xã Nam Chính	QĐ số 9167, ngày 16/12/2021	28.433	28.433	28.433	3.933	-	3.933	-	-	UBND xã Nam Cường	
85	Nạo vét hệ thống kênh tiêu vùng chuyển đổi NTTS xã Nam Cường	QĐ số 9198, ngày 20/12/2021	573	573	573	-					UBND xã Nam Cường	
86	Nạo vét sông trục xã Nam Thắng (đoạn từ cầu ông Rinh thôn Nam Đồng đến giáp xã Nam Thanh)	QĐ số 5856, ngày 05/9/2022	1.805	1.805	1.805	-					UBND xã Nam Cường	
87	Xây dựng công trình thủy lợi giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung HTX Nam Thịnh	7854/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	7.100	7.100	6.750	550		550			UBND xã Nam Cường	
88	Xây dựng cống gốc Bàng xã Nam Thịnh	64/QĐ-UBND ngày 10/1/2022	2.595	2.595	1.825	825	-	825	-	-	UBND xã Nam Cường	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
89	Hạ tầng vùng sản xuất lúa hàng hoá tập trung xã Nam Chính	4518/QĐ-UBND ngày 9/9/2024	14.253	14.253	13.928	13.928	-	8.828	-	5.100	UBND xã Nam Cường	
90	Xây dựng, nâng cấp sửa chữa cụm công nghiệp cửa Lân thành văn phòng cảng cá	QĐ số 8639, ngày 26/11/2021	2.569	2.569	2.569	-					UBND xã Nam Cường	
91	Tôn tạo di tích khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh xã Nam Cường (giai đoạn 1)	QĐ số 8391, ngày 14/11/2023	59.379	59.379	59.379	-					UBND xã Nam Cường	
92	Tôn tạo di tích Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh xã Nam Cường (giai đoạn 2)	QĐ số 1177, ngày 25/3/2024	80.190	80.190	80.190	2.190	-	2.190	-	-	UBND xã Tiền Hải	
93	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư xã Nam Cường phục vụ tái định cư xã Nam Cường phục vụ tái định cư tuyến đường bộ ven biển	QĐ số 5277/QĐ-UBND 02/08/2022	3.310	3.310	3.310	-					UBND xã Nam Cường	
94	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư xã Nam Thắng phục vụ tái định cư xã Nam Thắng phục vụ tái định cư tuyến đường bộ ven biển	QĐ số 5279/QĐ-UBND 02/08/2022	4.534	4.534	4.534	-					UBND xã Nam Cường	
95	Sửa chữa khuôn viên C4 gái (vốn HT khác)	QĐ số 1159, ngày 27/12/2023	2.898	2.898	2.898	-					UBND xã Đồng Châu	
96	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư xã Đông Minh phục vụ tái định cư xã Đông Minh phục vụ tái định cư tuyến đường bộ ven biển	/12/2022	7.030	7.030	7.030	-					UBND xã Đồng Châu	
97	Xây dựng nhà ăn, nhà bếp đại đội 4 dân quân gái tập trung huyện Tiền Hải	QĐ 325 ngày 15/4/2024	4.000	4.000	3.911	-					UBND xã Đồng Châu	
98	Quy hoạch Khu đô thị, dịch vụ ven Kênh Cá, xã Đông Cơ (Công ty TNHH SXKD sứ Hảo Cảnh tài trợ) KĐT Riverside city Đồng Châu		470	470	470	-					UBND xã Đồng Châu	
99	Quy hoạch chung đô thị mới Đông Minh đến năm 2040		3.588	3.588	2.325	1.325	-	1.325	-	-	UBND xã Đồng Châu	
100	Xây dựng công trình thủy lợi giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung HTX Đông Quý	7855/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	7.097	7.097	7.097	-					UBND xã Đông Tiền Hải	
101	Xây dựng công trình thuỷ lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung HTX Đông Trung	7198/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	6.500	6.500	2.500	-					UBND xã Đông Tiền Hải	
102	Sửa chữa nâng cấp đoạn đường Đông Xuyên – Đông Hoàng (Hạng mục: Nền mặt đường)	QĐ số 8597, ngày 31/12/2020	8.623	162	8.623	-					UBND xã Đông Tiền Hải	
103	Cải tạo, mở rộng đường cứu hộ, cứu nạn ĐH.32 từ đường ĐT.464 ngã 3 Đông Xuyên đi xã Đông Long đến đê biển số 6	QĐ 1250 ngày 10/3/2022	28.517	28.517	27.554	1.024	-	1.024	-	-	UBND xã Tiền Hải	
104	Nâng cấp mở rộng đường từ ngã 3 trường tiểu học Đông Hải đến cống An Long, xã Đông Long	QĐ 920 ngày 27/02/2024	5.810	5.810	5.515	515	-	515	-	-	UBND xã Tiền Hải	
105	Xây mới các cầu, cống qua đường trên tuyến đường ĐH.36(đoạn từ xã Đông Cơ đi xã Đông Trung)	QĐ 2898 ngày 27/4/2021	11.985	11.985	11.581	1.699	-	1.699	-	-	UBND xã Đông Tiền Hải	
106	Đường liên xã từ đường 221 D xã Đông Quý đi xã Đông Trà	QĐ 1992 ngày 14/4/2023	23.971	23.971	21.686	2.126	1.800	326	-	-	UBND xã Tiền Hải	
107	Nạo vét khẩn cấp sông trục xã Đông Trà	QĐ số 3174, ngày 21/6/2024	1.110	1.110	1.110	-					UBND xã Đông Tiền Hải	
108	Nạo vét sông Trung Thủy Nông xã Đông Hoàng-Đông Trung; Sửa chữa mặt cầu thôn Chi Trung xã Đông Hoàng		1.530	1.530	1.530	-					UBND xã Đông Tiền Hải	
109	Xây dựng cầu ông Lai xã Đông Xuyên		1.397	1.397	1.397	-					UBND xã Đông Tiền Hải	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
110	Nạo vét sông Kiến Thiết II xã Đông Long đoạn từ Cầu Trắng đến trạm bơm xóm I	QĐ số 3171, ngày 20/6/2025	1.655	1.655	1.655	-					UBND xã Đông Tiền Hải	
111	Xây dựng trạm bơm tưới xã Đông Phong	69/QĐ-UBND ngày 11/1/2022	2.097	2.097	2.029	629	-	629	-	-	UBND xã Đông Tiền Hải	
112	Hạ tầng vùng sản xuất lúa hàng hoá tập trung xã Đông Trà	3867/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	10.967	10.967	10.623	1.123	-	1.123	-	-	UBND xã Đông Tiền Hải	
113	Xây dựng, nâng cấp đoạn đường cứu hộ, cứu nạn Đông Trà-Đông Xuyên kéo dài giao đường cứu hộ, cứu nạn 221D(ĐH.31)	QĐ 9799 ngày 25/12/2023	41.003	41.003	40.477	2.585	1.300	1.285	-	-	UBND xã Tiền Hải	
114	Kè nâng bãi, tạo hành lang bảo vệ đê kết hợp sân bãi đỗ xe, sân khấu ngoài trời đền Hưng Long, xã Đông Long, huyện Tiền Hải	2255/QĐ-UBND ngày 21/5/2024	13.000	13.000	12.210	7.210		2.210	-	5.000	UBND xã Đông Tiền Hải	
115	Trường THCS xã Nam Thắng	Số 1193/UBND-TCKH ngày 16/8/2022	9.518	746	746						UBND xã Nam Cường	
II	**DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**		**0**		**0**							
III	**DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2025**		**706.610**	**706.610**	**385.098**	**317.450**	**19.906**	**258.844**		**38.700**		
1	Đường từ khu công nghiệp Tiền Hải đi cảng Trà Lý, huyện Tiền Hải (Giai đoạn 2: Đoạn từ đường ĐH.31 đến cuối tuyến)	QĐ 7946 ngày 16/12/2020	141.323	141.323	71.738	24.318	-	14.318	-	10.000	UBND xã Tiền Hải	
2	Cải tạo, mở rộng đường từ trường tiểu học Tây Lương đi quốc lộ 37 đi cống Hàng Huyện(nối tiếp đường Vũ Lăng-Thượng Hiền)	QĐ 4242 ngày 15/8/2024	24.925	24.925	10.478	5.250	-	5.250	-	-	UBND xã Tiền Hải	
3	Đường cứu hộ, cứu nạn từ đê sông Trà Lý đến đường trục xã Vũ Lăng	QĐ 2798 ngày 20/5/2022	9.857	9.857	8.588	8.588	-	8.588	-	-	UBND xã Tiền Hải	
4	Đường vành đai (Vũ Trọng) kéo dài cắt đường 8B xã An Ninh	QĐ 11 ngày 05/01/2023	140.358	140.358	37.438	32.438	10.000	12.438	-	10.000	UBND xã Tiền Hải	
5	GPMB và hạ tầng khu dân cư Bắc Đồng Đầm(thuộc lô 08,7) thị trấn	QĐ 1951 ngày 13/7/2021	122.742	122.742	120.376	120.376	-	120.376	-	-	UBND xã Tiền Hải	
6	Xây dựng mới tuyến đường từ đường ĐH.30, xã Tây Phong đến đường 221A (ĐT.462) xã Tây Tiến , huyện Tiền Hải	4497/QĐ-UBND ngày 4/9/2024	66.006	66.006	34.906	34.906	4.906	15.000	-	15.000	UBND xã Ái Quốc	
7	Đường Hùng Vương (Đoạn từ cầu qua Kênh Cồ Rồng đến đường ĐH.33)	QĐ 939 ngày 12/2/2025	68.000	68.000	-	-	-	-	-	-	UBND xã Ái Quốc	
8	GPMB và hạ tầng khu TĐC tuyến đường trục kết nối khu kinh tế Thái Bình (phục vụ GPMB) tại xã Nam Hải (2ha)	4293/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	27.806	27.806	27.806	27.806	-	27.806	-	-	UBND xã Tiền Hải	
9	GPMB và hạ tầng khu TĐC tuyến đường trục kết nối khu kinh tế Thái Bình (phục vụ GPMB) tại xã Nam Hưng (5ha)	5683/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	56.893	56.893	55.068	55.068	-	55.068	-	-	UBND xã Hưng Phú	
10	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.36 từ đường ĐH.31 Đông Trung đi qua Đông Phong đến ĐT.465 xã Đông Cơ huyện Tiền Hải	QĐ 1656 ngày 17/3/2025	48.700	48.700	18.700	8.700	5.000	-	-	3.700	UBND xã Tiền Hải	
IV	**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2025**		**204.607**	**62.454**	**57.370**	**57.370**	**0**	**17.370**	**0**	**40.000**		
1	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến phố văn minh đô thị và nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước đô thị Tiền Hải.	QĐ 1742 ngày 19/3/2025	50.430	15.000	15.000	15.000	-	5.000	-	10.000	UBND xã Tiền Hải	
2	Cải tạo nhà làm việc Huyện uỷ- HĐND-UBND huyện Tiền Hải và cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật	QĐ 926 ngày 11/2/2025	7.500	3.500	370	370	-	370	-	-	UBND xã Tiền Hải	
3	Cải tạo tuyến đường huyện đoạn từ cầu xã Tây Lương đến phòng khám đa khoa Lương Phú, huyện Tiền Hải	QĐ 1748 ngày 20/3/2025	46.516	13.954	12.000	12.000	-	2.000	-	10.000	UBND xã Tiền Hải	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
4	Cải tạo, nâng cấp Đường ĐH.39 kết nối với đường trục số 4 khu kinh tế xã Nam Phú, huyện Tiền Hải	QĐ 1472 ngày 14/3/2028	45.163	13.500	13.500	13.500	-	3.500	-	10.000	UBND xã Hưng Phú	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường đoạn từ ĐH.31 cây xăng xã Tây Ninh đến đường trục số 5 khu kinh tế thuộc xã Đông Quang, huyện Tiền Hải	QĐ 1656 ngày 17/3/2029	40.000	12.000	12.000	12.000	-	2.000	-	10.000	UBND xã Tiền Hải	
6	Xây dựng cống qua đường Tạ Xuân Thu xã Tây Giang, huyện Tiền Hải	QĐ 1407 ngày 05/3/2030	14.998	4.500	4.500	4.500	-	4.500	-	-	UBND xã Ái Quốc	
V	**DỰ ÁN ĐANG TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, SẮP TRIỂN KHAI**		**519.065**	**159.611**	**133.763**	**133.763**	**0**	**133.763**				
1	Hạ tầng Khu dân cư phía Nam kênh Cổ Rồng, xã Tây Giang, huyện Tiền Hải		135.590	135.590	112.862	112.862	-	112.862	-	-	UBND xã Ái Quốc	
2	GPMB và XDCSHT Khu dân cư thôn Đông Giai đoạn 3		60.800	182	182	182	-	182	-	-	UBND xã Ái Quốc	
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phía Bắc kênh Cổ Rồng xã Tây Giang (Khu B).		159.803	1.000	1.000	1.000	-	1.000	-	-	UBND xã Ái Quốc	
4	Xây dựng hạ tầng khu dân cư tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Tiền Hải tại thôn Bắc, xã Tây Giang (0,8 Ha)		8.800	8.800	8.800	8.800	-	8.800	-	-	UBND xã Ái Quốc	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư Khu công nghiệp Tiền Hải, xã Tây Giang, huyện Tiền Hải		325	325	325	325	-	325	-	-	UBND xã Ái Quốc	
6	Hạ tầng Khu dân cư và TMDV - TĐC tuyến đường trục kết nối khu kinh tế Thái Bình (phục vụ GPMB) tại xã Nam Hưng - Giai đoạn 2.		34.553	500	500	500	-	500	-	-	UBND xã Hưng Phú	
7	GPMB và hạ tầng khu dân cư Bắc Đồng Đầm(thuộc lô 08,6) thị trấn (giai đoạn 2)	457/QĐ-UBND ngày 27/01/2022	106.300	320	1.000	1.000	-	1.000	-	-	UBND xã Tiền Hải	
8	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư thôn Ái Quốc, thôn Vĩnh Trà, xã Nam Trung		500	500	500	500	-	500	-	-	UBND xã Hưng Phú	
9	Quy hoạch chi tiết XD tỷ lệ 1/500 khu dân cư phía đông đường ven biển xã Đông Lâm		500	500	500	500	-	500	-	-	UBND xã Đông Châu	
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.464 đoạn từ nút giao đường ven biển đến đường ĐT.465; đoạn tuyến nhánh từ nút giao với đường ĐH.34 đến trường Trung học phổ thông Đông Tiền Hải, huyện Tiền Hải	QĐ 2270 ngày 27/12/2024	5.000	5.000	1.200	1.200	-	1.200	-	-	UBND xã Đông Tiền Hải	
11	Xây dựng khu dân cư tái định cư phục vụ GPMB Khu công nghiệp Hải Long - đô thị dịch vụ Hải Long xã Đông Trà.(0,61Ha)		6.700	6.700	6.700	6.700		6.700			UBND xã Đông Tiền Hải	
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư Khu công nghiệp Hải Long, xã Đông Trà, huyện Tiền Hải		194	194	194	194	-	194	-	-	UBND xã Đông Tiền Hải	

PHU LỤC SỐ 18

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HUYỆN VŨ THƯ QUẢN LÝ ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
	TỔNG SỐ		**2.860.606**	**1.437.783**	**805.157**	**161.460**	**21.648**	**107.355**	**0**	**32.457**		
A	**CÁC DỰ ÁN XDCB**		**2.421.440**	**1.268.434**	**737.213**	**158.810**	**21.648**	**104.705**	**0**	**32.457**		
1	**Vốn Chuẩn bị Đầu tư**		**-**	**584**	**584**	**400**	**-**	**400**	**-**	**-**		
1.1	Cải tạo, sửa chữa khu lưu niệm chi bộ Thư Vũ	2836/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	992	60	60						UBND xã Thư Vũ	
1.2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm chính trị Huyện Vũ Thư	3652/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	1.100	75	75						UBND xã Vũ Thư	
1.3	Cải tạo sửa chữa hạng mục phụ trợ sân, vườn Trụ sở HĐND-UBND huyện Vũ Thư (Giai đoạn 1)	5966/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	4.528	50	50						UBND xã Vũ Thư	
1.4	Đường cứu hộ, cứu nạn từ ĐT.463 đi đê sông Hồng qua địa phận xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư	2466/QĐ-UBND ngày 15/4/2025	62.469	100	100	100		100			UBND xã Vũ Tiên	
1.5	Đầu tư xây dựng cầu Thẫm huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	1791/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	119.736	100	100	100		100			UBND xã Vũ Thư	
1.6	Đường từ chùa Keo ra bến đò Quán Cát xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư	1789/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	46.606	100	100	100		100			UBND xã Vũ Tiên	
1.7	Đường cứu hộ, cứu nạn, chống ngập lụt ổn định dân cư và cứng hóa mặt đê bối xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư	1790/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	112.131	100	100	100		100			UBND xã Vạn Xuân	
2	**Thực hiện dự án XDCB**		**2.277.410**	**1.117.302**	**623.687**	**126.428**	**10.773**	**85.655**	**-**	**30.000**	**-**	
a	**Dự án hoàn thành đã quyết toán**			**-**	**-**						**-**	
2.1	Sửa chữa tủ điện, hệ thống chống sét nhà 7 tầng và chuyển đường cáp điện cho TTHCC huyện	5018b; ngày 23/7/2018	333	70	70						UBND xã Vũ Thư	
2.2	Trung tâm văn hóa huyện Vũ Thư	3292b; ngày 10/7/2015	63.118	1.000	1.000						UBND xã Vũ Thư	
2.3	Nâng cấp sửa chữa đường Đoài-Việt -Vinh, huyện Vũ Thư giai đoạn 5	19627b; ngày 28/10/2016	14.908	-	-						UBND xã Thư Vũ	
2.4	Cải tạo Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Vũ Thư- Hạng mục: Nhà để xe, nhà kho, nhà vệ sinh, rãnh thoát nước	8405b/QĐ-UBND ngày 7/12/2015	933	36	36						UBND xã Vũ Thư	
2.5	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Vũ Thư; Hạng mục: Cải tạo sửa chữa hội trường	8732/QĐ-UBND ngày 25/11/2014	2.066	63	63						UBND xã Vũ Thư	
2.6	Nhà 2 tầng, cổng, hàng rào, sân, bồn cây, âm thanh, ánh sáng, nội thất nhà hội trường TT BDCT	22021/QĐ-UBND ngày 13/12/2016	1.262	17	17						UBND xã Vũ Thư	
2.7	Tuyến đường ĐH 07A và tuyến nhánh đoạn từ ngã 3 giáp với đường ĐH 07 đi qua UBND xã Trung An đến nhà thờ An Lạc (thuộc địa phận xã Trung An)	794/QĐ-UBND ngày 01/2/2019	35.133	22.424	22.424						UBND phường Thái Bình	
2.8	Đường cứu hộ, cứu nạn Xuân Hoà – Việt Hùng, huyện Vũ Thư giai đoạn 2 (đoạn từ tỉnh lộ TL454 đến đê hữu sông Trà Lý)	5469/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.971	5.811	5.811						UBND xã Vạn Xuân	
2.9	Đường cứu hộ cứu nạn xã Bách Thuận đoạn từ Chợ Thuận Vi đến đê tả Hồng Hà 2	1807/QĐ-UBND ngày 16/4/2015	3.507	135	135						UBND xã Tân Thuận	
2.10	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục công trình đã xuống cấp trong khuôn viên khu lưu niệm Chi bộ Thư Vũ, trụ sở huyện ủy, trụ sở UBND huyện nhân dịp kỷ niệm 90 năm thành lập chi bộ Thư Vũ và 50 năm thành lập huyện	4304/QĐ-UBND ngày 5/9/20219	4.383	501	501						UBND xã Vũ Thư	
2.11	QT chi phí Bồi thường hỗ trợ GPMB dự án: Quy hoạch địa điểm mở rộng xây dựng trường bắn tại xã Việt Hùng huyện Vũ Thư		1.430	4	4						UBND xã Vạn Xuân	
2.12	Nâng cấp, sửa chữa đường ĐH.04 và tuyến nhánh địa phận xã Đồng Thanh	6312/QĐ 27/10/2017	35.666	1.259	1.259						UBND xã Vạn Xuân	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
2.13	Tuyến đường ĐH 07A và tuyến nhánh đoạn từ cầu bồn thôn đến ngã ba với đường Đoài-Việt –Vinh (Thuộc địa phận xã Việt thuận)	số 793/QĐ-UBND ngày 01/2/2019	17.453	9.085	9.085						UBND xã Thư Vũ	
2.14	Đường Đ H 12 kéo dài qua UBND xã Tự Tân	1423/QĐ-UBND 06/3/2019	10.234	1.053	1.053						UBND xã Tân Thuận	
2.15	Cải tạo, nâng cấp Tuyến đường ĐH 01 (Đường 220A) đoạn còn lại từ Búng (xã Việt Hùng) đến bến Rống)	629/QĐ-UBND ngày 11/01/2019	44.658	21.889	21.889						UBND xã Vạn Xuân	
2.16	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.13 Vũ Hội - Vũ Vinh huyện Vũ Thư	1748/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	24.969	6.190	6.190						UBND xã Thư Vũ	
2.17	Đường ĐH.01 (đoạn từ La Uyên đến Búng) giai đoạn I, huyện Vũ Thư	5479/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	69.517	14.657	14.657						UBND xã Vạn Xuân	
2.18	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ chùa keo - Thái Bình đi Cồ Lễ Nam Định	9988/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	66.040	18.539	18.539						UBND xã Vũ Tiên	
2.19	Hầm ngầm trung tâm sở chỉ huy (Mật danh SCH-VT/2021) thuộc Sở chỉ huy cơ bản trong khu vực phòng thủ huyện Vũ Thư	26/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	14.996	14.821	14.821						UBND xã Vũ Thư	
2.20	Nạo vét kênh tưới tiêu Bồ Đề xã Việt hùng	7527/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	656	43	43						UBND xã Vạn Xuân	
2.21	Nạo vét kênh dẫn Trạm bơm Đoàn Kết - Hồng Phong	5152/QĐ-UBND ngày16/8/2023	291	57	57						UBND xã Vũ Tiên	
2.22	Nạo vét kênh cống Lương, kênh Nghĩa Tường, kênh dẫn trạm bơm Nghĩa Tường 1 xã Hồng Phong	5151/QĐ-UBND ngày16/8/2023	394	78	78						UBND xã Vũ Tiên	
b	**Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán**										-	
2.23	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.02 (đường 220C) đoạn còn lại từ ngã ba Tân Hòa đến giáp Tân Phong (Đoạn từ ngã ba Tân Hòa đến Tân Phong giao với ĐT.454)	2677/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	35.989	30.989	29.367	4.000		4.000			UBND phường Thái Bình	
2.24	Nâng cấp, sửa chữa đường 10B từ cầu ngang S1 đến thành phố Thái Bình (đường bờ Nam sông Kiến Giang)	4553 ngày 26/7/2022	52.438	36.457	33.256	1.000		1.000			UBND xã Vũ Thư	
2.25	Đường ĐH.01 giai đoạn 2 đoạn từ ngã tư Quán đi Việt Hùng	5453 ngày 26/8/2022	35.000	26.690	19.830	1.000	1.000				UBND xã Vũ Thư	
2.26	Xây dựng Trung tâm hành chính công (giai đoạn 3), huyện Vũ Thư	Số 6394/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	11.500	11.500	11.000	1.200	1.000	200			UBND xã Vũ Thư	
2.27	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.09 và tuyến nhánh huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	3554/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	49.996	39.440	37.600	2.500		2.500			UBND xã Vũ Thư	
2.28	Cải tạo, nâng cấp đường Song An-Trung An đi Thành Phố Thái Bình (Đoạn từ đường ĐT.463 đến Thành Phố)	1981/QĐ-UBND ngày 21/4/2023	44.972	35.500	35.500						UBND phường Vũ Phúc	
2.29	Khu dân cư, tái định cư đường vành đai phía Nam thành phố Thái Bình đoạn từ cầu ngang S1 đến đường Chu Văn An kéo dài	5328/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	46.000	46.000	35.600	4.600		4.600			UBND phường Vũ Phúc	
2.30	Nhà làm việc liên cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức Chính trị - Xã hội huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	5059/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	85.398	79.898	76.215	3.500		3.500			UBND xã Vũ Thư	
2.31	Các hạng mục phụ trợ sân, vườn và trang thiết bị nhà làm việc Huyện ủy	3553/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	40.480	35.480	32.760	1.869	869	1.000			UBND xã Vũ Thư	
2.32	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 7 tầng trụ sở HĐND-UBND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	2749/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	9.000	9.000	8.800	800		800			UBND xã Vũ Thư	
2.33	Cải tạo, sửa chữa khu lưu niệm chi bộ Thư Vũ	2836/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	992	900	880	180		180			UBND xã Thư Vũ	
2.34	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm chính trị Huyện Vũ Thư	3652/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	1.100	1.100	970	170		170			UBND xã Vũ Thư	
2.35	Cải tạo sửa chữa hạng mục phụ trợ sân, vườn Trụ sở HĐND-UBND huyện Vũ Thư (Giai đoạn 1)	5966/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	4.528	4.500	4.480	480		480			UBND xã Vũ Thư	
2.36	Xây dựng bãi để xe trụ sở HĐND-UBND huyện	6181/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	1.290	1.290	1.290	290		290			UBND xã Vũ Thư	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
c	**Dự án đang thực hiện**										-	
2.37	Cải tạo nâng cấp đường ĐH.11 (Quốc lộ 10 đến UBND xã Tam Quang)	1986/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	26.998	24.000	19.000	2.000	1.000	1.000			UBND xã Vũ Thư	
2.38	Cải tạo, nâng cấp đường số 2 (Đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường tránh S1, huyện Vũ Thư	1910/QĐ-UBND ngày 13/4/2023	65.907	58.900	42.967	14.799	799	6.000		8.000	UBND xã Vũ Thư	
2.39	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa đường ĐH.08 và tuyến nhánh xã Phúc Thành	7386/QĐ-UBND 20/11/2023	49.664	42.600	36.400	8.000		6.000		2.000	UBND phường Thái Bình	
d	**Dự án đang dừng thực hiện**			-	-							
2.40	Xây dựng Trụ sở tiếp công dân huyện Vũ Thư	3557/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	10.999	1.500	1.185	1.185		1.185			UBND xã Vũ Thư	
2.41	Tu bổ, tôn tạo khu lưu niệm chủ tịch Hồ Chí Minh (xã Tân Hòa)	09/NQ-HĐND ngày 07/6/2024	3.288	1.000	-						UBND phường Thái Bình	
2.42	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc 3 tầng Trụ sở Đài truyền thanh, truyền hình huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	8497/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	3.729	1.000	176	176		176			UBND xã Vũ Thư	
2.43	Cải tạo, sửa chữa Hội trường và phòng làm việc phòng Giáo dục huyện Vũ Thư	8496/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	4.250	1.000	235	235		235			UBND xã Vũ Thư	
e	**Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025**										-	
2.44	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối vào khu thiết chế Công Đoàn	7371/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	42.936	28.935	1.000	1.000		1.000			UBND phường Vũ Phúc	
2.45	Xây dựng đường gom kênh T6 xã Vũ Hội	8056/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	34.991	34.990	2.000	2.000		2.000			UBND xã Thư Vũ	
2.46	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa đường Đoài - Việt -Vinh	8702/QĐ-UBND ngày 31/12/2023; 2291/QĐ-UBND ngày 19/4/2023	99.995	54.105	10.105	10.105	4.105	6.000			UBND xã Thư Vũ	
2.47	Đường số 2 kéo dài đoạn từ đường tránh S1 đến tỉnh lộ 454 thuộc địa phận xã Minh Lãng huyện Vũ Thư	3375/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	390.000	194.895	2.000	2.000	2.000				UBND xã Vũ Thư	
2.48	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.12 và tuyến nhánh huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	6075/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	44.994	41.000	19.500	19.500		14.500		5.000	UBND xã Tân Thuận	
2.49	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.09 kéo dài từ đường ĐT.454 đến đê Trà Lý, huyện Vũ Thư	6221/QĐ-UBND ngày 28/9/2024	39.621	29.000	9.239	9.239		7.239		2.000	UBND xã Thư Trì	
2.50	Xây dựng cấp bách công trình trạm bơm tiêu xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư	8266/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	12.189	4.800	4.000	4.000		1.000		3.000	UBND xã Tân Thuận	
2.51	Trạm bơm tưới, tiêu vũng bãi xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư	8415/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	11.960	11.000	1.000	1.000		1.000			UBND xã Thư Vũ	
2.52	Xây dựngTrạm bơm tiêu xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư	8494/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	9.420	9.000	1.000	1.000		1.000			UBND xã Vạn Xuân	
2.53	Xây dựng Trạm bơm tiêu Hà chóc xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư	8495/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	4.395	6.000	600	600		600			UBND xã Vạn Xuân	
2.54	Xây dựng cầu Khê Kiều qua sông Cự Lâm, cầu Minh Khai qua sông Sọng và cống Thủy lợi qua sông Kênh trên tuyến đường ĐH.01, huyện Vũ Thư	1957/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	21.655	15.000	11.000	11.000		1.000		10.000	UBND xã Vũ Thư	
2.55	Đường cứu hộ, cứu nạn từ ĐT.463 đi đê sông Hồng qua địa phận xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư	2466/QĐ-UBND ngày 15/4/2025	62.469	8.000	2.000	2.000		2.000			UBND xã Vũ Tiên	
2.56	Đường cứu hộ, cứu nạn từ ĐT.463 đi đê sông Hồng qua địa phận xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư	593/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	68.690	12.000	1.500	1.500		1.500			UBND xã Vũ Tiên	
2.57	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.02 (đoạn từ đường ĐT.463 đến dốc Từ Châu) và tuyến nhánh, huyện Vũ Thư	2436/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	48.294	8.000	1.500	1.500		1.500			UBND xã Vũ Thư	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
2.58	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH,07B và tuyến nhánh thuộc địa phận xã Nguyên Xá (Đoạn từ đường tỉnh 463 lên đê sông Hồng)	2437/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	45.954	8.000	1.500	1.500		1.500			UBND phường Vũ Phúc	
2.59	Đường cứu hộ, cứu nạn từ ĐT.463 đi đê sông Hồng đoạn qua địa phận xã Song An và xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư	2882/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	45.737	8.000	1.500	1.500		1.500			UBND phường Vũ Phúc	
2.60	Đầu tư xây dựng cầu Thẫm huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	1791/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	119.736	12.500	3.000	3.000		3.000			UBND xã Vũ Thư	
2.61	Đường từ chùa Keo ra bến đò Quán Cát xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư	1789/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	46.606	8.000	2.000	2.000		2.000			UBND xã Vũ Tiên	
2.62	Đường cứu hộ, cứu nạn, chống ngập lụt ổn định dân cư và cứng hóa mặt đê bối xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư	1790/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	112.131	12.604	3.000	3.000		3.000			UBND xã Vạn Xuân	
2.63	Cải tạo, sửa chữa hệ thống điện hạ tầng đất dịch vụ (đất 5%) xã Minh Quang, huyện Vũ Thư	1790/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	5.200	5.000	1.000	1.000		1.000			UBND xã Vũ Thư	
3	**Bố trí cho nhiệm vụ quy hoạch**		**18.947**	**18.318**	**6.868**	**3.957**	**-**	**3.500**	**-**	**457**	-	
3.1	Quy hoạch chung Thị Trấn Vũ Thư mở rộng, huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình đến năm 2035	1848/QĐ-UBND ngày 10/7/2017	2.815	2.815	2.000	2.000		2.000			UBND xã Vũ Thư	
3.2	Lập quy hoạch chung đô thị mới Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2045	1328/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	3.793	3.166	874	457				457	UBND phường Thái Bình	
3.3	Lập quy hoạch chung đô thị mới Xuân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2045	2317/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	3.858	3.858	1.496	500		500			UBND xã Vạn Xuân	
3.4	Lập quy hoạch chung đô thị mới Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2045	100/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	4.125	4.125	1.499	500		500			UBND xã Thư Vũ	
3.5	Lập quy hoạch chung đô thị mới Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2045	2122/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	3.005	3.005	1.000	500		500			UBND xã Vũ Tiên	
3.6	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đến năm 2040	24/NQ-HĐND ngày 11/9/2024	1.350	1.350	-						UBND xã Vũ Thư	
4	**Đề án Lắp đặt hệ thống Camera giám sát an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Vũ Thư**	36/NQ-HĐND 20/11/2024	**3.279**	**3.279**	**2.600**	**2.600**	**-**	**2.600**	**-**	**-**	UBND xã Vũ Thư	
	Lắp đặt hệ thống Camera giám sát an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Vũ Thư giai đoạn 1	2494/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	3.279	3.279	2.600	2.600		2.600			UBND xã Vũ Thư	
5	**Hỗ trợ chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**		**121.804**	**57.783**	**32.306**	**17.325**	**10.875**	**4.450**	**-**	**2.000**		
a	**Dự án hoàn thành đã quyết toán**			-	-							
b	**Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán**			-	-							
5.1	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Trung An	7652/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	12.806	4.305	3.500	500		500			UBND phường Vũ Phúc	
5.2	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Hiệp Hòa	7653/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	9.211	1.210	600	400		400			UBND xã Thư Trì	
5.3	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Vũ Tiến	7550/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	9.576	2.570	2.312	512		512			UBND xã Vũ Tiên	
5.4	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Tự Tân	2051/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	8.922	1.920	1.000	500		500			UBND xã Tân Thuận	
5.5	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Tân Phong	7535/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	5.924	1.423	1.000						UBND phường Thái Bình	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
c	**Dự án đang thực hiện**										-	
5.6	Xây dựng công trình hạ tầng vùng sản xuất rau màu tập trung gắn với phát triển du lịch nông thôn của Hợp tác xã nông nghiệp Vũ Hồng, xã Hồng Phong, huyện Vũ Thư	7536/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	11.957	5.946	5.071	1.500		1.500			UBND xã Vũ Tiên	
5.7	Đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng phát triển du lịch sinh thái kết hợp du lịch tâm linh tại xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư	7542/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	63.409	40.409	18.824	13.913	10.875	1.038		2.000	UBND xã Tân Thuận	
6	**Hỗ trợ các xã, thị trấn**	**0,0**	-	**71.168**	**71.168**	**8.100**	-	**8.100**	-	-	-	
a	**Bố trí vốn hỗ trợ xóa phòng học cấp 4 và hỗ trợ Trường THCS Thị trấn theo Nghị quyết của HĐND huyện**			**21.519**	**21.519**	**4.100**	-	**4.100**	-	-	-	
6.1	Trường Mầm non Minh Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học, sân lát gạch, sân bê tông và các hạng mục phụ trợ	211/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	14.955	2.000	2.000						UBND xã Thư Trì	
6.2	Trường Tiểu học Minh Lãng (Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng học + khu vệ sinh ngoài trời và các hạng mục phụ trợ)	194/QĐ-UBND ngày 18/10/2022	9.670	1.200	1.200						UBND xã Thư Trì	
6.3	Trường THCS xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, HM: nhà học 2 tầng 8 phòng		6.846	19	19						UBND phường Thái Bình	
6.4	Trường tiểu học và THCS Xuân Hòa		14.959	2.700	2.700						UBND xã Vạn Xuân	
6.5	Trường THCS Nguyên Xá; Hm: 3 tầng 12 phòng học		9.555	600	600						UBND phường Vũ Phúc	
6.6	Nhà học 3 tầng 18 phòng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Bách Thuận		14.984	300	300						UBND xã Tân Thuận	
6.7	Trường tiểu học và THCS Song An		13.445	1.200	1.200						UBND phường Vũ Phúc	
6.8	Trường mầm non Trung An . Hm: Nhà học 2 tầng 08 phòng xã Trung An		8.111	1.600	1.600						UBND phường Vũ Phúc	
6.9	Xây dựng đơn nguyên 3- trường mầm non xã Vũ Đoài		14.993	600	600						UBND xã Vũ Tiên	
6.10	Trường mầm non xã Hồng Phong (Khu A), hm: Nhà học 2 tầng 4 phòng học		3.762	800	800						UBND xã Vũ Tiên	
6.11	Trường tiểu học Tân hòa		3.033	1.200	1.200						UBND phường Thái Bình	
6.12	Trường tiểu học & THCS Hòa Bình HM (xây mới 4 phòng học)		3.728	1.200	1.200						UBND xã Vũ Thư	
6.13	Hỗ trợ trả nợ XDCB: Trường THCS thị trấn, nhà học 3 tầng 27 phòng		13.595	2.000	2.000						UBND xã Vũ Thư	
6.14	Trường THCS thị trấn, Hạng mục: Nhà đa năng		5.204	2.000	2.000						UBND xã Vũ Thư	
6.15	Trường Mầm non Tân Lập (Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học)		11.747	800	800	800		800			UBND xã Tân Thuận	
6.16	Xây dựng nhà học chức năng 02 tầng 08 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Vũ Tiến		8.949	900	900	900		900			UBND xã Vũ Tiên	
6.17	Trường tiểu học và THCS Hiệp Hòa; Hạng mục: Nhà học 3 tầng 12 phòng khối THCS		13.373	2.400	2.400	2.400		2.400			UBND xã Thư Trì	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
b	**Hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 theo cơ chế hỗ trợ của HĐND huyện**			**6.606**	**6.606**	**4.000**	**-**	**4.000**	**-**	**-**	**-**	
1	**Xã Minh Quang**			**2.000**	**2.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	UBND xã Vũ Thư	
6.18	Nâng cấp sửa chữa sân trường mầm non khu A và khu B xã Minh Quang		2.558	2.000	2.000						UBND xã Vũ Thư	
2	**Xã Nguyên Xá**		**1.116**	**606**	**606**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	UBND phường Vũ Phúc	
6.19	Rãnh thoát nước đường trục xã đoạn từ cống 93 ra đê sông Hồng xã Nguyên Xá		1.116	606	606						UBND phường Vũ Phúc	
3	**Xã Minh Lãng**			**2.000**	**2.000**	**2.000**	**-**	**2.000**	**-**	**-**	UBND xã Thư Trì	
6.20	Cải tạo nâng cấp trục đường từ Nhà văn hoá thôn Phù Lôi đến cầu ông Bất thôn Phù Lôi xã Minh Lãng	68; 29/3/2025	14.424	2.000	2.000	2.000		2.000			UBND xã Thư Trì	
4	**Xã Hồng Phong**		**7.877**	**2.000**	**2.000**	**2.000**	**-**	**2.000**	**-**	**-**	UBND xã Vũ Tiên	
6.21	Trường Mầm non Hồng Phong (Khu A). Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng học		3.762	236	236	236		236			UBND xã Vũ Tiên	
6.22	Trường THCS Hồng Phong; Hạng mục: Nhà đa năng		2.428	175	175	175		175			UBND xã Vũ Tiên	
6.23	Làm mái tôn nhà văn hoá các thôn Phan Xá, Thái Phú Thọ, Đoàn Kết,Tiền Phong, Tương Đông xã Hồng Phong		764	720	720	720		720			UBND xã Vũ Tiên	
6.24	Đường giao thông xã Hồng Phong: Tuyến 1 (từ miếu đến ruộng lúa); Tuyến 2(Từ gốc gạo đến ruộng dâu); Tuyến 3 (Từ trạm y tế đến ruộng dâu); Tuyến 4 (Từ ông Ruyến đến ông Nho); Tuyến 5 (Từ cải tạo đến ruộng bà Mít); Tuyến 8 (Từ ruộng dâu qua đường ra đảo		924	869	869	869		869			UBND xã Vũ Tiên	
c	**Hỗ trợ công trình XDCB các xã, thị trấn**			**43.043**	**43.043**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
6.25	Đường Duy Nhất - Hồng Phong xã Duy NHất			1.100	1.100						UBND xã Vũ Tiên	
6.26	Đường trục xã Việt Hùng (đoạn 1 Phú Chử-Lộc Điền; đoạn 2 từ ĐH 01 đến trạm cấp nước xã; đoạn 3 từ ĐH 01 qua thôn Mỹ Lộc 2; Mỹ Lộc 3 đi Hiệp Hòa			808	808						UBND xã Vạn Xuân	
6.27	Trường trung học Xuân Hoà			151	151						C	
6.28	Nhà văn hóa xã Phúc Thành		11.281	2.000	2.000						UBND phường Thái Bình	
6.29	Trường tiểu học và THCS Phúc Thành		7.847	2.000	2.000						UBND phường Thái Bình	
6.30	Trường mầm non Vũ Hợp Duy Nhất		9.459	1.000	1.000						UBND xã Vũ Tiên	
6.31	Trường tiểu học Vũ Vinh		5.360	1.000	1.000						UBND xã Thư Vũ	
6.32	Trường Tiểu học Nguyên Xá; Hạng mục 3 tầng 9 phòng học		7.419	100	100						UBND phường Vũ Phúc	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
6.33	Trường THCS Nguyên Xá; Hm: 3 tầng 12 phòng học		9.555	100	100						UBND phường Vũ Phúc	
6.34	Rãnh thoát nước đường trục xã đoạn từ cống 93 ra đê sông Hồng xã Nguyên Xá		1.116	334	334						UBND phường Vũ Phúc	
6.35	Rãnh thoát nước đường trục xã đoạn từ cầu Tân Hòa ra đê sông Hồng xã Nguyên Xá		808	674	674						UBND phường Vũ Phúc	
6.36	Rãnh thoát nước đường trục xã đoạn từ bờ hồ UBND xã đến cầu Tân Hòa xã Nguyên Xá		222	186	186						UBND phường Vũ Phúc	
6.37	Trường tiểu học và THCS Xuân Hòa		14.959	1.100	1.100						UBND xã Vạn Xuân	
6.38	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ 454 đến di tích lịch sử cấp quốc gia miếu hai thôn xã Xuân Hòa		3.491	700	700						UBND xã Vạn Xuân	
6.39	Kênh cấp I loại III: Trạm bơm thôn Nội 2 - Nghĩa địa (đoạn 3) dài 453 mét		566	470	470						UBND xã Vũ Thư	
6.40	Kênh cấp I loại III: Trạm bơm thôn Hội - Phố Điên (đoạn 2)		809	700	700						UBND xã Vũ Thư	
6.41	Kênh cấp I loại III: Trạm bơm thôn Hội - Phố Điên (đoạn 3)		435	330	330						UBND xã Vũ Thư	
6.42	Trường tiểu học xã Hồng Lý		4.079	400	400						UBND xã Vạn Xuân	
6.43	Nhà vệ sinh trường THCS Song Lãng		915	877	877						UBND xã Thư Trì	
6.44	Trường mầm non trung tâm xã Hiệp Hòa		519	500	500						UBND xã Thư Trì	
6.45	Trường mầm non Vũ Hợp, xã Duy Nhất giai đoạn 1- Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng		6.145	780	780						UBND xã Vũ Tiên	
6.46	Trường trung học cơ sở Trung An xã Trung An		8.423	500	500						UBND phường Vũ Phúc	
6.47	Sửa chữa nâng cấp sân bê tông, bồn hoa và rãnh thoát nước Trụ sở UBND xã Trung An		985	550	550						UBND phường Vũ Phúc	
6.48	Nhà văn hóa thôn xã Trung An		1.212	150	150						UBND phường Vũ Phúc	
6.49	Nhà học 3 tầng 18 phòng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Bách Thuận		14.984	2.000	2.000						UBND xã Vũ Thư	
6.50	Trường tiểu học Tam Quang 3 tầng ĐN 1		4.864	1.650	1.650						UBND xã Vũ Thư	
6.51	Chợ Búng xã Việt Hùng		3.992	2.000	2.000						UBND xã Vạn Xuân	
6.52	Nhà Văn hóa thôn Mỹ Lộc 3		907	500	500						UBND xã Vạn Xuân	
6.53	Nhà Văn hóa thôn Mỹ Bồng		968	500	500						UBND xã Vạn Xuân	
6.54	Đường trục xã từ ngã ba bà Rơi đến cống phai đi Vũ Ninh xã Vũ Hội		10.398	3.500	3.500						UBND xã Thư Vũ	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
6.55	Trường tiểu học và THCS Song An		13.445	588	588						UBND phường Vũ Phúc	
6.56	Xây dựng đơn nguyên 3- trường mầm non xã Vũ Đoài		14.993	2.000	2.000						UBND xã Vũ Tiên	
6.57	Trường tiểu học Duy Nhất ; hm: nhà học 2 tầng 8 phòng học xã Duy NHất		7.325	1.200	1.200						UBND xã Vũ Tiên	
6.58	Trường tiểu học và THCS Đồng Thanh HM nhà lớp học 2 tầng 8 phòng khối tiểu học và các HM phụ trợ.		8.483	1.650	1.650						UBND xã Vạn Xuân	
6.59	Trường tiểu học Thị Trấn Vũ Thư		1.738	600	600						UBND xã Vũ Thư	
6.60	Trường THCS thị trấn, Hạng mục: Nhà đa năng		5.204	2.000	2.000						UBND xã Vũ Thư	
6.61	Trường THCS thị trấn Vũ Thư, hạng mục Nhà hiệu bộ, cổng dậu và các hạng mục phụ trợ.		7.633	6.000	6.000						UBND xã Vũ Thư	
6.62	Cải tạo nâng cấp đường tuyến 4 trục xã đoạn từ đường 463 (Công ty may Hương Liên) qua cống 93 ra đê sông hồng xã Nguyên Xá		4.257	1.034	1.034						UBND phường Vũ Phúc	
6.63	Cải tạo nâng cấp đường tuyến 2 trục xã - đoạn từ cầu chợ lựa qua thôn Hoàng xá , thôn Thái đến ngã ba đường 463 cửa nhà ông Thạch thôn thái xã Nguyên xá		5.353	1.311	1.311						UBND phường Vũ Phúc	
B	**DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG**		**231.799**	**142.371**	**45.234**	**2.650**	**-**	**2.650**	**-**	**-**	**-**	
a)	**Dự án hoàn thành đã quyết toán**			-	-						-	
	Hạ tầng đất dịch vụ 5% Minh Quang	750; 30/3/2016	42.969	24.127	24.007						UBND xã Vũ Thư	
	Hạ tầng cụm dân cư số 1 phía Tây Bắc đường 220C xã Minh Quang huyện Vũ Thư	7894; 6/10/2016	13.496	607	-						UBND xã Vũ Thư	
	Hạ tầng mở rộng cụm dân cư phía Bắc đường 220 B	3564; 8/3/2016	24.360	18.441	18.391						UBND xã Vũ Thư	
b)	**Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán**			-	-						-	
	Xây dựng hạ tầng đất dịch vụ (đất 5%) tại xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư	3702; 27/6/2017	3.568	3.384	-						UBND xã Vũ Thư	
c)	**Dự án đang thực hiện**			-	-						-	
	Cụm dân cư phía Bắc đường 220B thuộc khu đô thị phía Nam thị trấn Vũ Thư	7640/QĐ-UBND ngày 30/8/2012	60.976	9.379	650	650		650			UBND xã Vũ Thư	
e	**Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025**										-	
	Khu dân cư phía đông đường số 2 xã Minh Quang, huyện vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Khu A)	1298/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	86.430	86.433	2.186	2.000		2.000			UBND xã Vũ Thư	
C	**Nguồn vốn xổ số kiến thiết**		**207.368**	**26.977**	**22.710**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
a)	**Dự án hoàn thành đã quyết toán**										-	
1	Trường mầm non khu A xã Minh Quang- Nhà học 2 tầng 4 phòng học	QĐ 115 ngày 30/9/2019	3.369	350	350						UBND xã Vũ Thư	
2	Trường tiểu học xã Minh Quang nhà học 2 tầng 4 phòng	QĐ số 31 ngày 5/5/2019	2.663	340	340						UBND xã Vũ Thư	
3	Nạo vét sông trục cấp 3 xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư	5978; ngày 29/11/2019	1.130	64	64						UBND xã Tân Thuận	
4	Nạo vét sông trục cấp 3 từ TB Tân Hòa cũ về khu nuôi trồng thủy sản thôn Súy Hăng,Lại Xá thuộc địa phận xã Tân Hòa và Minh Lãng	1686b/QĐ-UBND ngày 23/3/2021	933	896	896						UBND xã Thư Trì	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	Trong đó					
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
5	Trường mầm non cơ sở 1 xã Tân Hòa hạng mục nhà lớp học 2 tầng 4 phòng	QĐ số 64, ngày 25/6/2021	3.325	800	800						UBND phường Thái Bình	
6	Trường tiểu học và trung học cơ sở Tự Tân (khối trung học cơ sở) hạng mục nhà học 2 tầng 8 phòng	180b ngày 18/10/2019	4.760	400	400						UBND xã Tân Thuận	
7	Trường mầm non xã Tự Tân 2 tầng 8 phòng	180a ngày 18/10/2019	7.166	400	400						UBND xã Tân Thuận	
8	Trường mầm non trung tâm xã Song An, huyện Vũ Thư, hạng mục nhà học 2 tầng và các phòng học chức năng (4 phòng học)	số 01 ngày 28/12/2019	6.960	495	495						UBND phường Vũ Phúc	
9	Trường THCS Đồng Thanh-Hạng mục: Nhà học 2 tầng và các phòng học chức năng (3 phòng)		4.450	450	450						UBND xã Vạn Xuân	
10	Đơn nguyên 2 Trường tiểu học Đồng Thanh		1.251	600	599						UBND xã Vạn Xuân	
11	Trường Tiểu học Hồng Lý- Hạng mục Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	Số 785 ngày 15/11/2019	4.079	900	900						UBND xã Vạn Xuân	
12	Trường tiểu học Thanh Phú xã Việt Hùng- Hạng mục: Nhà học 2 tầng- giai đoạn 2 từ trục 10 đến trục 18 +mái tôn	Số 17 xã 29/5/2014	3.477	900	900						UBND xã Vạn Xuân	
13	Trường THCS Thị Trấn Vũ Thư (27 phòng)	08 ngày 12/3/2019	13.595	668	668						UBND xã Vũ Thư	
14	Nạo vét sông Bạch mới (đoạn từ cống Lá cờ đến cống Nổi) xã Tân Phong	Số 7625/QĐ-UBND ngày 06/10//2021	351	335	335						UBND phường Thái Bình	
15	Nạo vét sông T2 xã Tự Tân	Số 7624/QĐ-UBND ngày 06/10//2021	565	565	550						UBND xã Tân Thuận	
16	Nạo vét kênh tưới tiêu Bồ Đề xã Việt hùng	Số 7527/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	656	601	601						UBND xã Vạn Xuân	
17	Nạo vét kênh dẫn tưới tiêu cửa làng thôn Cự Lâm Xuân hòa	Số 7526/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	932	904	904						UBND xã Vạn Xuân	
18	Trường Tiểu học và THCS Hòa Bình, Hạng mục: Nhà học 3 tầng 15 phòng học	QĐ số 19; ngày 04/3/2022	11.973	1.356	1.356						UBND xã Vũ Thư	
19	Trường Mầm non Minh Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học, sân lát gạch, sân bê tông và các hạng mục phụ trợ	QĐ số 211; ngày 25/10/2022	14.995	600	600						UBND xã Thư Trì	
20	Trường Tiểu học Minh Lãng (Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng học + khu vệ sinh ngoài trời và các hạng mục phụ trợ)	QĐ số 211 xã ngày 19/10/2022	9.700	750	750						UBND xã Thư Trì	
21	Nạo vét kênh dẫn Trạm bơm Đoàn Kết - Hồng Phong	Số 5152/QĐ-UBND huyện ngày16/8/2023	291	230	230						UBND xã Vũ Tiên	
22	Nạo vét kênh cống Lương, kênh Nghĩa Tường, kênh dẫn trạm bơm Nghĩa Tường 1 xã Hồng Phong	Số 5151/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	394	310	310						UBND xã Vũ Tiên	
23	Trường Tiểu học và THCS xã Xuân Hòa -Hạng mục: Nhà học 2 tầng 16 phòng khối cấp 1	Số 36, ngày 01/3/2023	14.959	1.050	1.050						UBND xã Vạn Xuân	
24	Trạm y tế xã Hồng Phong; Hạng mục: Nhà khám và điều trị 2 tầng (13 phòng)	Số 630, ngày 18/11/2022	4.500	1.300	1.300						UBND xã Vũ Tiên	
25	Nhà học 3 tầng 18 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Bách Thuận	Số 55, ngày 06/6/2023	14.984	2.550	2.550						UBND xã Tân Thuận	
26	Nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn và hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và THCS Song An	Số 155; ngày 03/10/2023	8.849	462	462						UBND phường Vũ Phúc	
27	Đầu tư xây dựng 4 phòng học Trường mầm non xã Dũng Nghĩa, huyện Vũ Thư	Số 460 /QĐ-UBND ngày 18/7/2023	3.669	800	800						UBND xã Vũ Thư	

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư/ đơn vị tiếp nhận kế hoạch vốn	Ghi chú
							Trong đó					
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	KH năm 2025	NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện		
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9
b)	**Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán**			-	-							
28	Nạo vét các kênh tiêu cấp III, kênh Đavit xã Hòa Bình	Số 4175; ngày 01/7/2024	693	410	400	-					UBND xã Vũ Thư	
c)	**Dự án đang thực hiện**			-	-						-	
29	Trường trung học cơ sở Nguyên Xá- Hạng mục: 3 tầng 12 phòng học	Số 82; ngày 25/7/2023	10.456	1.500	1.500						UBND phường Vũ Phúc	
30	Trường tiểu học Nguyên Xá-Hạng mục: 3 tầng 9 phòng học	Số 83; ngày 25/7/2023	7.794	1.350	1.350						UBND phường Vũ Phúc	
31	Trường mầm non Hồng Phong (Khu A), Hạng mục: Nhà học 2 tầng 4 phòng học	Số 72; ngày 26/6/2024	2.200	400	400						UBND xã Vũ Tiên	
e	**Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025**										-	
32	Xây dựng nhà học chức năng 02 tầng 08 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Vũ Tiến		8.949	750	-						UBND xã Vũ Tiên	
33	Xây dựng 10 phòng học Trường tiểu học và Trung học cơ sở xã Dũng Nghĩa		12.700	585	-	-					UBND xã Vũ Thư	
34	Trạm y tế xã Tân Lập (8 phòng)		8.400	800	-	-			-		UBND xã Tân Thuận	
35	Trường THCS xã Việt Thuận Đơn nguyên 2, Hạng mục: 3 tầng 9 phòng học		7.200	1.350	-	-			-		UBND xã Thư Vũ	
36	Nhà lớp học Trường Trung học sở xã Minh Quang		5.000	756	-	-			-		UBND xã Vũ Thư	

PHỤ LỤC SỐ 19

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA CẤP HUYỆN QUẢN LÝ ĐỀ XUẤT CHUYỂN VÀO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư, đơn vị quản lý KH vốn trước khi điều chỉnh	Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận KH vốn sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số, ngày tháng quyết định phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:						
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện			
1	2	3	4	5	6	7	7a	7b	7c	7d	8	9	10
	Tổng số		**1.750.068**	**641.165**	**500.082**	**483.522**		**425.048**	**58.474**				
I	**Dự án hoàn thành đã quyết toán**		**209.529**	**28.240**	**27.900**	**17.040**			**17.040**				
1	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc của Công an 123 xã có cơ sở vật chất khó khăn	2159; 30/9/2022	100.549	8.700	8.360							Công an tỉnh	
-	*UBND huyện Thái Thụy*			*3.100*	*3.100*						*UBND huyện Thái Thụy*		
-	*UBND huyện Đông Hưng*			*3.160*	*3.160*						*UBND huyện Đông Hưng*		
-	*UBND huyện Vũ Thư*			*2.440*	*2.100*						*UBND huyện Vũ Thư*		
2	Lắp đặt hệ thống Camera an ninh trên địa bàn huyện Kiến Xương (Giai đoạn I)	QĐ 3033 ngày 21/12/2022	2.918	2.500	2.500						UBND huyện Kiến Xương	Công an tỉnh	
3	Trường THCS xã Nam Thắng	Số 1193/UBND-TCKH ngày 16/8/2022	9.518	1.870	1.870	1.870			1.870		UBND huyện Tiền Hải	UBND xã Nam Cường	
4	Trường tiểu học Tiền Phong, thành phố Thái Bình	Số 2576 ngày 4/8/2023	35.007	4.520	4.520	4.520			4.520		UBND thành phố Thái Bình	UBND Phường Thái Bình	
5	Trường Tiểu học Phúc Khánh	Số 3129 ngày 5/8/2022	33.737	450	450	450			450		UBND thành phố Thái Bình	UBND Phường Vũ Phúc	
6	Xây dựng trạm y tế phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình	Số 5663 ngày 8/12/2024	7.353	4.000	4.000	4.000			4.000		UBND thành phố Thái Bình	UBND Phường Trần Lãm	
7	Trường Tiểu học Trần Lãm (khu B), thành phố Thái Bình	Số 3137 ngày 26/7/2024	20.447	6.200	6.200	6.200			6.200		UBND thành phố Thái Bình	UBND Phường Trần Lãm	
II	**Dự án đang thực hiện chuyển tiếp sang năm 2025**		**622.765**	**94.790**	**43.079**	**41.079**		**17.780**	**23.299**				
1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc của Công an các xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình	05/NQ-HĐND ngày 10/4/2024; 287/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	253.284	13.360	2.645	645		645			UBND huyện Vũ Thư	Công an tỉnh	Dự kiến dừng thực hiện
2	Nạo vét luồng vào cảng cá, khu vực cảng và một số công trình trên cảng cá Tân Sơn	1142; 26/4/2024	76.980	58.131	17.135	17.135		17.135			UBND huyện Thái Thụy	BQL DA ĐTXD số 2	
3	Trường mầm non Hồng Châu, xã Hồng Bạch, huyện Đông Hưng (nay là xã Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên)			1.800	1.800	1.800			1.800		UBND huyện Đông Hưng	UBND xã Tiên Hưng	
4	Trường THCS Phương Cường Xá, huyện Đông Hưng; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng, các hạng mục phụ trợ	3169; 25/04/2025	24.842	2.990	2.990	2.990			2.990		UBND huyện Đông Hưng	UBND xã Bắc Đông Hưng	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư, đơn vị quản lý KH vốn trước khi điều chỉnh	Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận KH vốn sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số, ngày tháng quyết định phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:						
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện			
5	Nạo vét các kênh tiêu cấp III, kênh Đavit xã Hòa Bình	QĐ số 4175/xã ngày 01/7/2024	693	290	290	290			290		UBND huyện Vũ Thư	UBND xã Vũ Thư	
6	Nhà lớp học 2 tầng- 10 phòng Trường Tiểu học và THCS xã Vũ Vân	QĐ số 135/xã ngày 25/8/2024	8.100	1.050	1.050	1.050			1.050		UBND huyện Vũ Thư	UBND xã Thư Vũ	
7	Trường Mầm Non xã Trung An -Hạng mục: Nhà học 02 tầng, 08 phòng học	QĐ số 127/xã ngày 19/9/2024	14.029	800	800	800			800		UBND huyện Vũ Thư	UBND phường Vũ Phúc	
8	Trường tiểu học Duy Nhất; Hạng mục: Nhà học 2 tầng 8 phòng học	QĐ xã 111 ngày 20/9/2024	7.325	600	600	600			600		UBND huyện Vũ Thư	UBND xã Vũ Tiên	
9	Trường tiểu học và THCS Đồng Thanh; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng khối tiểu học và các hạng mục phụ trợ	QĐ xã 79 ngày 15/7/2024	8.483	165	165	165			165		UBND huyện Vũ Thư	UBND xã Vạn Xuân	
10	Trường tiểu học và THCS Hiệp Hòa; Hạng mục: Nhà học 3 tầng 12 phòng khối THCS	số 125/QĐ-UBND xã ngày 9/12/2024	13.391	600	600	600			600		UBND huyện Vũ Thư	UBND xã Thư Trì	
11	Trường tiểu học Thị trấn Vũ Thư; Hạng mục: Khu hiệu bộ và các phòng học bộ môn	Số 178/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	9.953	900	900	900			900		UBND huyện Vũ Thư	UBND xã Vũ Thư	
12	Trường Mầm non Tân Lập (Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học)			200	200	200			200		UBND huyện Vũ Thư	UBND xã Tân Thuận	
13	Xây dựng 10 phòng học Trường tiểu học và Trung học cơ sở xã Dũng Nghĩa			750	750	750			750		UBND huyện Vũ Thư	UBND xã Vũ Thư	
14	Trường tiểu học và THCS xã Bắc Sơn,			900	900	900			900		UBND huyện Hưng Hà	UBND xã Thần Khê	
15	Trường THCS xã Hòa Bình (hạng mục: Nhà học 3 tầng, 12 phòng)			1.300	1.300	1.300			1.300		UBND huyện Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
16	Trường Tiểu học và THCS Kỳ Đồng, xã Văn Cẩm (Hang mục: Nhà học 3 tầng 20 phòng học)			1.000	1.000	1.000			1.000		UBND huyện Hưng Hà	UBND xã Diên Hà	
17	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng bộ môn trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Thái Hưng; Hạng mục: Giai đoạn 1 - 6 phòng học và các phòng học chức năng			2.520	2.520	2.520			2.520		UBND huyện Hưng Hà	UBND xã Long Hưng	
18	Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học và THCS xã Phúc Khánh; Hạng mục: Nhà ăn bán trú và một số hạng mục phụ trợ			1.200	1.200	1.200			1.200		UBND huyện Hưng Hà	UBND xã Tiên La	
19	Trường Tiểu học và THCS Vũ Bình			836	836	836			836		UBND huyện Kiến Xương	UBND xã Hồng Vũ	
20	Trường Tiểu học và THCS Quang Lịch, huyện Kiến Xương			358	358	358			358		UBND huyện Kiến Xương	UBND xã Quang Lịch	
21	Trường THCS Lê Quý Đôn, thị trấn Kiến Xương			290	290	290			290		UBND huyện Kiến Xương	UBND xã Kiến Xương	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp huyện đã duyệt	Lũy kế vốn ngân sách cấp huyện đã giao trong giai đoạn 2021-2025						Chủ đầu tư, đơn vị quản lý KH vốn trước khi điều chỉnh	Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận KH vốn sau khi điều chỉnh	Ghi chú
		Số, ngày tháng quyết định phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:						
							NSTT tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền SDĐ	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, nguồn khác của cấp huyện			
22	Trường Tiểu học và THCS Thượng Hiền			300	300	300			300		UBND huyện Kiến Xương	UBND xã Thống nhất	
23	Xây dựng tuyến Đường QH số 02 (đoạn từ tuyến đường bộ ven biển đến đường tỉnh ĐT.461), huyện Thái Thụy	5166; 10/11/2021	194.877	2.450	2.450	2.450			2.450		UBND huyện Thái Thụy	UBND Xã Thái Thụy	
24	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tuyến Thụy Dân- Thụy Hưng (đoạn từ đường ĐH 95 tại Km 3+225 xã Thụy Dân đến Miếu thôn Tam Lộng xã Thụy Hưng	166; 01/11/2024	10.808	2.000	2.000	2.000			2.000		UBND huyện Thái Thụy	UBND xã Thụy Anh	
III	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**917.773**	**518.135**	**429.103**	**425.403**	**0**	**407.268**	**18.135**				
1	Nút giao thông Phúc Khánh	Số 3803/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	861.663	500.000	410.968	407.268		407.268			UBND thành phố Thái Bình	BQL DA ĐTXD số 2	
2	Trường THCS Đông Hòa	Số 132/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	56.110	18.135	18.135	18.135			18.135		UBND thành phố Thái Bình	UBND Phường Trà Lý	

PHỤ LỤC SỐ I

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2025 CỦA CẤP HUYỆN VÀO CẤP TỈNH (HƯNG YÊN CŨ)

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 của cấp huyện đã giao		KH trung hạn 2021-2025 của cấp huyện đề xuất điều chỉnh về cấp tỉnh	KH năm 2025 của cấp huyện đề xuất điều chỉnh vào cấp tỉnh	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó KH năm 2025			
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	**37.393.906**	**10.791.020**	**37.393.906**	**10.791.020**	
-	Vốn NSTT tỉnh phân cấp cho cấp huyện	833.463	240.840	833.463	240.840	
-	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	36.190.971	10.509.408	36.190.971	10.509.408	
-	Nguồn tăng, kết dư, vốn khác của cấp huyện	369.472	40.772	369.472	40.772	
	Trong đó:					
1	**THÀNH PHỐ HƯNG YÊN**	**6.024.250**	**1.120.297**	**6.024.250**	**1.120.297**	
-	Vốn NSTT tỉnh phân cấp cho cấp huyện	145.165	40.297	145.165	40.297	
-	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	5.849.085	1.080.000	5.849.085	1.080.000	
-	Nguồn tăng, kết dư, vốn khác của cấp huyện	30.000	-	30.000	-	
2	**HUYỆN PHÙ CỪ**	**4.270.797**	**1.147.293**	**4.270.797**	**1.147.293**	
-	Vốn NSTT tỉnh phân cấp cho cấp huyện	69.529	19.305	69.529	19.305	
-	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	4.201.268	1.127.988	4.201.268	1.127.988	
-	Nguồn tăng, kết dư, vốn khác của cấp huyện					
3	**HUYỆN TIÊN LỮ**	**4.876.615**	**598.348**	**4.876.615**	**598.348**	
-	Vốn NSTT tỉnh phân cấp cho cấp huyện	70.202	19.492	70.202	19.492	
-	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	4.799.053	571.496	4.799.053	571.496	
-	Nguồn tăng, kết dư, vốn khác của cấp huyện	7.360	7.360	7.360	7.360	
4	**HUYỆN KIM ĐỘNG**	**1.642.612**	**734.825**	**1.642.612**	**734.825**	
-	Vốn NSTT tỉnh phân cấp cho cấp huyện	80.853	22.116	80.853	22.116	
-	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	1.546.479	702.242	1.546.479	702.242	
-	Nguồn tăng, kết dư, vốn khác của cấp huyện	15.280	10.467	15.280	10.467	
5	**HUYỆN ÂN THI**	**2.364.722**	**1.201.003**	**2.364.722**	**1.201.003**	
-	Vốn NSTT tỉnh phân cấp cho cấp huyện	92.478	25.677	92.478	25.677	

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 của cấp huyện đã giao		KH trung hạn 2021-2025 của cấp huyện đề xuất điều chỉnh về cấp tỉnh	KH năm 2025 của cấp huyện đề xuất điều chỉnh vào cấp tỉnh	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó KH năm 2025			
1	2	3	4	5	6	7
-	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	2.263.867	1.169.826	2.263.867	1.169.826	
-	Nguồn tăng, kết dư, vốn khác của cấp huyện	8.377	5.500	8.377	5.500	
6	**HUYỆN KHOÁI CHÂU**	**4.591.505**	**1.228.161**	**4.591.505**	**1.228.161**	
-	Vốn NSTT tỉnh phân cấp cho cấp huyện	82.293	30.362	82.293	30.362	
-	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	4.509.212	1.197.799	4.509.212	1.197.799	
-	Nguồn tăng, kết dư, vốn khác của cấp huyện					
7	**HUYỆN YÊN MỸ**	**4.506.961**	**1.636.187**	**4.506.961**	**1.636.187**	
-	Vốn NSTT tỉnh phân cấp cho cấp huyện	84.377	23.427	84.377	23.427	
-	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	4.372.584	1.612.760	4.372.584	1.612.760	
-	Nguồn tăng, kết dư, vốn khác của cấp huyện	50.000	-	50.000	-	
8	**THỊ XÃ MỸ HÀO**	**4.033.409**	**1.415.918**	**4.033.409**	**1.415.918**	
-	Vốn NSTT tỉnh phân cấp cho cấp huyện	79.653	22.116	79.653	22.116	
-	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	3.869.756	1.393.802	3.869.756	1.393.802	
-	Nguồn tăng, kết dư, vốn khác của cấp huyện	84.000	-	84.000	-	
9	**HUYỆN VĂN LÂM**	**2.374.725**	**1.014.076**	**2.374.725**	**1.014.076**	
-	Vốn NSTT tỉnh phân cấp cho cấp huyện	71.983	19.492	71.983	19.492	
-	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	2.297.742	993.584	2.297.742	993.584	
-	Nguồn tăng, kết dư, vốn khác của cấp huyện	5.000	1.000	5.000	1.000	
10	**HUYỆN VĂN GIANG**	**2.708.310**	**694.912**	**2.708.310**	**694.912**	
-	Vốn NSTT tỉnh phân cấp cho cấp huyện	56.930	18.556	56.930	18.556	
-	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	2.481.924	659.911	2.481.924	659.911	
-	Nguồn tăng, kết dư, vốn khác của cấp huyện	169.456	16.445	169.456	16.445	

PHỤ LỤC SỐ II

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2025 CỦA CẤP HUYỆN VÀO CẤP TỈNH VÀ CẤP XÃ (THÁI BÌNH CŨ)

(Kèm theo Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 của cấp huyện đã giao		KH trung hạn 2021-2025		KH năm 2025	
		Tổng số	Trong đó: KH năm 2025	Đề xuất chuyển về cấp tỉnh	Đề xuất chuyển về cấp xã	Đề xuất chuyển về cấp tỉnh	Đề xuất chuyển về cấp xã
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	**16.498.145**	**4.815.706**	**641.165**	**15.856.980**	**483.522**	**4.332.184**
1	Vốn NS tập trung cấp tỉnh phân cấp cho cấp huyện	794.860	179.381	-	794.860	-	179.381
2	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	12.974.376	3.965.581	582.691	12.391.685	425.048	3.540.533
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	373.776	58.474	58.474	315.302	58.474	-
4	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện	2.355.134	612.270	-	2.355.134	-	612.270
I	**THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**	**4.428.999**	**1.357.773**	**533.305**	**3.895.694**	**440.573**	**917.200**
1	Vốn NS tập trung cấp tỉnh phân cấp cho cấp huyện	60.078	13.555		60.078		13.555
2	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	3.887.789	1.270.408	500.000	3.387.789	407.268	863.140
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	197.384	33.305	33.305	164.079	33.305	-
4	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện	283.748	40.505		283.748		40.505
II	**HUYỆN THÁI THỤY**	**1.679.809**	**453.758**	**65.681**	**1.614.128**	**21.585**	**432.173**
1	Vốn NS tập trung cấp tỉnh phân cấp cho cấp huyện	117.868	26.601		117.868		26.601
2	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	1.171.241	346.966	61.231	1.110.010	17.135	329.831
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	20.090	4.450	4.450	15.640	4.450	-
4	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện	370.610	75.741		370.610		75.741
III	**HUYỆN QUỲNH PHỤ**	**2.499.547**	**902.660**	**-**	**2.499.547**	**-**	**902.660**
1	Vốn NS tập trung cấp tỉnh phân cấp cho cấp huyện	107.091	24.168		107.091		24.168
2	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	2.302.652	878.492		2.302.652		878.492
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	18.486	-		18.486		-
4	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện	71.318	-		71.318		-
IV	**HUYỆN ĐÔNG HƯNG**	**853.227**	**321.233**	**7.950**	**845.277**	**4.790**	**316.443**
1	Vốn NS tập trung cấp tỉnh phân cấp cho cấp huyện	106.880	24.121		106.880		24.121
2	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	342.616	175.861	3.160	339.456		175.861
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	23.684	4.790	4.790	18.894	4.790	-
4	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện	380.047	116.461		380.047		116.461

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 của cấp huyện đã giao		KH trung hạn 2021-2025		KH năm 2025	
		Tổng số	Trong đó: KH năm 2025	Đề xuất chuyển về cấp tỉnh	Đề xuất chuyển về cấp xã	Đề xuất chuyển về cấp tỉnh	Đề xuất chuyển về cấp xã
1	2	3	4	5	6	7	8
V	**HUYỆN HƯNG HÀ**	**1.795.017**	**588.397**	**6.920**	**1.788.097**	**6.920**	**581.477**
1	Vốn NS tập trung cấp tỉnh phân cấp cho cấp huyện	106.857	24.115		106.857		24.115
2	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	1.096.898	443.662		1.096.898		443.662
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	35.682	6.920	6.920	28.762	6.920	-
4	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện	555.580	113.700		555.580		113.700
VI	**HUYỆN KIẾN XƯƠNG**	**1.043.555**	**288.057**	**4.284**	**1.039.271**	**1.784**	**286.273**
1	Vốn NS tập trung cấp tỉnh phân cấp cho cấp huyện	98.225	22.167		98.225		22.167
2	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	637.805	129.500	2.500	635.305		129.500
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	23.269	1.784	1.784	21.485	1.784	-
4	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện	284.256	134.606		284.256		134.606
VII	**HUYỆN TIỀN HẢI**	**2.739.054**	**736.369**	**1.870**	**2.737.184**	**1.870**	**734.499**
1	Vốn NS tập trung cấp tỉnh phân cấp cho cấp huyện	101.937	23.006		101.937		23.006
2	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	2.410.544	612.693		2.410.544		612.693
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	22.849	1.870	1.870	20.979	1.870	-
4	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện	203.724	98.800		203.724		98.800
VIII	**HUYỆN VŨ THƯ**	**1.458.938**	**167.460**	**21.155**	**1.437.783**	**6.000**	**161.460**
1	Vốn NS tập trung cấp tỉnh phân cấp cho cấp huyện	95.924	21.648		95.924		21.648
2	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện quản lý	1.124.831	108.000	15.800	1.109.031	645	107.355
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	32.332	5.355	5.355	26.977	5.355	-
4	Nguồn tiết kiệm chi, kết dư, vốn khác của cấp huyện	205.851	32.457		205.851		32.457